**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**LÊ SỸ ĐIỀN**

# NGHỆ THUẬT CHÂM BIẾM TRONG TIỂU THUYẾT *NHO LÂM NGOẠI SỬ* CỦA NGÔ KÍNH TỬ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

**HÀ NỘI, 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**LÊ SỸ ĐIỀN**

# NGHỆ THUẬT CHÂM BIẾM TRONG TIỂU THUYẾT *NHO LÂM NGOẠI SỬ* CỦA NGÔ KÍNH TỬ

Chuyên ngành: Văn học nước ngoài

Mã số: 62.22.02.45

LUẬN ÁN TIẾN SĨ NGỮ VĂN

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**PGS. TS. Trần Lê Bảo**

**HÀ NỘI, 2017**

# LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Tư liệu trong luận án là trung thực và có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Các kết quả nghiên cứu của luận án chưa từng được công bố trong bất cứ công trình khoa học nào khác.

*Hà Nội, tháng 10 năm 2017*

**Tác giả luận án**

**Lê Sỹ Điền**

# LỜI CẢM ƠN

Sau một thời gian học tập và nghiên cứu tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đến nay tôi đã hoàn thành luận án với đề tài ***Nghệ thuật châm biếm trong tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử của Ngô Kính Tử***.

Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới PGS.TS. Trần Lê Bảo, người thầy trực tiếp hướng dẫn khoa học, giúp đỡ, động viên tôi hoàn thành bản luận án này.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong Tổ bộ môn Văn học nước ngoài, Khoa Ngữ văn, Phòng Sau đại học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu và hoàn thiện luận án.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, ủng hộ của Ban giám hiệu, Phòng Đào tạo cùng toàn thể cán bộ, giảng viên Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc đã tạo mọi điều kiện cho tôi được học tập, nghiên cứu, hoàn thành luận án.

Xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới những người thân trong gia đình và bạn bè thân thiết đã dành cho tôi những chia sẻ, động viên, ủng hộ cả tinh thần và vật chất giúp tôi học tập, nghiên cứu, hoàn thành luận án này.

Do một số hạn chế nhất định, bản luận án chắc chắn vẫn còn những thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng vấn đề được lựa chọn nghiên cứu.

Xin trân trọng cảm ơn!

*Hà Nội, tháng 10 năm 2017*

**Tác giả luận án**

**Lê Sỹ Điền**

# MỤC LỤC

**MỞ ĐẦU** ..... 1
**1. Lí do chọn đề tài** ..... 1
**2. Mục đích nghiên cứu** ..... 3
**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu** ..... 3
**4. Phương pháp nghiên cứu** ..... 4
**5. Đóng góp mới của luận án** ..... 5
**6. Cấu trúc luận án** ..... 5
**Chương 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU** ..... 7
**1.1. Tình hình nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử*** ..... 7
***1.1.1. Quan điểm của các học giả Trung Quốc*** ..... *7*
***1.1.2. Quan điểm của các học giả phương Tây*** ..... *16*
***1.1.3. Quan điểm của các học giả Việt Nam*** ..... *19*
**1.2. Nghiên cứu nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*** ..... 23
***1.2.1. Quan điểm của các học giả Trung Quốc*** ..... *23*
***1.2.2. Quan điểm của các học giả phương Tây*** ..... *31*
***1.2.3. Quan điểm của các học giả Việt Nam*** ..... *32*
**Tiểu kết:** ..... 34
**Chương 2. LOẠI HÌNH CHÂM BIẾM CỦA *NHO LÂM NGOẠI SỬ*** ..... 36
**2.1. Khái niệm châm biếm** ..... 36
**2.2. Những tiền đề hình thành tư tưởng châm biếm của Ngô Kính Tử** ..... 47
***2.2.1. Ảnh hưởng của truyền thống văn hóa - văn học dân tộc*** ..... *47*
***2.2.2. Ngô Kính Tử trong mối quan hệ với gia đình và hoàn cảnh xã hội*** *51*
**2.3. Đặc trưng châm biếm của *Nho lâm ngoại sử*** ..... 54
***2.3.1. Mỉa ngầm hệ thống Nho học và chế độ khoa cử*** ..... *57*
***2.3.2. Mỉa ngầm cách trị quốc của tầng lớp thống trị*** ..... *61*

**2.4. Nguyên nhân và ý nghĩa của sự trỗi dậy tiếng cười châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*** ..... 63
**Tiểu kết:** ..... 65
**Chương 3. NGHỆ THUẬT CHÂM BIẾM QUA HỆ THỐNG NHÂN VẬT** ..... 67
**3.1. Tầng lớp trí thức nho sĩ** ..... 68
***3.1.1. Tầng lớp trí thức nho sĩ đỗ đạt*** ..... *68*
***3.1.2. Tầng lớp trí thức nho sĩ thi trượt, lỗi thời*** ..... *80*
**3.2. Tầng lớp thống trị** ..... 91
***3.2.1. Tầng lớp vua chúa*** ..... *91*
***3.2.2. Hệ thống quan lại*** ..... *96*
**Tiểu kết:** ..... 104
**Chương 4. PHƯƠNG THỨC CHÂM BIẾM TRONG *NHO LÂM NGOẠI SỬ*** 105
**4.1. Tình huống châm biếm** ..... 105
***4.1.1. Tình huống đảo chiều, quay ngược*** ..... **108**
***4.1.2. Tình huống cãi lộn, kiện tụng*** ..... *112*
***4.1.3. Tình huống mưu mô, sắp đặt*** ..... *116*
**4.2. Giọng điệu châm biếm** ..... 125
***4.2.1. Giọng điệu châm biếm hài hước*** ..... *126*
***4.2.2. Giọng điệu châm biếm triết lí*** ..... *132*
***4.2.3. Giọng điệu châm biếm mỉa mai*** ..... *138*
**Tiểu kết:** ..... 145
**KẾT LUẬN** ..... 147
**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ** ..... 151
**TÀI LIỆU THAM KHẢO** ..... 152
**PHỤ LỤC** ..... **163**

# MỞ ĐẦU

## 1. Lí do chọn đề tài

1.1. Xã hội Trung Quốc thời Mãn Thanh đã chứng kiến sự xung đột nhiều mặt giữa tập đoàn phong kiến với toàn thể nhân dân Trung Hoa. Sự khác biệt quá lớn về văn hóa và chính sách cai trị đã tạo nên những mâu thuẫn không thể dung hòa. Ở đó, giai cấp cầm quyền một mặt tìm đủ mọi cách ru ngủ tầng lớp trí thức biến họ thành công cụ, tay sai phục vụ đắc lực cho triều đình phong kiến; mặt khác thẳng tay đàn áp nhân dân, dìm chết những con người có tư tưởng vượt thoát khỏi sự cầm tù của nhà nước phong kiến tập quyền. Để phản ánh những mặt trái của hiện thực cuộc sống, những bất cập của thể chế chính trị; đồng thời tránh được tội danh "văn tự ngục" các nhà văn, nhà thơ đã dịch chuyển điểm nhìn thời gian, không gian từ hiện tại về quá khứ, đến tương lai qua những trang viết thấm đẫm triết lí nhân sinh. Ngô Kính Tử là một nhà văn như vậy, một con người kịp thức tỉnh trong vòng quay điên đảo của thế thời, chứng kiến tất cả những hủ lậu của xã hội và chính quyền phong kiến, Ngô Kính Tử đã đoạn tuyệt, quay lưng với chế độ khoa cử. Tư tưởng của ông có sự thay đổi theo chiều hướng dân chủ tiến bộ, ông đã kêu khóc nhiều hơn, đau xót nhiều hơn cho sự xuống dốc của một nền văn hóa, một hệ thống quan niệm về vũ trụ nhân sinh xây đắp tự bao đời. Những chiêm nghiệm, triết lí của Ngô Kính Tử được thể hiện trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* hơn 30 vạn chữ đã nêu bật lên hiện thực đau đớn của tầng lớp trí thức, những nho nhân đắm đuối, mê say trong vòng công danh phú quý.

1.2. *Nho lâm ngoại sử* là một bức tranh tổng thể, toàn diện về giới trí thức nho sĩ cuối đời Thanh, được vẽ bằng tất cả tấm lòng và cảm xúc của người nghệ sĩ văn chương. Những mảnh ghép số phận các nhân vật cứ lần lượt xuất hiện qua nhiều gam màu khác nhau tạo nên nét hấp dẫn đặc biệt. Trong bức tranh ấy, nhà văn Ngô Kính Tử đã khéo léo sắp xếp và lồng ghép những mảng màu cuộc sống đem đến cho độc giả một cái nhìn chân thực, khách quan về một xã hội

chạy theo công danh, tiền tài; một rừng Nho tha hóa về bản chất, mất hết nhân cách; một bè lũ quan lại, tay sai hà hiếp dân chúng. Nhà văn Ngô Kính Tử đi sâu miêu tả quá trình tha hóa phẩm chất đạo đức của con người bằng sự "chua xót ngòi bút", tác giả châm biếm, đả kích đến tận cùng gốc rễ các vấn đề tiêu cực của xã hội; phanh phui trước hiện thực những mâu thuẫn, bất cập vốn không thể dung hòa.

1.3. Một trong những yếu tố khẳng định văn tài của Ngô Kính Tử ở thể loại tiểu thuyết chính là việc xây dựng một thế giới nghệ thuật độc đáo, mới lạ. Trong thế giới nghệ thuật tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*, điểm thành công ấn tượng của Ngô Kính Tử là nghệ thuật châm biếm độc đáo và đặc sắc. Nhân vật chính trong *Nho lâm ngoại sử* là tầng lớp trí thức nho sĩ và tầng lớp thống trị, vốn là những giai tầng cao quý luôn được người đời tôn vinh, nể trọng; thế nhưng bước vào thế giới của *Nho lâm ngoại sử*, giai tầng ấy như những con rối được khoác trên mình bộ cánh trí thức sặc sỡ sắc màu mà bên trong thối nát, mục ruỗng. Tác giả Ngô Kính Tử miêu tả hệ thống quan lại là những tên sâu mọt luôn tìm đủ mọi cách vơ vét, đục khoét sao cho đầy túi tham, còn tầng lớp trí thức nho sĩ là những kẻ hủ nho, ngu dốt, rởm đời. Tất cả tạo nên những bức chân dung kì quái mà theo Lỗ Tấn gọi là "kì hình, quái trạng".

Nói đến nghệ thuật châm biếm tức là nói tới cách thức lựa chọn đối tượng, tổ chức văn bản nghệ thuật qua việc sử dụng các phương tiện ngôn ngữ và những cách thức để châm biếm nhằm vạch trần mâu thuẫn giữa bản chất và hiện tượng, phơi bày những đặc tính xấu xa của đủ mọi hạng người trong xã hội, từ đó làm bật lên tiếng cười châm biếm, đả kích đầy ý nghĩa. Sự châm biếm trong tác phẩm *Nho lâm ngoại sử* được "xây dựng trên cơ sở hiện thực của sự cảm nhận sâu sắc". Bản thân Ngô Kính Tử cũng là một nhà Nho, sống cùng thời với quan lại và trí thức nho sĩ nên tác giả hiểu một cách tường tận tới từng chân tơ, kẽ tóc cuộc sống con người lúc bấy giờ. Chính vì vậy việc miêu tả và khắc họa những điển hình nhân vật lại càng rõ nét, độc đáo. Trong lời giới thiệu tác phẩm

*Chuyện làng nho*, hai dịch giả Phan Võ và Nhữ Thành đã nhận xét: "Đó là ngôn ngữ của sử gia, chữ nào cũng bao hàm tính chất phê phán, cân nhắc. Câu văn xem bên ngoài khá đơn giản, không có trang sức rườm rà nhưng đọc kĩ thì rất là tinh tế" [98; 19]. Nghiên cứu nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* giúp chúng ta có cái nhìn đa chiều, mới mẻ về tác giả và tác phẩm, qua đó khẳng định những đóng góp và những hạn chế của nhà văn Ngô Kính Tử khi viết *Nho lâm ngoại sử*.

Từ những điều nêu trên, nhận thấy tìm hiểu nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* là một vấn đề thú vị, chúng tôi muốn đi sâu khám những giá trị độc đáo của tác phẩm một cách toàn diện, cũng như khẳng định được văn tài của tác giả Ngô Kính Tử trong dòng tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh.

**2. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu đề tài này, chúng tôi hướng tới những mục đích sau:

2.1. Tìm hiểu nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* để khẳng định loại hình châm biếm của tác phẩm, một cuốn tiểu thuyết châm biếm xã hội có tính chiến đấu bền bỉ và sức sống lâu dài trong lòng người đọc.

2.2. Tìm hiểu thế giới nhân vật trong tác phẩm qua việc phân loại đối tượng, phân tích các mẫu hình châm biếm để thấy được thái độ, mức độ châm biếm của tác giả thể hiện qua cách miêu tả, khắc họa từng nét chân dung nhân vật, từng tầng lớp, giai cấp khác nhau trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*.

2.3. Nghiên cứu phương thức châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* từ việc phát hiện và xây dựng những tình huống châm biếm đến ngôn ngữ, giọng điệu châm biếm. Qua đó, khẳng định nghệ thuật châm biếm cao siêu của Ngô Kính Tử ở chỗ ý vị châm biếm lộ ra một cách tự nhiên qua sự phát triển của tình tiết.

**3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

***3.1. Đối tượng nghiên cứu***

Luận án tập trung tìm hiểu nghệ thuật châm biếm của tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* dựa trên ba phương diện: Loại hình châm biếm, nghệ thuật châm biếm qua hệ thống nhân vật và phương thức châm biếm.

***3.2. Phạm vi nghiên cứu***

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này, chúng tôi tập trung nghiên cứu toàn bộ tác phẩm *Nho lâm ngoại sử* đã được dịch và xuất bản tại Việt Nam: *Chuyện làng nho* Phan Võ - Nhữ Thành dịch, NXB Văn học, 1989. Ngoài ra, khi chứng minh cho các luận điểm đã nêu chúng tôi sẽ khảo sát thêm một số tác phẩm khác như *Liêu Trai chí dị, Hồng Lâu Mộng,* truyện ngắn của Lỗ Tấn, *Việc làng, Lều chõng, Số đỏ*... để làm rõ hơn nghệ thuật châm biếm của nhà văn Ngô Kính Tử.

**4. Phương pháp nghiên cứu**

Chúng tôi thực hiện luận án này dựa trên sự phối hợp của nhiều phương pháp nghiên cứu, trong đó phương pháp hệ thống hóa là chủ đạo. Đồng thời chúng tôi sử dụng một số phương pháp sau:

- Phương pháp liên ngành: Sử dụng các khái niệm và thành tựu của các ngành khoa học có liên quan như: Sử học, tâm lý học, mĩ học, văn hóa học… để nghiên cứu sâu hơn, làm nổi bật đặc điểm của nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*.

- Phương pháp loại hình: Dựa vào các đặc đặc điểm chung, các kiểu hoặc mô hình tổng quát của đối tượng trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* chúng tôi sẽ chia tách thành các nhóm và các hệ thống đối tượng khác nhau qua đó khẳng định loại hình châm biếm của tác phẩm.

- Phương pháp phân tích: Phân tích văn bản, tư liệu tham khảo làm cơ sở rút ra những đánh giá, kết luận chính xác, triển khai chương mục, luận án theo cấu trúc phù hợp.

- Phương pháp so sánh: So sánh, đối chiếu *Nho lâm ngoại sử* với một số tác phẩm của Trung Quốc và Việt Nam như: *Liêu Trai chí dị* của Bồ Tùng Linh,

*Hồng lâu mộng* của Tào Tuyết Cần; Truyện ngắn của Lỗ Tấn; *Việc làng, Lều chõng* của Ngô Tất Tố, *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng… để làm nổi bật những nét truyền thống và sáng tạo, đa dạng, độc đáo của Ngô Kính Tử khi viết *Nho lâm ngoại sử*.

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng các thao tác kĩ thuật khác như thống kê, phân loại các đơn vị kiến thức như: nhân vật, sự kiện, hình ảnh... để đánh giá, rút ra các kết luận có ý nghĩa khoa học.

**5. Đóng góp mới của luận án**

5.1. Nghiên cứu nghệ thuật châm biếm trong tác phẩm giúp chúng ta nhận thức chân chủ đề của *Nho lâm ngoại sử*, một tác phẩm châm biếm có sức công phá mãnh liệt vào hệ thống Nho học vốn đã lỗi thời, lạc hậu.

5.2. *Nho lâm ngoại sử* là tác phẩm khi đọc không dễ gì nhận ra sự thâm thúy, thâm ý của tác giả. Chính vì thế việc thống kê, khảo sát, chia lớp, phân định rõ ràng, rạch ròi từng tuyến nhân vật giúp chúng ta có sự nhìn nhận khách quan và dễ dàng để tiếp cận tác phẩm.

5.3. Nghiên cứu, tìm hiểu phương thức châm biếm mà tác giả sử dụng khi viết *Nho lâm ngoại sử* qua nghệ thuật xây dựng tình huống châm biếm và giọng điệu châm biếm, điều đó góp phần khẳng định giá trị nghệ thuật tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*.

5.4. Nghiên cứu nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* giúp độc giả có cái nhìn so sánh, đối chiếu với các tác giả, tác phẩm của văn học Việt Nam và Trung Quốc trong các giai đoạn phát triển khác nhau của lịch sử văn học, qua đó thấy được thời kì phát triển đỉnh cao của văn học cổ điển Trung Hoa, nền văn học dù trong thời kì nào cũng đóng góp cho nhân loại những kiệt tác, có sức sống muôn đời, trường tồn với thời gian.

**6. Cấu trúc luận án**

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, thư mục tài liệu tham khảo, phụ lục, phần nội dung chính của luận án được trình bày trong 4 chương:

Chương 1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

Chương 2. Loại hình châm biếm của *Nho lâm ngoại sử*

Chương 3. Nghệ thuật châm biếm qua hệ thống nhân vật

Chương 4. Phương thức châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*

*Quy ước trình bày luận án:*

- Trích dẫn tài liệu tham khảo: Trong ngoặc vuông, đứng đầu là số thứ tự tài liệu tham khảo trong Thư mục tài liệu tham khảo của luận án, sau đó là số trang được trích dẫn, ví dụ [2; 268].

# Chương 1. TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

## 1.1. Tình hình nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử*

### *1.1.1. Quan điểm của các học giả Trung Quốc*

Các nhà nghiên cứu Trung Quốc đứng dưới nhiều góc độ khác nhau như xã hội hoặc dựa trên các yếu tố chính trị, lịch sử… để đánh giá về nội dung và nghệ thuật của *Nho lâm ngoại sử*. Từ quan điểm xuất phát đó, họ chỉ ra những điểm tiến bộ và hạn chế của nhà văn Ngô Kính Tử.

* *Giai đoạn trước thế kỷ XX*

Việc nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử* đã bắt đầu manh nha từ thời nhà Thanh, các nhà phê bình tiểu thuyết đã có những bình điểm rất sắc sảo về *Nho lâm ngoại sử*. Bàn về thủ pháp tự sự của tiểu thuyết chương hồi nói chung và *Nho lâm ngoại sử* nói riêng, *Ngọa nhàn thảo đường* cho rằng đó là kiểu tự sự khách quan. Trong hồi 4 của *Nho lâm ngoại sử*, như đoạn Trương Tĩnh Trai khuyên Thang tri huyện nói về câu chuyện của Lưu lão tiên sinh: "Ba người chủ khách trong chiếu, bàn bạc khoe khoang, không hề lừa lọc, mà người đọc không hỏi cũng biết cả ba người này có phẩm cách không tốt. Điều này là do cách thức vẽ mây nẩy trăng của tác giả tạo ra cái thực của truyện, không thêm, mà phải trái của sự kiện tự bộc lộ. Truyện kể thẳng sự việc, không thêm, việc phân rõ phải hay trái, cong hay thẳng, đều do hành sự của nhân vật thể hiện ra, để người đọc tự cảm thụ, mà tác giả giấu mặt không hề lộ ra" [71; 241]. Bàn về thủ pháp tự sự "thực hư tương sinh", trong hồi 24 của *Nho lâm ngoại sử, Ngọa nhàn thảo đường* cho rằng: "hành văn sâu sắc đạt tới chỗ tránh thực đánh hư". Bàn về thủ pháp "huyền niệm thiết trí", Tề Tỉnh Đường bình hồi 39 *Nho lâm ngoại sử*: "Lúc càng muốn gấp, nghiêng về chậm chậm tả tỉ mỉ, là phép không đổi của hành văn" [71; 250]. Khi bàn về kết cấu tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử, Ngọa nhàn thảo đường bình* hồi 33: "Khi viết bộ sách lớn, như đẽo đá cho cung thất, trước hết phải tính đủ kết cấu trong đầu: nào là nhà lớn, buồng ngủ, phòng đọc sách, bếp núc, nhất nhất bố trí đâu đấy, sau đó mới có thể bắt đầu xây dựng" [71; 241]. Nói tới điều này để thấy,

trước khi sáng tác tiểu thuyết chương hồi, tác giả cần tổ chức kết cấu bố cục toàn bộ cuốn sách trong đầu, có tính toán xong xuôi thì mới động bút, mà không thể tùy ý muốn làm thế nào cũng được.

** Giai đoạn đầu thế kỷ XX đến cuối những năm 1950*

Đầu thế kỷ XX, Lỗ Tấn là người mở đường các vấn đề nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử,* những nhận định, quan điểm vô cùng mới mẻ đã vượt thoát khỏi lối nghiên cứu bằng phương pháp thẩm văn, bình điểm truyền thống. Lỗ Tấn trong *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* khẳng định *Nho lâm ngoại sử* là tiểu thuyết châm biếm xã hội đầu tiên, về mặt này, từ xưa đến nay nó vẫn vô địch. Bên cạnh đó, những dấu hiệu đầu tiên về kết cấu nghệ thuật tác phẩm cũng được ông nhận định: "*Nho lâm ngoại sử* là bức tranh được ghép bằng các mảnh giấy vụn... Tác phẩm không có một cốt truyện hoàn chỉnh, mạch lạc, có đầu có đuôi, nhân vật cứ xếp hàng mà đến, người đến thì chuyện bắt đầu, người đi thì chuyện cũng hết" [90; 230]. Vào những năm 30 của thế kỷ XX, nhà viết kịch Tào Ngu cho rằng *Nho lâm ngoại sử* là một sáng tạo về kết cấu tiểu thuyết. Theo đó, "kết cấu của tiểu thuyết có thể có kết cấu cắt dọc (theo số phận) và kết cấu cắt ngang (theo bề mặt cuộc sống)" [93; 107]. Có thể nói, những năm đầu thế kỷ XX cùng với Lỗ Tấn, Tào Ngu là một trong những người đầu tiên bàn đến nghệ thuật kết cấu tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử,* tuy còn sơ khai nhưng những nhận định của nhà viết kịch Tào Ngu đã được các nhà nghiên cứu sau này kế thừa và phát triển. Bài viết *Tính tư tưởng và tính nghệ thuật Nho lâm ngoại sử* của nhà nghiên cứu Mạnh Chu in trong sách *Minh Thanh tiểu thuyết nghiên cứu luận văn tập,* NXB nhân dân văn học - Bắc Kinh 1959 đã đi sâu vào nội dung tư tưởng và nghệ thuật của tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử.* Những quan điểm, nhận định của Mạnh Chu bổ sung vào kho nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử* dưới góc độ xã hội học.

Nhìn chung, giai đoạn từ đầu thế kỷ XX tới cuối những năm 50, việc nghiên cứu nội dung và nghệ thuật *Nho lâm ngoại sử* còn rất hạn chế, những bài viết chuyên sâu về nghệ thuật chưa tương xứng với giá trị của *Nho lâm ngoại sử.*

Tuy nhiên, những nghiên cứu bước đầu đã tạo tiền đề vững chắc cho những khảo cứu toàn diện hơn về tác phẩm trong các giai đoạn tiếp theo.

** Giai đoạn từ những năm 60 đến hết thế kỷ XX*

Từ những năm 60 của thế kỷ XX, tình hình nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử* đã có nhiều chuyển biến tích cực bởi những chuyên luận, công trình, bài báo đã nghiên cứu chuyên sâu về nội dung và nghệ thuật. Vào những năm 60 của thế kỷ XX, giáo sư Trương Trọng Thuần, chủ nhiệm khoa Ngữ Văn Đại học Bắc Kinh dựa trên các yếu tố chính trị, lịch sử nhận xét về *Nho lâm ngoại sử*: "Khoa cử là mắt xích quan trọng hệ thống kiến trúc thượng tầng phong kiến. Ngô Kính Tử đã tập trung tâm huyết công kích nó, từ đó mà phủ nhận toàn bộ hệ thống chế độ phong kiến" [93; 118]. Trong luận văn thạc sỹ *Tư tưởng chủ đề và hình tượng nghệ thuật trong Nho lâm ngoại sử* (1985) (儒林外史的藝術形象與主題思想, 康泰權, 中國文學研究所), Khang Thái Quyền đã đi sâu làm rõ chủ đề tư tưởng của *Nho lâm ngoại sử*, một tác phẩm châm biếm có ý nghĩa phản ánh hiện thực lịch sử xã hội và chế độ phong kiến đương thời. Các bài viết *Luận kết cấu chỉnh thể của "thiện ác" trong "Nho lâm ngoại sử"*của Âu Dương Kiện (試論《儒林外史》"善善惡惡"的整體構, 歐陽健,《青海社會科學》1985 年第 05 期); *Những bất đồng quan điểm về chủ đề tư tưởng của Nho lâm ngoại sử* của Trần Mĩ Lâm (對《儒林外史》思想主題的不衕評價, 陳美林, 語文導報, 1985 年第 07 期)... Tất cả các bài viết đã đề cập tới nhiều khía cạnh khác nhau của nội dung tác phẩm để làm rõ thêm chủ đề, tư tưởng của *Nho lâm ngoại sử*.

Nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử* trong những năm 1990 đạt tới một sự thịnh vượng sau hơn 80 năm đầu của thế kỷ XX. Trong thời gian này, một số chuyên khảo, chuyên luận, hàng trăm bài báo được xuất bản, những công trình này không chỉ nghiên cứu theo nội dung, chủ đề truyền thống mà còn sử dụng các phương pháp mới cho các vấn đề được khám phá. Trong cuốn *Lịch sử văn học Trung Quốc* tập 2, khi bàn về nghệ thuật tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*, các tác giả của

Sở nghiên cứu Văn học thuộc viện Khoa học Xã hội Trung Quốc khẳng định: "Đặc sắc nổi bật nhất về nghệ thuật ở tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* là châm biếm... Trong bất cứ trường hợp nào, Ngô Kính Tử đều có thái độ nghiêm túc đối với cái mà mình châm biếm" [1; 658]; vấn đề kết cấu của *Nho lâm ngoại sử* cũng được các tác giả cho rằng: "Không có nhân vật chính xuyên suốt toàn chuyện, tác giả để cho nhiều nhân vật khác nhau, mỗi nhân vật biểu hiện một mặt nào đó của cuộc sống thời đại, khi tập hợp lại, thì có thể phản ánh xã hội với muôn màu muôn vẻ của cuộc sống thời đại" [1; 659]. Bàn về nghệ thuật của *Nho lâm ngoại sử*, các tác giả trong cuốn *Khái yếu lịch sử văn học Trung Quốc* cho rằng: "Tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* đã tiếp thu tinh hoa nghệ thuật châm biếm trong văn học cổ đại, miêu tả sinh động tâm tư, tình cảm của những thư sinh bị đầu độc bởi chế độ khoa cử và tiêm nhiễm thói thị dân, và qua việc mô tả loại người xấu xa đã vẽ lên một bức tranh lịch sử xã hội rộng lớn, nó là tác phẩm kinh điển của văn học trào phúng Trung Quốc cổ đại" [53; 155]. Luận văn thạc sỹ *Phương thức tự sự trong Nho lâm ngoại sử* của Hoàng Tuệ Linh (1992) (論《儒林外史》的敘事方式, 黃慧玲, 中國文學系研究所) đã đề cập tới nghệ thuật tự sự của tác phẩm. *Nho lâm ngoại sử* ngoài việc tiếp thu các yếu tố truyền thống của thể loại tự sự còn đạt được thành tựu độc đáo khi vận dụng cách nghiên cứu của phương Tây vào nghiên cứu các mô hình tự sự nhỏ trong tổng thể tự sự độc đáo của tác phẩm. Các mô hình tự sự nhỏ được ghép nối với nhau thành một hệ thống chỉnh thể thông qua chủ đề, tư tưởng xuyên suốt *Nho lâm ngoại sử*. Bàn về nội dung của *Nho lâm ngoại sử*, đề cập tới cuộc khủng hoảng của tầng lớp trí thức nho sĩ, học giả Chu Nguyệt Lượng trong bài viết *Nhầm lẫn và phản trào phúng: Lược bàn về sự mâu thuẫn giữa hiện trạng và văn hóa phơi bày trong Nho lâm ngoại sử* (誤解與反諷:略論《儒林外史》所揭示的文化與現狀的矛盾,《清華大學學報》第三 期, 1996, 67 頁) nhận định: "...những danh sĩ giả hay những nho sĩ theo hầu văn bát cổ đang làm quan hay chưa thi đậu hoặc đã thôi chức cùng phong trào tập

tục lan tràn khắp xã hội đã dồn họ thành những kẻ cô độc, lẻ loi. Trong thế đối sánh đó, những nô tài của danh lợi và bọn tàn tật về mặt đạo đức chính là đối tượng của đả kích. Tác giả cũng muốn để họ phản công lại bọn tiểu nhân hư danh, cuồng ngạo đó. Vậy mà điều bất hạnh là bọn không còn liêm sỉ đó lại sống hiên ngang mạnh mẽ còn họ thì không biết làm sao cho phải. Một chút tinh thần phản tỉnh và sự sáng suốt trong tâm hồn cũng chỉ để làm họ bối rối khó xử mà thôi" [122; 67]. Bài viết *Luận "quốc gia lí tưởng" trong cách nhìn của Ngô Kính Tử - Nói về bản chất tư tưởng và biến đổi văn hóa của Nho lâm ngoại sử* (論吳敬梓心目中的"理想國"- 說《儒林外史》的思想 性質及其文化沿革, 張錦池, 《北方論叢》, 1998年04期, 64-74頁) tác giả Trương Cẩm Trì nhấn mạnh: "Trong cách nhìn nhận của Ngô Kính Tử về một quốc gia lí tưởng phải dựa trên cơ sở cội nguồn và truyền thống văn hóa với ý thức hệ phong kiến Nho giáo chuẩn mực, được xây dựng theo đúng thiết chế của nó. Thiết chế xã hội trong *Nho lâm ngoại sử* đi ngược lại tư tưởng của Ngô Kính Tử về một xã hội và quốc gia lí tưởng. Sự cáo chung của ý thức hệ Nho giáo, sự xuống cấp về mặt đạo đức trong xã hội đã dẫn tới sự biến đổi truyền thống văn hóa dân tộc; tác giả tập trung ngòi bút phản ánh thực trạng xã hội, đồng thời phê phán, châm biếm một cách thâm thúy, sâu xa toàn bộ xã hội thối nát ấy" [104; 64].

Luận văn thạc sỹ của Ngô Chính Hiến với đề tài *Nghiên cứu chế độ thi cử trong Nho lâm ngoại sử* (1998) ("儒林外史" 中科舉製度之研究, 吳政憲,國立高雄師範大學) đã đi sâu khảo cứu những nguyên tắc, quy định và cách thức thi cử trong *Nho lâm ngoại sử* để làm nổi bật thực trạng đen tối, thối nát của chế độ khoa cử phong kiến đương thời. Không những thế, tác giả luận văn còn cho rằng mặc dù chế độ thi cử phong kiến đã bị xóa bỏ nhưng các vấn đề thi cử mà Ngô Kính Tử đề cập trong *Nho lâm ngoại sử* vẫn phản ánh thực trạng giáo dục của nước Trung Hoa hiện đại. Tình trạng học sinh, sinh viên các cấp học chỉ ứng phó với các kì thi để lấy chứng chỉ, bằng cấp và có cơ hội tìm việc làm.

Vương Hải Dương trong bài viết *Ba cấp bậc thẩm mĩ trong Nho lâm ngoại sử* (《儒林外史》審美創造三層次, 王海洋, 安慶師範學院學報(社會學版, 1999 年 06 期, 79-82 頁) cho rằng: "tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử là sáng tạo nghệ thuật được chia thành ba lớp: lớp thứ nhất là sự quan sát, cảm ngộ và sự thẩm bình lí tính; lớp thứ hai là sự độc đáo trong cách nhìn và phương pháp sáng tác; lớp thứ ba là sự siêu vượt và sâu sắc của ý thức tiềm ẩn. Ba lớp này đan xen lẫn nhau, hài hòa phát huy tác dụng, mỗi lúc một cao hơn, sâu sắc hơn, cùng nhau kiến tạo nên một tượng đài bất hủ trong lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc - *Nho lâm ngoại sử*" [142; 79].

** Giai đoạn những năm đầu thế kỷ XXI*

Đầu thế kỷ XXI cho đến nay, việc nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử* diễn ra trên nhiều khía cạnh khác nhau: từ nội dung, nghệ thuật đến cuộc đời, con người nhà văn Ngô Kính Tử; những yếu tố tác động, ảnh hưởng đến tài năng nghệ thuật của tác giả trong quá trình sáng tác *Nho lâm ngoại sử*. Trương Quốc Phong trong *Tiểu thuyết sử thoại các thời đại Trung Quốc* đã khẳng định: "*Nho lâm ngoại sử* là tác phẩm phúng thích đồ sộ" [56; 199]. Một số bài viết tiêu biểu như *Thử bàn về vấn đề tư tưởng trong tiểu thuyết của Ngô Kính Tử* (試論"思想家的小說"的作者吳敬梓的思想, 陳美林, 東南大學學報 (哲學社會科學版, 2002 年 06 期; 92-98 頁), Trần Mĩ Lâm cho rằng: "Tư tưởng Ngô Kính Tử chịu ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo và truyền thống văn hóa gia đình. Bên cạnh đó thực tế cuộc sống và sự trải nghiệm bản thân trong xã hội đương thời đã hình thành tư tưởng dân chủ của nhà văn. Phong cách viết đậm chất hiện thực, giọng điệu châm biếm, đả kích thể hiện vốn kiến thức uyên thâm và am hiểu cuộc sống tường tận của tác giả đã tạo nên nét đặc sắc riêng của văn chương Ngô Kính Tử" [124; 92]. Bàn về hình tượng châm biếm Vương Ngọc Huy, tác giả Kiều Quang Huy trong bài viết *Sự hình thành và tiếp nhận của hình tượng Vương Ngọc Huy trong Nho lâm ngoại sử* (《儒林外史》中王玉輝形象的生成和接受,《東南大學學報(哲學社會科學

版)》,喬光輝, 2004 年 05 期, 105-110 頁) nhận định: "Vương Ngọc Huy là mẫu nhân vật không thể tách rời khỏi thực tế của cuộc sống, Ngô Kính Tử đã xây dựng thành công nhân vật từ nguyên mẫu có thật ngoài đời. Một kiểu mẫu đại diện cho cách hành xử mang nặng tính hủ nho, ấu trĩ, dồn người thân của mình đến tận cùng của cái chết. Xã hội đương thời đã đẻ ra những kì hình quái trạng như thế, điều quan trọng là chúng lại được cổ súy, chấp thuận và khích lệ tinh thần" [113; 105].

Luận án tiến sĩ *Một cách giải thích mới cuốn tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử* (2004) (*《儒林外史》新诠*, (博士论文导师陈洪教授) 南开大学文学院 中文系) của Lê Thời Tân là công trình có cái nhìn đa chiều về *Nho lâm ngoại sử*. Luận án đã phân tích và giải thích thể loại cũng như hình thái nhân vật trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*. Tác giả của luận án đi sâu nghiên cứu về cấu trúc, kết cấu của tác phẩm. Bên cạnh đó, luận án cũng nhấn mạnh chủ đề và tư tưởng của cuốn tiểu thuyết cùng một vài phân tích chiều sâu nội hàm tư tưởng của tác giả Ngô Kính Tử.

Bàn về "quốc gia lí tưởng" của Ngô Kính Tử, Chu Kiến Hoa trong bài viết *Nhập thế và xuất thế: Lựa chọn lưỡng nan của Ngô Kính Tử-Luận mâu thuẫn giữa Sĩ và Ẩn trong Nho lâm ngoại sử* (入世與出世:吳敬梓的兩難抉擇 - 論《儒林外史》中仕與隱的矛盾, 朱建華,《哈爾濱學院學報》2005 年 01 期, 73-76 頁) cho rằng: "Dưới chế độ phong kiến thối nát đương thời, tầng lớp trí thức có hai sự lựa chọn: một là lui về ở ẩn, hai là tiếp tục đi theo con đường thi cử chính thống vốn đã tồn tại lâu đời để tiến thân. Ngô Kính Tử không phải là trường hợp ngoại lệ, với tính khí của mình, tác giả nghiêng nhiều hơn về cuộc sống ẩn dật, vui thú điền viên; tuy nhiên do ảnh hưởng của Nho giáo, ông không thể từ bỏ trách nhiệm của bản thân đối với xã hội, điều đó đã tạo nên sự mâu thuẫn trong con người Ngô Kính Tử. Chính vì thế trong *Nho lâm ngoại sử*, tầng lớp trí thức nho sĩ mà Ngô Kính Tử xây dựng đã gián tiếp thể hiện tư tưởng của nhà văn về một quốc gia lí tưởng, mặc dù giới trí thức ấy không còn giữ được cốt cách của tầng lớp trí thức nho học thời xưa" [110; 73].

Đồ Vinh trong luận văn thạc sỹ *Nghiên cứu tâm lý sáng tác hình tượng nhân vật trong Nho lâm ngoại sử* của (2006) (《儒林外史》人物形象創作心理研究, 塗榮, 福建師範大學) đã vận dụng tâm lý học vào quá trình nghiên cứu nhân vật tiểu thuyết trên cơ sở tạo hình các mẫu thử nghiệm nhân vật trong thực tế cuộc sống. Triệu Ái Hoa trong luận văn thạc sỹ *Luận tư tưởng của Ngô Kính Tử và ảnh hưởng của nó đến sáng tác Nho lâm ngoại sử* (2006) (論吳敬梓的思想及其對《儒林外史》創作的影響, 趙愛華, 河北大學) cho rằng *Nho lâm ngoại sử* trong lịch sử tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa được xem là cuốn tiểu thuyết tư tưởng. Tư tưởng của Ngô Kính Tử rất phong phú nhưng tương đối phức tạp. Ông chịu ảnh hưởng của truyền thống văn hóa dân tộc, của truyền thống Nho giáo, bên cạnh đó bản thân Ngô Kính Tử ngâm mình trong cuộc sống hiện thực đầy cay đắng, từ chỗ tôn sùng, mong muốn góp sức cho triều đình đến sự đoạn tuyệt hiện tại, quay lưng, đả phá bức tường phong kiến lạc hậu, lỗi thời.

Một số luận văn đi sâu khảo cứu nội dung, chủ đề, nghệ thuật của *Nho lâm ngoại sử*. Có thể kể đến luận văn thạc sỹ *Phân tích hình tượng nhân vật trong Nho lâm ngoại sử* (2007) (《儒林外史》人物形象析論, 戴明玉, 玄奘大學) của Đới Minh Ngọc khai thác ở các tuyến nhân vật, đi sâu phân tích từng khuôn mẫu, tính cách, ngôn ngữ, của nhân vật, qua đó chỉ ra sự châm biếm của tác giả Ngô Kính Tử đối với tầng lớp trí thức quan lại phong kiến đương thời. Luận văn thạc sỹ *Phê bình đạo đức của tầng lớp sĩ tử trong Nho lâm ngoại sử* (2009) (《儒林外史》士階層的道德批評, 姚欽, 內蒙古師範大學) của Diêu Khâm khai thác khía cạnh đạo đức phong kiến trong *Nho lâm ngoại sử*, phân chia các tuyến nhân vật, giải thích nguyên nhân của sự suy đồi, xuống dốc đạo đức của các giai tầng trong xã hội đương thời. Nghiên cứu lớp nhân vật nữ trong tác phẩm, luận văn thạc sỹ *Hình tượng nhân vật nữ trong Nho lâm ngoại sử* (2009) (《儒林外史》女性形象研究, 崔晨, 新疆師範大學, 2009年) của Thôi Thần không tập trung nghiên cứu tầng lớp nho sĩ lụi tàn của rừng nho tha hóa mà tập trung tìm

hiểu về ý nghĩa, giá trị những người phụ nữ trong *Nho lâm ngoại sử*. Trong luận văn, tác giả dựa vào đặc điểm tính cách, vai trò của các nhân vật nữ trong xã hội phân chia năm kiểu phụ nữ: kiểu phụ nữ tài năng, cá tính; kiểu phụ nữ truyền thống; kiểu phụ nữ góa bụa; hình tượng người mẹ đức hạnh, giàu lòng hy sinh và kiểu phụ nữ không trong sạch bán mình để kiếm sống (kĩ nữ). Năm kiểu phụ nữ này chịu sự ảnh hưởng và chi phối của văn hóa truyền thống, đạo đức xã hội và ý thức hệ phong kiến đương thời. Luận văn thạc sỹ *Nghiên cứu miêu tả nhân vật và lễ tục trong Nho lâm ngoại sử* của Lưu Dục Như (2009) (儒林外史禮俗與人物敘寫研究, 劉育如, 國立政治大學, 2009 年) mô tả nghi thức xã giao, tễ lễ, những phong tục tập quán của nhân dân trong xã hội, qua đó nhận thấy được sự trống rỗng từ sâu bên trong của những tập tục, khẳng định sự châm biếm, mỉa mai của tác giả đối với những trò hề vô nghĩa lí.

Đề cập tới nghệ thuật trần thuật của *Nho lâm ngoại sử*, Trương Hồng Yến trong bài viết *Sơ bộ bàn về góc nhìn trần thuật trong Nho lâm ngoại sử* (淺議《儒林外史》的敘述視角, 張紅燕, 青年文學家 2011 年第 21 期, 25 頁) cho rằng: "*Nho lâm ngoại sử* kế thừa những tinh hoa của văn học Trung Hoa, tạo nên nét đột phá trong nghệ thuật kể chuyện và có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc [141; 25].

Lưu Thụy Châu trong luận văn thạc sỹ *Nghiên cứu xã hội và khoa cử mà Nho lâm ngoại sử phản ánh* (2014) (《儒林外史》反映之社會與科考研究, 劉瑞珠, 玄奘大學) sử dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu chủ đề, phân tích văn bản và các nghiên cứu quy nạp để điều tra tác động của chế độ khoa cử, quan lại tới tư tưởng nhà văn Ngô Kính Tử. Nhà văn sinh ra trong một gia đình truyền thống khoa bảng, tuy nhiên sự thất bại trong thi cử, cùng với sự suy đồi đạo đức trong hệ thống quan lại, thi cử phong kiến và hiện thực cuộc sống còn quá nhiều đau khổ đã khiến ông từ bỏ danh lợi; ông đã dùng ngòi bút của mình để hy vọng tìm lại xã hội lí tưởng qua sự truyền bá nghi lễ cổ xưa.

Như vậy, đối với các tài liệu nghiên cứu về nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* người đọc dễ dàng nhận thấy trong suốt thời gian dài các nhà nghiên cứu đã tiếp cận tác phẩm qua nhiều hướng khác nhau. Từ các bài viết, các công trình nghiên cứu về chủ đề, nội dung tư tưởng của tác phẩm đến các bài viết, luận văn tiếp cận hình thức nghệ thuật trên các phương diện như nghệ thuật trần thuật, miêu tả tâm lý nhân vật, kết cấu, cấu trúc... Điều đó cho thấy góc nhìn đa chiều của các nhà nghiên cứu, phê bình Trung Quốc từ xưa đến nay. Những công trình nghiên cứu về nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* trên đây, các nhận định hoặc khái quát hoặc riêng lẻ nhưng cơ bản và thống nhất, chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển, bổ sung, giải quyết những vấn đề có liên quan trong quá trình thực hiện đề tài luận án này.

***1.1.2. Quan điểm của các học giả phương Tây***

Những năm 60 của thế kỷ XX, *Nho lâm ngoại sử* nói riêng và tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa nói chung đã được dịch và giới thiệu tới đông đảo độc giả, gây được nhiều sự chú ý trong giới học thuật Phương Tây. Người đi đầu trong việc dịch và giới thiệu những tinh hoa văn học cổ điển Trung Quốc là giáo sư C.T.Hsia với chuyên khảo *The Classic Chinese Novel* (1968) (Cornell University East Asia Program). Trong chuyên khảo này, C.T.Hsia đã cung cấp cho độc giả phương Tây cái nhìn sâu sắc hơn về sáu bộ tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa (*Tam Quốc diễn nghĩa; Thủy hử, Tây du ký, Kim Bình Mai, Nho lâm ngoại sử, Hồng lâu mộng)* trên các bình diện về cấu trúc, nhân vật và chủ đề tư tưởng. Nhận định về *Nho lâm ngoại sử*, C.T.Hsia cho rằng *Nho lâm ngoại sử* có một sự đổi mới đáng kể phong cách nghệ thuật, nhà văn Ngô Kính Tử đã thay đổi cách viết so với tiểu thuyết truyền thống, chính điều đó đã góp phần vào sự phát triển của tiểu thuyết Trung Quốc sau này. Bên cạnh đó, rất nhiều các công trình nghiên cứu riêng về *Nho lâm ngoại sử* thể hiện sự khởi sắc trong dịch thuật, nghiên cứu tác phẩm ở các nước phương Tây. Lai Ming bàn về cấu trúc *Nho lâm ngoại sử* trong bài viết *The Novel of Social Satire:The Scholars* (in A History of Chinese

Literature (New York: Capricon Books, 1966), pp.327-332) cho rằng: "*Nho lâm ngoại sử* nói đúng ra, không thực sự là một cuốn tiểu thuyết, bởi tác phẩm không có cốt truyện, chỉ là tập hợp của các câu chuyện lại với nhau, tác phẩm thiếu đi tính toàn vẹn của cấu trúc" [155; 330]. Năm 1971, trong tiểu luận *An Essay on the Ju-lin wai-shih* (A Journal to Comparatine Studies between Chinese and Foreign Literatures, vol 11, pp.143-152) Wells, Henry W. đã có những đánh giá toàn diện, tiếp cận tập trung chủ đề tư tưởng cũng như nghệ thuật của *Nho lâm ngoại sử*. Tác giả bài viết khẳng định: "*Nho lâm ngoại sử - lịch sử không chính thức* đã miêu tả chi tiết, cặn kẽ hiện thực xã hội rộng lớn, sống động về các văn nhân, nho sĩ và con người Trung Hoa mà không một tác phẩm nào sánh được" [158; 143]. Qua đó, Wells, Henry W. nhận định: "*Nho lâm ngoại sử* xứng đáng là một kiệt tác của nền văn học thế giới, tên tuổi của nhà văn Ngô Kính Tử có thể sánh ngang cùng Boccaccio, Cervantes, Balzac hay Dickens" [158; 152]. Lin Shuan-fu trong bài viết *Ritual and Narrative Structures in Ju-lin wai-shih* (in Plaks, Andiew H.ed, Chinese Narrative: Critical and Theoretical Essays (Princeton: Princeton University Press, 1973), pp.244-265) đi vào kết cấu của *Nho lâm ngoại sử*, tác giả cho rằng: "cách thức tổ chức của tác phẩm không phải là một đường thẳng, một sự kiện liên tục mà gồm nhiều câu chuyện nhỏ, ở đó có sự hài hòa, nhất quán liên kết chặt chẽ với nhau ở chủ đề và nội dung tư tưởng [156; 260].

Luận án phó tiến sĩ của Paul S. Ropp năm 1974 với đề tài *Early Ching Society and It's Critics:The life and Times of Wu Ching-tzu* tập trung vào việc nghiên cứu chủ đề tư tưởng *Nho lâm ngoại sử* khi cho rằng "sức tấn công mãnh liệt" của tác giả nhằm vào thành trì của triều đình phong kiến nơi mà hệ thống quan lại và tầng lớp trí thức nho sĩ đớn hèn, thối nát. Bên cạnh đó luận án cũng chỉ ra được điểm hạn chế trong lí tưởng chính trị của Ngô Kính Tử khi muốn thay đổi xã hội qua việc cải tạo, chấn hưng nền văn hóa Khổng nho lỗi thời, lạc hậu. Năm 1988, trong luận án tiến sĩ *Creative Ambiguity: Satirical Portraiture in the "Ju-lin-wai-shin" and "Tom Jones"*, (Ph.D.dissertation, University of Wisconsion

- Madsion, 1988) Daniel Joseph Bauer đã đặt "hai gã khổng lồ châm biếm" Đông - Tây: *Nho lâm ngoại sử* và *Tom Jones* lên "bàn cân" để thảo luận, so sánh. Bauer cho rằng *Nho lâm ngoại sử* và *Tom Jones* đều chạm tới các vấn đề có tầm rộng lớn của cuộc sống, mang tính thời đại sâu sắc. Tác giả luận án tập trung nghiên cứu chủ đề của hai tác phẩm, chỉ ra sự phê phán, lên án những hành vi đen tối của nhân vật, những bức chân dung trào phúng, những "chú hề" của thời đại. Bên cạnh đó ca ngợi, cảm thương cho thân phận những người phụ nữ, họ là những nạn nhân của xã hội đương thời.

Marston Anderson khi nghiên cứu về nội dung tư tưởng, chủ đề của *Nho lâm ngoại sử* trong bài viết *The Scorpion in the Scholar's Cap: Ritual, Memory, and Desire in Rulin waishih* (in Cultute&Late in Chinese History Conventions, Accommodations, and Critiques (California: Stanford University Press, 1997), pp.259-267) cũng đưa ra quan điểm: "*Nho lâm ngoại sử* mục đích quan trọng nhất không phải để cung cấp những lời khuyên về đạo đức mà việc sử dụng nghệ thuật châm biếm nhằm khơi thức con người trước hiện thực của sự xuống cấp giá trị đạo đức" [151; 265]. Bên cạnh đó, Marston Anderson cho rằng: "Ngô Kính Tử muốn khôi phục lại nghi thức Nho giáo xưa, thể hiện lí tưởng của nền văn hóa Trung Quốc cổ đại, lên án giá trị đạo đức đương thời" [151; 266].

Whitney Crothers Dilley khi bàn về chủ đề của *Nho lâm ngoại sử* trong luận án tiến sĩ *The Ju-lin wai-shih: An Inquiry into the Picaresque in Chinese Fiction* (University of Washington, 1998) cũng cho rằng nhà văn Ngô Kính Tử có cái nhìn khách quan với hiện thực xã hội. Tác giả miêu tả các nhân vật là những nho sĩ dốt nát, hăng say trong các kì thi của triều đình, mắc kẹt trong chế độ khoa cử, không thể nào thoát ra được.

Có thể thấy được tình hình nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử* ở phương Tây đã đạt nhiều thành tựu to lớn. Qua khảo sát ở những tư liệu hiện có chúng tôi nhận thấy các công trình nghiên cứu đã đánh giá, nhận định về *Nho lâm ngoại sử* trên nhiều bình diện như: cấu trúc, kết cấu, nội dung tư tưởng, chủ đề của *Nho lâm*

*ngoại sử*. Các học giả phương Tây nhận thấy ở *Nho lâm ngoại sử* là tác phẩm có cấu trúc, kết cấu khác lạ, đặc biệt so với các cuốn tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc. Bên cạnh đó, chủ đề, nội dung tư tưởng của *Nho lâm ngoại sử* cũng được đặc biệt chú ý khi rất nhiều những công trình, luận án tiến sĩ tập trung khảo cứu. Những thành tựu trên là cơ sở để chúng tôi tiếp cận, bổ sung và kiến giải cho những điểm trống khoa học trong luận án của mình.

***1.1.3. Quan điểm của các học giả Việt Nam***

** Giai đoạn những năm 80 của thế kỷ XX*

Các nhà nghiên cứu Việt Nam đứng trên nhiều góc độ khác nhau để đưa ra những quan điểm, những nhận xét về nội dung và nghệ thuật tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*. Trong cuốn *Văn học Trung Quốc* - tập 2 khi bàn tới kết cấu của *Nho lâm ngoại sử*, Nguyễn Khắc Phi cho rằng tác phẩm "không có một cốt truyện hoàn chỉnh duy nhất, diễn biến qua hàng loạt biến cố xoay quanh một số nhân vật chính như *Tam Quốc, Thủy Hử*. Nhân vật này nối tiếp nhân vật kia như những đợt sóng liên tiếp vỗ bờ. Trong *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược*, Lỗ Tấn ví *Chuyện làng nho* như một bức tranh kết bằng những mảnh giấy. Song nếu không có tình tiết cốt truyện duy nhất thì lại có chủ đề và tư tưởng trung tâm duy nhất. Chính nó gắn mọi yếu tố trong một tác phẩm thành một chỉnh thể. Kết cấu đặc biệt đó phù hợp với yêu cầu trình bày lịch sử của cả một tầng lớp người trong xã hội" [61; 71]. Cũng bàn tới kết cấu của tác phẩm, Lương Duy Thứ trong cuốn *Để hiểu tám bộ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc* nhận định: "kết cấu *Chuyện làng nho* khác xa các bộ tiểu thuyết cổ điển trước nó và cùng thời, nó mới mẻ và phục vụ đắc lực cho mục tiêu châm biếm xã hội" [93; 108]. Trong lời giới thiệu *Chuyện làng nho* các dịch giả Phan Võ, Nhữ Thành đã nhìn nhận và đánh giá *Nho lâm ngoại sử* với ba ưu điểm nổi bật: "Nội dung hiện thực, tư tưởng dân chủ và nghệ thuật châm biếm sâu sắc. Chính ba điều này làm cho bạn đọc ngày nay không khỏi ngạc nhiên vì nó mới mẻ, lạ thường" [98; 6]. Bàn về nghệ thuật trong *Nho lâm ngoại sử* các dịch

giả nhận định: "*Nho lâm ngoại sử* sử dụng một nghệ thuật châm biếm, về căn bản giống phương pháp hiện thực phê phán của Âu châu thế kỷ XIX" [98; 17].

Qua những khảo sát, tìm hiểu, chúng tôi nhận thấy giai đoạn cuối thế kỷ XX, ở Việt Nam không nhiều những công trình tập trung nghiên cứu những thành tựu nổi bật về nội dung và nghệ thuật của *Nho lâm ngoại sử*. Tuy nhiên, những tư tưởng và những nhận định đã manh nha, gợi ý để giai đoạn sau giới nghiên cứu mạnh dạn chuyên sâu vào từng phần, từng mảng riêng biệt của *Nho lâm ngoại sử*, khẳng định được giá trị lâu bền của tác phẩm.

** Giai đoạn những năm đầu thế kỷ XXI*

Những năm đầu của thế kỷ XXI cho tới nay, một loạt công trình và bài viết của các nhà nghiên cứu đã cho thấy một bước tiến dài khi nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử*. Trần Xuân Đề trong *Lịch sử văn học Trung Quốc* đã nhìn nhận và đánh giá một cách khái quát tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* ở góc độ nghệ thuật khi nói về kết cấu của tác phẩm: "*Nho lâm ngoại sử* xoay quanh chủ đề và tư tưởng trung tâm. Ở đấy không có cốt truyện hoàn chỉnh, không có nhân vật chính xuyên suốt tác phẩm chỉ có một chủ đề tư tưởng trung tâm" [17; 230]. Đáng chú ý là các công trình và bài viết của Lê Thời Tân đã cố gắng tiếp cận tác phẩm từ chính những yếu tố cấu thành nghệ thuật. Cách làm của Lê Thời Tân là xác định hệ quy chiếu của tác phẩm qua cấu trúc, kết cấu, thể loại, từ đó thấy được tài năng nghệ thuật bậc thầy của nhà văn Ngô Kính Tử.

Bàn về kết cấu của *Nho lâm ngoại sử*, bài viết *Nguyên tắc đối đẳng trong kết cấu tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử* đăng trên tạp chí Văn học Nước ngoài, Hội Nhà văn Việt Nam, số 2, 2006, Lê Thời Tân cho rằng: "khái niệm *nguyên tắc đối đẳng* chính là sự khái quát tốt nhất về đặc trưng kết cấu của tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* và lấy nguyên tắc đối đẳng làm nền tảng lí luận là việc làm hữu hiệu trong tiếp cận kết cấu *Nho lâm ngoại sử* từ bình diện kết cấu văn bản trần thuật và bình diện kết cấu hình tượng tác phẩm. Hướng tiếp cận đó sẽ bắt đầu từ việc nghiên cứu kết cấu văn bản trần thuật, sau đó bước sang thảo luận kết cấu hình

tượng. Như thế, phân tích kết cấu tác phẩm sẽ tránh được việc gò theo lí luận sẵn có, tuỳ tiện xáo trộn trật tự trần thuật, "tái cấu trúc" chuyện kể theo một sự đọc chủ quan" [77; 167]. Trong bài viết *Cấu trúc thể loại tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử* in trên tạp chí khoa học, tập XXXVI, số 4B - 2007, Đại học Vinh, Lê Thời Tân bằng việc "chỉ ra chuỗi các phiến đoạn tự sự có tính cách truyện ngắn và bút kí ghi chép được phân bố rải đều trong suốt chiều dài của văn bản trần thuật, vấn đề cấu trúc thể loại trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* đã phần nào được làm sáng tỏ. Điều này khiến cho tác phẩm tự sự trường thiên *Nho lâm ngoại sử* có một cấu trúc thể loại rất độc đáo, khác hẳn với các bộ tiểu thuyết chương hồi nổi tiếng khác" [78; 43]. Trên tạp chí văn hóa Nghệ An, chủ nhật ngày 11/12/2011 đăng bài viết *Kẹt giữa Đạo - thống và Thế - quyền - Thân phận của kẻ sĩ*, Lê Thời Tân đã có cái nhìn mới về chủ đề *Nho lâm ngoại sử*. Theo tác giả, bên cạnh chủ đề cũ với nội dung phê phán chế độ thi cử phong kiến cùng với bè lũ quan lại, trí thức làng nho thì *Nho lâm ngoại sử* với 56 hồi còn mang những nội dung, tư tưởng mới mẻ. Tác giả bài viết cho rằng "nội hàm văn hóa lớn nhất của *Nho lâm ngoại sử* chính là việc đề cập trực diện mối quan hệ giữa Đạo và Thế, giữa chính quyền và sĩ nhân khoa cử. Thực ra, mối quan hệ này là cả một câu chuyện lớn của nền văn hóa Hán và lịch sử dân tộc Trung Hoa. *Nho lâm ngoại sử* là bộ tiểu thuyết đầu tiên mà cũng có thể bộ tiểu thuyết vĩ đại duy nhất của văn học cổ Trung Quốc đã thành công trong việc nhận thức và phô bày mối quan hệ siêu thời đó" [79]. Tại buổi báo cáo khoa học tổ chức ở trường Đại học Quốc gia Hà Nội vào tháng 04/2012, Lê Thời Tân đã trình bày bài viết *Dùng Luận ngữ để khái quát bộ ba hình tượng nhân vật trung tâm tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử*. Trong bài viết của mình, tác giả đã vận dụng luận ngữ để để "khái quát hóa bộ ba nhân vật trần thuật ở trung tâm tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*". Với cách tiếp cận vấn đề mới mẻ, tác giả bài viết đã làm nổi bật đặc điểm của từng nhân vật và mối liên hệ giữa ba nhân vật trong tác phẩm. Một cách tiếp cận khác chủ đề *Nho lâm ngoại sử* của Lê Thời Tân trong bài viết *Sách lược tự sự màn "Tế đền Thái Bá":*

*Thánh nhân bôn tẩu, sĩ nhân giạt rìa* đăng ngày 09/11/2012 trên website của Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã lí giải cho bút pháp trần thuật của nhà văn Ngô Kính Tử khi không dẫn dắt trần thuật đi tới "cao trào" trong màn tế đền Thái Bá. Tác giả bài viết đã phân tích sự "thiếu vắng cao trào tình tiết (điều kiêng kị trong trong những cuốn tiểu thuyết có một cốt truyện rõ ràng) lại là một sách lược tự sự nhất quán trong *Nho lâm ngoại sử*. Trên Tạp chí khoa học Đại học sư phạm TP.HCM số 46 năm 2013 đăng bài viết *Thực chất vẻ đẹp hình tượng nhân vật Vương Miện và tư tưởng hồi truyện mở đầu tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử*, Lê Thời Tân đã chỉ ra một vài nét mới trong tư tưởng của nhà văn Ngô Kính Tử. Tác giả bài viết cho rằng, thực chất việc nhân vật Vương Miện cố tình lẩn trốn chính quyền đương thời chứ không phải "trốn cõi tục"; "hồi truyện mở đầu của tiểu thuyết không phải là bài ca nhiệt thành đời sống ẩn dật mà là tiếng than dài cho mối quan hệ giữa chính quyền và trí thức - những kẻ thường vẫn được xem là tự giác hơn dân chúng trong ý thức về số phận của mình trong cơn dâu bể thay triều đổi đại" [81; 68]. Trong bài viết *Thủ pháp tự sự mới về nhân vật của Nho lâm ngoại sử và việc tái thức nhận chủ đề cuốn tiểu thuyết* đăng trên Tạp chí khoa học Văn hoá và Du lịch, Trường Cao đẳng Văn hóa và Du lịch Sài Gòn, số 14, tháng 11 năm 2013, Lê Thời Tân cho rằng: "*Nho lâm ngoại sử* có một hệ thống kết cấu hình tượng đủ mạnh để khiến cho đám đông nhân vật không rơi vào trạng thái tản mác và hỗn loạn. Nhận diện được các thủ pháp tự sự mới về nhân vật của Ngô Kính Tử giúp ta phát hiện ra sự tồn tại của nguyên tắc kết cấu hình tượng mới mẻ". Bài viết *Suy ngẫm về chế độ khoa cử Trung Hoa nhân đọc Nho lâm ngoại sử* của Lê Thời Tân đăng trên tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu giáo dục, tập 31, số 3 (2015) giúp cho độc giả nhìn nhận rõ hơn về chân chủ đề *Nho lâm ngoại sử*. Tác giả bài viết cho rằng "chưa có tác phẩm nào trong kho tàng văn học Trung Hoa lại diễn tả chân xác đến thế cuộc gian díu, giằng co giữa Đạo và Thế cùng bi kịch thân phận sĩ nhân - kẻ sa chân giữa bãi lầy thi cử…" [85; 58]. Trên tạp chí khoa học số 5 (83) năm 2016 trường Đại học Sư phạm TP. Hồ

Chí Minh đăng bài viết *Bần cùng hóa trí thức và tầm thường hóa văn hóa - Tiếp cận chủ đề Nho lâm ngoại sử từ hồi truyện áp chót*, Lê Thời Tân đã vạch một lối đi riêng trong việc nhận thức lại chân chủ đề *Nho lâm ngoại sử*. Tác giả cho rằng "Câu chuyện "tứ khách" hồi 55 *Nho lâm ngoại sử* cho ta thấy tập trung nhất, khả cảm nhất bi kịch của sĩ nhân. Đằng sau dòng trần thuật bình đạm ẩn chứa cả một nỗi ngậm ngùi cho bước mạt lộ của kẻ có chữ" [86; 63].

Có thể nói, những năm đầu của thế kỷ XXI, khi nghiên cứu tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*, các nhà nghiên cứu đã có những cách tiếp cận mới. Việc vận dụng thi pháp học, tự sự học vào trong nghiên cứu tác phẩm văn học đã đem đến một diện mạo hoàn toàn khác cho văn học. Rất nhiều những công trình, những bài báo, bài nghiên cứu chuyên sâu về nghệ thuật kết cấu, cấu trúc, chủ đề tư tưởng tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*. Những thành công đó đã góp phần khẳng định tài năng của nhà văn Ngô Kính Tử và giá trị lâu bền của tác phẩm trong lòng người đọc.

### 1.2. Nghiên cứu nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*

#### *1.2.1. Quan điểm của các học giả Trung Quốc*

** Giai đoạn những năm 80 của thế kỷ XX*

Từ những năm 80 của thế kỷ XX, việc nhìn nhận, đánh giá *Nho lâm ngoại sử* đã được chú trọng và bước đầu đạt được những thành tựu nhất định. Các nhà nghiên cứu đã chuyên sâu vào nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, trong đó có rất nhiều những chuyên khảo, bài báo, công trình khảo cứu chuyên sâu nghệ thuật châm biếm. Trong bài viết *Từ "Phạm Tiến trúng cử" bàn về nghệ thuật châm biếm trong Nho lâm ngoại sử* (從《範進中舉》談《儒林外史》的諷刺藝術, 周先慎,北京大學學報 (哲學社會科學版), 1980 年 05 期, 48-54 頁), Chu Tiên Thận làm rõ nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* trên ba phương diện: "Thứ nhất, qua hành động và ngôn ngữ, nhân vật hiện lên một cách chân thực, sinh động. Tác giả không trực tiếp bày tỏ thái độ yêu, ghét, thù hận mà để cho nhân vật tự bộc lộ qua các mối quan hệ với môi trường xung quanh... Thứ hai, nghệ thuật châm biếm được thể hiện qua việc sử dụng thành công thủ pháp nghệ

thuật tương phản, so sánh để mỉa mai, giễu cợt nhân vật… Cứ nhìn vào những hành động và lời lẽ của ông bố vợ Phạm Tiến trước và sau khi con rể trúng cử; trước đó thì không ngoài những lời trách móc, mỉa mai, dạy đời nhưng sau khi con rể đỗ cử nhân thì xuống giọng nịnh nọt bợ đỡ…. Thứ ba, nghệ thuật châm biếm được thể hiện qua cách sử dụng ngôn ngữ mang màu sắc địa phương tạo nên hiệu suất châm biếm mạnh mẽ, tinh tế… *Nho lâm ngoại sử* đạt tới đỉnh cao thành tựu về tư tưởng và nghệ thuật, đặc biệt là nghệ thuật châm biếm. Tác phẩm đặt nền móng cho sự phát triển của tiểu thuyết Trung Hoa và có ảnh hưởng sâu sắc tới một số nhà văn sau này…" [136; 48-54].

Luận văn thạc sỹ *Nghiên cứu về thủ pháp châm biếm và khắc họa nhân vật trong Nho lâm ngoại sử* (儒林外史的人物刻畫與諷刺手法之研究, 林原茂, 東海大學, 1982 年) của Lâm Nguyên Mậu đã đề cập tới nghệ thuật xây dựng nhân vật châm biếm của nhà văn Ngô Kính Tử. Tác giả dựa trên những tiêu chí, đặc điểm khác nhau của từng đối tượng để phân chia các tuyến nhân vật, qua đó xây dựng thành công những điển hình nhân vật chính diện và phản diện tiêu biểu. Bên cạnh đó, luận văn cũng khảo cứu việc sử dụng ngôn ngữ để tạo ra các cung bậc của tiếng cười từ hài hước, mua vui đến mỉa mai, châm biếm, đả kích, tiếng cười bật ra sau những dòng nước mắt. Có thể nói, luận văn đã bước đầu đi vào phân loại đối tượng châm biếm, làm nền tảng cơ bản để nhận diện những đặc điểm cơ bản của nghệ thuật châm biếm *Nho lâm ngoại sử*.

Một số bài viết cũng tìm hiểu về nghệ thuật châm biếm của *Nho lâm ngoại sử* như *Luận bàn nghệ thuật châm biếm trong Nho lâm ngoại sử* của Vũ Thời Dĩnh (試論《儒林外史》的諷刺藝術, 武時穎,《齊齊哈爾大學學報(哲學社會科學版)》1985 年 04 期). Tác giả bài viết cho rằng *Nho lâm ngoại sử* là một tác phẩm văn học xuất sắc phản ánh chân thực, khách quan thời kì đen tối nhất của chế độ phong kiến đương thời. Đặc biệt, tác giả Ngô Kính Tử tập trung bút lực nghiêm khắc đả kích, mỉa mai, châm biếm vào thế giới của bọn quan lại và trí

thức làng nho, qua đó chỉ ra sự trống rỗng trong tâm hồn và sâu mọt về bản chất. Tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* đạt được thành tựu lớn về nội dung tư tưởng và nghệ thuật trào phúng xuất sắc. Chu Khải trong bài viết *Bàn về nghệ thuật châm biếm trong Nho lâm ngoại sử* (論《儒林外史》的諷刺藝術, 朱凱,《昌濰師專學報》, 2000 年 第 4 期) nhận định: "Lối văn miêu tả nhẹ nhàng, kín đáo, sự châm biếm tinh tế làm cho *Nho lâm ngoại sử* xứng đáng là tiểu thuyết trào phúng đầu tiên của văn học Trung Quốc. Giá trị văn chương của tác phẩm, tất cả bắt nguồn từ tài năng nghệ thuật của nhà văn châm biếm Ngô Kính Tử" [118].

** Giai đoạn những năm đầu thế kỷ XXI*

Lí Hiếu Kim trong bài viết *Bàn về nghệ thuật châm biếm trong Nho lâm ngoại sử* (論《儒林外史》的諷刺藝術, 李孝金,《湖北廣播電視大學學報》2001 年第三期) đã khảo cứu một số đặc điểm nghệ thuật châm biếm trong tác phẩm, qua đó đã chỉ ra sự kết hợp giữa đối tượng của châm biếm với hài kịch điều này đã tạo ra các tình huống hài hước, tiếng cười mang sắc thái nhẹ nhàng, vui vẻ; thứ hai là sự kết hợp giữa bi kịch và hài kịch thông qua ngôn ngữ và hành động của các đối tượng châm biếm để tạo ra tiếng cười đầy bi ai, nước mắt; thứ ba là sự kết hợp các thủ pháp nghệ thuật như cường điệu, phóng đại để làm tăng tính châm biếm trong tác phẩm. Phó Dục Dân trong bài viết *Luận nghệ thuật châm biếm độc đáo của Nho lâm ngoại sử* (論《儒林外史》諷刺藝術的獨創性, 傅毓民,《陝西教育學院學報》, 2005 年第 03 期) nhận định *Nho lâm ngoại sử* là một tác phẩm mang tính bước ngoặt trong lịch sử tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa, nó không chỉ có sự đổi mới và phát triển trong nội dung tư tưởng, mà còn đổi mới trong hình thức nghệ thuật châm biếm. Tác phẩm không có kết cấu rõ ràng, nhưng hệ thống nhân vật là tầng lớp nho sĩ trí thức giữ một vai trò quan trọng trong mạch ngầm tiểu thuyết, giúp liên kết các phiến đoạn tự sự trong tác phẩm lại với nhau. Sự cách tân đó làm cho *Nho lâm ngoại sử* vừa mang nét cổ xưa vừa mang tính hiện đại, tác phẩm có sự chuyển biến trong nội dung và hình

thức tiểu thuyết, ảnh hưởng lớn tới quá trình hiện đại hóa tiểu thuyết Trung Hoa sau này. Bài viết *Nghệ thuật châm biếm Nho lâm ngoại sử và ý nghĩa của nó* (《儒林外史》的諷刺藝術及其意義, 文學教育下半月, 2007 年 第 2) của Cổ Vĩnh Tân đã đề cập đến giai đoạn phát triển đỉnh cao trong lịch sử của tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc. *Nho lâm ngoại sử* xứng đáng với những thành tựu cao nhất của văn học Trung Quốc, đạt đến đỉnh điểm của nghệ thuật châm biếm. Nhà văn Ngô Kính Tử đã phác họa các điển hình nhân vật châm biếm; sử dụng thủ pháp tương phản để tăng sự mỉa mai, châm biếm; thúc đẩy sự phát triển của các tình huống và mâu thuẫn châm biếm để nhân vật tự bộc lộ bản chất của mình, cái cười bật ra đầy sâu sắc. Tác giả Trương Nam Chương trong bài viết *Nghệ thuật châm biếm trong Nho lâm ngoại sử* (談《儒林外史》的諷刺藝術, 張南章,《重慶科技學院學報(社會科學版》, 2008 年 04 期, 118-119 頁) cho rằng: "Ngô Kính Tử với ngòi bút sắc sảo, tuyệt diệu đã miêu tả, khắc họa hình ảnh tầng lớp nho sĩ và quan lại trong hệ thống thi cử triều đình phong kiến đầy thực tế và sinh động. Tác phẩm xứng đáng là bức trường thành trong lịch sử văn học cổ điển Trung Quốc" [146; 118]. Cũng bàn về nghệ thuật châm biếm, Trần Diên Hổ trong bài *Luận nghệ thuật châm biếm Nho lâm ngoại sử* (論《儒林外史》的諷刺藝術, 陳延虎,《今日南國(理論創新版)》, 2009 年 03 期, 122-123 頁) nhận định: "*Nho lâm ngoại sử* là một cuốn tiểu thuyết trào phúng nổi tiếng có vị trí quan trọng và ảnh hưởng lớn trong lịch sử văn học Trung Quốc. Nhà văn đã kế thừa truyền thống tốt đẹp của nghệ thuật trào phúng cổ đại, đưa nghệ thuật châm biếm lên một tầm cao mới với phong cách nghệ thuật độc đáo" [109; 122].

Luận án tiến sĩ *Nghệ thuật vận dụng ngôn ngữ văn học của Nho lâm ngoại sử* (2009) (《儒林外史》文學語言的運作藝術, 王能傑, 廈門大學), Vương Năng Kiệt cho rằng nghệ thuật châm biếm *Nho lâm ngoại sử* đã đạt được những thành tựu trong cách sử dụng ngôn ngữ tiểu thuyết. Nhà văn bằng những cách biểu đạt ngôn ngữ khác nhau như nói thẳng, nói tránh, ẩn ý kết hợp với hành

động, đối thoại của các nhân vật trong các sự kiện, hoàn cảnh để tạo nên sự đối lập, tương phản nhiều mặt, qua đó nhân vật bộc lộ bản chất và tính cách của mình. Bên cạnh đó, Vương Năng Kiệt khảo cứu nghệ thuật của *Nho lâm ngoại sử* ở cách tổ chức cốt truyện, miêu tả nhân vật. *Nho lâm ngoại sử* không có một cốt truyện hoàn chỉnh, các phiến đoạn tự sự được kết nối với nhau thông qua nội dung, chủ đề của tác phẩm. Trong cách miêu tả nhân vật, tác giả đã xây dựng được các lớp nhân vật với những điển hình tiêu biểu như Chu Tiến, Phạm Tiến, Khuông Siêu Nhân (lớp nhân vật phản diện) hay các nhân vật chính diện tích cực như Đỗ Thiếu Khanh, Vương Miện, Thẩm Quỳnh Chi…

Trong bài viết *Luận đàm về nghệ thuật trào phúng Nho lâm ngoại sử* (淺談《儒林外史》的諷刺藝術) đăng trên website http://wenku.baidu.com/view/56ebe23631126edb6f1a10e2.html, La Cao cho rằng: "sự châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* dựa trên những cứ liệu thực tế đời sống, kết hợp sử dụng nghệ thuật khoa trương, phóng đại và khai thác những mâu thuẫn trong sự đối lập, tương phản làm nổi bật sự châm biếm, mỉa mai trong tác phẩm. *Nho lâm ngoại sử* đặt nền móng vững chắc cho tiểu thuyết châm biếm Trung Quốc trong tương lai". Bài viết *Thảo luận đặc điểm văn học nghệ thuật của Nho lâm ngoại sử* (淺論《儒林外史》的文學藝術特點, 趙曉紅,《青年文學家》2013 年 27 期, 31 頁) của Triệu Hiểu Hồng cho rằng: "*Nho lâm ngoại sử* là cuốn tiểu thuyết chương hồi xuất sắc của Ngô Kính Tử. Tác giả tái hiện, mô tả các loại đối tượng khác nhau từ nho sĩ đến quan lại, lối sống đạo đức giả, phơi bày trong xã hội phong kiến suy đồi và tăm tối. Ngô Kính Tử không ngừng đả phá vào hệ thống thi cử triều đình phong kiến. Nghệ thuật trào phúng được nhà văn sử dụng kết hợp của các biện pháp nghệ thuật như cường điệu, ẩn dụ, phóng đại tạo ra giá trị to lớn của tác phẩm trong nền văn học Trung Quốc" [108; 31]. Lương Nhuận Bình trong bài viết *Phân tích sơ bộ đặc điểm nghệ thuật châm biếm trong Nho lâm ngoại sử* (《儒林外史》諷刺藝術特色淺析,梁潤萍, 群文天地 2011 年 02

期) đã chỉ ra những đặc điểm nghệ thuật trào phúng thông qua chủ đề của tác phẩm; các thủ pháp nghệ thuật như: cường điệu, phóng đại tăng sự hài hước, châm biếm. Bên cạnh đó, nghệ thuật xây dựng nhân vật, cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả Ngô Kính Tử có nhiều nét đặc sắc, độc đáo tạo nên sự mỉa mai, châm biếm đầy kín kẽ, ý vị sâu xa. Lí Lệ trong bài viết *Bàn về nghệ thuật châm biếm trong Nho lâm ngoại sử* (淺談《儒林外史》的諷刺藝術, 李麗, 西江月 中旬 2011 年第 11) khẳng định *Nho lâm ngoại sử* sử dụng bút pháp châm biếm của văn học hiện thực phê phán thông qua việc xây dựng các điển hình nhân vật, đặt nhân vật trong sự mâu thuẫn, tương phản, cường điệu phóng đại làm nổi bật lên sự mỉa mai, châm biếm chế độ quan lại và tầng lớp trí thức nho sĩ đương thời.

Bên cạnh đó còn rất nhiều những bài viết nghiên cứu tới nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*. Các bài viết xoay quanh các thủ pháp nghệ thuật được Ngô Kính Tử sử dụng để làm tăng tính châm biếm trong tác phẩm. Có thể kể đến bài viết *Nghệ thuật trào phúng trong Nho lâm ngoại sử* (《儒林外史》的諷刺藝術, 王錦亮, 成才之路 2013 年第 2 期, 17 頁) của Vương Cẩm Lượng, tác giả bài viết đã khẳng định: "*Nho lâm ngoại sử* là đỉnh cao của văn học cổ điển châm biếm. Nghệ thuật châm biếm được thể hiện qua cách lựa chọn chủ đề của tác phẩm, đối tượng, nhân vật là tầng lớp quan lại và giới trí thức nho sĩ đương thời… nghệ thuật châm biếm *Nho lâm ngoại sử* còn thể hiện ở thủ pháp phóng đại, cường điệu mà nhà văn Ngô Kính Tử sử dụng trong tác phẩm" [121; 17]. Bài viết *Bàn về nghệ thuật châm biếm của Nho lâm ngoại sử* (論《儒林外史》的諷刺藝術, 舒坤堯,《芒種》2013 年 17 期, 85-86 頁) của Thư Khôn Nghiêu nhận định: "*Nho lâm ngoại sử* là một cuốn tiểu thuyết trào phúng xuất sắc, phong cách châm biếm độc đáo, có ảnh hưởng, tác động sâu sắc đến các nhà tiểu thuyết sau này. Tác phẩm đã vượt ra khỏi những quy phạm của tiểu thuyết chương hồi truyền thống và đạt đến một tầm cao mới [143; 85]. Lí Hoa trong bài viết *Luận nghệ thuật trào phúng trong Nho lâm ngoại sử* (論《儒林外史》的諷刺藝術,

李華,《考試周刊》2013 年 49 期, 頁 14-15) đã khảo cứu nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* trên 3 khía cạnh: "Thứ nhất, thông qua việc miêu tả ngoại hình và hành động, các nhân vật tự bộc lộ bản chất và tính cách của mình, nhà văn Ngô Kính Tử đã xây dựng được một hệ thống nhân vật độc đáo như: Chu Tiến, Phạm Tiến, Khuông Siêu Nhân... Thứ hai, việc sử dụng thủ pháp phóng đại, cường điệu nhằm tăng hiệu quả châm biếm trong tác phẩm. Thứ ba, tác giả xây dựng được các tình huống châm biếm khi đặt nhân vật trong sự đối lập, tương phản qua cử chỉ, hành động và ngôn ngữ" [111; 14-15]. Bài viết *Sơ bộ thảo luận về thủ pháp châm biếm trong Nho lâm ngoại sử* (淺談《儒林外史》的諷刺手法, 董名傑,《雜文月刊：學術版》, 2014 年 第 9 期, 2-3 頁), Đổng Danh Kiệt khẳng định: "*Nho lâm ngoại sử* là tiểu thuyết châm biếm hiện thực xã hội xuất sắc. Tác phẩm không chỉ đổi mới về chủ đề, nội dung tư tưởng mà nghệ thuật cũng đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật châm biếm khi vượt ra khỏi ranh giới của nghệ thuật tiểu thuyết chương hồi truyền thống. Tác giả đi sâu vào từng điển hình nhân vật, tạo dựng nên những nét tính cách và những bức chân dung biếm họa làm cơ sở cho sự mỉa mai, châm biếm tầng lớp quan lại và trí thức nho sĩ phong kiến thời Minh Thanh" [115; 2]. Bài viết *Nghiên cứu nghệ thuật châm biếm trong Nho lâm ngoại sử* (淺析《儒林外史》的諷刺藝術, 張海輪) của Trương Hải Luân đăng trên website http://www.niubb.net/article/743907-1/1/ ngày 22/10/2014 đã đề cập tới nghệ thuật trào phúng trong *Nho lâm ngoại sử*. Tác giả bài viết đã chỉ ra một số đặc trưng của nghệ thuật trào phúng trong tác phẩm. Qua đó, sự mỉa mai, châm biếm của tác giả dành cho tầng lớp nho sĩ là vấn đề xuyên suốt tác phẩm, sự cường điệu phóng đại không nằm ngoài sự quan sát, miêu tả khách quan những con người, nhân vật vốn dĩ lấy khuôn mẫu từ hiện thực cuộc sống. Tác giả Lí Trí Canh trong bài viết *Phân tích sự châm biếm đối với hình tượng sĩ tử trong Nho lâm ngoại sử* (《儒林外史》對士子形象的諷刺探析, 李智耕, 青年文學家 2013 年第 5 期, 51 頁) đã sắp xếp, phân nhóm các

đối tượng châm biếm: "…Loại thứ nhất quan tâm đến danh tiếng và tiền tài, nhưng tư tưởng và hành động thì dốt nát, hủ lậu. Bản chất của những người này không phải là xấu nhưng qua thời gian, tâm hồn của họ đã bị đầu độc nặng nề bởi những tác động tiêu cực của xã hội. Tiêu biểu như Chu Tiến, Phạm Tiến, Khuông Siêu Nhân… Loại thứ hai là dựa vào sự giàu có và sự nổi tiếng của người khác để gây ấn tượng với mọi người như Vương Huệ, Nghiêm cống sinh, Trương Tĩnh Trai… Loại thứ ba là kiểu nhân vật không màng đến tiền tài và công danh phú quý, họ là những nhân vật tích cực trong nho lâm, tiêu biểu như Trang Thiệu Quang, Đỗ Thiếu Khanh, Ngu Dục Đức, Vương Miện..." [106; 51]. Quách Diễm Hà trong bài viết *Luận nghệ thuật châm biếm trong Nho lâm ngoại sử* (論《儒林外史》的諷刺藝術, 郭艷霞,《芒種》2015 年 第 1 期, 頁 76-78) khẳng định: "*Nho lâm ngoại sử* giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc, từ phong cách nghệ thuật đến lựa chọn chủ đề, chúng ta đều thấy hoàn toàn khác biệt so với các tiểu thuyết trước đó. Chính điều này tạo nên sự mới mẻ và sáng tạo độc đáo của nhà văn Ngô Kính Tử, một nhà văn châm biếm xuất sắc thời kì văn học Minh Thanh" [137; 76].

Ngoài ra còn rất nhiều những bài báo, chuyên luận của các nhà nghiên cứu về nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*. Qua tham khảo, chúng tôi nhận thấy hầu hết các nhà nghiên cứu đều đưa ra nhận định *Nho lâm ngoại sử* là cuốn tiểu thuyết châm biếm, giữ một vị trí quan trọng trong dòng chảy văn học Trung Quốc. Bên cạnh đó, một số thủ pháp nghệ thuật cũng được các nhà nghiên cứu thảo luận, khái quát đi sâu vào từng lĩnh vực, khía cạnh của *Nho lâm ngoại sử*. Nhận thấy cần có sự tổng hợp, phân tích chuyên sâu để phát hiện thêm các vấn đề mới, chúng tôi tiếp thu những thành tựu của các nhà nghiên cứu trước đó, làm sáng tỏ hơn những điểm trống khoa học qua các vấn đề về phân tuyến nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu, xây dựng và phát hiện tình huống châm biếm… trong đề tài luận án này.

### *1.2.2. Quan điểm của các học giả phương Tây*

Tình hình nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử* ở các nước phương Tây từ những năm 60 của thế kỷ XX đã đạt được những thành tựu nhất định trên phương diện nội dung và nghệ thuật. Tuy vậy, bàn định về nghệ thuật châm biếm của tác phẩm các học giả phương Tây điểm qua một số nhận định mang tính khái quát như sau:

Lai Ming bàn về nghệ thuật châm biếm của *Nho lâm ngoại sử,* trong bài viết *The Novel of Social Satire: The Scholars* (in A History of Chinese Literature, New York: Capricon Books, 1966, pp.327-332) cho rằng: "*Nho lâm ngoại sử* sở dĩ được công chúng chấp nhận và yêu mến bởi ở nhà văn có sự sáng tạo trong nghệ thuật tiểu thuyết. Mặc dù là một cuốn tiểu thuyết châm biếm, tố cáo hiện thực xã hội nhưng độc giả cảm thấy ở Ngô Kính Tử lối văn châm biếm nhẹ nhàng, không kém phần hài hước mà khách quan, chân thực" [155; 327].

Wells, Henry W. trong tiểu luận *An Essay on the Ju-lin wai-shih* (A Journal to Comparatine Studies between Chinese and Foreign Literatures, vol 11) nhận định về nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*: "Kể từ khi *Nho lâm ngoại sử* xuất hiện giữa thế kỷ 18, tác giả Ngô Kính Tử đã sử dụng một nghệ thuật châm biếm kín đáo, tinh tế để bày tỏ thái độ của mình trước hiện thực xã hội" [158; 150]

Yang Liyu trong bài viết *Classical Chinese Fiction* (A Guide to It's Study and Appreciation Essays and Bibliographies (Boston: GK.Hall Publisher, 1978, pp.85-93)) cho rằng: "...Tác giả sử dụng nhiều thủ pháp nghệ thuật trực tiếp hoặc gián tiếp kết nối câu chuyện thông qua đối thoại và miêu tả. Bên cạnh đó, tác giả là người kể chuyện toàn tri, kể lại sự việc một cách tường tận, khách quan ít tham gia trực tiếp vào câu chuyện" [159; 85].

Daniel Joseph Bauer trong luận án tiến sĩ *Creative Ambiguity: Satirical Portraiture in the "Ju-lin wai-shih*" *and "Tom Jones*" (University of Wisconsion – Madsion, 1988) đi vào so sánh, phân tích, miêu tả hệ thống nhân vật trong hai tác phẩm để làm rõ khuynh hướng châm biếm của hai nhà văn cùng thời Ngô Kính Tử và Henry Fielding. Ở Henry Fielding là xã hội nước Anh những năm 40 của thế kỷ

18, còn Ngô Kính Tử là xã hội Trung Hoa với chế độ phong kiến Mãn Thanh đương thời. Nhận xét về *Nho lâm ngoại sử*, Bauer cho rằng nhà văn Ngô Kính Tử sử dụng nghệ thuật tự sự truyền thống, trần thuật có hệ thống lần lượt từng câu chuyện, kết nối lại với nhau thống nhất ở nội dung, tư tưởng. *Nho lâm ngoại sử* được coi là tiểu thuyết trào phúng hàng đầu của văn học cổ điển Trung Quốc.

Tóm lược những kết quả nghiên cứu ở trên, chúng tôi nhận thấy tình hình nghiên cứu nghệ thuật châm biếm trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* ở phương Tây đã có những đóng góp nhất định. Các nhà nghiên cứu khẳng định *Nho lâm ngoại sử* sử dụng một nghệ thuật châm biếm kín đáo, nhà văn trần thuật một cách tự nhiên, khách quan tạo ra sự mỉa mai, châm biếm rõ nét. Tác giả sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật tiêu biểu như khoa trương, phóng đại... nhưng không rời xa hiện thực của xã hội phong kiến đương thời. Bên cạnh đó ở Ngô Kính Tử có sự kế thừa nghệ thuật châm biếm trong văn học truyền thống từ thơ ca, kịch, văn xuôi... và đến *Nho lâm ngoại sử* sự châm biếm mới đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật tiểu thuyết. Với những nhận định, quan điểm trên chúng tôi sẽ tiếp thu có chọn lọc trong quá trình nghiên cứu, bổ sung và làm sáng tỏ những điểm trống khoa học về nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử.

***1.2.3. Quan điểm của các học giả Việt Nam***

Khi nhắc đến những bộ tiểu thuyết đỉnh cao của tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc, *Nho lâm ngoại sử* hầu như ít được người đọc quan tâm trong nền văn học dịch nước nhà, nhưng để phản ánh hiện thực của đời sống xã hội thì *Nho lâm ngoại sử* xứng đáng là một kiệt tác châm biếm trong dòng tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh. Khảo cứu trên những tư liệu hiện có, chúng tôi nhận thấy tình hình nghiên cứu chuyên sâu nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* ở Việt Nam còn rất hạn chế, một số ít các nhà nghiên cứu đề cập tới vấn đề này.

Nguyễn Huy Khánh trong *Khảo luận tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa* nhận xét về nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử:* "văn Nho lâm có một sắc thái đặc biệt là châm biếm rất bình tĩnh, rất phớt lạnh. Đọc Ngô Kính Tử người ta

có cảm giác như ông đang nói một cách tỉnh khô, không cười không giận, nhưng người đọc lại cười ra nước mắt". Bên cạnh đó, Nguyễn Huy Khánh cũng cho rằng "chuyện trào lộng của Ngô Kính Tử không quá sự thật. Ông không "vẽ rắn thêm chân", mà chỉ tìm trong thực tế những sự việc chua chát, trào lộng nhất, mỉa mai nhất để đưa vào tác phẩm" [33; 244]. Khi phân loại đối tượng trong *Nho lâm ngoại sử*, Lương Duy Thứ dựa trên thái độ của nhà văn với công danh phú quý để chia ra bốn loại nho sĩ: "loại bị công danh phú quý đầu độc đến ngu muội hèn hạ; loại giả dối miệng nói không màng phú quý công danh nhưng thâm tâm thì đầy dẫy những tham vọng đen tối; loại hãnh tiến vì phú quý công danh và loại trong sạch, không màng tới phú quý công danh, cự tuyệt con đường làm quan, làm giàu" [93; 110]. Bàn về bút pháp châm biếm, Lương Duy Thứ cho rằng "ngòi bút của Ngô Kính Tử có cái kín đáo tế nhị của bút pháp Xuân Thu, Sử ký và về sắc độ châm biếm đả kích thì có ảnh hưởng rõ rệt đến tạp văn Lỗ Tấn sau này... một ngòi bút như vậy không phải dễ dàng thấy ở bất kì đâu và bất kì thời đại nào" [93; 121]. Nguyễn Khắc Phi trong cuốn *Lịch sử văn học Trung Quốc*, khi bàn về đối tượng châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* nhấn mạnh: "các hình tượng nhân vật *rừng nho* đã làm sáng lên lí tưởng thẩm mĩ của tác giả. Bản chất xã hội mà mũi nhọn phúng thích chĩa vào là các loại bệnh thái, cố tật tinh thần trong đáy sâu tâm lý của các nhân vật. Trong phúng thích, các nhân vật được khắc họa có sức sống nghệ thuật, sức mạnh của phúng thích cũng nhờ vào hình tượng nhân vật mà phát huy" [59; 128]. Bàn tới nghệ thuật trần thuật, Nguyễn Khắc Phi nhận định: "Sự châm biếm kín đáo của *Rừng nho* nhiều lúc là sự lạnh lùng, bình thản. Tác giả cứ dửng dưng tường thuật, cứ để cho nhân vật hành động đối thoại và từ đó nảy ra khuynh hướng châm biếm" [59; 129]. Trần Kiết Hùng trong lời giới thiệu cuốn *Nho lâm ngoại sử - Kiệt tác phẩm về châm biếm* cho rằng "giá trị nổi bật nhất của *Nho lâm ngoại sử* là lời lẽ chua cay, trào phúng. Cả nội dung cốt truyện lẫn bút pháp châm biếm đều dựa trên cơ sở của hiện thực cuộc sống. Có điều ông không bộc lộ trực tiếp cách nhìn của mình, mà thông qua những tình tiết điển hình đặc

trưng, nhằm đạt đến hiệu quả châm biếm tự nhiên" [31; 6]. Tạp chí khoa học số 01 (34) năm 2014, Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đăng bài viết *"lộn trái" một hình tượng mở lối mới tìm hiểu tư tưởng chủ đề Nho lâm ngoại sử* của tác giả Lê Thời Tân, bài viết là một cách tiếp cận tác phẩm từ một cách đọc mới nhằm tái thức nhận hình tượng nhân vật và tư tưởng của tác giả Ngô Kính Tử. Theo Lê Thời Tân, bút pháp phúng dụ đặc biệt của Ngô Kính Tử khiến cho giới nghiên cứu nhận nhầm Trang Thiệu Quang là nhân vật "chính diện"; "lí tưởng tích cực". Việc nhận thức lại vấn đề này góp phần khám phá chân chủ đề *Nho lâm ngoại sử*, qua đó bạn đọc có cách nhìn nhận rõ ràng, minh tường hơn về một hình tượng nhân vật mà lâu nay vẫn cho rằng là mẫu nhân vật tích cực, dám đấu tranh chống lại pháp chế của triều đình. Thực chất Trang Thiệu Quang là một mẫu nhân vật "không phải tay vừa", biết cách chứng tỏ bản thân trong vòng an toàn của sinh mạng nhưng vẫn đem lại cho y tiền bạc, đất đai và sự nể phục của bạn bè.

**Tiểu kết:**

1. Nghiên cứu nội dung và nghệ thuật trong *Nho lâm ngoại sử* đã được quan tâm và chú ý ngay từ khi nó xuất hiện trên văn đàn. Bình điểm và thẩm văn là phương pháp truyền thống nghiên cứu *Nho lâm ngoại sử*. Giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đã được khẳng định khi có rất nhiều những chuyên luận, chuyên khảo, bài báo nghiên cứu về tác phẩm. Ở Trung Quốc và phương Tây từ những năm 50, 60 của thế kỷ XX cho đến nay, số lượng công trình nghiên cứu đã lên đến hàng trăm bài viết, chuyên luận, chuyên khảo đề cập tới nội dung và nghệ thuật của *Nho lâm ngoại sử*. Ở Việt Nam, số lượng công trình nghiên cứu về tác phẩm bước đầu đã thu được những thành tựu đáng kể, góp phần đưa *Nho lâm ngoại sử* đến gần hơn với độc giả Việt Nam.

2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến nội dung và nghệ thuật *Nho lâm ngoại sử* khá đa dạng và phong phú, trong đó có những công trình đã tiếp cận nghệ thuật châm biếm của tác phẩm. Các nhà nghiên cứu đều thống nhất nhận định *Nho lâm ngoại sử* là một cuốn tiểu thuyết trào phúng xuất sắc, giữ một vị trí

và vai trò quan trọng trong sự phát triển của lịch sử văn học Trung Hoa. Nhà văn Ngô Kính Tử đã xây dựng được các điển hình nhân vật tiêu biểu; sử dụng nhuần nhuyễn, thành thạo các thủ pháp nghệ thuật như cường điệu, phóng đại, tương phản... Tất cả tạo nên một phong cách nghệ thuật châm biếm rất riêng biệt, đó là sự kín đáo, tế nhị, nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu cay. Tuy vậy, khi tìm hiểu tình hình nghiên cứu về nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*, chúng tôi nhận thấy cách phân loại đối tượng châm biếm, xây dựng tình huống châm biếm; giọng điệu châm biếm của tác giả còn nhiều nét đặc sắc, khác biệt. Các vấn đề này được giới nghiên cứu đặt ra nhưng chúng tôi sẽ kiến giải những suy nghĩ của mình để tạo nên cái nhìn đa chiều, mới mẻ hơn về nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*. Cụ thể, trong cách phân loại đối tượng châm biếm, chúng tôi dựa trên các tiêu chí về đặc điểm từng tầng lớp, giai cấp, trình độ, năng lực khác nhau của đối tượng để phân chia các tuyến nhân vật thành hai nhóm đối tượng chính là *tầng lớp trí thức nho sĩ*; *tầng lớp thống trị*. Khảo cứu nghệ thuật xây dựng tình huống châm biếm; giọng điệu châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*, luận án đề xuất, kiến giải ba tình huống châm biếm là *tình huống đảo chiều, quay ngược; tình huống cãi lộn, kiện tụng; tình huống mưu mô do nhân vật sắp đặt*; ba âm sắc của giọng điệu châm biếm là *giọng điệu châm biếm hài hước, giọng điệu châm biếm triết lí, giọng điệu châm biếm mỉa mai*. Bên cạnh đó, việc so sánh với các tác phẩm cùng thể loại ở Trung Quốc và Việt Nam sẽ góp phần làm rõ hơn những nét độc đáo và tinh tế của nghệ thuật châm biếm *Nho lâm ngoại sử*. Với tinh thần học tập không ngừng, với thái độ tôn trọng và cầu thị, chúng tôi sẽ kế thừa và tiếp thu có chọn lọc những thành tựu nghiên cứu trước đó, bổ sung những điểm mới khoa học về nghệ thuật châm biếm tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* trong phạm vi của một luận án. Chúng tôi hy vọng sẽ nhận được những động viên, chia sẻ và những đóng góp chân thành của tất cả những người nghiên cứu văn học để đề tài của chúng tôi đạt được thành công trong thời gian tới.

# Chương 2. LOẠI HÌNH CHÂM BIẾM CỦA *NHO LÂM NGOẠI SỬ*

## 2.1. Khái niệm châm biếm

Theo *Từ điển Từ Hải*, ***Châm*** - 針 - zhēn "là cái kim khâu, dụng cụ may mặc; kim châm, dụng cụ y học cổ đại" [129; 2907]; ***biêm*** - 砭 - biān "là cái kim bằng đá dùng để châm vào cơ thể" [129; 151]. Hiểu theo nghĩa gốc ***Châm biêm*** - 針砭- zhēnbiān "là cái kim bằng đá châm vào da thịt để chữa bệnh, đây là một phương thức trị liệu cổ đại". Theo nghĩa bóng "là lời nói gay gắt, cay đắng để chỉ trích, chê trách nhằm chỉ ra những sai sót, khuyết điểm của con người" [129; 2907].

Theo *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu "***châm*** (針, 鍼) là cái kim khâu, cái kim để tiêm người ốm" [11; 890]; "***biêm*** (砭) là cái kim bằng đá. Ngày xưa có một khoa chữa bệnh dùng kim đá tiêm vào da thịt gọi là biêm. Nay mượn dùng làm lời nói bóng về sự khuyên răn điều lầm lỗi" [11; 527]. Cũng theo *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu, chữ ***biếm*** (貶) có hai nghĩa: "(1) biếm xuống, giảm bớt, đè nén xuống. Quan bị giáng chức gọi là biếm. (2) Chê, như *bao biếm* (褒貶), khen chê" [11; 801].

Trong *Hán Việt từ điển giản yếu* (2009) của Đào Duy Anh thì "***châm*** (針) là cái kim để may vá", "***biếm*** (貶) là chê - đè xuống - giáng chức quan; ***biêm*** (砭) có nghĩa là lấy miếng đá nhọn mà lể người bệnh - can răn điều lỗi" [2; 50]. Cũng theo *Hán Việt từ điển giản yếu* của Đào Duy Anh, ***châm biêm*** (針砭) có nghĩa là "kim và đá dùng để lể huyết trị bệnh - nghĩa bóng để răn điều lỗi, trị thói xấu" [2; 126].

Có một vấn đề về nghĩa của từ ***châm biêm***, ***châm biếm*** mà trong luận án chúng tôi muốn làm rõ để hiểu một cách chính xác hơn. Qua tra cứu các từ điển của Trung Quốc; Việt Nam cùng với việc tiếp thu ý kiến của các chuyên gia văn học Trung Quốc; xét nghĩa từng từ tố và đặt trong nghĩa của từ ***châm biêm***, ***châm biếm*** chúng tôi nhận thấy: theo thói quen sử dụng ngôn ngữ của người

Việt Nam, nếu đúng phát âm Hán Việt của từ ***châm biếm*** (針貶), thì đó là sự kết hợp của hai từ tố ***châm*** (針-zhēn) và ***biếm*** (貶-biǎn), được hiểu theo nghĩa chê bai, chỉ trích, răn đe, răn dạy, trị những thói hư tật xấu của con người. Tuy nhiên, đây là một cách hiểu không chính xác, bởi sự kết hợp của hai âm Hán Việt này chỉ tạo nghĩa trên bề mặt phát âm của ngôn ngữ, người Việt Nam gọi là ***châm biếm***. Chữ ***biếm*** - 貶 (động từ) có nghĩa: giảm bớt, sụt xuống, đè nén, giáng chức, chê bai được sử dụng trong các từ: *biếm trị* (貶值); *biếm truất* (貶黜); *biếm từ* (貶詞); *bao biếm* (褒貶)... Nói cách khác, từ ***châm*** (針) không thể kết hợp với từ ***biếm*** (貶) để tạo nghĩa như đã nói ở trên. Chính xác hơn, ***châm biếm*** (động từ) phải là sự kết hợp của hai từ ***châm*** (針 - zhēn - cái kim tiêm, kim khâu (danh từ)) và ***biêm*** (砭 - biān - kim bằng đá (danh từ)) mới hợp logic và đúng nghĩa đen: cái kim bằng đá châm vào cơ thể để trị bệnh (đây là một phương thức trị liệu cổ đại ngày nay không còn sử dụng) và nghĩa bóng: chỉ trích, chê trách, răn đe, răn dạy, trị những thói hư tật xấu của con người. Như vậy, có thể hiểu theo hướng ***châm biếm*** là một cách nói chệch, nói trại, một sự sáng tạo của người Việt Nam trong quá trình sử dụng từ ***châm biêm*** (針砭 - zhēnbiān), do đó tạo nên hiện tượng đồng âm dị nghĩa với từ ***châm biếm*** (針貶 - zhēnbiǎn), và nó tương đương với cái mà người Trung Quốc gọi là ***phúng thích*** (諷刺), đều dùng để chỉ một hiện tượng trong đời sống và trong văn học.

Theo *Từ điển Hán - Việt* (侯寒江, 麥偉良 (1994),《*漢越詞典*》, 商務印書館) thì ***Phúng*** (讽) có nghĩa là "châm biếm/trào phúng/chế nhạo/nhạo báng [120; 193]. ***Thích***, ***Thứ*** (刺) là "âm thanh xì xoẹt. Chỉ động tác rất nhanh" [120; 91]. Theo đó, nghĩa của từ ***phúng thích*** được hiểu là "châm biếm". Ví dụ. "Tranh châm biếm" [120; 193].

Theo *Hán Việt tự điển* của Thiều Chửu, ***Phúng*** (諷, 讽) nghĩa là "nói mát, nói thác một chuyện khác mà khiến cho người tỉnh biết đổi lỗi đi" [11; 782]. ***Thích*** (刺) có các nghĩa: "đâm chết. Kẻ giết người gọi là thích khách; châm, tiêm, lấy kim đâm vào; gai nhọn" [11; 64]. Như vậy có thể hiểu ***Phúng thích*** (諷刺) là cách nói kín đáo, tế nhị để chế nhạo, chỉ trích.

Theo *Hán Việt tân từ điển* của Hoàng Thúc Trâm, "***Phúng thích*** (諷刺) không đứng ở phía chính diện để công kích những thói hư tật xấu của thời đại hoặc xã hội, mà chỉ vận dụng cơ trí, bằng thái độ mát mẻ, mỉa mai, bỡn cợt từ phía trắc diện, đánh mạnh, đánh nặng vào những khuyết điểm của đối phương. Ở thời đại mà sáng tác càng phải chịu nhiều nỗi trói buộc, tác giả cần càng phải tìm lối thoát ra bằng thể văn phúng thích" [100; 663].

Theo *Hán Việt tân từ điển* của Nguyễn Quốc Hùng, NXB Khai Trí, Sài Gòn, 1975 thì ***Phúng*** (諷, 讽) nghĩa là "đọc lên, ngâm lên - nói xa xôi mà có ngụ ý khuyên răn". ***Thích*** (刺) nghĩa là "đâm bằng vật nhọn - khắc vào". ***Phúng thích*** có nghĩa là "dùng lời bóng gió xa xôi để chỉ trích một người, đả kích một sự việc, để châm chọc điều chướng tai gai mắt".

Qua tra cứu các từ điển của Trung Quốc và Việt Nam, chúng tôi nhận thấy ở Trung Quốc từ ***Phúng thích*** được sử dụng rất phổ biến và nó có sự tương đồng về nghĩa với từ ***Châm biếm*** ở Việt Nam, đều dùng để chỉ trích, khuyên răn, răn trị những thói hư, tật xấu của con người trong đời sống xã hội.

Trong mĩ học, ***châm biếm*** thuộc phạm trù thẩm mĩ cái hài. Các nhà triết học cổ điển Đức đặc biệt chú ý tới yếu tố mâu, thuẫn trong cái hài. Kant cho rằng "cái hài là cái mâu thuẫn giữa cái thấp hèn và cái cao cả. Tình huống hài là sự chờ đợi căng thẳng về cái gì đó mà hiệu quả không có gì cả mà chỉ có tiếng cười mặc dù nó có tính phê phán" [16; 116]. Hegel lại nhìn thấy cơ sở của cái hài là sự mâu thuẫn giữa tính bất lực bên trong và vẻ bề ngoài cố tỏ ra có thực chất, là kết quả của sự tương phản giữa bản chất và hiện tượng, là ưu thế của

hình tượng đối với ý niệm. Đến Tsernushevski, ông đã có cái nhìn toàn diện về bản chất thẩm mĩ của cái hài, ông cho rằng "cái hài là sự trống rỗng và sự vô nghĩa bên trong được che đậy bằng một cái vỏ huênh hoang có nội dung và ý nghĩa thực sự" và "ấn tượng mà cái hài tạo ra trong con người là hỗn hợp giữa cảm giác dễ chịu và khó chịu, song ở đó, sức nặng nghiêng về phía dễ chịu. Đôi khi nghiêng hẳn đến mức cảm giác khó chịu như không còn nữa. Cảm giác này biểu hiện thành tiếng cười" [16; 117]. Ghecxen cho rằng "tiếng cười là một công cụ phá hoại hùng mạnh nhất. Nó đánh và thiêu cháy như sét. Do tiếng cười mà những thần tượng bị sụp đổ". Như vậy "khi nói đến cái hài, người ta nghĩ ngay đến tiếng cười. Tiếng cười là yếu tố không thể vắng mặt trong cái hài, bởi đó là dấu hiệu xác nhận mối quan hệ khách thể - chủ thể. Nếu cái hài là một hiện tượng khách quan thì cái cười là phản ứng chủ quan của con người trước đối tượng khách quan đó. Do đó cái hài thuộc về khách thể thẩm mĩ, còn cái cười thuộc về chủ thể thẩm mĩ. Cái cười là kết quả của cái hài, do cái hài gây nên'' [16; 118]. Tuy vậy, không phải mọi cái cười đều có quan hệ với cái hài, bởi vì trong cuộc sống hằng ngày, con người có thể cười với nhiều lí do khác nhau, có thể là những tình huống ngẫu nhiên hoặc do bản năng, sinh lí. "Cái cười trong cái hài phải là cái cười gắn liền với ý nghĩa xã hội, là kết quả của sự va đập, cọ xát giữa cái đẹp và cái xấu, giữa văn hóa và vô văn hóa, đó là tiếng cười tích cực, tiếng cười của cái đẹp chiến thắng cái xấu, cái cao cả chiến thắng cái tầm thường, ti tiện. Tiếng cười là một loại vũ khí, là phương tiện để phê phán mặt trái của cuộc sống, để phủ định tất cả những gì xấu xa, giả dối, lỗi thời, đó là hình thức phê phán đặc biệt - phê phán bằng cảm xúc đối với những gì đối lập với lí tưởng thẩm mĩ tốt đẹp và điều đó cũng đồng nghĩa với việc khẳng định cái mới, cái tiến bộ, cái đẹp" [16; 118].

Bàn về đối tượng của cái hài, từ Aristotle đến Tsernushevski đều thống nhất quan điểm cái xấu là cái có khả năng gây cười và "cái xấu là nguồn gốc, bản chất của hài kịch". Cái xấu trong xã hội có tính chất phổ biến, ảnh hưởng sâu rộng tới

mọi mặt của đời sống nhân dân được hình thành và phát triển khi xã hội chịu ảnh hưởng của những khuyết điểm về đạo đức của tầng lớp thống trị lên nó. Trong cuộc sống, những cái xấu về mặt xã hội, về nhân cách, đạo đức, lí tưởng, suy nghĩ, thói xu nịnh, háo danh, độc ác, giả dối, nhỏ nhen, ích kỷ đi lệch khỏi chuẩn mực thông thường của sự vật, hiện tượng làm ảnh hưởng tới sự phát triển toàn diện của con người thì đáng phải lên án, loại trừ khỏi cuộc sống. Mặc dù những cái xấu trong cuộc sống được biểu hiện dưới nhiều dạng, nhiều kiểu nhưng điển hình và tiêu biểu vẫn là cái xấu, cái giả, cái ác về mặt đạo đức; cái lạc hậu, tiêu cực về mặt chính trị. Tóm lại, đối tượng của cái hài chủ yếu là những hiện tượng thẩm mĩ tiêu cực tồn tại khách quan trong con người và trong cuộc sống xã hội, nó chứa đựng những mâu thuẫn có khả năng gây cười.

Bàn đến khái niệm châm biếm, trong văn học có rất nhiều ý kiến khác nhau. Trong tiếng Pháp, ***châm biếm*** là *satire*, có nghĩa từ nguyên là cười cợt, ban đầu được dùng đặt tên cho những tác phẩm văn học thời cổ đại La Mã có xu hướng chế nhạo, răn dạy, chẳng hạn như những truyện ngụ ngôn, tiếu lâm, hài kịch,... Về sau ***châm biếm*** được định nghĩa là "*một dạng thức của cái hài*", "*một phương thức miêu tả thực tại*", "*một phương thức xây dựng hình tượng mang tính ước lệ cao*".

Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, ***châm biếm*** có hai nghĩa: "(1) Nói mỉa, dùng nghĩa hàm ẩn với ngụ ý xấu của sự vật này sang sự vật khác. (2) Dùng những lời lẽ bề ngoài là khẳng định, tán dương nhưng thực chất là phê phán, giễu cợt, phủ định" [55; 407].

Theo *Từ điển tiếng Việt* "***châm biếm*** là chế giễu một cách hóm hỉnh, nhằm phê phán, giọng điệu châm biếm, chua cay" [58; 139]. Ở một mức độ sâu hơn, châm biếm dùng những lời lẽ kín đáo nhưng sắc sảo, cay độc vạch trần bản chất xấu xa của đối tượng được đề cập đến. Như vậy, ***châm biếm*** cùng với mỉa mai, cường điệu, phóng đại, khoa trương… xuất hiện trong tác phẩm văn học với tư

cách là "bút pháp nghệ thuật" được dùng để tố cáo, lên án, vạch trần bản chất xấu xa, lỗi thời của xã hội.

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*, "châm biếm là một dạng của trào lưu văn học trào phúng, dùng lời lẽ sắc sảo, cay độc, thâm thúy để vạch trần thực chất xấu xa của những đối tượng và những hiện tượng này hay hiện tượng khác trong xã hội" [24; 53]. Từ cách hiểu này, có thể thấy châm biếm chỉ là một dạng của văn học trào phúng. Nói đến nghệ thuật trào phúng là nói đến nghệ thuật gây tiếng cười, lấy tiếng cười làm phương tiện để biểu hiện thái độ, nhằm vào một đối tượng nhất định. Cũng theo *Từ điển thuật ngữ văn học*, "trào phúng gắn liền với phạm trù mĩ học cái hài với các cung bậc u mua, châm biếm. Văn học trào phúng bao hàm một lĩnh vực rộng lớn với những cung bậc cái hài khác nhau từ truyện cười, truyện tiếu lâm đến tiểu thuyết… Đó là một khái niệm bao trùm lĩnh vực văn học của tiếng cười" [24; 363].

***Trào phúng*** là một từ gốc Hán bao gồm hai từ tố: ***Trào*** (嘲) nghĩa gốc là cười nhạo, chế giễu (ví dụ: *trào hước* (嘲謔 - satyre); *trào lộng* (嘲弄 - se moquer); *trào tiếu* (嘲笑 - railer) và ***Phúng*** (諷) nghĩa là mượn lời nói bóng bẩy để cảm hóa người, nói mát, nói tránh sang một chuyện khác mà khiến cho người đó biết sửa lỗi lầm (ví dụ: *phúng gián* (諷諫); *phúng khuyến* (諷勸); *phúng thích* (諷刺). Như vậy theo nghĩa ban đầu ***trào phúng*** (嘲諷) là nói ví để cười nhạo, dùng lời nói có tác dụng gây cười nhằm châm biếm, phê phán. Trong thói quen ngôn ngữ, trào phúng luôn bao hàm cả hai yếu tố đan trộn lẫn nhau: yếu tố tiếng cười, cái cười và yếu tố răn bảo, đấu tranh chống lại điều lỗi, cái xấu" [38; 29].

Được xem là một dạng của trào phúng, giữa châm biếm và trào phúng có một số đặc điểm chung. Chúng ở trong chính đối tượng của chúng - trong cái hài của những tính cách người được tạo nên bởi những hoàn cảnh khách quan của đời sống xã hội. Chúng ở cả trong khuynh hướng tư tưởng - cảm xúc của chúng - trong sự phủ định giễu cợt của cái hài. Tuy vậy giữa châm biếm và trào

phúng có sự khác biệt trong sắc thái, mức độ của tiếng cười khi miêu tả cùng một đối tượng. Belinxki đã viết đúng về sự khác biệt đó qua các truyện vừa của nhà văn Gogol: "cái umua của Gogol là cái umua điềm tĩnh, điềm tĩnh trong sự căm phẫn của mình, hiền hậu trong chính sự ranh mãnh của mình... Nhưng trong tác phẩm còn có cái umua khác, nghiêm khắc và công khai; nó châm đến đổ máu... quất phải, quất trái bằng cái roi da của mình... cái umua gắt gỏng, độc địa, không thương xót". Chính tiếng cười "gắt gỏng, độc địa không thương xót" ấy là biểu hiện đặc trưng của châm biếm, cái thường bị thống nhất cùng trào phúng trong một tác phẩm.

Tiểu thuyết *Những linh hồn chết* của Gogol là một tác phẩm như vậy, nó đánh dấu bước phát triển quan trọng của văn học Nga giữa thế kỷ 19, khẳng định sự thắng lợi của chủ nghĩa hiện thực, làm chấn động toàn bộ nước Nga rộng lớn. "Gogol đã sử dụng tiếng cười như một vũ khí lợi hại, sắc bén, tấn công dữ dội, liên tiếp vào giai cấp thống trị của nước Nga nông nô chuyên chế. Bọn địa chủ quý tộc quản lí điền trang ra sao, bọn quan lại cai quản quốc gia thế nào, bọn tư sản làm giàu bằng những thủ đoạn gì, nhân dân Nga sống khổ cực đến mức nào và nước Nga sẽ đi về đâu, đó là những vấn đề cấp bách của thời đại được nhà văn can đảm đề cập đến, vạch trần tất cả sự thật "làm chấn động cả nước Nga"... Bên cạnh "những linh hồn chết" ấy, là hình tượng nhân dân và nước Nga vừa khổ đau bất lực, vừa mang trong mình những sức lực và khả năng tiềm tàng vô tận... Tác phẩm lên án "những linh hồn chết" đang thống trị nước Nga, tố cáo mãnh liệt ách áp bức bóc lột nhân dân, tình trạng quan liêu thối nát của nhà nước chuyên chế" [54; 135].

Tiểu thuyết *Lịch sử một thành phố* là một tác phẩm có giá trị và sâu sắc nhất của nhà văn Nga Shchedrin về toàn bộ những mâu thuẫn chính trị của thời đại. Đó là mâu thuẫn đối kháng sâu sắc giữa cuộc sống nhân dân và hoạt động của nhà nước chuyên chế phản động đã thống trị hoàn toàn đất nước sau khi cải cách. Sự châm biếm sâu sắc của nhà văn nhằm vạch ra trong đó tính khôi hài

nặng nề, u ám "những hành vi" của những tên thủ trưởng thành phố liên tiếp thay nhau - những kẻ đặt kì vọng vào tầm quan trọng và sự vô hạn quyền lực của mình thi hành một cách máy móc và vô cảm bộ máy quân sự áp bức, nô dịch, làm khổ nhân dân. Hoạt động của tất cả các kẻ đứng đầu thành phố Glunôv, cách này hay cách khác thấm sâu bằng cái bi kịch nặng nề và ảm đạm, khiêu khích tiếng cười căm phẫn, châm chọc độc địa đối với tất cả. Nó biến thành phố Glunôv thành trại lính, chia cắt nó thành "một vài nhóm lưu đày" và cứ mỗi một nhóm trong số chúng cài đặt một tên gián điệp, cuối cùng, nó đã quyết định triệt hạ thành phố… Tất cả điều đó không cười cợt, tất cả điều đó đánh thức sự phẫn nộ, chuyển sang sợ hãi. Hình tượng toàn bộ điều đó là châm biếm - nguyền rủa, kêu gọi sự can thiệp, báo thù.

Như vậy, từ những quan điểm khác nhau về châm biếm, đồng thời qua thực tế những tác phẩm châm biếm, theo chúng tôi: ***Châm biếm thuộc phạm trù thẩm mĩ cái hài, là một trong những cung bậc cao nhất của tiếng cười, sắc thái giọng điệu ẩn đằng sau hình tượng phúng dụ qua lời lẽ kín đáo, ngầm mỉa mà sắc sảo, cay độc, lôi tuột ra ngoài ánh sáng bản chất xấu xa của đối tượng được đề cập đến.***

Trong mĩ học, tùy thuộc vào mỗi loại đối tượng mà cái hài được biểu hiện với những tính chất và mức độ khác nhau, tạo ra tiếng cười với những cung bậc và sắc thái không giống nhau: từ hài hước, dí dỏm đến mỉa mai, châm biếm, đả kích.

Ở mức độ ***hài hước*** (còn gọi là u mua, trào lộng, khôi hài) trong tiếng Anh là *humor*, nghĩa gốc là chất lỏng, chất nước, dịch lỏng trong cơ thể người, tư chất người, khí sắc tinh thần con người. Theo nghĩa phái sinh hiện đại là thiên hướng thích đùa cợt, hóm hỉnh, chế nhạo vô hại. *Hài hước* thuộc phạm trù mĩ học cái hài, là cung bậc thấp nhất của tiếng cười. Có thể thấy rằng đặc điểm của tiếng cười nhằm mua vui, giải trí cho mọi người. Cái cười xuất phát từ mâu thuẫn bề ngoài và mang tính chất vô tư, thoải mái, nhằm xây dựng cho đối tượng, loại bỏ những điểm yếu để đối tượng ngày một hoàn thiện hơn. Đối

tượng của nó là những thói hư, tật xấu bề ngoài của con người như nếp sống, tính cách, thị hiếu thẩm mĩ, nói như Aristotle nó "không làm ai đau khổ và không tổn hại đến ai". Karl Marx cho rằng "nhân loại có thể rời bỏ quá khứ một cách vui vẻ và cái vui vẻ ấy là sự hiện diện của cái hài và ý nghĩa xã hội của nó". Xét theo cấp độ này, tiếng cười có khả năng uốn nắn, sửa chữa những thói hư tật xấu của con người một cách nhẹ nhàng nhưng đầy thiện ý nhằm khéo léo vạch ra những mâu thuẫn giúp người ta nhận ra sự trớ trêu của tình huống, nhờ đó mà phân biệt được đúng - sai. Thái độ chế giễu của hài hước thường kết hợp với cảm xúc thương hại, lặng buồn trước sự lừa dối và lầm tưởng, trước sự hạ thấp phẩm chất con người. Chất hài hước chân chính bao giờ cũng xuất phát từ cảm xúc mang đậm tính suy tư, triết lí và khuynh hướng khái quát hóa về những thiếu sót, khiếm khuyết của cuộc đời. Theo *Từ điển thuật ngữ văn học* thì đây không phải là tiếng cười vô bổ, "phép biện chứng của trí tưởng tượng phóng khoáng hé mở cho ta thấy đằng sau cái tầm thường là cái cao quý, sau cái điên rồ là cái anh minh, sau cái buồn cười là nỗi đau" [24; 43]. Nói như nhà văn Gogol, qua tiếng cười hài hước ta nhìn thấy được "*những giọt nước mắt thầm kín*", những giọt nước mắt có tác dụng "*thanh lọc*" đối với tâm hồn, nhân tính. Bởi vậy, tiếng cười hài hước là một biểu hiện của tinh thần lạc quan và tài năng của con người.

***Mỉa mai*** (*irony*) vốn bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp cổ (*eironia*), xét theo nghĩa gốc là tên thật của một thằng hề luôn giả vờ nói những lời ngốc nghếch trước những nhà thông thái nhưng đó chính là chân lí, còn những lời có vẻ thông thái kia lại rất ngu xuẩn. Bởi vậy, hiểu theo nghĩa phái sinh hiện đại có nghĩa là giả vờ, là thái độ của người tỏ vẻ ngu ngốc, dại khờ so với bản chất thật của họ. Trong mĩ học, *mỉa mai* là một phạm trù thẩm mĩ, một dạng của cái hài mà ở đó, sự khôi hài cùng với thái độ "*cười vui*" tán thưởng. "Tính chất phức tạp của mỉa mai chỉ là hình thức, tính nghiêm túc của nó là không có thật, bản chất của nó thuần túy là tài nghệ trình diễn. Ngược lại, độ phức tạp của sự hài hước là sâu sắc,

tính nghiêm túc của nó là chân thực, bản chất của nó là nhân sinh quan triết lí ẩn sâu trong tiếng cười tưởng như vô thưởng vô phạt" [38; 33].

Theo Trần Thị Hoa Lê, "trong lĩnh vực ngôn ngữ và ngôn ngữ nghệ thuật, mỉa mai còn được gọi là phản ngữ, nói ngược, là những hình thức ngôn ngữ gắn liền với tư tưởng coi trọng nguyên tắc trò chơi cũng như coi trọng phương diện tiếng cười của đời sống. Lối nói ngược có tác dụng nén sức mạnh phản đối để nó bùng lên mạnh mẽ trong ý thức người tiếp nhận, đồng thời lại tạo cho một bề ngoài mới lạ, kích thích được khả năng nhận thức tích cực. Nổi bật trong lời nói mỉa mai là "giọng điệu tán dương vờ vĩnh", đôi khi giọng điệu này trở nên kịch liệt hơn, chuyển thành sự châm chọc cay độc, sự châm biếm trí tử, thành thái độ chế giễu một cách phẫn nộ và đầy tố cáo. Có thể nhận thấy giữa ranh giới mỉa mai và châm biếm nhiều khi không rõ ràng là vậy" [38; 33].

***Châm biếm*** không giống các dạng thức khác của cái hài như ***hài hước***, ***mỉa mai*** ở đặc điểm cơ bản là "*màu sắc tiêu cực được tô đậm của khách thể thẩm mĩ*". Thông qua các biện pháp cường điệu, phóng đại, ngoa dụ, nghịch dị..., hình tượng châm biếm bóp méo có chủ đích đối tượng phản ánh, từ đó "*kích thích và làm sống dậy cái trí nhớ về những giá trị cao* (*chân, thiện, mĩ*)". Trong mĩ học, đối tượng của châm biếm là cái xấu, kẻ thù của cái đẹp; đó là những tàn dư của xã hội cũ, những hiện tượng đã lỗi thời, lạc hậu không còn thích hợp trong thời điểm hiện tại và tỏ ra nguy hiểm về mặt xã hội. Như vậy, nói một cách khái quát, đối tượng của châm biếm là những thói hư, tật xấu trong xã hội và châm biếm "thường chĩa mũi nhọn vào kẻ thù của nhân dân, của tư tưởng tiến bộ trong lịch sử... đả kích bọn thống trị tàn bạo, hà khắc, bọn xâm lược và bè lũ phản bội, bán nước cầu vinh" [24; 54].

Nếu dạng thức hài hước chủ yếu khai thác trong quan hệ có tính chất riêng tư, cá nhân, thái độ chế giễu đi kèm nỗi buồn và nước mắt thì dạng thức châm biếm hoàn toàn ngược lại, châm biếm chủ yếu khai thác mâu thuẫn trong quan hệ công dân - xã hội, thái độ chế giễu luôn đi cùng sự căm phẫn, tố cáo. Trong

những tác phẩm châm biếm đặc sắc được đánh giá cao thì phải "lấy công tâm chỉ trích những tệ lậu của thời đại", nếu không công tâm, khách quan thì người viết dễ rơi vào khoa trương, phóng đại đối tượng theo thù oán cá nhân riêng. Như vậy, một tác phẩm châm biếm xuất sắc, được đánh giá cao là nhà văn "phải biết giữ lòng căm tức để đào sâu vào những mâu thuẫn nội tại của đối tượng phê phán, buộc nó tự tố cáo, lên án cái phi lí và phi nghĩa của mình" [43; 446]. Nhà văn trong quá trình sáng tác, không bộc lộ thái độ một cách trực tiếp, mà chỉ thông qua việc xây dựng nên các mâu thuẫn trong nội tại của nhân vật, buộc nhân vật tự bộc lộ, thể hiện, tự tố cáo và lên án cái phi lí, vô lí của mình; nhân vật "tự vạch áo cho người xem lưng" và độc giả sẽ nhìn nhận ra mâu thuẫn vô nghĩa lí đó. Tiếng cười bật ra phủ định, tẩy chay và tiêu diệt đối tượng một cách triệt để, đó là tiếng cười có "tầm cao văn hóa và nhân bản, là thước đo trình độ tiến bộ của xã hội", tiếng cười ấy chứa đựng sự đau đớn, đắng cay vì những thói hư, sự lầm lạc của con người, nhưng "khi cười cái xấu, chúng ta trở nên cao hơn nó". Nói cách khác, người nghệ sĩ phải tập trung khai thác những mâu thuẫn mang tính hài hước của đối tượng. Mâu thuẫn ấy chính là sự đối lập, sự không tương xứng, hài hòa giữa thực chất bên trong với vẻ bề ngoài mà hiện tượng ấy muốn có hoặc giả vờ có. Những mâu thuẫn ấy vô cùng phong phú và đa dạng, là chất liệu nhiều màu sắc trong mảng hiện thực cuộc sống gắn liền với cuộc sống và cuộc đời tác giả. Những dạng mâu thuẫn giữa cái đẹp và cái xấu, giữa hình thức với nội dung, bản chất với hiện tượng, mục đích với phương tiện, ý nghĩa với hành động, lời nói và việc làm... Đó là loại mâu thuẫn mà Tsernushevski khái quát "là sự trống rỗng và vô nghĩa ở bên trong được che đậy bằng một cái vỏ huênh hoang tự cho rằng nó có nội dung và ý nghĩa thật sự".

Ở Trung Quốc, giữa thế kỷ 18 tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử yếu tố châm biếm hiện thực xã hội ngày càng xuất hiện rõ. Nhà văn Ngô Kính Tử với tư tưởng dân chủ, tiến bộ đã ý thức được cái hài kịch của bậc thang giá trị đạo đức phong kiến - quan liêu đã thống trị Trung Hoa hàng ngàn năm

lịch sử, ở đó như một sự biểu hiện bản chất của đời sống dân tộc mà cơ bản nó đã mất đi nội dung tiến bộ. Trong hoàn cảnh xã hội bắt đầu bước vào cuộc khủng hoảng của nền quân chủ chuyên chế, giai cấp cầm quyền suy thoái, hủ bại, tầng lớp trí thức và quan lại thì tham lam, vô sỉ đã làm biến dạng toàn bộ xã hội và con người Trung Hoa trên mọi phương diện của đời sống. Nhà văn Ngô Kính Tử nhận thức tính cách nhân vật của mình, từ quan điểm ấy, ông đã nhìn nhận trình độ đạo đức và trạng thái của mỗi người trong những mối quan hệ đời sống - xã hội và gia đình riêng của họ. Tác giả càng ý thức được cái hài kịch của cái trống rỗng đời sống và sự xuống cấp đạo đức phong kiến của tầng lớp thống trị và trí thức nho sĩ vì cái lí tưởng công danh hão huyền. Tiếng cười của *Nho lâm ngoại sử* bề ngoài càng vui vẻ, mỉa mai thì bên trong càng trở nên buồn thảm, độc địa, chua chát, và tiếng cười châm biếm ấy trở thành cây roi quất điếng người đến bật máu mà đầy thương cảm, xót xa.

## 2.2. Những tiền đề hình thành tư tưởng châm biếm của Ngô Kính Tử

### *2.2.1. Ảnh hưởng của truyền thống văn hóa - văn học dân tộc*

Với lịch sử hơn 5000 năm, ngay từ thời cổ đại, Trung Quốc đã tự khẳng định là một thiên triều, chiếm giữ vị trí trung tâm của vũ trụ. Trong quan niệm của người Trung Quốc, đây là mảnh đất ngự trị của con người và thần linh. So với các nền văn hóa khác trên thế giới thì nền văn hóa Trung Hoa là một trong những nền văn hóa cổ xưa và lâu đời nhất. Trải qua các triều đại khác nhau, nền văn hóa ấy vẫn luôn tồn tại và không ngừng phát triển. Trong cuốn *Giáo trình văn hóa phương Đông*, Trần Lê Bảo cho rằng "nền văn hóa này dung hợp mọi tinh hoa của các nền văn hóa khác để làm phong phú cho văn hóa dân tộc mình" [7; 75]. Sự ảnh hưởng của Phật giáo đến từ Ấn Độ cùng với quá trình phát triển nội sinh của Nho giáo, Đạo giáo, "đến đời Tống chúng lại được hợp thành một mối, mà người ta quen gọi là "Tam giáo đồng nguyên", hết sức phù hợp với tư tưởng, tình cảm và tín nhiệm của người Trung Quốc" [7; 75]. Dưới ảnh hưởng của các tôn giáo, văn hóa Trung Hoa được tạo thành một hệ thống văn hóa có

giá trị sâu sắc và phong phú. Sự dung hợp của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo đã tạo nên những nét đặc trưng riêng của văn hóa Trung Quốc, đó là mối quan hệ đặc biệt hai chiều giữa chính trị và tôn giáo, hay "chính trị hóa tôn giáo" và "tôn giáo hóa chính trị". Các khái niệm "thiên nhân hợp nhất", "kính thiên tri mệnh", và năm đức tính bao gồm nhân, lễ, nghĩa, trí, tín đều là sản phẩm giáo huấn của Nho giáo diễn ra suốt chiều dài lịch sử Trung Hoa. Nho giáo với ưu thế của mình luôn giữ một ví trí và vai trò đặc biệt, có tầm ảnh hưởng sâu sắc tới mọi mặt của đời sống nhân dân. Nho giáo nhấn mạnh về hệ thống đạo đức cho xã hội, gia đình và cá nhân. Những lời dạy của Khổng Tử (551 TCN-479 TCN), người sáng lập ra Nho giáo là những nguyên tắc hướng dẫn cho hầu hết mọi triều đại Trung Hoa bắt đầu từ nhà Hán (206 TCN-220). Chính việc vận dụng linh hoạt Nho giáo đã đảm bảo cho sự tồn tại của các thể chế chính trị qua các thời kì khác nhau.

Ngô Kính Tử vốn thông minh, lại học rộng, hiểu sâu, am tường các kinh điển của Nho gia như *Tứ Thư, Ngũ Kinh*, lại chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Nho giáo, khi còn trẻ ông không ngừng cố gắng cho lí tưởng tu thân tề gia trị quốc bình thiên hạ. Thừa hưởng những tinh hoa của dân tộc, dòng họ, Ngô Kính Tử thử sức, dấn thân vào chốn quan trường đầy hiểm trở nhằm viết tiếp trang sử vẻ vang truyền thống của cha ông. Nhưng hiện thực xã hội diễn ra không như nhà văn suy nghĩ, và nó đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư tưởng sau này của nhà văn Ngô Kính Tử trong quá trình đi tìm sự thật cuộc sống. Bên cạnh đó, nền văn học Trung Quốc vô cùng phong phú và đa dạng, phát triển liên tục bền bỉ suốt 3000 năm lịch sử, "chỉ cần ít nhất hai cây bút là hình thành một tư trào, lưu phái". Trải qua các triều đại khác nhau, dù lịch sử có nhiều thăng trầm, biến động nhưng nền văn học Trung Quốc vẫn luôn song hành thịnh suy cùng các thể chế chính trị, bởi "chính trị ảnh hưởng mật thiết đến văn học". Thể chế chính trị cùng với những yếu tố khác của thời đại đã góp phần vào sự hình thành và phát triển của các thể loại văn học như: Phú ở đời Hán, Thơ ở đời

Đường, Từ ở đời Tống, Kịch ở đời Nguyên… Có thể nói, văn học đã phát huy hết vai trò của mình trong việc phản ánh hiện thực lịch sử, xã hội và con người Trung Hoa. Nhìn vào tiến trình của lịch sử văn học, từ văn học tiên Tần đến văn học Minh Thanh, ở mỗi thời kì khác nhau văn học vẫn luôn phát triển với nhiều loại hình đa dạng và nội dung phong phú, sâu sắc.

Từ cổ xưa, Trung Quốc đã sớm có truyền thống văn học châm biếm, *Kinh thi* là tác phẩm phát huy mạnh mẽ tinh thần châm biếm với hơn 300 bài thơ được Khổng Tử biên soạn, nội dung vô cùng phong phú. *Kinh thi* được ví như một bức tranh miêu tả toàn cảnh về hiện thực xã hội Trung Quốc thời Chu từ lịch sử, phong tục tập quán, tình trạng xã hội và chế độ chính trị. Trong *Kinh thi* sắc thái hài hước chủ yếu thể hiện ở hài hước tính cách, hài hước tình cảnh và hài hước - châm biếm. Hài hước tình cảnh luôn tuân theo quy phạm "hước nhi bất ngược", vui vẻ nhẹ nhàng, còn hài hước - châm biếm lại hướng tới mục đích phê phán trong tiếng cười. Ngoài ra, truyện cười cổ đại và hài hước của người Trung Quốc bắt nguồn từ sáng tác dân gian, hành vi lời nói châm biếm và sáng tác mang ý thức văn nhân. Truyện cười dân gian thường dùng thủ pháp phóng đại, gần với hoang đường nhưng lại hợp tình, hợp lí, phù hợp quy luật nghệ thuật, truyện cười châm biếm lại có tính phê phán trực diện, còn truyện cười của văn nhân lại mềm mại, nhẹ nhàng, tinh tế.

Trong ngụ ngôn tiên Tần, vẻ đẹp hoạt kê của nó có đặc điểm hồn nhiên trong sáng, vui vẻ nhẹ nhàng, châm biếm thường thẩm thấu trong việc khuyên bảo con người hiểu được lí lẽ, có được sự khéo léo của sự kết hợp giữa tình và lí, cái đẹp hài kịch đã phát hiện ra các nhân tố cơ trí nổi bật khác thường nơi tính cách hài hước của nhân vật, đồng thời phát hiện ra hình tượng nghệ thuật của nó mang vẻ đẹp nhân cách và vẻ đẹp trí tuệ. Trong *Tả truyện,* châm biếm hài hước là cái đặc sắc quan trọng, tồn tại ở rất nhiều phương diện như việc lựa chọn đề tài, tinh luyện tình tiết, khắc họa nhân vật, sắp xếp tự sự, vận dụng ngôn ngữ… của tác phẩm, khiến cho tác phẩm có được sức hấp dẫn đặc sắc.

Đến *Sử ký*, tác phẩm được coi như hình mẫu cho văn học với phong cách sáng tạo độc đáo của Tư Mã Thiên qua cách sử dụng ngôn ngữ bình dân, dí dỏm và phong phú như một tác phẩm thơ không vần. Tác giả thông qua việc miêu tả hành động bằng ngôn ngữ để khắc họa bộ mặt tinh thần và tính cách của nhân vật. Sự cô đọng, súc tích, trong cách viết khi chỉ miêu tả những điểm cốt yếu, ngắn gọn dễ hiểu mà đầy thâm ý đã đưa Tư Mã Thiên xếp ngang hàng với những nhà văn bậc thầy của thế giới.

Để phản ánh cuộc sống xã hội rộng rãi hơn so với các tác phẩm văn học trước kia, đặc biệt là cuộc sống của người phụ nữ lớp dưới, những người làm nghề thủ công, buôn bán nhỏ vốn thấp kém về địa vị xã hội thì sự ra đời của tiểu thuyết bạch thoại (thoại bản) là một sự kiện lớn trong lịch sử văn học Trung Quốc. Ra đời vào thời Tống, thoại bản xuất hiện tạo ra một cục diện mới cho văn học, góp phần truyền tải một khối lượng lớn hiện thực cuộc sống vào trong trang sách. Đến thời Minh, tiểu thuyết bạch thoại phần lớn miêu tả và phản ánh những sự kiện lớn lao và phê phán tác phong trụy lạc của xã hội đương thời. Một số bộ tiểu thuyết tuy không trực tiếp miêu tả những sự kiện lớn lao về chính trị, quân sự nhưng các tác giả đã dùng bút pháp châm biếm và phê phán thế tục suy đồi, quanh co của đời sống xã hội. Cuối đời Thanh, tiểu thuyết dài bạch thoại mới phát huy hết vai trò của mình, đạt tới đỉnh cao với những thành tựu tiêu biểu như *Nho lâm ngoại sử, Hồng lâu mộng.*

Văn học châm biếm bao hàm đặc điểm của umua, nhưng tác phẩm umua cũng rất hưởng ứng đặc trưng châm biếm. Vương Lợi Khí trong lời tựa của "Lịch đại tiếu thoại tập" đã tổng kết tác dụng của "tiếu thoại": "Trọng điểm của tác phẩm tiếu thoại qua các thời đại đều là ở miêu tả đặc trưng phản diện châm biếm điển hình, mượn thủ pháp khoa trương phóng đại, làm cho nhân vật phản diện càng thêm ngu xuẩn hóa". Châm biếm vì thế đã bước vào lĩnh vực của umua. Trong tác phẩm nghệ thuật cụ thể, umua và châm biếm thường cùng được vận dụng, kết hợp với nhau, biểu hiện ra ý niệm, thái độ, phương pháp,

thậm chí hiện qua thẩm mĩ trùng hợp, cấu thành lên hình thức umua mang tính châm biếm.

*Nho lâm ngoại sử* là đỉnh cao của nghệ thuật châm biếm, là sự kết tinh truyền thống châm biếm trong văn học Trung Quốc từ thời cổ đại đến thời Minh Thanh. Với tư tưởng mới mẻ, tiến bộ, cùng với khả năng thiên bẩm của nhà văn đã đưa *Nho lâm ngoại sử* trở thành tượng đài bất tử trong lịch sử văn học Trung Hoa. Ngô Kính Tử đã tạo cho mình một phong cách châm biếm độc đáo; kiểu cười mỉa mai ngầm ẩn qua nghệ thuật miêu tả nhân vật; cách sử dụng ngôn ngữ đặc sắc (lối văn đơn giản, mỗi chữ, mỗi ý, lời ít ý nhiều, chữ nào cũng bao hàm tính chất phê phán, cân nhắc); giọng điệu khách quan, lúc thâm trầm, kín đáo; lúc dữ dội, chua chát, cay độc.

Là một nhà văn, nhà thơ cuộc đời sáng tác của Ngô Kính Tử đầy chông gai, sóng gió; ông như con thuyền lênh đênh giữa biển khơi chở nặng tư tưởng, truyền thống dân tộc. Con thuyền ấy có lúc chơi vơi, có lúc lặn ngụp trong phong ba bão táp, nhưng vẫn luôn giữ được chí khí, cốt cách hiên ngang để đến được bến bờ của nghệ thuật tinh anh.

***2.2.2. Ngô Kính Tử trong mối quan hệ với gia đình và hoàn cảnh xã hội***

Ngô Kính Tử (吴敬梓) (1701-1754) tự Mẫn Hiên (敏轩), hiệu Lạp Dân (粒民), cuối đời lấy niên hiệu Văn Mộc lão nhân; một thời gian dài sống ở Nam Kinh nên ông cũng tự gọi mình là "Tần Hoài ngụ khách" (秦淮寓客); người quê huyện Toàn Tiêu (全椒), tỉnh An Huy (安徽). Ngô Kính Tử xuất thân từ danh gia vọng tộc, theo truyền thuyết cao tổ Ngô Bái (吴沛) là hậu duệ của Chu Thái Vương thứ tử Trọng Ung (仲雍), cho nên Ngô Kính Tử cũng tự xưng là hậu nhân của Trọng Ung. Tằng tổ là Ngô Quốc Đối, đỗ thám hoa đời Thuận Trị, ông cũng viết thơ và tản văn; ông nội là Ngô Hán, mất sớm; cha là Ngô Lâm

Khởi đỗ bạt cống năm Bính Dần thời Khang Hi (1686), làm giáo thụ huyện Cống Du, người rất thẳng tính. Ngô Kính Tử ca ngợi cha: "Giữ được cái huyền bí của Tử Vân, an phận nghèo của Kiềm Lâu", "ăn rau dưa mà nhàn nhã, thong thả cầm cốc uống rượu". Có thể thấy ông là trí thức xem trọng tiết tháo, coi thường lợi danh, thái độ sống và đức độ của người cha đã ảnh hưởng sâu sắc đến Ngô Kính Tử. Năm 13 tuổi mồ côi mẹ, 14 tuổi theo cha đến Cống Du. Năm 20 tuổi ông thi đậu tú tài, thời gian sau không có tiến triển gì hơn, ba năm sau cha ông mất một cách oan ức, từ đó cuộc sống của ông cũng thay đổi, ông thường lui tới Nam Kinh mục đích ngắm cảnh phồn hoa. Do có điều kiện để thâm nhập cơ sở xã hội nên ông tỏ thái độ khinh miệt tiền tài, luôn có tinh thần vui vẻ với người khác, Ngô Kính Tử là người lanh lợi, tinh thông sách vở nhưng thi cử không được như ý. Chán nản với thi cử và thời cuộc, ông tiêu tiền như rác "nghiêng bầu rượu suốt ngày đêm", kết bạn tam giáo cửu lưu nên chưa đầy mười năm đã bán hết gia sản. Do bởi cuộc sống bức bách, năm 35 tuổi ông xuống Nam Kinh, sống cuộc đời ngụ cư, nhìn thấy sự phồn hoa của Nam Kinh cùng những điều xấu xa được phồn hoa che đậy càng kích phát ông nghĩ đến cách cải tạo xã hội. Năm Ung Chính thứ 14 (1736), Ngô Kính Tử lúc này 36 tuổi, tuần phủ An Huy, Triệu Quốc Lân tiến cử ông lên Bắc Kinh dự khoa thi "bác học hồng từ", ông không đi và từ đây ông có con mắt nhìn khác, thái độ khác đối với khoa cử, không còn thiết tha như trước nữa. Từ chỗ nhiệt tâm với khoa cử ông đã chuyển sang chán ghét, từ chỗ khát vọng công danh, phú quý đã chuyển sang vứt bỏ. Từ 41 tuổi về sau cuộc sống của ông rất nghèo, cả ngày đóng cửa trồng rau, cùng đầy tớ làm tất cả mọi việc vặt, cuộc sống tuy túng bấn nhưng tính cách kiên cường của ông không bao giờ chịu khuất phục trước cảnh đói. Mười năm sau vua Càn Long hành du Giang Nam, ông "vắt chân chữ ngũ nằm trên giường" tỏ thái độ khinh thường cả "đấng tối cao" của giai cấp thống trị không màng công danh phú quý. Năm 39 tuổi, Ngô Kính Tử bắt đầu viết

*Nho lâm ngoại sử* (儒林外史), mười năm sau, khi Ngô Kính Tử 49 tuổi, bộ trứ tác đồ sộ *Nho lâm ngoại sử* với 30 vạn chữ cuối cùng đã được hoàn thành.

Như vậy, cuộc sống tư tưởng của ông có sự chuyển biến lớn, cuộc sống từ giàu sang trở nên nghèo hèn, tư tưởng từ chỗ thương tiếc cho ông cố Ngô Quốc Đối đến già mới đỗ tiến sĩ, chuyển sang cách nhìn trái ngược đối với công danh phú quý. Qua cuộc đời của Ngô Kính Tử ta thấy xã hội phong kiến mà ông đang sống đã đảo lộn, thay đổi. Con người từ chỗ phú quý có thể thành bần hàn, dân đen cũng có thể trở thành quan trạng; cách nhìn nhận con người của Ngô Kính Tử đối với chế độ cũng khác đi, ông ngày càng mất niềm tin vào chế độ mình đang sống và xa hơn nữa là chống đối lại những lễ giáo của xã hội đó. *Nho lâm ngoại sử* miêu tả sự thối nát và mục ruỗng của chế độ khoa cử nói riêng và hiện thực xã hội Trung Hoa nói chung, một chế độ tham lam, vơ vét của nhân dân để làm giàu cho nền quân chủ chuyên chế. Không đi theo những gì mà chế độ xã hội đã vạch ra, không như những người khác, Ngô Kính Tử đã lựa chọn con đường riêng cho chính mình. Lúc còn nghèo đói, ngụ ở bến Tần Hoài, Ngô Kính Tử có viết hai câu:

"*Riêng mừng thầm một việc*
*Chưa luồn cúi cửa quan*"

Thái độ như vậy dẫn ông đến chỗ khinh thường công danh phú quý, thà sống nghèo mà thanh sạch, bữa cơm rau cháo nhưng nhàn nhã, đó là một điều rất đáng quý và khâm phục. Ông viết *Nho lâm ngoại sử* suốt một thời gian dài với niềm phẫn uất khôn nguôi, phẫn uất cái chế độ phong kiến suy tàn đã đẻ ra những "kì hình quái trạng" đang tồn tại ngay giữa cuộc đời. Sự phát phẫn trong con người Ngô Kính Tử bộc lộ qua lớp vỏ ngôn từ một cách kín đáo, tế nhị nhưng bút lực lại có sức công phá mãnh liệt, nhắm thẳng vào cái xã hội phong kiến hủ lậu, suy đồi. Ngô Kính Tử đã đem những gì thấy được, nghe được trong cuộc sống cùng với cái đẹp và những cái giả tạo xấu xa của một số văn nhân

trong khoa cử phô bày ra để răn người đời sau, tác phẩm trở thành kiệt tác của tiểu thuyết phúng thích cổ điển Trung Hoa.

**2.3. Đặc trưng châm biếm của *Nho lâm ngoại sử***

Muốn xác định loại hình châm biếm của *Nho lâm ngoại sử*, trước tiên cần xác định khái niệm loại hình. *Loại hình* có nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp, có nghĩa là "dấu", "vết tích", "kiểu mẫu". Nó được sử dụng tương đương với chữ "type" trong tiếng Anh, "typé" trong tiếng Pháp và "тип" trong tiếng Nga. Theo *Tự điển bách khoa Xô viết* (1985), khái niệm loại hình có ba nét nghĩa cơ bản: "Thứ nhất: là *hình thái, dạng, loại* của một cái gì đó có những đặc điểm chung thuộc về bản chất, là kiểu mẫu, là mô hình của một cái gì đó. Thứ hai: là đơn vị phân chia từ hiện thực được nghiên cứu theo phương pháp loại hình học. Thứ ba: là con người có những đặc điểm tính cách nào đó, là đại diện tiêu biểu của một nhóm người, ví như một tầng lớp, một giai cấp, một dân tộc hay một thời đại" [Dẫn theo 66; 5].

Trước đó, trong bài viết *Nghiên cứu văn học theo phương pháp loại hình* (1972) tác giả M.B.Khrapchenko cho rằng nghiên cứu văn học theo phương pháp loại hình là "tìm hiểu những nguyên tắc và những cơ sở cho phép nói tới tính cộng đồng nhất định về mặt văn học - thẩm mĩ, tới việc một hiện tượng nhất định thuộc về một kiểu, một loại hình nhất định" [Dẫn theo 66; 5].

Song song với khái niệm "loại hình", trong luận án chúng tôi xác định thêm khái niệm "loại hình châm biếm". ***Nói đến loại hình châm biếm là nói đến các kiểu cười, kiểu châm biếm nhằm mục đích tìm ra những nét chung nhất của các đối tượng bị châm biếm, gây cười.***

Trong sự phát triển của tiểu thuyết Trung Hoa, những việc nhỏ bé, vặt vãnh tầm thường mà có ý chê bai đã xuất hiện từ thời Tấn, Đường. Đến thời Minh, tiểu thuyết thế thái nhân tình ngụ ý châm biếm, phúng thích phê phán thói đồi phong bại tục xuất hiện ngày càng nhiều. Tiểu thuyết thời này "cực tả cái quê lậu, kém cõi của nhân vật coi như nền lót, hay kí thác cho kẻ tuấn sĩ làm

nổi bật tài hoa của nhân vật, vì vậy mà thường mô tả quá đáng không hợp tình, thường giống như bông đùa để mua cười, như kể chuyện tiếu lâm" [90; 229]. Sang đời Thanh, một số bộ tiểu thuyết có nội dung châm biếm hiện thực xã hội lại càng rõ nét hơn, có thể kể đến *Trảm quỷ truyện* của Lưu Chương. Đây là tác phẩm kế thừa dư vị của bộ *Tây du bổ*, nội dung đề cập tới câu chuyện Chung Quỳ tiêu diệt bọn ác quỷ ẩn ẩn hiện hiện trên cõi đời. Lưu Chương đã xây dựng các mẫu ác quỷ phá phách tác quái có ý nghĩa tượng trưng cho các hạng người khác nhau trong xã hội như: quỷ quấy rối, quỷ thối tha, quỷ ruỗng nát, quỷ lừa đảo... Với mục đích vạch trần bộ mặt xã hội, tuy nhiên ngòi bút châm biếm của nhà văn chưa thật sâu sắc, chưa khái quát hết được chiều rộng và chiều sâu của vấn đề do đó sức ảnh hưởng và giá trị tác phẩm không được đánh giá cao trên văn đàn từ nó khi xuất hiện. Sau bộ *Trảm quỷ truyện*, còn có bộ *Tỉnh thế nhân duyên truyện* của Tây Chu Sinh, nội dung của tiểu thuyết là mượn câu chuyện tình yêu của một đôi tình nhân gặp muôn vàn trắc trở để phản ánh tội ác của chế độ tông pháp và chế độ hôn nhân phong kiến, đồng thời cũng đề cập đến những hiện tượng hủ bại của nền chính trị trực tiếp làm khổ nhân dân. Về nghệ thuật, bộ tiểu thuyết sử dụng phương ngữ Sơn Đông, lời văn trôi chảy, lưu loát, miêu tả nhân vật và kể chuyện có lúc vụn vặt nhưng cũng khá sinh động. Tuy nhiên, nhà văn lại xuất phát từ quan niệm đạo đức phong kiến và tư tưởng định mệnh nhân quả để nhận thức, lí giải những hiện tượng đó, nên tỏ ra hết sức lạc hậu. Tiểu thuyết bình thoại đoản thiên thời này còn có tác phẩm *Đậu bằng nhàn thoại* của tác giả Ngải Nạp cư sĩ. Đây là một tác phẩm có hình thức khá mới mẻ, nội dung câu chuyện thông qua một số người ngồi hóng mát dưới giàn đậu nói chuyện, tán gẫu để nối các phiến đoạn tự sự lại với nhau. Độc giả có cảm nhận tư tưởng tác giả có rất nhiều nỗi bất bình nên đã viết những lời xét lại các câu chuyện thời xưa như nói Phạm Lãi dìm Tây Thi xuống nước là muốn bịt đầu mối vì nàng Tây Thi biết được hành động tham ô, độc ác của Phạm Lãi; hay nói Thúc Tề không cam tâm chịu chết đói mà thay đổi tiết tháo, quyết tâm xuống

núi. Mặc dù văn phong châm biếm, lời lẽ tương đối sắc sảo thể hiện thái độ bất mãn với thực tại nhưng nhà văn lại sử dụng những cứ liệu từ các câu chuyện thời xưa, chưa xuất phát từ những mâu thuẫn nội tại trong lòng cuộc sống nên vẫn thiếu đi sự khái quát chiều rộng và chiều sâu của hiện thực xã hội. Tiểu thuyết châm biếm cuối đời Thanh, số lượng tác phẩm ngày càng ít, chỉ một số bộ gây được sự chú ý trên văn đàn như *Quan trường hiện hình ký* của Lý Bảo Gia, *Nhị thập niên mục đỗ chi quái hiện trạng* của Ngô Ốc Nghiêu... Nhìn chung hai bộ tiểu thuyết này đều hướng tới phê phán hiện thực xã hội, tuy nhiên văn chương so với *Nho lâm ngoại sử* thì thua xa, cả hai đều thiếu đi cái tinh tế và sự sắc sảo. Ở *Quan trường hiện hình ký* là những lời lẽ thất thiệt bởi tác giả không thấu triệt tình hình quan trường lúc bấy giờ, còn ở *Nhị thập niên mục đỗ chi quái hiện trạng* lời lẽ thường phóng đại, không đạt đến độ sâu sắc như *Nho lâm ngoại sử*, nhà văn dùng giọng điệu khảng khái, hiên ngang nhằm đả kích đối tượng. Trong *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược*, Lỗ Tấn nhận định: "cả hai cuốn này đều dùng những câu chuyện riêng lẻ, đứt đoạn gộp lại mà làm thành sách, không có cốt truyện và nhân vật chính nào, không khác *Nho lâm ngoại sử* lắm, song thủ đoạn nghệ thuật của nó lại thua xa, cho nên hết sức dễ dàng thấy ra rằng *Nho lâm ngoại sử* mới là tiểu thuyết phúng thích, còn hai cuốn kia gần như mắng chửi thôi" [90; 356].

Đánh giá về *Nho lâm ngoại sử*, Lỗ Tấn cho rằng "trong tiểu thuyết phúng thích của Trung Quốc từ trước tới nay, không có cuốn nào hay hơn nó được... [90; 355] bởi "tiểu thuyết phúng thích quý ở chỗ ý tứ thì tinh vi mà lời lẽ thì tế nhị uyển chuyển, còn giả phỏng mà nói quá đi thì mất ngay cái giá trị văn nghệ, song hạng tác gia mạt lưu thì không đoái hoài đến điều đó, vì vậy mà tiểu thuyết phúng thích từ *Nho lâm ngoại sử* trở về sau, có thể nói là hết tiếng vang" [90; 356]. Là người rất nhạy cảm với thời cuộc, nhìn ra cái lố bịch trong thực tại, Ngô Kính Tử đã bày tỏ thái độ của mình trước sự rối ren, phi lí, bất công của cuộc sống. Ông khai thác đến tận cùng phương diện gây cười của chúng để đưa

vào các tuyến vận động của nhân vật trong tác phẩm. Dựa trên kết quả thống kê phân loại các đối tượng châm biếm trong tác phẩm, căn cứ vào các sắc thái châm biếm của tác giả khi miêu tả từng lớp nhân vật, theo chúng tôi, ***mỉa ngầm*** (*hidden irony)* là một trong những yếu tố nổi bật nhất tạo nên sắc thái châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*. Độc giả không thể bật cười khi mới nhìn vào vỏ bọc bên ngoài của ngôn ngữ và cũng không thể thật thà tin vẻ đĩnh đạc đạo mạo trong phong cách trần thuật của tác giả. Nói cách khác, trần thuật của Ngô Kính Tử không hoạt kê, trào lộng nhà văn muốn dùng ***mỉa ngầm*** để phỏng nhại, châm biếm những uy nghi sừng sững được tạo nên bởi *Sử ký, Liệt truyện, Cáo, Chiếu, Biểu, Thi, Thư, Lễ, Nhạc*... Sức phê phán, châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* vừa có tính phủ định, vừa công phá mạnh mẽ vào những cái cái xấu xa, lỗi thời, lạc hậu. Tác giả dám nhìn thẳng vào những bất cập đời sống đang trật khớp, vênh lệch để tự cười và chọc cười thiên hạ, đó là một sự dũng cảm, một hướng đi gập ghềnh nhưng hữu dụng, cấp thiết; và chính phương diện này đã bộc lộ rõ sở trường, phong cách châm biếm độc đáo của nhà văn Ngô Kính Tử.

***2.3.1. Mỉa ngầm hệ thống Nho học và chế độ khoa cử***

Lịch sử Trung Hoa từ khi Hán Vũ đế lên ngôi năm 140 TCN chủ trương "Bãi truất bách gia độc tôn Nho thuật" rồi đến Lục Triều, Minh Thanh, Nho giáo luôn được coi là nền tảng tư tưởng chính thống, giữ vị trí độc tôn, mang tính nghiêm túc, trang trọng, cao nhã. Mặc dù không phải là một tôn giáo nhưng trên thực tế có thể gọi đạo Nho là quốc giáo của Trung Hoa quân chủ. Nho giáo rất xem trọng hiền tài, chính vì thế các triều đại quân chủ tôn sùng Nho giáo chủ trương tuyển dụng nhân tài cho đất nước qua các kì Khoa bảng (科榜). Dưới chế độ khoa cử, gần như phần đa trí thức Trung Hoa đều là nho sĩ. Các thí sinh đỗ đạt học vị trong các kì khoa cử phần lớn được tuyển chọn làm quan chức cho triều đình. Trong *Nho lâm ngoại sử,* câu chuyện về các sĩ nhân và chế độ khoa cử không đơn thuần chỉ là sự phê phán những hạn chế, bất cập trong hiện thực

lịch sử, đời sống xã hội con người mà ở đó còn ngầm mỉa trở lại hệ tư tưởng Nho giáo và chế độ khoa cử vốn được xem là văn chương cử tử nay đã lỗi thời, lạc hậu. Cơ chế làm bật lên tiếng cười ở đây cũng là kết quả của sự nhận thức đó.

Không thể phủ nhận hết những ưu điểm của Nho giáo, tuy nhiên quá trình vận hành ở từng điều kiện lịch sử cụ thể, lại đặt trong mối quan hệ khăng khít với giai cấp cầm quyền, Nho giáo dần đánh mất vị thế và căn bản bộc lộ những khuyết điểm, hạn chế làm tiêu biến những giá trị tích cực vốn có. Bắt đầu từ đời Minh "việc dùng nghĩa lí luận chứng luân thường của Tống Nho đã trở thành học thuyết quan phương và là tư tưởng thống trị của vương triều. Đến đời Hồng Trị Chính Đức, học thuyết Vương Dương Minh đem lại chút thanh tân cho nền lí học đã trở nên xơ cứng. Nhưng trong điều kiện văn hóa tập quyền rốt cuộc nó lại đi vào cực đoan, trống rỗng trở thành một thứ báo hại quốc gia. Điều đáng suy nghĩ là sang đến thời Thanh, tập đoàn thống trị lại một lần nữa đề cao Trình-Chu. Lí học vẫn là vũ khí tư tưởng tốt nhất phục vụ cho việc củng cố nền thống trị tập quyền" [84; 83]. Trong nền văn hóa ấy, Nho giáo luôn khuyến khích mọi người nhất là các phần tử trí thức đi sâu vào cải tạo "tu tề trị bình" việc học hành, thi đỗ, dương danh thiên hạ. Điều đó vô hình trung tạo sức nặng lên đôi vai của những nho nhân, sĩ tử, những người phải đỗ đạt làm quan mới thỏa chí bình sinh trong cuộc đời. Hình ảnh của những lôi thôi sĩ tử như Chu Tiến, Phạm Tiến, Mã Thuần Thượng... đã phần nào cho thấy hiện thực phũ phàng đằng sau ánh hào quang của chế độ khoa cử, quan trường. Trung Quốc thời Minh Thanh, dưới uy quyền của nền quân chủ chuyên chế, việc hấp thụ và cải biến Nho giáo để phù hợp với ý đồ, chính sách cai trị đã biến nền học thuật Trung Hoa trở nên hình thức, giáo điều, sáo rỗng. Giai tầng trí thức, nho sĩ những người tiếp xúc trực tiếp với nền học thuật ấy cũng dần nhạt nhòa dưới uy quyền chuyên chế. Trong quá trình chuyên chế không ngừng đó, việc "triết học bị kinh viện hóa, học thuật bị từ chương hóa, khoa cử bát cổ hóa, giáo dục biến thành học gạo" là một hệ quả tất yếu của quá trình xây dựng và thiết lập thế

quyền của tầng lớp thống trị đương thời. Điều dễ nhận thấy là tầng lớp trí thức nho sĩ đương nhiên trở thành nạn nhân trực tiếp của chính quyền phong kiến. Trong *Nho lâm ngoại sử,* Mã Thuần Thượng, một tú tài chuyên sưu tầm, tuyển chọn văn bát cổ, là cái loa phát thanh và truyền bá tư tưởng của Khổng giáo đã giảng giải cho Cừ Dật Phu, công tử dòng dõi Nho học rằng Khổng Tử nếu sống đời nay thì cũng phải "lều chõng" đi thi lo đường cử nghiệp. Mã nói không đi thi thì "*Ai cho Khổng Tử làm quan? Đạo của Khổng Tử thế là cũng không được rồi!*". Nhà văn không chỉ phê phán, chế giễu tính cách hủ lậu của chính bản thân Mã Thuần Thượng mà sâu xa hơn là sự ngầm mỉa trở lại lực lượng thống trị đã mượn Khổng Tử như một phương tiện truyền thông để quảng bá, tuyên truyền cho cách thức thi cử tuyển chọn quan lại bằng văn bát cổ. Bản thân họ Mã là người truyền bá, giảng giải tư tưởng của Khổng nho về bổn phận của bản thân sĩ nhân đối với gia đình và xã hội thế nhưng y lại cho rằng ở thời điểm hiện tại, ngay đến Khổng Tử nếu còn sống cũng phải theo lề lối đương thời. Qua lời nói của Mã Thuần Thượng, phải chăng dụng ý châm biếm của nhà văn Ngô Kính Tử còn hướng tới chế độ phong kiến mà trực tiếp là những người đứng đầu triều đình, đã bẻ cong hệ tư tưởng Nho giáo, uốn nắn theo chiều hướng tiêu cực, biến giai tầng trí thức trở thành những con rối bị mua chuộc, giật dây phục vụ cho mục đích chính trị của mình.

Khoa cử, xét về mặt tiến bộ là một trong những chính sách hữu dụng, dân chủ, là cơ sở để tuyển chọn người tài, đảm bảo sự công bằng, loại bỏ những tiêu cực đặc quyền cai trị của tầng lớp quý tộc. Điều này đã được thể hiện trong suốt chiều dài lịch sử khoa cử Trung Hoa, nó cũng có ảnh hưởng sâu rộng tới các nước trong khu vực châu Á, trong đó có Việt Nam. Tuy vậy ở mỗi triều đại, giai cấp cầm quyền lại đặt ra các cách thi cử khác nhau. Đời Đường, chế độ khoa cử bên cạnh việc khảo thí văn chương vẫn chú trọng tới các môn khoa học kỹ thuật như toán, lịch sử, luật... Những nho sĩ đi thi phải trải qua các bài thi này trước mới bước vào làm bài thi kinh sách, thơ văn. Bước sang đời Tống, khoa cử lại

tập trung vào thi cử văn chương, sách vở, chủ trương khinh võ trọng văn, đưa ra nhiều chính sách ưu đãi cho giai tầng nho sĩ trí thức. Đời Minh Thanh, chế độ khoa cử áp đặt, bắt sĩ tử sử dụng văn bát cổ trong các kì thi tuyển chọn nhân tài cho đất nước. Tuy vậy, văn bát cổ được sử dụng đã bị biến tướng, chỉ dùng để giải thích, bình luận các câu chữ trích trong *Tứ Thư, Ngũ Kinh*, nội dung sáo rỗng, thiên về hình thức, giáo điều. Đặc biệt bước sang đời Thanh, cùng với việc thi cử bằng văn bát cổ là chính sách "văn tự ngục", khống chế, kiềm tỏa chặt chẽ quy cách làm bài của các sĩ tử. Tất cả những điều đó là mối nguy hại cho nền văn hóa quốc gia, làm xói mòn nền khoa cử được xem là tiến bộ, dân chủ vốn đã tồn tại trong quá khứ. Điều đáng quan ngại là việc giai tầng trí thức nho sĩ đương thời lại mê say trong vòng khoa cử mà không hề hay biết đó là âm mưu thâm độc của những kẻ đứng đầu thiên triều nhằm áp đặt, nô dịch văn hóa, xóa bỏ mọi giá trị truyền thống lâu đời.

Đọc *Nho lâm ngoại sử*, không khó để nhận ra hình ảnh những sĩ nhân đắm đuối, tìm đủ mọi cách chen chân trong chính trường quân chủ chuyên chế. Trong tình hình đó, khoa cử là cầu nối trung gian để kéo tầng lớp sĩ đại phu lại gần với tầng lớp thống trị; nói cách khác, những người đứng đầu triều đình là thiên tử đã khéo léo sắp xếp, thiết lập mối quan hệ gần gũi, không thể tách rời giữa hai bờ chính trị - văn hóa. Bước gần đến thế đứng của vương quyền là con đường quan lại rộng mở, cuộc đời của những sĩ đại phu sẽ hoàn toàn thay đổi khi được triều đình bổ nhiệm vào nhiều vị trí khác nhau, họ sẽ thỏa sức thực hiện ước mơ cả đời làm quan của mình. Cũng noi theo đời trước quy cách, lề lối tuyển chọn người tài cho đất nước bằng con đường khoa cử, tuy nhiên hiện thực thi cử bằng văn bát cổ cùng với cơ chế tuyển dụng được nới lỏng, cởi trói khiến đám nho nhân như những đàn cá chép vượt vũ môn mà chẳng tốn mấy sức lực. Nhà văn Ngô Kính Tử đã nhìn thấy thực trạng đau xót ấy, ông châm biếm, ngầm mỉa chế độ khoa cử đương thời, nơi cho ra lò những sản phẩm kém chất lượng tiềm ẩn mối nguy hại tới toàn thể quốc gia. Hình ảnh hai cụ già nho sĩ

Chu Tiến, Phạm Tiến trong bộ dạng rách rưới, đói khát lận đận nửa đời "khổ thí" mới công thành danh toại, thoát khỏi kiếp cơ hàn, lầm than, nắm những chức vị quan trọng trong triều đình khiến cho người đời không khỏi giật mình, xót xa. Hình ảnh đó hoàn toàn đối lập với nét phong thái đường hoàng, chững chạc, toát lên từ các sĩ tử đời trước; họ mang trong mình kiến thức uyên thâm của *Tứ Thư, Ngũ Kinh*, tự tin cùng "lều chõng" qua các kì khảo thí khác nhau. Bên cạnh đó, một số kẻ sĩ khác cũng tìm đường luồn lách, ngang dọc cố tìm cho bản thân một chân trong chính trường để thỏa mãn mong ước cả đời làm quan. Có thể thấy, chưa bao giờ nền khoa cử đương thời lại thối nát và bệ rạc đến vậy và cũng chưa bao giờ con đường làm quan của các sĩ đại phu lại dễ dàng, nhanh chóng đến thế. Giai tầng trí thức nho sĩ, những người là sản phẩm của nền văn hóa lâu đời bỗng chốc biến thành những con rối đáng thương, tội nghiệp, mãi bị chi phối, phong tỏa bởi quyền lực của vương quyền phong kiến. Khoa cử vốn là một chế độ tiến bộ, công bằng đã trở thành công cụ chính trị văn hóa cho chế độ quân quyền. *Nho lâm ngoại sử* miêu tả quá trình biến đổi của mỗi nho nhân nơi rừng nho lắm điều nhiều tật, ở đó họ không còn ý thức được giá trị của bản thân, của tầng lớp trí thức từng thịnh danh trong lịch sử.

***2.3.2. Mỉa ngầm cách trị quốc của tầng lớp thống trị***

Trong cách trị quốc, tầng lớp thống trị đã sử dụng Nho giáo, thiết lập nên một thể chế chính trị thống nhất, vững chắc từ trung ương tới địa phương, vừa để củng cố quyền lực vừa để quản lí, cai trị xã hội một cách có hiệu quả. Người đứng đầu nhà nước là thiên tử, biểu tượng của uy quyền tối thượng và toàn năng đối với các thần dân. Dưới vua là tầng lớp quan lại và đại bộ phận xuất thân từ giới trí thức Nho học được tuyển lựa chủ yếu qua chế độ khoa cử trên nguyên tắc mọi thành viên thuộc tất cả các tầng lớp xã hội, không phân biệt nguồn gốc xuất thân. Bằng tài năng, học vấn và đức độ của mình, họ đều có thể thành đạt trong khoa cử, thăng tiến trong hàng ngũ quan liêu, tạo nên một chế độ sĩ trị nắm quyền lực thật sự của vương triều trong tay. Sự bình đẳng tiến thân và

phương thức lựa chọn người cai trị theo tiêu chuẩn học vấn đã thể hiện tính ưu việt rõ rệt nếu so với những giai tầng thống trị trong các loại hình chế độ phong kiến khác.

Vấn đề đặt ra trong *Nho lâm ngoại sử*, liệu có phải đến thời đại Ngô Kính Tử, Nho giáo đã hết vai trò lịch sử, không còn phù hợp với sự phát triển của đất nước, hay do cơ chế tác động của "thế quyền" khiến nền Nho học bị biến dạng, mất đi giá trị tích cực? Có một điều chắc chắn khi chế độ phong kiến xác lập vương triều, người đứng đầu nhà nước đều tìm đủ mọi cách để xây dựng, củng cố nền quân chủ chuyên chế. Trên thực tế, trải qua các triều đại phong kiến khác nhau, chính quyền trung ương tập quyền đều sử dụng Khổng giáo làm nền tảng triết học và chính trị để đảm bảo đặc quyền quý tộc của mình. Một nền chính trị, người đứng đầu là thiên tử, nếu cũng như các vương triều khác trong lịch sử, đơn thuần lấy triết học kinh viện Khổng giáo làm cơ sở vận hành và điều khiển đất nước thì chắc hẳn Nho giáo sẽ phát huy hết vai trò tích cực. Tuy vậy, không phải ngẫu nhiên mà tác giả của *Nho lâm ngoại* sử lại lấy bối cảnh thời Minh để phản ánh tình hình chính trị - xã hội đời Thanh, một vương triều ngoại tộc làm màu chính trị trên nền đất Hán. Với tư tưởng độc tài mang tính thủ cựu thì những chính sách ban hành đều nhằm mục đích triệt tiêu, xóa bỏ tất cả những yếu tố tích cực của Nho giáo; người đứng đầu chế độ thực thi chính sách ngu dân, bóp nghẹt và nô dịch văn hóa bằng những hình pháp khắc nghiệt với bộ máy "công vụ viên" thạo nghề. Chính vì vậy, *Nho lâm ngoại sử* không đơn giản là cuốn tiểu thuyết phê phán chế độ khoa cử, tầng lớp trí thức nho sĩ và hệ thống quan lại đương thời. Nói cách khác, một trong những vấn đề cốt lõi của tác phẩm là thông qua việc nhà văn miêu tả đời sống sinh hoạt, tác phong, lề lối của các nho nhân và hệ thống quan lại nhằm mục đích mỉa ngầm cách trị quốc của "thế quyền" Mãn Thanh.

Hệ thống quan lại được xem là tầng lớp ưu tú trong xã hội, được kính trọng về uy tín và địa vị xã hội, là một đẳng cấp có đặc quyền, trước hết là về

mặt tinh thần, sau đó đã chuyển hoá thành những lợi ích kinh tế. Có thể nói, đó là một tầng lớp ưu tú được dán nhãn. Những người quan liêu vốn là những trí thức, nhưng không phải là những trí thức độc lập, mà là người trí thức dấn thân, gắn bó hoặc bị trói buộc chặt chẽ với nhà cầm quyền và hệ tư tưởng thống trị. Cũng chính từ đó mà trong nhiều trường hợp, đã dẫn đến hiện tượng tha hoá, biến chất, qua đó, thân phận người quan liêu đã giết chết nhân cách người trí thức. Tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* hướng tới những đối tượng như thế; nhà văn Ngô Kính Tử châm biếm, mỉa mai và phê phán nghiêm khắc cả một hệ thống chính trị từ vua chúa tới hệ thống quan liêu "xấu xa nhơ nhuốc", "cái thực kém hẳn cái danh". Ở đây, thể chế đã làm hư hỏng con người, nói cho đúng hơn, những chính sách của khoa cử đã làm thoái hoá nhân cách. Tóm lại, thời Mãn Thanh, hệ thống chính trị đã tồn tại một chế độ phong kiến nhà nước quan liêu, độc tài, áp đặt và nô dịch chính trị - văn hóa.

Những vấn đề chính trị mang tính nhạy cảm được đề cập, miêu tả trong tác phẩm có liên quan trực tiếp tới quyền và lợi ích của giai cấp cầm quyền, đặc biệt là tầng lớp vua chúa, người viết không thể trực tiếp bày tỏ cảm xúc và thái độ của mình mà phải tạo ra một lớp vỏ ngôn ngữ ngụy trang kín đáo. Trong *Nho lâm ngoại sử*, đó là lối viết đơn giản, lời ít, ý nhiều, câu văn chứa đựng sức nặng của sự phê phán, ngầm mỉa vào toàn bộ hệ thống chính trị, lột tả chính xác âm mưu thâm độc của "thế quyền" Mãn Thanh nhằm thay đổi nội hàm văn hóa dân tộc Trung Hoa.

Sắc thái ***mỉa ngầm*** trong *Nho lâm ngoại sử* là chìa khóa để chúng tôi đi sâu vào từng lớp đối tượng, phân tích, đánh giá có chiều sâu các mẫu hình châm biếm; đồng thời làm cơ sở xác lập phương thức châm biếm của nhà văn Ngô Kính Tử thể hiện trong tác phẩm. Điều này sẽ được chúng tôi triển khai trong các chương tiếp theo của luận án.

### 2.4. Nguyên nhân và ý nghĩa của sự trỗi dậy tiếng cười châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*

Châm biếm không phải đến *Nho lâm ngoại sử* mới có, nhưng để đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật, *Nho lâm ngoại sử* đã xuất sắc hơn các tác phẩm trước đó bởi sự châm biếm tinh tế, kín đáo, sắc sảo mà thâm thúy, sâu cay. Điều đó được thể hiện qua sắc thái mỉa ngầm vào các giai tầng trong xã hội, đặc biệt là hệ thống Nho học với tầng lớp trí thức nho sĩ và chế độ khoa cử đương thời. Có thể lí giải nguyên nhân và ý nghĩa của sự trỗi dậy tiếng cười châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* này bằng các nguyên nhân sau:

Do yêu cầu phản ánh lịch sử, hiện thực xã hội phong kiến đương thời, nhà văn Ngô Kính Tử không né tránh mà tiếp cận đời sống ở phương diện đời thường, gắn với số phận cá nhân của tầng lớp trí thức nho sĩ và hệ thống quan lại, điều mà trong các tiểu thuyết trước đó ít đề cập tới.

Có sự chuyển dịch điểm nhìn của nhà văn từ khuynh hướng sử thi mang đậm tính cộng đồng thống nhất sang điểm nhìn cá nhân với những trải nghiệm riêng, những cá tính sáng tạo riêng khiến cho mọi đánh giá, mọi phát hiện, nhận xét của nhà văn trước cuộc đời, con người có sự chênh lệch không tương xứng, thậm chí là trái chiều, xung đột. Đây cũng là nguyên nhân cơ bản cho sự trỗi dậy của cảm hứng châm biếm trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*.

Sự hình thành và phát triển của loại hình châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* và tiểu thuyết sau này là một tất yếu, nhằm đáp ứng thị hiếu của độc giả đương thời, bởi lẽ cười là nhu cầu không thể thiếu của con người. Tiếng cười không chỉ thỏa mãn tâm hồn lạc quan, yêu đời, yêu cái đẹp của họ mà còn đem lại hiệu quả thẩm mĩ, những giá trị nhân văn, nhân sinh sâu sắc. Chinh vì thế loại hình châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* thể hiện tầm quan trọng và ý nghĩa đặc biệt:

Đầu tiên, sự hình thành loại hình châm biếm *Nho lâm ngoại sử* góp phần thay đổi đề tài, chủ đề của tiểu thuyết cổ điển chương hồi Minh Thanh đáp ứng yêu cầu miêu tả, tái hiện hiện thực, lịch sử xã hội phong kiến đương thời.

Thứ đến, loại hình châm biếm của *Nho lâm ngoại sử* khiến cho cách nhìn, cách đánh giá minh định những giá trị của hiện thực đời sống của con người mang tính dân chủ, khách quan và chân thực hơn. Nhà văn Ngô Kính Tử không phải là người truyền chân lí cho cộng đồng, dân tộc mà chỉ đưa ra những kiến giải hiện thực bằng chính kinh nghiệm cá nhân trước hiện thực của xã hội đương thời.

Tiếp nữa sự xuất hiện loại hình tự sự châm biếm của *Nho lâm ngoại sử* giúp khả năng khái quát bức tranh đời sống của văn học sâu sắc và chân thực hơn. Hiện thực đó không phải là hiện thực thuần nhất của khuynh hướng sử thi với đề tài lịch sử, chiến tranh, ngợi ca những bậc minh quân, những vị anh hùng trong các tiểu thuyết của giai đoạn trước mà là một hiện thực đầy gai góc, phức tạp, nhất là hiện thực của đời sống con người tầng lớp trí thức nho sĩ và hệ thống quan lại phong kiến với đầy rẫy những mâu thuẫn, bất cập. Ngô Kính Tử đã tìm ra mảnh đất đầy màu mỡ, phì nhiêu để khai phá, canh tác.

**Tiểu kết:**

1. Nói đến nghệ thuật châm biếm là nói đến nghệ thuật gây tiếng cười, lấy tiếng cười làm phương tiện để biểu hiện thái độ, nhằm vào một đối tượng nhất định. Ở một mức độ sâu hơn, châm biếm dùng những lời lẽ kín đáo nhưng sắc sảo, cay độc vạch trần, phủ nhận bản chất xấu xa của đối tượng được đề cập đến. Châm biếm cùng với các yếu tố khác của tiếng cười như mỉa mai, cường điệu, phóng đại, khoa trương… xuất hiện trong tác phẩm văn học với tư cách là "bút pháp nghệ thuật" được dùng để tố cáo, lên án cái xấu xa, lỗi thời, lạc hậu của xã hội. Tùy thuộc vào đối tượng của tiếng cười mà châm biếm biểu hiện ở các mức độ khác nhau từ u mua, hài hước đến mỉa mai, châm biếm, đả kích.

2. Truyền thống văn hóa - văn học dân tộc cùng với nền tảng gia đình là những yếu tố ảnh hưởng sâu sắc tới tài năng nghệ thuật Ngô Kính Tử và cũng là tiền đề tư tưởng, góp phần hình thành loại hình châm biếm của *Nho lâm ngoại sử*. Sắc thái *mỉa ngầm* trong tác phẩm đã tạo cho nhà văn một phong cách châm

biếm kín đáo, nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu cay. Tác giả hướng sự châm biếm vào cả một hệ thống thành trì phong kiến với tầng lớp quan lại và "rừng nho" ngu dốt, rởm đời, những con rối của thời cuộc.

3. Văn học Minh Thanh là giai đoạn phát triển cuối cùng của văn học cổ đại Trung Quốc, có mối liên hệ gần gũi với văn học cận đại và hiện đại. Đây cũng là giai đoạn mà thể loại tiểu thuyết chương hồi đạt tới trình độ mẫu mực, tạo nên một thời đại hoàng kim cho nền văn học Trung Hoa. Tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh với sự phong phú về nội dung, đề tài, số lượng tác phẩm lên tới gần một vạn, trong đó có những tác phẩm được đánh giá là "mẫu mực hoàn chỉnh nhất" của tiểu thuyết cổ điển như *Tam quốc diễn nghĩa, Thủy hử, Tây du ký, Hồng lâu mộng, Nho lâm ngoại sử*... Trong sự đa dạng về số lượng của dòng tiểu thuyết châm biếm, *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử luôn giữ một vị trí và vai trò quan trọng hàng đầu. Tác phẩm chứa đựng nhiều yếu tố mới mẻ, phản ánh tính thời sự cấp thiết của hiện thực xã hội, điều mà không nhiều cuốn tiểu thuyết đương thời tái hiện được.

## Chương 3. NGHỆ THUẬT CHÂM BIẾM QUA HỆ THỐNG NHÂN VẬT

Con người trong tác phẩm văn học chính là nhân vật văn học hoặc các con vật, các loài cây, các sinh thể hoang đường nhưng mang những đặc điểm giống với con người và nhân vật ấy là đứa con tinh thần của nhà văn, là máu thịt của nhà văn để thể hiện quan niệm thẩm mĩ và lí tưởng thẩm mĩ của nhà văn về cuộc đời và con người. Các nhà lí luận cũng nhấn mạnh đến tính nghệ thuật, tính ước lệ của nhân vật văn học. Nhân vật văn học không hoàn toàn giống như con người thật ngoài đời vì chúng có những đặc trưng nghệ thuật và được thể hiện trong tác phẩm bằng các phương tiện văn học thông qua lăng kính của nhà văn, nhưng không vì thế mà chúng kém phần chân thật. Đã là tác phẩm văn học thì không thể thiếu nhân vật văn học.

Tác phẩm văn học nào cũng là một hệ thống chỉnh thể của những hệ thống nhỏ hơn. Các nhân vật trong các tác phẩm cũng thực sự tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh, chúng liên quan với nhau, móc nối với nhau không chỉ bằng tiến trình các sự kiện miêu tả, mà suy cho cùng còn bằng logic của nội dung nghệ thuật của nhà văn. Hệ thống nhân vật đem lại cho hệ thống nghệ thuật của tác phẩm sự thống nhất về tính chỉnh thể, đồng thời quan hệ giữa các nhân vật trong mỗi hệ thống ít hay nhiều đều phản ánh mối quan hệ xã hội hiện thực của con người. Vì vậy tìm hiểu hệ thống nhân vật trong *Nho lâm ngoại sử* thực chất là tìm hiểu mối liên quan giữa các nhân vật không chỉ trong một câu chuyện mà còn trong mối liên hệ giữa các câu chuyện có cùng một chủ đề tư tưởng của cuốn tiểu thuyết.

Lịch sử phong kiến Trung Quốc thời Mãn Thanh chứng kiến sự hà khắc trong chính sách cai trị của chính quyền chuyên chế. Bằng nhiều thủ đoạn, âm mưu khác nhau chính quyền ấy đã làm cho người dân quên đi nỗi đau mất nước, quên đi sự cai trị của dòng máu ngoại tộc. Trong *Nho lâm ngoại sử*, Ngô Kính Tử đi sâu khám phá tầng bản chất sâu thẳm bên trong mỗi con người để nhìn nhận rõ hơn sự tác động của hoàn cảnh xã hội tới sự hình thành tính cách nhân

vật. Đối tượng mà nhà văn hướng tới là tầng lớp trí thức nho sĩ, những con người mang trong mình tư tưởng, hoài bão về một cái "nghề" danh gia vọng tộc, "nghề làm quan" để hãnh diện với đời và lưu danh thiên cổ. Đây là tầng lớp được trọng vọng bởi vì thông qua con đường khoa cử, họ sẽ làm quan, làm tể tướng, thượng thư, tiến sĩ, chí ít khi đỗ cử nhân họ cũng làm quan tỉnh, quan huyện, họ là đội quân dự bị của tầng lớp quan lại, quý tộc và được ghi lại trong sách sử, trong liệt truyện.

Tuy vậy, tầng lớp trí thức trong *Nho lâm ngoại sử* không ý thức được mối nguy hại trong ý đồ của chính quyền chuyên chế khi đưa ra hình thức thi cử bằng văn bát cổ để tuyển chọn người tài cho triều đình phong kiến. Nhà văn Ngô Kính Tử đã lí giải, cắt nghĩa tầng lớp trí thức nho sĩ trong tác phẩm để cho xã hội nhận thấy bộ mặt thật sự đằng sau vẻ hào nhoáng bên ngoài của những tân quan, những rường cột tương lai của quốc gia. *Nho lâm ngoại sử* tập hợp cả một rừng nho tha hóa, suy đồi, hủ bại về nhân cách, mục nát về tâm hồn, tầng lớp với những con người trí thức ấy tiêu biểu cho nét văn hóa của thời đại Minh Thanh suy tàn.

### 3.1. Tầng lớp trí thức nho sĩ

#### *3.1.1. Tầng lớp trí thức nho sĩ đỗ đạt*

*Nho lâm ngoại sử* là câu chuyện lớn về cả một "rừng nho" trong buổi xế chiều, khi mà chế độ phong kiến mở rộng cánh cửa khoa cử, dành nhiều ưu đãi cho phép giới trí thức nho sĩ đua nhau thi thố làm quan bằng đủ mọi cách. Trong sự hỗn độn và hỗn loạn của rừng nho mênh mông ấy, triều đình phong kiến cũng khéo "kén chọn" một số gương mặt "ưu tú" làm "rường cột" quốc gia. Theo lẽ thông thường, tầng lớp trí thức nho sĩ vốn được người đời kính trọng và trân quý, họ mang trong mình chí bình sinh đem tri thức phụng sự chế độ, phụng sự giai cấp; tuy nhiên theo cách nhìn nhận của tác giả, con đường thi cử và đỗ đạt làm quan của giới trí thức nho sĩ hoàn toàn phụ thuộc vào yếu tố may mắn và tiền bạc. Bên cạnh đó, triều đình phong kiến cũng tạo mọi điều kiện,

treo miếng mồi quan lộ béo bở làm phần thưởng xứng đáng cho những sĩ nhân nặng lòng với Nho nghiệp Khổng - Mạnh. Nhìn lại con đường đi tới thành công của những bậc tân quan, quả thật lắm gian nan, cay cực; trải qua phần lớn cuộc đời, trải qua bao sóng gió dập vùi, nhiều lúc chịu sự dè bỉu, khinh thường của mọi người nhưng với lòng quyết tâm sắt đá, những trí thức nho sĩ ấy dần tìm được cho mình một chỗ đứng vững chắc trong hệ thống quan lại triều đình phong kiến, họ thỏa sức thể hiện ước mơ cả đời của cá nhân.

Quá trình đi đến thành công là sự lột xác đáng kinh ngạc của giới trí thức nho sĩ. Ngô Kính Tử đã châm biếm, phê phán, mỉa mai những con người được coi là rường cột quốc gia, là hạt nhân trong biển người rộng lớn ấy. Để đạt được mục đích, giới trí thức nho sĩ dùng đủ mọi cách, mọi biện pháp nhằm mở rộng con đường quan lộ của mình. Tác giả miêu tả chân thực sự mục ruỗng, thiếu hụt trầm trọng về tri thức, xuống cấp về nhân cách ở mỗi nhân vật trí thức nho sĩ. Mọi lời nói của họ đều là đại diện cho tiếng nói của giai cấp cầm quyền, thực thi công quyền bằng những việc làm không giống ai. Tư tưởng công danh phú quý đã chi phối và đầu độc tận sâu nơi tâm hồn mỗi nho nhân, chỉ bằng vài nét phác thảo Ngô Kính Tử đã miêu tả toàn bộ tính cách, con người nhân vật và tiến đến phủ nhận toàn bộ những thành quả mà các nho nhân đã đạt được trong quá trình đi tìm con đường quan lộ. Tiêu biểu cho lớp nhân vật này là Chu Tiến, Phạm Tiến, Khuông Siêu Nhân, Tuân Mai, Lỗ Biên Tu, Lâu Bổng, Lâu Toản, Đỗ Thận Khanh, Cao Hàn Lâm, Mã Thuần Thượng… Có thể thấy từ già đến trẻ, đủ mọi thành phần trong xã hội, cái bả công danh đã làm điên đảo cuộc sống, cuộc đời nhân vật, làm thay đổi nhân tính, nhân tình biến họ thành những bức chân dung kì hình quái trạng không thể nào thoát khỏi vết bùn nhơ của khoa cử đương thời.

Nghệ thuật khắc họa, miêu tả nhân vật qua diện mạo, hình dáng bên ngoài kết hợp với miêu tả hành động và ngôn ngữ của nhân vật, nhà văn Ngô Kính Tử đưa độc giả đi hết bất ngờ này đến bất ngờ khác. Ngòi bút châm biếm của nhà văn đạt đến đỉnh cao của sự thâm thúy khi miêu tả một loạt những cảnh tượng,

màn kịch diễn ra trên sân khấu quan trường. Tầng lớp trí thức nho sĩ biến thành những chú hề, những con rối bị giật dây, chi phối trông thật thảm thương, cùng cực. Phạm Tiến, một nho sinh năm mươi tư tuổi, mặc quần áo gai cũ nát, trải qua hơn hai mươi lần các kì khoa bảng mà chưa một lần may mắn; luôn sống trong cảnh cơ cực, hèn khổ; đến khi nghe tin đậu cử nhân thì mừng quá phát điên. Cái cách mà Ngô Kính Tử châm biếm, giễu cợt Phạm Tiến trúng cử khiến cho người đọc cảm nhận một sự chua chát, đắng cay. Tác giả miêu tả một cách dửng dưng cái điên của Phạm Tiến khi nghe tin mình đậu cử nhân, điều mà chẳng bao giờ y dám nghĩ tới. Danh hiệu cử nhân đã làm chấn động tâm lý thần kinh của Phạm Tiến, trong phút chốc diễn ra sự thay đổi đáng kinh ngạc trong cuộc đời nhân vật. Theo chúng tôi việc Phạm Tiến hóa điên không đơn giản chỉ là việc nhân vật mừng quá trước thông tin trọng đại trong đời mà cái điên của Phạm Tiến trong khoảng thời gian ngắn ngủi rồi bừng tỉnh sau đó là dấu mốc đánh dấu sự lột xác, thay đổi, phủ nhận hoàn toàn cái quá khứ nghèo nàn, cơ cực của một cuộc đời "lôi thôi sĩ tử" để bước sang một trang sử mới, nơi mà cánh cửa quan trường rộng mở, Phạm Tiến được thỏa sức tung hoành ngang dọc. Ngô Kính Tử rất thâm thúy và sâu sắc khi để cho nhân vật hóa điên trong khoảng thời gian rất ngắn. Cái điên ở đây là một trạng thái tâm lý thần kinh bất ngờ bộc phát và cũng rất nhanh hồi tỉnh để sau đó nhân vật tiếp đà điên đảo trong vòng quay của chế độ quan trường. Những kẻ điên dại, hủ bại như Phạm Tiến mãi không bao giờ hoàn tỉnh trong vòng công danh sẽ là mối nguy hại cho cả xã hội đương thời khi mà y và những kẻ đồng cấp liên tục đào tạo ra những tân quan giống mình để làm "rường cột" quốc gia, "khơi mở" tri thức và truyền bá văn minh. Chẳng những thế mà khi Phạm Tiến và Trương Tĩnh Trai đến huyện Cao Yếu, ngồi ăn cơm cùng Thang tri huyện, phải ăn chay trong những ngày để tang mẹ y không dám dùng bát đũa khảm bạc, không được đụng đến đồ mặn thế nhưng y vẫn "gắp" (nguyên văn là chữ "giản" (揀) - có nghĩa là kén chọn) một con tôm lớn trong bát yến sào bỏ vào miệng. Nhà văn miêu tả một hành động nhỏ nhẹ tưởng như bình thường trong

bữa ăn mà lột trần bản chất con người Phạm Tiến, một kẻ giả danh trí thức, dốt nát mà tỏ vẻ thanh cao, lịch sự. Có thể thấy được sự châm biếm rất nhẹ nhàng, tinh tế mà vô cùng cao siêu của tác giả dành cho nhân vật. Không những thế, khi thấy Trương Tĩnh Trai nói chuyện về Lưu Cơ đỗ tiến sĩ thứ ba đời Hồng Vũ năm thứ năm, y lại khẳng định năm thứ ba, mặc dù đây là câu chuyện do Trương Tĩnh Trai bịa đặt để lừa Thang tri huyện, sự thực trong lịch sử không có Lưu Cơ nào như vậy. Quả thật, chứng kiến những hành động và ngôn ngữ của Phạm Tiến, độc giả mới nhận thấy được cái điên của Phạm Tiến sẽ không bao giờ tỉnh, cái điên khi nghe tin mình đỗ cử nhân là điểm khởi đầu cho cái điên vĩnh viễn trong đời làm quan.

Trong *Nho lâm ngoại sử*, độc giả nhận thấy ở hai nhân vật Phạm Tiến và Chu Tiến có nhiều điểm tương đồng ở hoàn cảnh xuất thân, cùng nghèo khó, cơ cực nhưng luôn mơ về công danh, địa vị. Hai người dành cả cuộc đời cho quá trình học hành, thi cử để thay đổi số phận nhưng cái chức tú tài vẫn mãi là niềm mơ ước của hai kẻ "lưỡng tiến" chờ thời. Dường như ông trời cũng thấu hiểu cho những cố gắng của họ, thời cơ đã đến khi họ gặp được những Mạnh Thường Quân tốt bụng. Chu Tiến gặp được mấy người lái buôn, mua giúp cho chức giám sinh để có dịp thi đậu cử nhân, tiến sĩ; còn Phạm Tiến thì gặp ngay Chu Tiến, người giống mình về hoàn cảnh nên ra sức giúp đỡ để vượt qua danh vị tú tài. Nhà văn Ngô Kính Tử giễu cợt, mỉa mai, châm biếm tinh thần "ham học", "ham thi" của một ông già hơn sáu mươi tuổi khi phải quỳ sụp lạy tạ những người dân buôn vì đã cứu giúp, mua cho mình một chức giám sinh để có điều kiện thi cử nhân, tiến sĩ. Hình ảnh người mở đầu "rừng nho" tham gia vào chính trường nhận được không ít sự châm biếm, mỉa mai của người đời bởi y đã đánh mất đi phẩm chất tôn quý của một nhà nho, cái mà không dễ để người đời coi khinh, cười nhạt. Trước đó, khi đi dạy học ở một am nhỏ trong làng Tiết Gia Tập, Chu Tiến cũng không tránh khỏi ánh mắt khinh bỉ, coi thường của người dân nơi đây, thậm chí một đứa trẻ như Mai Cửu cũng có thể giễu cợt, mỉa mai, một tên cử nhân như

Vương Huệ cũng có thể giày vò. Trên tất cả là sự nhún nhường, nhịn nhục không một lời ca thán của Chu Tiến, độc giả cảm thấy thật đáng thương và tội nghiệp cho y khi bản chất đớn hèn đã chiến thắng phẩm chất cao quý của con người. Có lẽ sau rất nhiều năm đi thi, bao lần giấc mộng công danh không thành, ở cái tuổi mãn chiều Chu Tiến không còn giữ được lòng tự tôn đáng có của một nho sĩ trí thức. Bất chấp tất cả, đánh đổi nhân phẩm và danh dự cầu cứu những người buôn bán, những người được coi là mạt hạng, đứng hàng cuối cùng trong bậc thang giá trị phong kiến để đổi lấy phú quý, công danh. Một sự châm biếm, mỉa ngầm quá sâu cay của nhà văn dành cho nhân vật: từ ngoại hình già nua, cũ kĩ, luộm thuộm; tính cách nhẫn nhục, chịu đựng đến quá trình "khổ thí" trường kì, dai dẳng (hơn nửa đời người mang lều chõng đi thi) để đạt được danh vị cao sang. Không những thế, sau khi đã làm quan đến chức tư nghiệp Quốc tử giám, Chu Tiến được người dân lập bàn thờ sống, phụng thờ trong chùa ở làng Vấn Thượng. Qua sự việc này, độc giả của *Nho lâm ngoại sử* có một sự cảm nhận nhân vật Chu Tiến đã hóa thánh, hóa thần sánh ngang với những bậc thánh nhân trong lịch sử Trung Hoa, đó là một sự mỉa mai, châm biếm vô cùng sâu sắc, thâm thúy của nhà văn. Nếu như sự châm biếm nhân vật Phạm Tiến đạt đến đỉnh cao ở thời điểm nhân vật biết tin mình trúng cử, hóa điên trong một thời gian ngắn thì sự châm biếm, mỉa mai, đả kích tập trung vào nhân vật Chu Tiến diễn ra trong suốt quá trình y xuất hiện dạy học ở làng Tiết Gia Tập cho đến khi làm quan tư nghiệp Quốc tử giám. Cuộc đời Chu Tiến là một màn bi hài kịch, người ta cười trước sự yếu kém, đớn hèn của y và cũng xót xa, thương cảm cho một linh hồn già nua, tội nghiệp suốt đời ôm giấc mộng công danh.

*Nho lâm ngoại sử* là một bức tranh khá toàn diện về xã hội phong kiến Trung Hoa, mặc dù chủ đề tác phẩm tập trung vào chế độ khoa cử nhưng nó lại có sức khái quát bức tranh xã hội rộng lớn. Ngô Kính Tử miêu tả cuộc sống và trạng thái tinh thần của giới trí thức cuối thời kì của xã hội phong kiến, đồng thời căn cứ vào thái độ của nhân vật hoặc tâm huyết, say xưa hoặc thờ ơ, lạnh nhạt để

làm thước đo tiêu chuẩn phân biệt, đánh giá từng lớp người khác nhau. Tác giả đi sâu mổ xẻ đời sống và bộ mặt tinh thần của các loại hình nhân vật trong hàng ngũ trí thức, nêu ra tác hại của chế độ khoa cử đối với mọi mặt của đời sống xã hội qua đó lên án, phê phán cái xấu, cái ác; trân trọng cái đẹp, cái tốt của những nhà nho chân chính, những người con ưu tú, kết tinh những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Họ là những người cuối cùng của nền giáo dục Khổng nho còn giữ được cốt cách thanh cao, trong sạch, tránh xa những cạm bẫy và cám dỗ của vinh hoa, phú quý. Nhà văn Ngô Kính Tử đã đặt đối tượng bị châm biếm trong sự đối nghịch về tư tưởng, suy nghĩ và hành động với các điển hình tích cực, một mặt bổ sung cho lí tưởng của tác giả xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ; một mặt tăng mức độ châm biếm, đẩy nhân vật xuống tận cùng của sự tha hóa về bản chất và nhân tính. Hình tượng nhân vật Đỗ Thiếu Khanh là một hình tượng nghệ thuật độc đáo trong *Nho lâm ngoại sử* nói riêng và trong tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa nói chung, hình tượng này mang một phong thái mới mẻ so với quan niệm về một bậc chính nhân quân tử đương thời. Có thể thấy qua cách miêu tả Đỗ Thiếu Khanh từ ngôn ngữ, giọng điệu đến hành động nhân vật, Ngô Kính Tử đã làm toát lên một hình tượng có ý "li kinh phản đạo", nói như Lê Thời Tân, Đỗ Thiếu Khanh mang hình ảnh của một "cuồng nho ngạo đời" [80]. Đỗ Thiếu Khanh vốn xuất thân trong một gia đình quan lại nhưng lại rơi xuống cảnh khốn đốn "suốt ngày chỉ lo chơi bời với hòa thượng, đạo sĩ, thợ thủ công, ăn mày, chẳng biết chơi với những người chính nhân, trong vòng mười năm anh ta tiêu hết sáu bảy vạn lạng bạc" [99; 105]. Vẻ đẹp của Đỗ Thiếu Khanh trước tiên ở tư tưởng coi thường công danh, phú quý, không bao giờ chịu khuất phục trước một sự cám dỗ nào. Khi Tang Đồ mời Thiếu Khanh lên thăm quan phụ mẫu ở huyện, Thiếu Khanh trả lời: "cái trò đi lạy quan huyện làm thầy thì tôi để phần anh... Thật ra nếu ông ta ngưỡng mộ tài năng của tôi, tại sao không đến thăm tôi trước mà bắt tôi đến thăm ông ta" [99; 66]. Đỗ Thiếu Khanh cũng không thích nói chuyện về các quan và cũng không thích giao du, quan hệ với những loại người được cho là

"kẻ cướp", "hèn hạ", "vô sỉ". Khi tuần vũ họ Lí vâng mệnh hoàng thượng tìm người tài trong thiên hạ, Đỗ Thiếu Khanh vội vàng mặc áo cũ, đội mũ cũ, lấy khăn mặt ướt đắp lên đầu, lên giường nằm. Đó là nhân cách cao đẹp mà không dễ gì có ở giới trí thức nho sĩ đương thời khi xã hội đang tìm mọi cách lung lạc ý chí, mua chuộc trí thức, biến họ thành công cụ, tay sai đắc lực phục vụ chính quyền. Đỗ Thiếu Khanh thậm chí còn thẳng thừng mắng nhiếc, trách cứ những kẻ có tư tưởng làm quan để hại dân, hại nước. Tang Đồ bày tỏ với Đỗ Thiếu Khanh mục đích mua chức giám sinh để có thể đủ điều kiện thi đỗ làm quan, để có thể được làm tri huyện, xử kiện và đánh người thì bị Đỗ Thiếu Khanh mắng chửi thẳng mặt: "thế thì là kẻ cướp! thực hết sức hèn hạ, vô sỉ". So với các điển hình châm biếm tiêu biểu trong tác phẩm như Chu Tiến, Phạm Tiến… thì Đỗ Thiếu Khanh là nhân vật đi ngược lại với những giá trị truyền thống vốn đã cũ kĩ, lạc hậu. Tư tưởng dân chủ mới mẻ, hiện đại manh nha và hiện hữu trong con người Đỗ Thiếu Khanh như một lời tuyên chiến, đối lập với những biểu hiện tiêu cực, lỗi thời của đa số phần tử trí thức trong xã hội phong kiến xưa. Tư tưởng ấy tuy chưa phổ biến nhưng có sức nặng ngàn cân, đủ sức làm nghiêng ngả, siêu vẹo cả một hệ thống thành trì phong kiến vững chắc ngàn năm nay đã cũ kĩ, lỗi thời.

Quá trình tiếp nối truyền thống khoa cử với tư tưởng công danh, phú quý thay đổi cuộc đời diễn ra ở lớp thế hệ sau càng trở nên quyết liệt và mạnh mẽ, nhà văn Ngô Kính Tử hướng lăng kính châm biếm, đả kích tới tận cùng sự tha hóa bản chất của tầng lớp trí thức nho sĩ. Thế hệ những nho sinh trẻ tuổi dần bị vẩn đục tâm hồn, biến đổi tính cách một cách nhanh chóng bởi sự choáng ngợp của hiện thực xã hội. Tác giả đã thể hiện hết sức tự nhiên mối quan hệ biện chứng "giữa hoàn cảnh sống và nội hàm tính cách" nhân vật qua đó nâng sự "phê phán cá nhân lên tầm phê phán xã hội". Nọc độc của khoa cử đã châm sâu vào đầu óc của mọi người, khiến cho họ dù ít dù nhiều đã lao theo nó như những con thiêu thân thì không thể nào dứt ra được. Tâm hồn của họ thì hết sức trống rỗng nhưng lòng nhiệt tình ủng hộ khoa cử thì rất sốt sắng và tận tụy. Mã Thuần Thượng có

thể được coi là cái loa phát thanh trung thành nhất của chế độ này. Y là người lương thiện, thật thà, suốt đời phấn đấu vì công danh, cử nghiệp nhưng số phận chỉ cho y là một tú tài chuyên sưu tầm, tuyển chọn và truyền bá văn bát cổ. Y từng tuyên bố "hai chữ cử nghiệp là việc mà từ xưa đến nay ai cũng phải làm" và sau khi đã chỉ ra lối cử nghiệp của triều đại trước, Mã Thuần Thượng khẳng định bằng lời bênh vực văn bát cổ "bản triều lấy người thi đỗ làm quan bằng văn chương, đó là cái cách tốt nhất. Nếu Khổng Phu Tử sống lại bây giờ thì ngài cũng phải làm văn chương theo cử nghiệp" [98; 209]. Nhà văn Ngô Kính Tử đã châm biếm, mỉa mai một kẻ luôn trong trạng thái tinh thần u mê, mù quáng, ăn phải bả danh vọng, tôn sùng trật tự phong kiến một cách thành thực, ngây ngô, nhắm mắt chạy theo những cám dỗ của khoa cử đến mức quên cả cuộc sống bên ngoài. Không những thế, Mã Thuần Thượng cũng là người dìu dắt, bồi dưỡng, đào tạo lớp măng non hủ nho Khuông Siêu Nhân, Cừ Dật Phu vào đời. Thế hệ trẻ chứng kiến rất nhiều người có chút tài năng như Tuân Mai, Khuông Siêu Nhân, Cừ Dật Phu, thế nhưng rốt cuộc sự thích ứng giữa tính cách với môi trường xã hội đã làm tha hóa bản chất, tâm hồn mỗi nho nhân. Sự biến đổi có tính chất tiêu cực diễn ra trong suốt một thời gian dài, ảnh hưởng chi phối tới toàn bộ cuộc đời của nhân vật. Nếu như lòng hiếu thảo, tính khiêm nhường, thấu hiểu đạo lí của Khuông Siêu Nhân được mọi người ca ngợi, tán dương trong thời gian khốn khó ở quê nhà thì quá trình tiếp xúc, kết giao bè bạn đã biến y thành một kẻ lưu manh, giảo hoạt, huênh hoang, khoác lác. Đạp đổ mọi giá trị truyền thống, đánh đổi tất cả bản tính lương thiện của con người để đạt được mục đích trên con đường quan lộ, Khuông Siêu Nhân đã tự biến mình thành sản phẩm độc đáo của nền khoa cử, là tấm gương phản chiếu cho những "thành quả" tiêu cực của chế độ phong kiến đương thời. Khi nghe tin vợ cũ chết không về quê chịu tang, y nói với người anh là Khuông Đại: "Bây giờ nhà em đã là phu nhân, anh về quê thuê thợ vẽ cho một bức hình mũ phượng áo thêu... Ngày trước khi em về nhà, em có may cho mẹ một cái áo thêu. Nếu bà con thân thích đến nhà thì bảo mẹ mặc áo ấy để tỏ rằng

mình không phải như người ta. Còn anh thì cũng bảo người ta gọi bằng “ông”. Bất kì việc gì cũng phải giữ lấy thể thống, không có thể tự hạ thấp mình được. Em rồi sẽ nhận chức. Lúc ấy mời anh chị cùng lên hưởng phú quý vinh hoa" [98; 306]. Đây là biểu hiện của tâm lý hãnh tiến, xa lạ với cốt cách "phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di" của người quân tử. Kẻ sĩ khi chưa “tam lập” (lập ngôn, lập đức, lập công) thì chưa thể gọi là quân tử, hào kiệt. Không chỉ có Khuông Siêu Nhân dính vào bẫy công danh của chính quyền phong kiến, Cừ Dật Phu cũng là nạn nhân tương tự khi trong y có sự chuyển biến, thay đổi theo chiều hướng tiêu cực. Vốn là một tú tài không để ý đến khoa cử, sự nghiệp nhưng kể từ sau khi kết hôn với Lỗ tiểu thư, một tín đồ của văn bát cổ, y dần cuốn theo lí học đương thời, ra sức học hỏi, nghiên cứu, trau dồi tri thức với Mã Thuần Thượng, Lỗ tiểu thư để chờ cơ hội tiến thân. Khi gặp Mã Thuần Thượng nghe những lời vàng ngọc, nhận định về văn bát cổ, y mở mang tầm mắt, không ngừng tiếp thu và truyền đạt tư tưởng cho con trai bốn tuổi của mình. Sự biến đổi tâm tính và nhân cách không mạnh mẽ như Khuông Siêu Nhân nhưng cũng minh chứng cho sự xuống cấp về đạo đức và nhân phẩm của những kẻ theo hầu văn bát cổ. Trần thuật của tiểu thuyết giúp độc giả nhận thấy hình ảnh đứa trẻ bốn tuổi, con trai của Cừ Dật Phu và Lỗ tiểu thư đã bắt đầu được mọi người dạy học bằng văn bát cổ, một tình tiết nếu đọc kĩ sẽ thấy sự châm biếm, mỉa ngầm vô cùng kín đáo và sâu sắc của nhà văn Ngô Kính Tử. “Ở nhà mỗi ngày, Cừ Dật Phu và tiểu thư dạy con mãi đến nửa đêm. Và nếu con không học thuộc bài, thì tiểu thư sẽ giữ lại cho đến sáng” [98; 210]. Tác giả không chỉ châm biếm, mỉa mai sự thay đổi theo chiều hướng tiêu cực của Cừ Dật Phu mà còn ngầm mỉa tư tưởng “nhồi sọ” văn bát cổ vào đầu óc của những đứa trẻ mới chập chững biết đi, biết nói. Tư tưởng ấy bắt nguồn từ chính sách tuyển chọn người tài bằng văn bát cổ của chế độ khoa cử mà lực lượng trung thành như Mã Thuần Thượng, Lỗ tiểu thư là những tuyên truyền viên hữu dụng. Chính sách ấy đã làm cho con người mê muội, chìm đắm

trong giấc mộng công danh, phú quý mà không biết bản thân vô tình trở thành tay sai đắc lực của chế độ phong kiến độc ác, tàn bạo.

Cũng miêu tả quá trình đỗ đạt của các trí thức nho sĩ trên con đường khoa cử, nhưng khác với Ngô Kính Tử, Bồ Tùng Linh trong *Liêu Trai chí dị* miêu tả quá trình thi cử, đỗ đạt của các nho sinh luôn có sự trợ giúp của các yếu tố thần kì với những phép lạ "thay tim đổi mặt" hay có sự chỉ bảo, trợ giúp của các vị thần tiên trong việc học hành, thi cử. Có thể kể đến chàng học trò đi thi qua truyện *Ba ông tiên*, chàng Tinh Nhi "con trời" trong truyện *Lên chơi trên trời* (*Lôi tào*) hay chàng Mộng Tiên con của người phàm trần và tiên nữ trong truyện *Con gái nhà trời* (Bạch Vu Ngọc)... Qua những giấc mộng công danh đã được trở thành hiện thực ấy, người ta có thể dễ dàng nhận ra nhiều vấn đề có tính hiện thực sâu sắc, tạo nên giá trị tố cáo mạnh mẽ cho những thiên truyện ngắn về đề tài nho sinh: chế độ khoa cử bất công thối nát, bọn quan lại chấm thi "đánh hỏng người tài, chọn kẻ tầm thường", các thí sinh đỗ đạt thì nếu không phải là bọn bất tài mà khoác lác như anh chàng Dư Hàng thì cũng là những kẻ đạt được danh vọng nhờ công của kẻ khác, nhờ sự trợ giúp của các thế lực thần thánh với những phép màu kì lạ. Những nhân vật trí thức nho sĩ "mải mê với hai chữ công danh" này, họ tìm mọi cách để mở rộng đường công danh nhưng mục tiêu của họ không phải là nhằm hiểu biết kho tàng kiến thức phong phú của nhân loại mà để đạt phú quý vinh hoa, công danh, bổng lộc. Có thể nói, trong lịch sử tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa, Bồ Tùng Linh là một trong những người đề cập đến vấn đề khoa cử một cách rộng rãi nhất. Ông đã vạch trần bộ mặt tinh thần của tầng lớp nho sĩ, sự lừa lọc nơi chốn trường thi nhằm đả kích, phê phán gay gắt sự mục ruỗng, suy đồi của chế độ khoa cử. Tuy vậy, phải đến *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử, sự mỉa mai, châm biếm tầng lớp trí thức nho sĩ và chế độ khoa cử mới thực sự đạt đến chiều sâu một cách toàn diện. Nhà văn Ngô Kính Tử tìm trong đời sống sinh hoạt của giai tầng mình tất cả những điều vụn vặt, nhỏ bé rồi ghép nối với nhau qua phong thái trần thuật tự nhiên, nhẹ nhàng nhưng ý vị lại vô cùng kín đáo,

thâm sâu. Ở *Nho lâm ngoại sử* là sự mỉa ngầm của tác giả hướng về những uy nghi sừng sững được tạo nên bởi *Sử ký, Liệt truyện, Cáo, Chiếu, Biểu, Thi, Thư, Lễ, Nhạc* vốn đã tồn tại vững chắc hàng nghìn năm. Độc giả chỉ có thể tìm thấy sự châm biếm cao siêu đó khi có một sự cảm nhận tinh tế bề sâu của văn bản.

Chế độ khoa cử và tư tưởng công danh phú quý đã ngấm sâu vào tâm hồn mỗi nhân vật làng nho. Trong cái xã hội loạn lạc ấy, giới trí thức nho sĩ xem khoa cử là phương thức duy nhất để tiến thân, cầu vinh và có lúc niềm vui chợt đến bất ngờ khiến cho nhân vật không thể nào tin vào thực tại mình có. Lỗ Biên Tu, một kẻ tôn sùng khoa cử bát cổ và y cho đó là thước đo duy nhất về giá trị con người. Điều đáng tiếc cho y là không có con trai để nối đường thi hương, rạng rỡ tông đường. Chính vì thế, mọi tình yêu thương y dành hết cho người con gái độc nhất Lỗ tiểu thư. Cũng giống như cha mình, Lỗ tiểu thư am tường, sùng tín văn bát cổ, và "nếu là con trai thì đã đỗ đến mấy lần tiến sĩ, trạng nguyên rồi". Điều đáng nực cười ở Lỗ tiểu thư là vì tập trung vào văn bát cổ mà dường như nàng không có một tuổi thơ đúng nghĩa, đến khi lấy chồng nàng cũng không thiết tha gì ngoài vẻ đẹp tinh túy của văn bát cổ. Trần thuật của tiểu thuyết còn cho độc giả thấy sự thất vọng tràn trề của cha con Biên Tu khi chàng rể quý Cừ Dật Phu không chịu chăm lo đèn sách, trau rồi văn bát cổ để ứng thi tiến sĩ. Bên cạnh đó việc phu nhân của Lỗ Biên Tu không đồng ý cho y lấy thêm thê thiếp, nàng hầu để sinh con trai, để dạy nó học, nối dòng thi hương nhà tiến sĩ làm cho y vô cùng tức giận, không may sẩy chân trượt ngã, đổ bệnh không dậy được. Trần Hòa Phủ bắt mạch, khám bệnh có nói lí do: "vì ông về hưu, thân ở nơi giang hồ, nhưng lòng còn lưu luyến chốn kinh đô, lo buồn, bực tức quá nên sinh ra bệnh này" [98; 185]. Một điều mà Lỗ Biên Tu cũng không thể nào ngờ được vào tuổi xế chiều khi đã về hưu lại được triều đình tin tưởng thăng chức Thị độc. Lỗ Biên Tu vốn đã tuyệt vọng về con đường quan lộ của mình nay lại được triều đình bổ nhiệm chức quan mới, chẳng khác nào cơ thể đang suy nhược được tẩm thuốc đại bổ, làm cơ thể không kịp thích ứng. Trong câu chuyện về làng nho nhiều thành phần ấy, đã từng

có nhân vật Phạm Tiến hóa điên khi biết tin mình thi đỗ cử nhân thì nay lại có thêm một Lỗ Biên Tu chết bất ngờ vì quá vui mừng, sung sướng khi đón nhận tước vị của triều đình. "Trong lúc cả nhà đang vui mừng... không ngờ bệnh đờm của cụ lại phát. Bệnh nhập vào tạng, bất tỉnh nhân sự" [98; 199]. Bút pháp phúng dụ, ngầm mỉa của nhà văn đã khiến sự châm biếm, phê phán nhân vật hết sức sâu sắc và cay độc. Cái chết của Lỗ Biên Tu, cái điên của Phạm Tiến cũng là lời cảnh tỉnh dành cho đám trí thức nho sĩ đang lầm đường lạc lối.

Ở Việt Nam, cũng viết về đề tài khoa cử, quan trường cùng với tầng lớp trí thức và hệ thống quan lại phong kiến, tiểu thuyết phóng sự *Lều chõng* của nhà văn Ngô Tất Tố ra mắt bạn đọc những năm 40 của thế kỷ 20 thực sự là một tác phẩm có ý nghĩa hiện thực và ý nghĩa xã hội sâu sắc. Trong tác phẩm, Ngô Tất Tố dựng lên bức chân dung của các sĩ tử bị chế độ giáo dục và khoa cử phong kiến nhấn chìm trong khuôn phép, trở thành những con người không có cá tính. Họ phải giấu đi bản lĩnh, cá tính của mình và làm theo sách cổ nhân, nhắm mắt phục tùng mọi tôn ti trật tự phong kiến. Đó là hình ảnh con người vô dụng, nhưng lại được xã hội phong kiến cho là "hữu dụng".

Ngô Tất Tố đã giáng những đòn rất mạnh vào đầu não chế độ phong kiến và những kẻ muốn lấy đạo Nho làm nền tảng "tề gia, trị quốc, bình thiên hạ". Đi thi, không những cách làm văn gò bó, thể lệ phức tạp mà còn phải không được phạm húy (kiêng tên vua, tên hoàng hậu… thậm chí tên cung điện, lăng tẩm cũng phải kiêng nốt. Chỉ cần vi phạm, thì dù văn hay tới đâu cũng bị bỏ, thậm chí tù tội. Chưa hết, thêm những sự đố kị của quan trường và của triều đình; sự gian lận của thí sinh trong khi thi, kẻ học dốt đem tài liệu vào phòng thi chép… Những tiêu cực đó cũng bị Ngô Tất Tố cực lực phê phán. Dưới chế độ phong kiến, học tập chủ yếu là học vẹt, chuộng hình thức, lấy cái cổ xưa làm chuẩn mực nên văn chương sáo rỗng, giáo điều: "Thấy một giỏ lan bạch ngọc mới nở, sự khao khát càng bồn chồn…Tôi đang quét lối hoa rụng đợi anh". Đó là trích trong lá thư Khắc Mẫn mời Vân Hạc tới chơi. Do chuộng lối khuôn sáo mà Khắc Mẫn lấy

một điển tích tô vẽ cho câu văn, thực ra lúc đó không phải mùa lan thì làm gì có hoa lan! Không ít người chán nản với thi cử mà vẫn phải theo riết nó cho đến suốt đời. Bởi lẽ trong xã hội phong kiến ngoài khoa cử ra không có con đường nào khác để tiến thân. Nếu không theo con đường khoa cử thì họ suốt đời chỉ là những kiếp người hèn kém, suốt đời không được xã hội trọng vọng. Thế nên mới có những cụ già ở vào cái tuổi "gần đất xa trời" vẫn cố đi thi cho tới lúc chết trong lều. Động cơ thi cử lúc này không phải là xuất phát từ việc muốn "kinh bang tế thế" mà chỉ vì muốn "vinh thân phì gia" mà thôi. Với *Lều chõng*, Ngô Tất Tố muốn làm nổi bật lên những nét chính của cái sự học và lối thi cử thời phong kiến với tất cả mọi sự thối nát của nó. Tác phẩm tập trung vào giáo dục, khoa cử nên những quan hệ thầy trò, những lối giảng dạy, những cảnh trường thi… đều được miêu tả rất tỉ mỉ. Nhiều khi tỉ mỉ quá thành ra nói quá nhiều về "phạm húy". Nhưng cũng nhờ sự tập trung ấy nên tác phẩm đã nêu bật được chế độ khoa cử của nhà Nguyễn với sự thối nát của nó. *Lều chõng* thực sự là bản án đanh thép đối với cách thi tuyển nhân tài của giai cấp phong kiến Việt Nam ở vào giai đoạn khủng hoảng. Nhà văn Ngô Tất Tố thẳng thắn chiến đấu với chế độ giáo dục và khoa cử phong kiến đã thối nát, suy tàn.

Bức tranh toàn cảnh những nho sĩ trí thức đỗ đạt tham gia chính trường có tên trong bộ máy quan lại đã tạo nên làn sóng có sức cộng hưởng to lớn, lan rộng tới từng ngõ ngách tâm hồn mỗi cá nhân trong xã hội. Tư tưởng phú quý công danh cùng với chế độ khoa cử thối nát, cách thi cử tuyển chọn người tài bằng văn bát cổ đã khiến cho bức tranh nho lâm thêm phần ảm đạm, u tối. Cái mà các nho nhân tìm thấy sau quá trình lột xác là sự biến đổi nhân tính, biến đổi phẩm chất và giá trị con người, họ đã trở thành những công cụ, tay sai đắc lực, những con rối cho chính quyền phong kiến đương thời giật dây, thao túng.

***3.1.2. Tầng lớp trí thức nho sĩ thi trượt, lỗi thời***

Thế giới nho lâm bao gồm rất nhiều loại người khác nhau, ở đó là một sự ô hợp của những người cùng tư tưởng công danh, phú quý, những kẻ không bao

giờ vượt thoát khỏi vòng quay của danh vọng, địa vị. Mặc dù chế độ phong kiến đã dành nhiều chính sách đãi ngộ, tạo nhiều điều kiện thuận lợi để kéo chân các hạng sĩ tử đến gần với chính trường nhưng không phải ai tham gia khoa cử cũng đều đạt được những thành công vang dội. Phần lớn trong thế giới nho lâm là "nhung nhúc" những kẻ đáng ghét, bất tài vô dụng nhưng lại có dụng tâm đen tối, hèn mạt, chất chứa tất cả tất cả cái xấu, cái ác, cái giả dối, ti tiện, đớn hèn.

Mũi nhọn châm biếm, đả kích của Ngô Kính Tử đi sâu vào từng nhân vật, lôi tuột bản chất lố lăng, kệch cỡm của những kẻ giả danh trí thức, giả danh quân tử. Vốn là những kẻ bất tài, khuyết thiếu về tài năng, đức độ nhưng trước bả công danh phú quý, họ không thể kiềm chế lòng tham để từ đó hình thành nên những âm mưu, thủ đoạn biến mình thành những cao nhân mai danh ẩn tích, luyện võ ôn văn chờ thời cơ để được chú ý, đề bạt. Tiêu biểu cho hạng người này là Dương Chấp Trung, Quyền Vật Dụng, Trương Thiết Tý, Triệu Tuyết Trai, Cảnh Lan Giang, Ngưu Ngọc Phố, Chi Kiếm Phong… Những đường nét miêu tả lớp nhân vật trí thức rởm của nhà văn Ngô Kính Tử góp phần làm phong phú, đa dạng bức tranh "rừng nho" đang trên đà suy thoái, mục nát; bên cạnh đó tăng thêm tính chân thực, sinh động của thời đại nhằm châm biếm, phê phán chế độ khoa cử và nền chính trị phong kiến quan liêu đương thời.

Chế độ khoa cử và tư tưởng công danh ảnh hưởng cực kì xấu tới cuộc sống của giới trí thức làng nho, họ ra sức học tập, trau dồi văn bát cổ hy vọng tìm cho mình một chỗ đứng vững chắc trong xã hội. Những kẻ may mắn đỗ đạt làm quan cũng nhờ đó mà thoát ly khỏi nghèo nàn, đói rách còn những kẻ không may thi trượt thì lui về ở ẩn, mở lớp dạy thêm, viết chữ đề tên, tâm màng danh vọng. Trong *Nho lâm ngoại sử*, Dương Chấp Trung là một cống sinh thi mười sáu, mười bảy lần không đỗ, làm thuê cho một hiệu buôn muối nhưng "không chịu làm ăn, cứ lo chơi bời, trai gái cờ bạc, tiêu lạm vào vốn bảy trăm lạng, làm tổn hại đến thuế nhà nước", bị bắt giam trong ngục, may được hai công tử họ Lâu ra sức cứu giúp mới thoát khỏi vòng lao lí. Độc giả nhận thấy ở Dương Chấp Trung

là một kẻ cơ hội, gian manh, y cố tình "thả dây câu cá", nâng cao giá trị bản thân để được mọi người kính nể, trọng dụng. Nhận thấy cơ hội đã đến bởi sự trợ giúp của Lâu Bổng và Lâu Toản, y cố tình sắp xếp, bài trí một màn kịch đánh bóng tên tuổi, khẳng định bản thân là người trong sạch, cao thượng, dám từ bỏ danh lợi về quê không khom lưng uốn gối nịnh nọt, bợ đỡ người khác. Y đã lòe được mọi người bằng cách dấu đi bản chất thực của mình, miệng nói những lời hoa mĩ, thanh cao, tao nhã khiến cho ai cũng cảm phục và muôn phần kính trọng. Qua ngôn ngữ và hành động của nhân vật, nhà văn Ngô Kính Tử đã khắc họa rất thành công điển hình nhân vật Dương Chấp Trung, một kẻ cơ hội, chờ thời, biết sắp đặt mưu mô, lợi dụng lòng tốt và sự cả tin của mọi người để mưu cầu bản thân. Nhà văn để cho nhân vật tự bộc lộ bản chất thật của mình, cái đuôi hồ ly cũng dần lộ diện khi chính miệng y nói không màng danh lợi nhưng lại dán cái thiếp báo nho học chính đường của huyện Thuật Dương lên tường cho mọi người để ý. Y mạnh miệng nói với Lâu Bổng và Lâu Toản: "Khi tôi già, được bổ làm giáo học. Tôi thấy làm giáo học thì phải trình báo, phải luồn cúi quan trên mà sống lưng tôi lại quá cứng không làm được việc đó. Cho nên tôi cáo bệnh không đi. Tôi phải khó khăn lắm mới xin được giấy chứng nhận của quan địa phương nói rằng tôi mắc bệnh" [98; 183]. Có thể thấy từ trong cái cách tự quảng bá mình, Dương Chấp Trung hiện lên là một kẻ xảo trá, kiểu cách. Bên cạnh đó, Dương Chấp Trung cũng là kẻ biết cách tạo dựng tiếng tăm, thanh thế cho bản thân khi giới thiệu Quyền Vật Dụng cho hai công tử họ Lâu, y khẳng định: "ông ta là một tay có tài kinh bang tế thế, từ xưa đến nay không hề có. Thật là nếu ở ẩn thì làm nhà nho chân chính, nếu ra đời có thể làm tể phụ triều đình" [98; 186]. Lấy truyện người để nói về mình, ca ngợi Quyền Vật Dụng cũng là ca ngợi tài năng, đức độ của bản thân làm cho mọi người thêm yêu mến, nể trọng. Sự tinh ranh, lọc lừa của y cứ dần hiện ra một cách rõ nét qua sự miêu tả của tác giả, làm nổi bật lên sự châm biếm, phê phán nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu cay.

Viết *Nho lâm ngoại sử*, nhà văn Ngô Kính Tử căn cứ vào từng hoàn cảnh, từng nhân vật mà vận dụng phương pháp châm biếm cho thích hợp. Đối với loại nhân vật ăn phải bả công danh như Phạm Tiến, Chu Tiến, bên cạnh thái độ phê phán, châm biếm, giễu cợt người ta còn thấy chút thương hại cho số phận của họ nhưng với lớp nhân vật trí thức nho sĩ dốt nát, rởm đời, giả danh ẩn sĩ, mặc khách tác giả châm biếm, đả kích mãnh liệt, ở đó không có sự thương cảm, khoan dung mà chỉ có sự căm ghét, khinh bỉ, phủ nhận.

Quyền Vật Dụng cũng là một tín đồ của khoa cử đương thời, y xuất thân trong gia đình dân cày, được đi học đến nơi đến chốn nhưng hơn "ba mươi năm đi thi vẫn không làm nên trò trống gì, ngay thi ở huyện còn chẳng đỗ, ăn nói thì chẳng có nghĩa lí gì hết". Hắn sống trong một cái miếu thổ địa, dạy dăm ba đứa trẻ con, ăn nói ba hoa, tỏ thái độ ra vẻ "ưu thời mẫn thế", nghe theo lời của Dương Chấp Trung làm một "cao nhân ẩn sĩ" nhưng lại đi lừa người để lấy tiền sinh sống. Châm ngôn của hắn: "chúng ta là bạn thân thiết với nhau đừng nên phân biệt làm gì. Cái gì của anh là của tôi, cái gì của tôi là của anh". Nếu như Dương Chấp Trung tinh ranh tạo cho mình một vỏ bọc che đậy bản chất xấu xa, được mọi người hết lời khen ngợi thì Quyền Vật Dụng thể hiện rõ là một tên côn đồ, lưu manh, lọc lừa, dở điên, dở khùng. Tác giả để cho một người dân bình thường sống gần nhà Quyền Vật Dụng nhận xét về y: "Cái gì hắn cũng nhờ lừa gạt mà có cả" một sự đánh giá rất khách quan, thể hiện thái độ châm biếm, mỉa mai, coi thường, khinh ghét. Nhà văn Ngô Kính Tử miêu tả cái cách ăn mặc, đi đứng của Quyền Vật Dụng khi tìm đường đến Lâu phủ "mình mặc áo tang, tay trái ôm cái chăn, tay phải vung vẩy tay áo thụng bước thấp bước cao ở ngoài đường" thật đáng để người ta phê phán, đả kích. Y đi vào thành, không biết đi thế nào cho đúng cứ ngang nhiên xông vào, đến khi va vào đòn gánh người bán củi khiến mũ mắc vào đấy, y rối rít chạy theo đòi mũ và đâm đầu vào một cái kiệu, khiến ông quan ngồi trên đó suýt bắn ra ngoài. Đã thế y còn "vùng vằng hoa chân múa tay, ăn nói lung tung không chịu nhận tội". Thái độ, cách cư xử và hành

động của y trước viên quan Nhai Đạo Sảnh khiến cho ai cũng cảm thấy khó chịu. Y cư xử không có dáng vẻ gì của một nhà nho, của một kẻ có học mà giống như một lão ăn xin thất thểu trên phố, hành động thì như của một tên đầu đường xó chợ hơn là một cao nhân, ẩn sĩ. Thậm chí, Quyền Vật Dụng còn làm những việc mà đối với một nhà nho không bao giờ dám nghĩ tới, y quyến rũ và bắt cóc ni cô trong chùa Tuệ Viễn về nhà, một hành động làm bại hoại thanh danh, biến y thành một tên côn đồ lưu manh, xảo quyệt. Có thể thấy trong con người Quyền Vật Dụng một kẻ cố ý đi ngược, làm ngược với lẽ thông thường, làm bộ làm tịch, nhất nhất che đậy sự thiển lậu của mình, mặt khác lại cố ý gàn dở, thoát tục để gây sự chú ý của người khác, nhưng cuối cùng cũng bộc lộ rõ chân tướng với tất cả xái xấu xa, ti tiện, đớn hèn. Nhà văn Ngô Kính Tử đã dành cho nhân vật một thái độ phủ định hoàn toàn giá trị của một con người. Sự châm biếm, phê phán có sức công phá mãnh liệt, đả kích đến tận cùng thói hư danh, kệch cỡm của đối tượng nhằm mục đích xóa bỏ những cái xấu, cái ác, cái giả dối ra khỏi đời sống xã hội - con người.

Phạm vi châm biếm của nhà văn Ngô Kính Tử không chỉ dừng lại ở những bậc "cao nhân ẩn sĩ" mà còn mở rộng tới nhóm danh sĩ trí thức rởm cứ mở miệng ra là hội họp làm thơ. Qua ngôn ngữ nhân vật, sự châm biếm kín đáo của nhà văn dần được bộc lộ. Ngô Kính Tử cứ "dửng dưng tường thuật", nhân vật thì cứ vô tư thể hiện, chính điều đó khiến chúng rơi vào "bẫy" lúc nào không hay và tự bộc lộ bản chất; tiếng cười của sự châm biếm bật ra đầy sâu sắc, ý nhị. Những "danh sĩ rởm" như Triệu Tuyết Trai, Cảnh Lan Giang, Chi Kiếm Phong... là những kẻ trong ngôn ngữ và hành động chỉ có một mục đích duy nhất là thỏa mãn nhu cầu vui chơi, thưởng ngoạn, làm thơ. Bọn chúng cho rằng "chỉ cần làm được vài câu thơ, chứ không cần học hành thi cử gì" là có thể lui tới những nơi quyền cao chức trọng. Tác giả mượn lời của tên lưu manh Phan Tam để nhận xét, đánh giá về đám người danh sĩ này rất sâu sắc và khách quan: "Bọn này nổi tiếng là ngốc. Cái anh chàng họ Cảnh mở hiệu bán mũ trước có hai ngàn lạng bạc tiền vốn nhưng

cứ tiêu vào việc thơ hết sạch. Hàng ngày ngồi trong hiệu hắn vừa lấy tay chải mũ miệng ngâm nga: *Ngày thanh minh mưa rơi lất phất,* làm cho những người mua mũ và những hiệu buôn bên cạnh cũng bật cười. Nay hắn tiêu hết sạch số vốn rồi, nên hắn mượn cớ làm thơ để vay mượn tiền kẻ khác. Người ta nghe đến hắn đều phải sợ" [98; 288]. Nói về Chi Kiếm Phong, Phan Tam cũng không tiếc lời chê bai, khinh mạt: "anh chàng họ Chi làm lái buôn sở muối, cũng vì say rượu ngâm thơ trên đường cái mà bị phó tri phủ bắt xích tay lại, cách mất chức buôn muối. Rồi đây chỉ có chết đói mà thôi" [98; 288].

Xét cho đến cùng, sự tồn tại và phát triển của xã hội nói chung và giới trí thức nho sĩ nói riêng hoàn toàn phụ thuộc vào thể chế chính trị của giai cấp cầm quyền. Ở đó, những chính sách, đường lối mà chính quyền ban xuống trở thành quy phạm pháp luật, bắt buộc mọi người phải tuân theo. Văn bát cổ là một thể văn rất đặc biệt trong khoa cử truyền thống ở Trung Quốc. Nguồn gốc của thể văn này có từ thời nhà Tống nhưng đến thời Minh Thanh nó mới hoàn thiện và chính thức được đưa vào khoa cử để kén chọn kẻ sĩ, người tài cho đất nước. Tuy vậy, cách thi cử bằng văn bát cổ dưới triều Mãn Thanh đã có nhiều sự thay đổi, mang màu sắc tiêu cực, áp đặt, người đi thi chỉ như những con vẹt lặp đi lặp lại sách xưa theo đúng quy cách bát cổ. Chính điều này đã ảnh hưởng to lớn tới tầng lớp trí thức nho sĩ, lớp người tiếp nhận, thực hiện một cách nhanh và sâu sắc nhất; hệ quả là xuất hiện ngày càng nhiều "kì hình quái trạng", những con rối bị giật dây, những cái loa phát thanh tuyên truyền chính sách mị dân cho chính quyền phong kiến. Văn bát cổ ăn sâu vào tiềm thức và suy nghĩ của giới trí thức nho sĩ, từ những kẻ đỗ đạt làm quan đến những danh sĩ rởm đời hay những tên lưu manh, côn đồ khiến cho chúng quên đi cách thức làm thơ truyền thống. Chẳng thế mà khi làm thơ Vệ Thế Thiện, Tùy Sầm Am vẫn còn dùng những chữ của văn bát cổ như "vậy ôi", "than ôi", "mảng rằng", một sự châm biếm, mỉa ngầm vô cùng kín đáo của Ngô Kính Tử dành cho những tín đồ văn bát cổ luôn mụ mị, chìm đắm trong vòng quay của chính quyền phong kiến. Tất cả những điều đó càng làm rõ

hơn bản chất khôi hài, kệch cỡm, lố lăng của tầng lớp trí thức được gắn mác danh sĩ, những kẻ xa rời thực tế, ảo vọng, tham danh. Không những thế, khi đánh giá về văn bát cổ Vệ Thế Thiện nói một cách say sưa: "Văn bát cổ thay thánh hiền mà nói, phải có phép tắc nhất định! Không phải như các hạng sách nhảm, có thể tùy ý làm bậy được. Cho nên xem một thiên văn bát cổ chẳng những thấy được người làm văn giàu sang phúc ấm như thế nào mà còn thấy được sự thịnh suy của nước nữa" [98; 279]. Nhà văn Ngô Kính Tử đã rất thâm thúy và sâu cay khi gián tiếp mượn lời của nhân vật để châm biếm, ngầm mỉa chế độ khoa cử dùng văn bát cổ tuyển chọn người tài cho triều đình phong kiến. Trong khi đa phần tầng lớp trí thức nho sĩ sử dụng văn bát cổ một cách rập khuôn, máy móc theo bài cũ để ăn cắp lấy khoa trường, và thực chất họ chẳng có tài cán, năng lực gì thì những lời lẽ của Vệ Thế Thiện "xem một thiên văn bát cổ mới thấy người làm văn giàu sang phúc ấm" và "còn thấy được sự thịnh suy của nước nữa" đã khẳng định sự mê muội, ngu si ở tầng lớp trí thức nho sĩ cùng với hiện thực suy vong của chế độ phong kiến đương thời. Việc sử dụng độc nhất văn bát cổ trong thi cử đã ảnh hưởng cực xấu tới tư tưởng của tầng lớp trí thức nho sĩ, làm cho tâm hồn con người trở nên trống rỗng, ngu tối, bỉ lận.

Cũng miêu tả về thế giới của tầng lớp trí thức nho sĩ, cũng đi sâu lột trần bản chất ảo vọng, tham danh của những "lôi thôi sĩ tử", nhà văn Bồ Tùng Linh trong *Liêu Trai chí dị* đã khắc họa hình ảnh những nhà nho qua giấc mộng công danh không thành. Đó là những chàng nho sinh vì khoa cử mà trở nên mê muội, suốt đời lận đận trường thi như chàng thư sinh họ Diệp trong truyện *Chàng thư sinh họ Diệp* hay chàng Vương Tử An trong *Giấc mộng đắc chí*, chàng Vương trong *Oan nghiệt trường văn,* chàng Châu Dục Sinh học giỏi, đẹp trai lấy vợ đạo cô trong truyện *Phan Trần đùa mà hơn thực* (*Trần Vân Thê*), thi đi thi lại mà vẫn không đỗ, chàng Mỗ trong truyện *Vợ thi hộ chồng,* đi thi khoa nào cũng rớt, chàng Nhạc Vân Hạc trong truyện *Lên chơi trên trời* (*Lôi Tào*) tuy học hành tấn tới nhưng thi cử thì khoa nào cũng rớt,... Một phần vì họ bị nhồi nhét khát vọng

công danh phú quý, mặt khác vì chế độ thi cử thối nát bất công, quan chấm thi rặt một lũ dốt nát và vô trách nhiệm, thi cử bằng thơ văn cổ sáo rỗng chỉ cần thí sinh học như con vẹt chẳng cần sáng tạo.

Chàng thư sinh họ Diệp miền Hoài Dương có tài văn chương trội nhất đương thời nhưng số phận lận đận long đong trong trường công danh. Có ông Đinh Thừa Hạc đến làm quan ở ấp ấy, xem văn chương của chàng, cho là kì tài, ông rất bằng lòng, cho chàng đến ở trong dinh thự, cơm nước, đèn sách cấp cho đầy đủ. Đến kì sơ thí (kì thi sơ bộ trước khoa thi hương để chọn những thí sinh khá) ông hết sức tán dương văn tài của chàng trước mặt quan học sứ, rồi đó chàng đỗ đầu hàng xứ. Ông trông mong vào chàng rất tha thiết; sau khi vào trường thi hương, cho lấy văn của chàng để xem, ngợi khen không ngớt. Ngờ đâu thời vận neo người, văn chương ghen mệnh, bảng vàng đã treo mà chàng lại hỏng tuột. Vì quá đau buồn, trở về chàng choáng váng tê mê, thân hình gầy rộc như bộ xương còn đứng, người ngây ra như tượng gỗ, chẳng bao lâu chàng lâm bệnh rồi chết. Khi đã hoá thành một hồn ma chàng Diệp mới có thể đạt được cái giấc mộng đỗ cử nhân của mình.

Còn chàng Vương Tử An - một danh sĩ trầy trật mãi trong sự nghiệp lều chõng - bị cái nghiệp thi thư và ước mong thi cử đỗ đạt ám ảnh mãi, tấc lòng ngổn ngang muôn nỗi cho nên mới có chuyện đáng buồn cười mà cũng vô cùng đáng thương xảy ra: bị quỉ hồ cười trộm đã lâu, mới nhân khi Vương bị say mà đùa trêu tạo nên giấc mộng công danh đắc chí đỗ đạt. Trong giấc mộng "y như thật ấy", Vương đậu tiến sĩ, qua tam trường, được bổ vào viện Hàn Lâm, thế là quên phắt thân y đang nghèo xác nghèo xơ, vội nảy ra ý nghĩ là phải ra oai với hàng xóm. Y thét gọi ban trưởng. Nhưng đáp lại lời gọi của y là tiếng trả lời lạnh nhạt của người vợ: "Trong nhà chỉ có bà già giúp việc, làm gì có ban trưởng", tỉnh ra mới biết tất cả chỉ là mộng ảo mà thôi! Phải là người có thể nghiệm sâu sắc về sự được mất trên con đường khoa cử mới có thể giễu cợt thấm thía như thế. Văn học truyền thống Trung Quốc có hẳn một truyền thống dùng mộng để

phản ánh. Lấy mộng để nói thực, cái thực được chiết xạ qua mộng càng làm tăng thêm sức phản ánh hiện thực sâu sắc. Mộng là để nói thực và mỗi khi mộng, con người không bị khống chế bởi ý thức nên sống thật với ý nghĩ của mình. Là kẻ sĩ ôm giấc mộng công danh, Vương Tử An bị quỉ hồ cười trêu, mộng mà y như thật! Tỉnh mộng, quay trở về đối diện với thực tại càng thêm chua xót, phũ phàng.

Tình trạng mê muội khổ sở như vậy của sĩ tử một mặt do bản thân họ bị đầu độc bởi tư tưởng công danh phú quý, nhưng mặt khác lại do chế độ khoa cử thối nát gây ra. Quan chấm thi rặt một lũ thối nát và vô trách nhiệm; thi cử lại dùng văn bát cổ, một thứ văn chương sáo rỗng, chỉ đòi hỏi thí sinh học thuộc lòng như con vẹt, không cần suy nghĩ, sáng tạo. Trần thuật của tiểu thuyết trong hồi truyện 42 cho ta thấy rõ hơn điều đó. Hai công tử họ Thang sau khi biết tin mình không đỗ, "họ ngồi trong phòng buồn bã, bảy tám ngày liền, rồi đi lấy quyển thi hỏng về. Thang Do lấy ba quyển, Thang Thực lấy ba quyển. Không có quyển nào được đọc suốt từ đầu đến cuối. Họ chửi mắng các quan chấm thi dốt nát" [98; 231]. Độc giả có thể nhận thấy nguyên nhân hai cậu công tử hỏng thi vì bản thân họ ngu dốt, không có năng lực. Tuy nhiên điều đó dường như không quyết định chuyện thi đậu, bởi theo cách kể kín đáo "*không có quyển nào được đọc hết từ đầu đến cuối*" cho ta thấy có thể quan chấm thi lười nhác, qua chuyện.

Mặc dù cách sử dụng phương pháp nghệ thuật nhằm tái hiện thực trạng xã hội của Bồ Tùng Linh và Ngô Kính Tử có sự khác nhau, ở Bồ Tùng Linh là phương pháp truyền kì để chép truyện chí quái, biến ảo khác thường mà như xảy ra trước mắt, còn Ngô Kính Tử là việc sử dụng bút pháp châm biếm qua ngôn từ kín đáo, tế nhị, nhẹ nhàng mà thâm thúy, sâu cay nhưng cả hai tác giả đều chỉ ra những cái thối nát hủ lậu của chế độ khoa cử, đó là một việc làm rất có ý nghĩa và cũng là sự đóng góp rất đáng kể của các tác giả trước hiện thực xã hội đương thời.

Chế độ khoa cử đã thâm nhập vào tận tâm linh của những phần tử trí thức, khiến tinh thần của họ cứ luôn vẩn vơ ám ảnh mãi cái giấc mộng công danh. Xét đến cùng, trong một thời kì lịch sử lâu dài của xã hội phong kiến Trung Quốc,

chế độ khoa cử là con đường lựa chọn nhân tài duy nhất cho quốc gia, dân tộc và nó ảnh hưởng cực kì xấu tới tư tưởng của tầng lớp trí thức nho sĩ. Những năm đầu của thế kỉ 20, sau Cách mạng Tân Hợi, trong khi toàn xã hội Trung Hoa đang có sự chuyển mình để bước sang thời hiện đại thì những tồn dư của xã hội cũ vẫn còn đó, nó hiển hiện và đầu độc con người tới tận sâu thẳm tâm hồn. Trong cái xã hội hiện đại ấy, tầng lớp trí thức là những người nhanh nhạy với sự thay đổi của xã hội và đóng một vai trò quan trọng trên vũ đài lịch sử. Tuy vậy, độc giả bắt gặp hình ảnh những người trí thức trong các truyện ngắn của Lỗ Tấn có nhiều nét tương đồng với các nhân vật trong *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử. Trong truyện ngắn *Khổng Ất Kỷ,* hình ảnh nhân vật Khổng Ất Kỷ hiện lên với ngoại hình kì dị "một bộ râu hoa râm lồm xồm, rối như mớ bòng bong. Áo tuy là áo dài nhưng lại vừa bẩn vừa rách, hình như hơn mười năm nay chưa vá và cũng chưa hề giặt" [8; 96]. Cách đọc liên văn bản giúp cho độc giả có được những đối sánh liên tưởng, phát hiện ra những điều thú vị trong nghệ thuật miêu tả, khắc họa nhân vật của nhà văn Lỗ Tấn và Ngô Kính Tử, từ đó toát lên ý vị châm biếm, mỉa mai. Trần thuật của tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* giới thiệu hình ảnh người mở đầu rừng nho Chu Tiến xuất hiện ở làng Tiết Gia Tập để dạy học với những chi tiết khá đặc biệt: "đầu đội mũ lông chiên cũ, mình mặc chiếc áo rộng màu xám đã rách, ống tay phải và phía sau đề tả tơi, chân đi một đôi giầy đỏ cũ, da mặt đen và gầy, râu lốm đốm bạc" [98; 41]. Không phải ngẫu nhiên mà Chu Tiến và Khổng Ất Kỷ, hai con người cách nhau vài thế kỷ lại có những nét tương đồng về ngoại hình đến thế, họ đều mặc chiếc áo dài cũ kĩ đã sờn rách, đó là biểu tượng truyền thống của những học trò gắn bó cuộc đời mình với cửa Khổng sân Trình. Bên cạnh đó, nét khắc khổ, già nua, mệt mỏi, râu tóc lồm xồm đã chớm bạc trên khuôn mặt hai nhân vật cũng thể hiện quá trình "khổ thí" vất vả, cơ cực mà vẫn chưa thành. Nhà văn Ngô Kính Tử và Lỗ Tấn đã châm biếm, mỉa mai nhân vật của mình vô cùng sâu sắc và kín đáo nhưng sâu xa hơn độc giả còn có một cảm nhận về sự bất biến trong tư tưởng công danh, phú quý của nhân vật khi trải qua

trường kì lịch sử, thậm chí bước sang thời hiện đại mà bản chất cố hữu, hủ bại ấy vẫn chưa thể xóa bỏ. Khổng Ất Kỷ vẫn đi học, đi thi theo lề lối cũ nhưng thi mãi không đỗ, đến nửa cái tú tài cũng không kiếm được, ê chề ôm nỗi nhục thất bại nhưng y vẫn một mực bảo thủ, không chịu thừa nhận, và đây cũng là điểm tương đồng giữa Khổng Ất Kỷ với rất nhiều nhân vật trí thức nho sĩ trong *Nho lâm ngoại sử*. Khổng Ất Kỷ giữ thói sĩ diện hão bằng cách cố tình mặc chiếc áo dài thâm bẩn rách rưới như một minh chứng cho địa vị xã hội của y, và khi mở miệng là tuôn ra hàng tràng "*chi hồ giả dã*", "*quân tử cố cùng*" để chứng tỏ mình là một người có học mặc dù người nghe chẳng ai hiểu gì hết. Tài hèn "chẳng biết làm gì mà ăn" phải đi ăn cắp, bán rẻ nhân phẩm của mình để mưu sinh, ấy vậy mà y vẫn không chịu cởi bỏ chiếc áo dài rách rưới vốn tượng trưng cho thân phận kẻ hủ nho bất tài. Dẫu có chết, nho sĩ họ Khổng vẫn giữ khư khư quan niệm cổ hủ "*Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao*". Trong con mắt của mọi người xung quanh, y là một kẻ lập dị, khác người bị xã hội quay lưng, cự tuyệt. Sống giữa mọi người, y biến thành trò cười, thành thằng hề mua vui không mất tiền cho thiên hạ nhưng rốt cuộc y cũng không chịu tỉnh ngộ. Y chết một cách im hơi lặng tiếng, không ai hay biết, không ai thương xót. Y đã chết vì chính sự đầu độc của nền giáo dục phong kiến, cái mà y luôn tôn sùng và hướng tới. Cũng như Khổng Ất Kỷ, Trần Sĩ Thành trong truyện ngắn *Luồng ánh sáng* là một nho sinh bị nền giáo dục khoa cử phong kiến đầu độc. Y ôm mộng giàu sang nhờ thi đỗ: "*đỗ tú tài rồi lên tỉnh thi hương, cứ thế một mạch mà thăng quan tiến chức... chẳng những kẻ giàu sang tìm trăm phương ngàn kế làm thân mà ai ai cũng phải kính sợ ông như thần như thánh... Ông sẽ xây một tòa nhà mới tinh, trước cửa sẽ treo cờ xí, hoành phi, câu đối... Muốn thanh cao thì phải làm quan tại kinh, bằng không thì xin ra ngoài nhiệm*" [8; 242-243], thế nhưng y thi mãi mà vẫn không đỗ tú tài. Trong kì thi ở huyện lần thứ mười sáu, khi yết bảng, mình lại trượt, "*cái mộng tương lai mà bình nhật sắp đặt đâu ra đấy... lúc này đổ nhào trong khoảnh khắc như một cái lâu đài bằng cát trước ngọn thủy triều, chỉ còn trơ lại từng*

*mảnh vụn*" [8; 243] làm cho y hết sức buồn chán. Y tìm đến một hành động giải tỏa là đi tìm kho báu huyền thoại của tổ tiên nhà họ Trần mà y được nghe bà nội kể lúc còn nhỏ. Kết cục, kho của không tìm thấy mà y lại đi đến cái chết hết sức bi thảm ở hồ Vạn Lưu. Bi kịch của tầng lớp trí thức trong *Nho lâm ngoại sử* và trong một số truyện ngắn của Lỗ Tấn (*Khổng Ất Kỷ, Luồng ánh sáng...*) chính là bi kịch xã hội, và cũng là bi kịch của tính cách nơi tầng lớp trí thức yếu hèn, nhu nhược, mãi đắm chìm trong tư tưởng công danh, phú quý mà không xác định được vị trí của mình trong đời sống xã hội.

**3.2. Tầng lớp thống trị**

Mục đích duy nhất khiến cho tất cả con người nơi chốn "rừng nho" ham mê cử nghiệp, vùi đầu vào đống bùn nhơ của chế độ khoa cử chính là lòng tham tiền tài, công danh, phú quý. Khi chưa đỗ đạt thì ai cũng chuyên tâm, tìm đủ mọi cách để thi đậu, nhưng khi đạt được chút ít thành tựu thì nhanh chóng sa đọa, đánh mất bản chất tốt đẹp trong mỗi con người. Tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*, Ngô Kính Tử đã cắt nghĩa một cách đúng đắn sự xuống cấp về mặt đạo đức và nhân cách của tầng lớp thống trị này. Từ những người đứng đầu ở trung ương cho tới địa phương đều nhất trí một lòng lũng đoạn, vơ vét và đàn áp tất cả những thế lực cản trở lòng tham trên con đường quan lộ. "Giữ một thái độ tỉnh táo, Ngô Kính Tử đã dồn sức cả đời mình vào việc nhận thức chân lí thời đại và thực chất lịch sử dân tộc. *Nho lâm ngoại sử* chính là kết quả, là biểu hiện của nhận thức đó" [85; 63].

***3.2.1. Tầng lớp vua chúa***

Sau khi thống trị toàn Trung Nguyên, dòng họ Ái Tân Giác La nhà Mãn Thanh đã áp dụng một chính sách vô cùng tàn bạo và thâm độc để củng cố nền quân chủ chuyên chế. Giai cấp thống trị một mặt thẳng tay đàn áp, khủng bố những thế lực chống đối, mặt khác thi hành chính sách "văn tự ngục", tịch thu, tiêu hủy toàn bộ sách vở của của các triều đại trước. Bên cạnh đó, chính quyền phong kiến Mãn Thanh đưa tay chiêu dụ, lôi kéo những phần tử hiểu biết quy

phục tân trào khiến họ chìm đắm trong vòng quay của dục vọng và danh lợi mà quên đi nỗi nhục mất nước. Không những thế, thông qua quy cách tuyển chọn người tài bằng văn bát cổ đã chứng minh được kẻ thực sự đang chơi trò chơi khoa cử chính là những người đứng đầu triều đình phong kiến, họ luôn giơ miếng mồi béo bở dụ dỗ trí thức nhằm mục đích nô dịch, kiềm tỏa, khống chế cả một nền văn hóa.

Trong *Nho lâm ngoại sử,* thái độ của nhà văn với vua chúa là thái độ phủ nhận, ngầm mỉa về cách trị quốc, bởi những người đứng đầu chế độ đã xây dựng một thể chế độc tài với nhiều chính sách và âm mưu thâm độc nhằm mục đích tiêu biến những giá trị tốt đẹp của truyền thống văn hóa Trung Hoa. Xuất phát từ tư tưởng dân chủ, tiến bộ, với thái độ khinh miệt công danh phú quý, bằng ngòi bút châm biếm sắc sảo, Ngô Kính Tử thông qua việc phê phán nền chính trị đen tối thối nát đời Minh để gián tiếp ngầm mỉa tầng lớp vua chúa Mãn Thanh, tầng lớp đã gây bao đau khổ cho cuộc đời giai cấp bị trị. Trước một thực tế "trăm họ thì vẫn chưa no ấm, các sĩ và đại phu vẫn chưa theo đúng lễ nhạc" nhà vua cho vời Trang Thiệu Quang vào cung gặp mặt và hỏi cách trị quốc an dân. Trần thuật của tiểu thuyết qua sự kiện Trang Thiệu Quang được vời vào cung triều kiến, dâng kế sách an dân sẽ giúp độc giả nhận ra phong cách tự sự của nhà văn Ngô Kính Tử. Người đọc sẽ cảm thấy nhạt nhẽo, bình đạm trên bề mặt ngôn ngữ nhưng ngẫm kĩ ra thì dư vị, hàm ý khôn cùng. Bút pháp phúng dụ, ngầm mỉa cao siêu của nhà văn không chỉ hướng trực tiếp vào thiên tử mà còn "lộn trái" trở lại hình tượng nhân vật Trang Thiệu Quang, một điển hình lâu nay vốn được xem là tích cực. Trần thuật cho biết ngày mồng một tháng mười năm Gia Tĩnh thứ 35, Trang Thiệu Quang đã có mặt tại kinh thành, chuẩn bị cho việc tiếp kiến vua. Sau ba ngày có chiếu chỉ của nội các đến, chiếu viết: "... nhờ hồng phúc của tổ tiên, trẫm ngày đêm cầu hiền để lo việc trị dân. Trẫm nghe nói: "Ai thờ tôi làm thầy, người ấy sẽ làm Vương" đó là cái lẽ xưa nay. Nay quan thị lang bộ lễ có tiến cử ông Trang Thượng Chí. Ngày mùng sáu cho vào triều bệ kiến để nêu rõ phép tắc

của triều đình" [98; 120]. Đến khi gặp vua, đang định tâu lên kế sách an dân thì thấy "trên đầu nhức nhối" bèn thoái thác đi về. Thiên tử cũng chẳng buồn hỏi lại, chỉ dặn vài câu rồi khởi giá hoàn cung. Nếu theo cách đọc liên văn bản, đối chiếu với lịch sử triều Minh, hoàng đế Gia Tĩnh kế vị hơn hai mươi năm không hề tiếp trí thức, thường dân, phó mặc hết mọi việc cho quần thần thì việc ra chiếu cầu hiền theo đúng trần thuật tiểu thuyết có thể coi đó là một sự ngầm mỉa kín đáo, đầy thâm ý của nhà văn dành cho thiên tử. Bên cạnh đó, nếu độc giả tinh ý có thể nhận thấy trong hành động và lời nói của Trang Thiệu Quang trong và sau khi trả lời thiên tử cũng rất đặc biệt. Trang đang định trả lời thì "thấy trên đỉnh đầu có một cái gì đốt đau nhói không chịu đựng được" nên đã rất khéo léo, từ tốn xin khất để về suy nghĩ kế sách an dân. Trang về nhà bỏ mũ ra thì thấy có một con rết, mới cười mà nói rằng: "*Ngô đạo bất hành*". Độc giả nhận thấy trong cách nói năng, khẩu khí của Trang có vẻ rất giống với Khổng Tử. Ngày xưa, Khổng Tử cùng học trò đi chu du khắp nơi, tuyên truyền chủ trương đường lối chính trị của mình, khi được hỏi đạo của mình như thế nào, Khổng Tử trả lời: "*Ngô đạo nhất dĩ quán chi*" (đạo của ta là một mà xuyên suốt). Khổng Tử nói rằng người quân tử trong thiên hạ không chủ trương phải thế này hay không phải thế khác, chỉ hợp nghĩa thì làm. Cái một của Khổng Tử, cái nghĩa của Khổng Tử là chính danh, bất luận sự vật là gì chỉ cần làm sao để danh và vật là một. Khổng Tử đem cái đạo của mình truyền bá trong khoảng mười ba năm tới những bậc quân vương đương thời nhưng bất thành, tất cả đều bị vua và các quan đại thần trong triều dèm pha, chối bỏ. Liên hệ với cái "Ngô đạo bất hành" của Trang Thiệu Quang khi dâng tấu lên vua mới thấy sự tinh ranh, tính toán thiệt hơn của y, có vẻ y đang giở chiêu trò rất kín đáo với nhà vua. Kết quả của quá trình đó là Trang không những được thêm danh tiếng mà còn đúng ý của Trang là được chuẩn y về nhà, được nhà vua ban cho năm trăm lạng bạc lấy từ trong quốc khố và cả một hồ Nguyên Vũ rộng lớn ở Nam Kinh làm nơi viết sách, ca ngợi cái sáng của triều đình. Độc giả của *Nho lâm ngoại sử* đến đây chắc chắn đã thấy rõ ràng "Ngô đạo" của Trang đã

hơn đứt cái "Ngô đạo" của Khổng Tử rồi. Đó cũng là một sự ngầm mỉa vô cùng cao siêu của nhà văn Ngô Kính Tử dành cho nhân vật.

Bên cạnh đó, nhà văn Ngô Kính Tử còn bày tỏ thái độ phủ nhận của mình với nhà vua khi miêu tả sự việc Vương Huệ theo Ninh Vương chống lại triều đình; Ninh Vương bị thua, Vương Huệ bỏ trốn đã được Cừ Dật Phu giúp đỡ tiền bạc. Cừ thái thú nghe cháu nội nói có gặp Vương Huệ liền trách cháu: "Tuy ông ta phạm tội đối với triều đình, nhưng là chỗ bạn cũ của ta. Sao lại không lấy số tiền đã thu được mà đưa cho ông ta?" [98; 137]. Đến khi người cháu trả lời đã cho Vương Huệ tất cả số tiền thì Cừ thái thú mừng rỡ: "Mày thực là con của thầy mày!". Qua sự việc Cừ thái thú khen cháu nội có hành động giúp đỡ Vương Huệ để y có điều kiện chạy trốn khỏi sự truy đuổi của triều đình đã nói lên thái độ phủ nhận vô cùng ý vị, kín đáo của nhà văn dành cho những kẻ đứng đầu triều đình phong kiến.

Người đứng đầu trong thiên hạ muốn giữ vững địa vị thống trị của mình, nhưng chính sách cai trị quá hà khắc, luôn tìm cách vùi dập con đỏ dưới bùn đen giai cấp, cũng vì thế mà chính sách ấy lại là cơ sở cho hệ thống quan lại các cấp thực thi triệt để và tàn bạo hơn. Khác với bút pháp châm biếm kín đáo, tế nhị của Ngô Kính Tử khi đề cập đến thiên tử, tác giả Bồ Tùng Linh trong *Liêu Trai chí dị* đã chĩa mũi nhọn đả kích vào nhà vua - kẻ thống trị tối cao của xã hội phong kiến. Tác giả không ngần ngại phê phán, đả kích để vạch trần thói xấu xa, vô nghĩa của thiên tử khi bắt dân gian hàng năm phải cúng tiến dế chọi phục vụ cho thú vui chơi dế của mình. Nếu như bậc thiên tử dùng một vật gì, chơi một trò gì rồi quên, không còn để ý đoái hoài đến nữa thì kẻ hầu cận lại lấy làm lệ định, từ đó kéo theo bao nhiêu hệ lụy ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân. Trong truyện *Xúc Chức* (dế chọi), nhân vật Thành Danh là một đồng sinh (chưa đỗ tú tài) đã vô cùng cực khổ vì thú chơi chọi dế của bề trên, đến nỗi khuynh gia bại sản rồi mà vẫn không cách nào thỏa mãn được yêu cầu tham bạo của họ. Có những lúc anh muốn tự tử để trốn tránh công việc tìm dế quá vất vả mà không thành.

Trầy trật mãi mới được một bà đồng mách bảo cách, anh bắt được con dế mèn rất khỏe, nhưng lại bị đứa con chín tuổi của anh vô ý làm chết. Trong khi Thành Danh đang lo lắng, tức giận chợt phát hiện con trai mình đã tự tử vì sợ hãi. Về sau, con của Thành Danh sống lại, nhưng linh hồn lại biến thành một chú dế mèn dũng cảm, đấu hay. Thành Danh mang con dế cúng tiến cho bề trên, nhờ đó mà thoát được cái số phận bất hạnh của mình. Nhà văn Bồ Tùng Linh đã miêu tả, phản ánh một cách rất đặc sắc cuộc sống khủng khiếp trong xã hội phong kiến, nó thể hiện sự bức hại cả về thể xác và tinh thần đối với con người, đến nỗi con người phải biến thành những hình hài khác nhau phục vụ thú vui của vua chúa và quan lại. Con dế quý chu du khắp nơi từ huyện lên tỉnh, "quan tỉnh vui lòng lắm liền bỏ dế vào lồng vàng tiến vua, lại dâng sớ tâu rõ cái hay của nó. Đã vào cung rồi, dế còn phải tỉ thí với khắp các loại dế kì hình dị dạng của cả thiên hạ dâng tiến như dế bướm, dế bọ ngựa, dế dầu, dế "trán tơ xanh"... con nào cũng chịu thua cả. Còn điều kì lạ hơn nữa, ở trong cung con dế của Thành mỗi khi nghe tiếng đàn cầm, đàn sắt lại nhảy múa theo các tiết điệu. Hoàng thượng hết sức đẹp lòng, rộng ơn ban thưởng, xuống chiếu cấp cho quan tỉnh ngựa hay, vải quý. Quan tỉnh không quên nguồn gốc dế nên ít lâu sau tiến cử quan huyện là người "tài năng ưu việt" có thể thăng cấp. Quan huyện sướng quá cho Thành được miễn sai dịch; lại dặn học quan cho Thành thi lấy học vị tú tài" [40; 161]. Tầng lớp vua chúa, quan lại, những người gánh vác trọng trách lớn lao, phải chăm lo cho sự an nguy đất nước, cho cuộc sống của nhân dân lại say mê, đắm đuối trong những trò chơi vô bổ khiến người dân phải "biến thành những vật kì dị làm thú vui tiêu khiển cho bọn người ăn bám mặt đầy bụng bự" [1; 602].

Có thể nói, trên phương diện đả phá chế độ phong kiến, tác giả Bồ Tùng Linh đả kích một cách trực diện và gay gắt vào những người đứng đầu nhà nước, các truyện của ông đã vạch trần một cách sắc bén chế độ chính trị đen tối, hủ bại đương thời. Ở Ngô Kính Tử là thái độ phủ nhận vua chúa nhưng qua bút pháp phúng dụ, ngầm mỉa kín đáo, tế nhị, điều đó đã góp phần lột tả bản chất thực sự

bên trong của nền quân chủ phong kiến đương thời với âm mưu thâm độc nô dịch trí thức, khiến cho đội ngũ ấy mất đi nhận thức, biến mình thành những con rối trong nhiều hình dạng khác nhau để người ta sai khiến, chỉ đạo.

***3.2.2. Hệ thống quan lại***

Lương Duy Thứ trong cuốn *Để hiểu tám bộ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc* cho rằng: "khoa cử là con đường đào tạo quan lại hệ thống cán bộ chủ chốt của chế độ, cho nên đề cập đến bọn này, *Chuyện làng nho* càng hoàn mĩ và có thêm ý nghĩa mới: đả kích thẳng vào chế độ phong kiến" [93; 113].

Trong *Nho lâm ngoại sử*, một loạt các viên quan được Ngô Kính Tử miêu tả và phê phán kịch liệt. Ngay hồi 1 của tác phẩm, tác giả lên án thái độ thờ ơ, vô trách nhiệm của bọn quan lại trước an nguy của dân chúng khi nạn lũ trên sông Hoàng Hà xảy ra. Tác giả để cho một lão nông đưa ra một nhận định có tính chất tổng quát: "ông quan làm tan cửa nát nhà". Trong tác phẩm có hàng chục những tên quan xảo quyệt, tàn bạo, bất nhân như Vương Huệ, Thang tri huyện, Bành tri huyện, tri châu Vô Vi… những kẻ đã gây ra nỗi ám ảnh và đau khổ cho cuộc đời giai cấp bị trị vốn thấp cổ bé họng. Làm quan cốt lấy đức trị để an dân, mang lại lợi ích, hạnh phúc, giữ được lẽ công bằng, bảo vệ quyền lợi chính đáng của nhân dân trước những thế lực áp bức, thế nhưng có những tên quan khi xử kiện, giải quyết án trạng chỉ "mắng mỏ vài câu, nhổ một bãi nước bọt rồi đuổi ra". Đồng tiền và thế lực cấp trên chi phối làm mờ mắt những tên quan như thế, bản chất xấu xa, bỉ ổi, vô học của chúng được nhà văn Ngô Kính Tử thể hiện một cách hết sức sinh động. Thang tri huyện, một tên quan tàn ác mà tỏ vẻ thanh cao, liêm chính, y đã hỏi ý kiến của những tên hủ nho vô lương tâm như Trương Tĩnh Trai, Phạm Tiến để quyết định hình phạt đặc biệt cho phạm nhân. Hắn "lấy bút chấm son lên má ba chữ "tên trộm gà". Lấy một cái gông ra. Đem con gà y ăn cắp buộc trên đầu y, mỏ ra đằng sau, đuôi ra đằng trước, đóng gông đưa ra cửa huyện. Con gà ỉa cứt chảy từ đầu xuống trán, đến mũi, râu ria bết lại thành một cục, chảy xuống gông" [98; 83]. Cũng là hình phạt kì lạ và đặc biệt nhưng lần này cách xử

phạt của tri huyện Thang đã cố tình làm chết một người đàn ông Hồi giáo. "Tri huyện mắng đồ chó, to gan, sai đánh ba mươi gậy lấy một cái gông lớn, đem năm mươi cân thịt chồng lên gông, buộc chặt vào má vào mặt, chỉ còn chừa hai con mắt để trước huyện cho mọi người xem" [98; 83-84]. Kết quả là ba ngày sau, người đàn ông Hồi giáo chết vì không chịu nổi nắng nóng. Một hình thức trị tội quá khắc nghiệt khiến cho ai ai cũng kinh sợ và ghê tởm. Một điều đáng buồn hơn khi quan án sát, cấp trên của tên tri huyện độc ác này biết sự việc, nhận được đơn kiện của người dân thì y chỉ nhắc nhở cấp dưới làm việc cẩn trọng hơn và quay sang lùng bắt những người Hồi giáo cầm đầu để trị tội. Những hình phạt khắc nghiệt mà Thang tri huyện dành cho tội nhân dựa vào sự tham mưu, tham vấn của những phần tử trí thức rởm như Phạm Tiến, Trương Tĩnh Trai thể hiện rõ trình độ và năng lực của những kẻ khoác trên mình chiếc mũ ô sa thực hiện sứ mệnh triều đình. Nhà văn vừa phê phán lại vừa châm biếm, mỉa mai một cách sâu sắc hệ thống quan lại, ở đó tồn tại những con người yếu kém về chuyên môn, năng lực quản lý nhưng luôn có sự bảo kê, bao bọc từ phía chính quyền để chúng thực thi những hình pháp tàn bạo, khắc nghiệt.

Nhà văn Ngô Kính Tử đã miêu tả hàng loạt những tên quan lại nhằm làm rõ hơn ý đồ nghệ thuật châm biếm, phê phán những âm mưu, thủ đoạn đê hèn của tầng lớp quan lại trong hệ thống triều đình phong kiến. Tác giả miêu tả và khẳng định con đường làm quan chưa bao giờ lại dễ dàng và rộng mở đến thế, chỉ cần có tiền, có người đỡ đầu thì tất hẳn sẽ có chân trong chính trường hủ bại, sát cánh cùng tầng lớp quan lại tàn khốc. Bên cạnh đó, chế độ khoa cử, chính sách tuyển dụng người tài của triều đình cũng tiếp tay đào tạo ra những kiểu mẫu tham quan khác người. Nhà văn Ngô Kính Tử đã châm biếm một cách sâu sắc, phê phán một cách nghiêm khắc những sản phẩm của nền khoa cử đương thời. Tri huyện Bành xử kiện cũng không kém phần kì quặc và dã man khi bọn thuyền muối của ông Vạn đi đến địa phận huyện Bành Trạch, gió tạt thuyền vào bờ, bị bọn cướp hết, vào quan huyện, quan không cần hỏi han, cho rằng "chúng bán đi đánh bạc

và chơi gái, bày trò hòng thoát thân. Thế rồi quan ném ra một nắm roi, bọn lính thì như lang như sói nhảy vào đè người lái đánh đến khi bật máu tươi, làm cho tên coi muối sợ quá đái cả ra quần. Thành thử tri huyện nói gì thì hắn nói thế, không dám cãi một câu" [99; 236]. Sau này có người xin xỏ, hắn mới tha và cho tất cả mọi người ra ngoài, không đả động gì đến bọn cướp nữa. Tri châu Vô Vi, cũng ăn của đút của một kẻ can gián tội giết người, bỏ qua cho hắn và lấy bốn trăm lạng chia nhau.

Nói về thái thú Vương Huệ, đây là một điển hình tiêu biểu nhất cho sự tàn khốc của hệ thống quan lại đương thời. Miêu tả nhân vật này, nhà văn Ngô Kính Tử đặt Vương Huệ trong sự chiếu ứng, đối lập với người tiền nhiệm cũ là Cừ Thái Thú để làm nổi bật sự khác biệt, qua đó phục vụ cho mục đích phê phán và châm biếm đối tượng. Trong cách cai trị, nếu như Cừ Thái Thú là người rất được lòng dân, luôn suy nghĩ cho cuộc sống tốt đẹp của nhân dân Nam Xương mà không hề tơ hào của nhân dân lấy một đồng thì Vương Huệ lại nổi lên là một tên tham quan độc ác, tàn bạo. Y đã quá may mắn khi được triều đình cử tới Nam Xương làm thái thú. Nam Xương là nơi ven sông, trọng yếu, sản vật trù phú, người dân hiền lành, quá thuận lợi cho một tham quan như y thi hành chính sách vơ vét, bóc lột và đàn áp. Ngay khi ngồi nói chuyện với người nhà Cừ thái thú để nhận bàn giao công việc, nghe nói đến tiền, y "trong lòng mừng rỡ, niềm vui sướng lộ ra nét mặt" và khi hỏi về tình hình Nam Xương, hắn cũng quanh quẩn hỏi cặn kẽ về "những sản vật gì", "dân tình thường kiện nhau về vấn đề gì?". Những chi tiết đó đã góp phần bóc tách từng lớp bản chất, tính cách của Vương Huệ, kẻ làm quan, là phụ mẫu của dân mà chỉ lo vơ vét thật nhiều về mình. Ngô Kính Tử đã khéo léo châm biếm tên quan thái thú này khi tác giả mượn lời của Cừ Cảnh Ngọc, con trai của Cừ Thái Thú mỉa mai về chính sách cai trị của Vương Huệ: "sau này ngài làm quan ở đây chỉ sợ thay ba tiếng khác vào… tiếng bàn cân, tiếng bàn tính và tiếng roi". Thực thi chính sách cai trị ở Nam Xương, Vương Huệ "lấy một cái cân quá mức, gọi tất cả thư biện của sáu phòng đến hỏi

xem cái gì có lợi mà còn thừa lại thì không cho giấu giếm, y vơ vét tất cả về mình và cứ dăm ba hôm lại xét một lượt như vậy. Vương dùng thứ roi thật lớn. Vương lại đem hai cái roi vào phòng riêng để cân. Cái nào nhẹ cái nào nặng đều đánh dấu vào đấy. Khi ra công đường Vương bảo dùng roi nặng. Hễ thấy dùng roi nhẹ ra đánh thì Vương biết lính lệ đã được của đút và Vương lại lấy roi đánh lính lệ" [98; 132]. Lòng tham và sự tàn bạo của Vương Huệ là minh chứng rõ nét nhất cho bản chất tàn bạo của tầng lớp quan lại đương thời, "nhân dân bị đánh tả tơi, hồn xiêu phách tán", tất cả đều sợ quan như sợ cọp, "đêm nằm chiêm bao mà vẫn còn sợ".

Trong tác phẩm, nhà văn Ngô Kính Tử còn miêu tả những tên cường hào, trọc phú tại các địa phương, thôn làng, thôn xóm cũng tìm đủ mọi cách để vơ vét, ăn cướp làm cho đời sống của nhân dân đã khổ nay lại càng cùng cực hơn. Nghiêm cống sinh là một điển hình tiêu biểu cho những tên cường hào, trọc phú ấy. Chẳng hạn qua đoạn văn tả Nghiêm cống sinh khi hắn khoe bản thân mình ngay thẳng: "Nói thực, tôi vốn thực thà, ở đây chưa hề lấy của người ta một tơ, một hào nào. Các quan phụ mẫu đến đây đều có lòng thương", liền ngay sau đó có người đầy tớ hốt hoảng chạy vào bẩm báo: "Người ta đến đòi con lợn ta nhốt buổi sáng. Họ đang tru tréo ở nhà" [98; 79]. Y quát "muốn có lợn thì đem tiền đến" [98; 79]. Một kẻ cường hào tham lam, độc ác đã bắt lợn của người khác nhốt lại và đòi tiền chuộc thế mà mở miệng ra khoe mình tốt bụng, ngay thẳng, thực thà. Một thái độ mỉa mai, châm biếm kín đáo mà thâm thúy, sâu cay của tác giả dành cho nhân vật. Sự việc xảy ra khi trước đây nhà Nghiêm cống sinh có con lợn chạy sang nhà Vương Đại, y liền bắt mang sang trả lại cho Nghiêm, sau này khi con lợn nhà Vương Đại không may chạy sang nhà Nghiêm thì tên cường hào này bắt Vương Đại phải trả tiền mới cho mang lợn về, hắn nói: "Lợn là của tôi, anh muốn bắt nó về thì phải trả cho đúng giá, cứ đem mấy lạng bạc đến đây để đưa nó về". Vương Đại là người nghèo, làm gì có tiền mới cãi mấy câu, đã bị mấy đứa con trai của Nghiêm cống sinh rút cái then cài cửa ra đánh gần chết, gãy

cả đùi, đang nằm liệt ở nhà" [98; 86]. Bản chất lưu manh, lừa gạt của Nghiêm cống sinh được nhà văn Ngô Kính Tử khắc họa sắc nét khi hắn giả vờ không thấy người chèo thuyền lấy mấy miếng kẹo thừa của hắn bỏ vào miệng. Hắn để cho người chèo thuyền ăn hết rồi mới làm to chuyện để dọa nạt, ăn quỵt tiền đò. Y chửi người chèo thuyền: "Đồ chó! Tao hằng ngày mắc chứng chóng mặt, mất mấy trăm lạng bạc mới chế được liều thuốc này… mày là đồ khốn! Trư Bát Giới ăn nhân sâm thì biết mùi gì… Mấy miếng vừa ăn đây không biết mất mấy mươi lạng bạc rồi, mày ăn mất cả thuốc của tao rồi" [98; 108]. Có thể thấy nhà văn Ngô Kính Tử đã vận dụng rất thành công thủ pháp hiện thực để miêu tả, châm biếm. Mặc dù trong *Nho lâm ngoại sử*, nhà văn có sử dụng thủ pháp phóng đại, khoa trương nhưng về cơ bản thủ pháp miêu tả mộc mạc (bạch miêu) vẫn được tác giả sử dụng nhiều và thành công nhất. Những sự việc, tình tiết mà tác giả thường mô tả là những điều thường thấy trong cuộc sống hằng ngày, nó không có gì xa lạ, quái lạ nhưng khi chỉ ra nó thực sự đáng cười, đáng khinh, thậm chí còn đáng ghét. Nói tiếp về Nghiêm cống sinh, y không những đối xử thậm tệ với người dân, ngay cả anh em ruột cốt nhục tình thâm với hắn là Nghiêm giám sinh hắn cũng có thể lừa gạt, chuyên quyền. Sau khi gây ra những vụ việc tày trời, hắn bỏ trốn lên tỉnh, mặc kệ cho người em ở nhà giải quyết. Bản chất tham lam, tàn ác của Nghiêm cống sinh còn được thể hiện khi người em Nghiêm giám sinh và con trai không may mắc bệnh qua đời, và khi Triệu Thị không còn người bấu víu, nương tựa thì Nghiêm cống sinh lấy quyền huynh trưởng để quyết định tất cả mọi việc: "cậu hai của ta đến mai sang ăn thừa tự, tức là ông chủ mới của bay, bay phải hết lòng hầu hạ. Cô Triệu không có con cái thì cậu hai chỉ xem là thiếp của cha thôi, không có lí do gì mà giữ lấy nhà giữa" [98; 110]. Đó là những biểu hiện điển hình của bản tính tham lam, ngang ngược, tai quái của giai cấp địa chủ phong kiến vô cùng manh động, cậy thế cậy quyền thi hành chính sách cai trị đè đầu, cưỡi cổ, làm khổ nhân dân.

Ở Việt Nam những năm 40 của thế kỷ XX, cũng miêu tả một cách chân thực xã hội nông thôn, thiên phóng sự *Việc làng* của Ngô Tất Tố đã dựng lại một câu chuyện thương tâm về lệ làng - mối tai họa đối với người nông dân trước Cách mạng tháng Tám. Cách khai thác các tuyến nhân vật, các sự kiện và cách tố cáo, phê phán trong *Việc làng* hoàn toàn mới. Thiên phóng sự đã thể hiện đầy đủ ý nghĩa của câu tục ngữ "Phép vua thua lệ làng", tố cáo những hủ tục cổ hủ của chốn làng quê, nơi mà người nông dân phải nai lưng ra làm việc, kiếm tiền không phải để nuôi sống gia đình, mà là để cung phụng cho bọn quan làng "cái ăn". Thông qua tác phẩm, Ngô Tất Tố đã phê phán những tệ lậu của bọn phong kiến địa chủ gieo rắc ở nông thôn, chúng đã đặt ra và duy trì những hủ tục ấy, dựa vào đó để kiếm lợi, củng cố quyền lực trên mồ hôi, nước mắt, thậm chí cả xương máu của dân đen, con đỏ, và chúng cố che đậy dưới nước sơn hào nhoáng được gọi với cái tên "thuần phong mĩ tục".

Thành công của tập phóng sự *Việc làng* là ở chỗ tác giả đã nhìn đúng sự thật, miêu tả một cách chân thực cuộc sống ở nông thôn. Dưới ngòi bút của Ngô Tất Tố, cuộc sống làng quê sau lũy tre xanh không có gì thơ mộng, đẹp đẽ mà là một cuộc sống đen tối, cơ cực. Đây là một bản kết án bọn thực dân phong kiến về những thủ đoạn thâm hiểm của chúng ở nông thôn. Chúng duy trì những hình thức bóc lột với mọi hình thức: trắng trợn như địa tô, sưu thuế, hay nấp sau những hủ tục của từng vùng, gieo rắc vào tư tưởng của những con người thôn quê ao tù nước đọng, chân lấm tay bùn, sự hiểu biết cũ kĩ, hạn hẹp tâm lý tôn sùng thần thánh, tôn kính các hủ tục hà khắc ấy như một vị thần để chúng có thể duy trì bộ máy thống trị phục vụ cho lợi ích riêng của chúng. Chắc chắn làng quê Việt Nam thơ mộng, hiền hòa với ráng chiều ửng đỏ, gió đồng nội nhẹ mát mang theo hương lúa non ngào ngạt cùng những cô thôn nữ má đỏ, môi hồng dịu dàng sẽ vẫn còn đẹp mãi nếu như không bị ách thống trị của thực dân phong kiến, không bị chi phối bởi những hủ tục thối nát, lạc hậu và người nông dân là kẻ hứng chịu hậu quả. "Những tục lệ quái gở, mọi rợ tự do kế tiếp nhau chồng chất trên vai

chúng tôi. Nhiều lúc, chúng tôi muốn hất cái gánh nặng ấy đi nhưng sức một mình không thể làm nổi, đành phải è cổ mà chịu…. Một người chăm chỉ, cần kiệm lao lực như tôi chỉ vì một tệ tục đè ép, đến nỗi suốt đời không ngóc đầu được, bây giờ gánh tệ tục còn đè ép chưa tha". Đó là lời của một người nông dân khổ cực trăn trối trước khi chết, chết vì gánh nặng "lệ làng" đè trên đôi vai.

Nhà văn Ngô Tất Tố thông hiểu sâu sắc về con người và cuộc sống nông thôn với những nỗi thống khổ của người dân quê bị giày vò, chèn ép dưới những gánh hủ tục nặng nề. Với cách nhìn sâu sắc, chân thực, ngòi bút sắc sảo, lối kể chuyện hấp dẫn, linh hoạt, ngôn ngữ giàu hình ảnh, Ngô Tất Tố đã dựng nên một bức tranh biếm họa đặc sắc về những hủ tục "quái gở, mọi rợ" ở nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám. *Việc làng* đã tố cáo thủ đoạn của bọn cường hào, lí dịch tàn ác và đê tiện, dùng những hủ tục, luật lệ dã man và vô lí để bóc lột, nắn bóp đến xương tủy người nông dân; đồng thời nhà văn cũng sẻ chia với nỗi nhọc nhằn, khốn khổ của người dân quê.

Trên phương diện đả phá trật tự phong kiến, tiếng cười châm biếm, đả kích các tác giả Bồ Tùng Linh, Ngô Kính Tử, Tào Tuyết Cần, Ngô Tất Tố đều có khả năng vạch trần toàn bộ sự thối nát của xã hội phong kiến về mặt cơ cấu xã hội với tầm bao quát rộng lớn. Cũng như Ngô Kính Tử, Tào Tuyết Cần không cần dựa vào những câu chuyện éo le, li kì hay rùng rợn, lập dị, tác giả tái hiện lại một cuộc sống trong sinh hoạt hàng ngày, ở đó mâu thuẫn, xung đột đang phát triển, câu chuyện đang diễn biến, tính cách nhân vật đang dần rõ nét. *Hồng lâu mộng* lấy đề tài từ câu chuyện tình yêu làm trung tâm nhưng liên hệ mật thiết với bối cảnh xã hội, nhà văn Tào Tuyết Cần đã vạch trần cuộc sống xấu xa hoang dâm của giai cấp thống trị, từ đó giúp cho độc giả nhận thấy vận mệnh lịch sử của xã hội phong kiến đương thời tất phải đi đến sụp đổ. Mượn câu chuyện tình yêu trai gái, nhà văn châm biếm, phê phán một cách sâu sắc chế độ phong kiến suy đồi, tác giả đã phá vỡ một cách khéo léo giới hạn tư tưởng về tình yêu, hôn nhân phong kiến cổ đại Trung Hoa vốn lấy đạo đức phong kiến làm tiêu chuẩn cho

tình yêu và lấy vinh dự phong kiến làm lí tưởng hạnh phúc. Nhân vật Tiết Bảo Thoa xuất hiện trong tác phẩm, đều có những phẩm chất của người phụ nữ cổ xưa là "công, dung, ngôn, hạnh". Bên cạnh đó, nhân vật còn là người có "tài" cao hơn người. Tuy nhiên, dưới ngòi bút Tào Tuyết Cần, Tiết Bảo Thoa tạo cho người ta cảm giác là một "giai nhân" không có sức làm rung động lòng người. Chính vì nàng, kẻ theo đuổi "ngũ hoa sắc phong" mà Giả Bảo Ngọc mới nguyện sống cảnh chùa chiền lạnh lẽo suốt đời. Tiết Bảo Thoa đối lập với Lâm Đại Ngọc, một người luôn đồng tình và ủng hộ Giả Bảo Ngọc chống lại chủ nghĩa phong kiến. Tấn bi kịch tình yêu của Giả Bảo Ngọc và Lâm Đại Ngọc tuyệt nhiên không phải do nhân tố ngẫu nhiên gây ra. Nguyên nhân sâu xa ở xã hội phong kiến Trung Quốc thế kỷ 18, lí tưởng về tình yêu và hôn nhân chưa được một lực lượng xã hội mạnh mẽ, ủng hộ, bởi vậy tấn bi kịch ái tình này là bi kịch của những tính cách, của thời đại, của lực lượng chống phong kiến còn chưa địch nổi thế lực hủ bại, thủ cựu còn lớn mạnh. Đó là cái bi kịch mà nhà văn muốn mượn câu chuyện tình yêu để châm biếm những vấn đề xã hội trọng đại.

Có thể thấy qua những hình ảnh sinh động về hiện thực xã hội đương thời, các tác giả Bồ Tùng Linh, Ngô Kính Tử, Tào Tuyết Cần, Ngô Tất Tố đã vạch trần bản chất man rợ, bỉ ổi, xấu xa của cả một giai tầng thống trị xã hội phong kiến, giúp người đọc nhận thấy tất cả những cái gọi là "văn minh phong kiến" chẳng qua chỉ là tấm bình phong che đậy cho những hành động tội lỗi, hại người. Tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* miêu tả sự thối nát của hệ thống quan lại từ trung ương đến địa phương, dù ở vị trí nào, nắm giữ chức vụ gì, quyền hành lớn đến đâu cũng đều chịu sự lên án mạnh mẽ của tác giả. Ở những đối tượng này nhà văn trực tiếp bày tỏ thái độ phủ nhận, căm phẫn và khinh bỉ, tiếng cười châm biếm mang sắc điệu của sự phê phán, mỉa mai, đả kích. Nhà văn đã mượn lời của Trâu Cát Phủ để ngầm mỉa, châm biếm xã hội, đồng thời nói lên ước vọng của người dân khi muốn vượt thoát khỏi vòng xiềng xích của chế độ phản động ấy: "Không giấu gì hai ông, tôi thì đã già, không thể làm được việc gì nữa! Nhưng

nếu ông trời còn thương đến, cho con cháu tôi được sống lại cái thời Hồng Vũ thì tôi chết cũng thỏa đáng" [98; 147].

**Tiểu kết:**

1. Bước vào thế giới của *Nho lâm ngoại sử* độc giả không khỏi choáng ngợp bởi sự đông đảo về số lượng nhân vật. Sự đông đảo và phức tạp của thế giới nhân vật là cơ sở để chúng tôi tập trung đi sâu phân loại có hệ thống từng lớp đối tượng, nhân vật trong tác phẩm. Qua đó, giúp độc giả có cái nhìn sâu sắc hơn về sự phong phú của "rừng nho" trong buổi xế chiều. Quá trình phân loại đối tượng chúng tôi đưa ra những kiến giải làm rõ hơn quan niệm nghệ thuật về con người của tác giả trong *Nho lâm ngoại sử*. Theo nhà văn Ngô Kính Tử, tầng lớp trí thức nho sĩ là tập hợp cả một rừng nho tha hóa, suy đồi, hủ bại về nhân cách, mục nát về tâm hồn, tầng lớp với những con người trí thức ấy tiêu biểu cho nét văn hóa của thời đại Minh Thanh suy tàn.

2. Việc phân lớp đối tượng nhân vật một cách có hệ thống là cơ sở để chúng tôi phân tích sâu hơn nội hàm tư tưởng, chủ đề *Nho lâm ngoại sử*. Bên cạnh đó, việc phân tích, lí giải, cắt nghĩa từng nhân vật cụ thể giúp độc giả có cái nhìn sâu sắc về bản chất của con người trong mỗi giai tầng xã hội. Viết *Nho lâm ngoại sử*, nhà văn Ngô Kính Tử thể hiện thái độ và mức độ châm biếm đối với từng lớp nhân vật cụ thể. Sự châm biếm của tác giả dựa trên cơ sở của sự "cảm nhận sâu xa" về hiện thực xã hội và con người tại thời điểm hiện tại. Không những thế, Ngô Kính Tử được sống và chứng kiến tất cả sự việc của hiện thực đương thời nên ông am hiểu đến từng đường tơ kẽ tóc của nhân vật. Chính điều đó mà mức độ và thái độ châm biếm có nhiều sắc điệu khác nhau, từ tiếng cười vui vẻ, trào lộng mang đậm chất trí tuệ nhằm giễu cợt, chọc cười đến tiếng cười mỉa mai, châm biếm, đả kích.

# Chương 4. PHƯƠNG THỨC CHÂM BIẾM TRONG *NHO LÂM NGOẠI SỬ*

Nói đến phương thức châm biếm là nói tới cách thức, phương pháp châm biếm mà tác giả sử dụng trong tác phẩm. Nhà văn trong quá trình sáng tạo, mặc dù với quyền hạn rộng rãi trong việc bộc lộ trực tiếp tính khuynh hướng, nhưng phải biết kìm lòng căm tức để đào sâu vào mâu thuẫn nội tại của đối tượng châm biếm, buộc nó phải tố cáo lên cái vô lí, phi lí của mình. Lỗ Tấn cho rằng: "Làm sao cho đối thủ bị thương đến phải chết, trong lúc đó bản thân mình không có hành vi đê tiện, người ngoài đứng xem cũng không thấy có gì là bẩn thỉu, do đó mới là bản lĩnh của nhà văn chiến đấu" [Dẫn theo 43; 446]. Đó là phương thức thường dùng trong văn châm biếm. Tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*, nhà văn Ngô Kính Tử đã thể hiện bút pháp châm biếm bậc thầy qua lối văn đơn giản, mỗi chữ, mỗi ý lời ít ý nhiều, vô cùng kín đáo mà thâm thúy, sâu cay. Những nét đặc sắc của nghệ thuật xây dựng ***tình huống châm biếm*** và ***giọng điệu châm biếm*** là những vấn đề mà trong chương này chúng tôi tập trung khảo cứu để làm rõ thêm tài năng nghệ thuật của nhà văn.

## 4.1. Tình huống châm biếm

Nhân vật văn học là con người được nhà văn miêu tả trong tác phẩm bằng phương tiện văn học, nó có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời. Khi xây dựng nhân vật, nhà văn có mục đích gắn liền nó với những vấn đề mà nhà văn muốn đề cập đến trong tác phẩm. Nếu như văn học cổ, tác giả thường xây dựng nhân vật với chức năng thực hiện quan niệm thẩm mĩ truyền thống trên cơ sở "văn dĩ tải Đạo", nhân vật sống và hành động đúng với chức năng đã được định sẵn từ trước thì trong văn học hiện thực phê phán nhà văn lấy cảm hứng từ hiện thực cuộc sống khi sự mâu thuẫn dân tộc và mẫu thuẫn giai cấp ngày càng sâu sắc đẩy cuộc sống của nhân dân vào con đường tha hóa, ở đó nhân vật được phản ánh như một tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Chính vì thế nó có tính thời sự, nó "không phải là

thời sự của tin tức, sự việc mà là thời sự của tình cảm thời đại, thời sự đã kết đọng thành tâm tính, thành tâm trạng phẫn uất mãnh liệt của nhà văn" [67; 278].

Nhà văn xây dựng hoàn cảnh điển hình trên cơ sở của sự cảm nhận sâu sắc về hiện thực cuộc sống. Bên cạnh đó, sự hư cấu, phóng đại trong các tình huống cụ thể làm cho các mối xung đột của mâu thuẫn trong xã hội ngày càng gay gắt hơn. Làm nên hoàn cảnh điển hình là một loạt những tình huống. Tình huống trong hoàn cảnh điển hình là "một khoảnh khắc thời gian mà ở đó cuộc sống đậm đặc nhất, chứa đựng nhiều ý nghĩa nhất, cái phần ẩn náu sâu kín nhất, thậm chí có khi đó là khoảnh khắc chứa cả một đời người, một đời nhân loại" [92; 112-113]. Những tác phẩm có giá trị được viết bởi các nhà văn có tài năng, nhà văn sáng tạo ra những tình huống vừa chân thực, gần gũi vừa mang tính hư cấu để viết về những điều giống thực hoặc những điều "có thể xảy ra".

Ở một nhà văn hiện thực, người nghệ sĩ luôn quan tâm sâu sắc đến môi trường xã hội, xem đó là cơ sở để giải thích tính cách nhân vật cũng như hướng đi cho tác phẩm của mình. Nguyễn Đăng Mạnh cho rằng "phẩm chất nghệ thuật của một cuốn tiểu thuyết trào phúng chủ yếu phụ thuộc vào chỗ nó đã dàn dựng được những tình huống trào phúng và những nhân vật trào phúng thành công đến mức nào" [47; 131]. Trong tác phẩm châm biếm, tình huống châm biếm là một yếu tố hết sức quan trọng, nó là bối cảnh mà tác giả tạo ra tiếng cười qua một khoảnh khắc thời gian, ở đó chất chứa những mâu thuẫn, xung đột, những yếu tố hình thành nên cái hài với tiếng cười châm biếm nhiều sắc điệu khác nhau. Thông qua ngôn ngữ và hành động, nhân vật rơi vào "bẫy tình huống" của nhà văn, tự bộc lộ bản chất, tính cách của mình. Tình huống châm biếm vì thế cũng là một trong những phương diện thể hiện tài năng sáng tạo của người nghệ sĩ. Từ vai trò quan trọng đó mà việc tìm hiểu các dạng thức của tình huống châm biếm trong tác phẩm tự sự mang nội dung châm biếm càng trở nên cần thiết khi tìm hiểu thế giới nghệ thuật của một nhà văn.

*Nho lâm ngoại sử* là cuốn tiểu thuyết nằm trong dòng văn học cổ điển Minh Thanh, nhưng về mặt tái hiện cuộc sống và phê phán hiện thực thì *Nho lâm ngoại sử* hơn hẳn tất cả các tác phẩm trước đó, đạt đến đỉnh cao của tiểu thuyết Trung Quốc. Nhà văn Ngô Kính Tử đã hướng mũi nhọn châm biếm vào hiện thực xã hội và tái hiện nó một cách khách quan, sinh động, ông đã xây dựng được những tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình. Nhà văn Ngô Kính Tử viết *Nho lâm ngoại sử* bằng tất cả kinh nghiệm cuộc đời, tác giả vạch trần hiện thực của cuộc sống đầy đen tối, nhơ nhớp, ở đó quan lại thì hà hiếp dân chúng, trí thức thì mất hết nhân cách, chạy theo công danh tiền tài, bọn thương nhân giàu có thì tham lam, hại người. Ngô Kính Tử không quá lạm dụng những thủ pháp nghệ thuật như cường điệu, phóng đại để tạo nên những tình huống châm biếm, tác giả không "vẽ rắn thêm chân", "vẽ rồng thêm mắt" mà để cho tình huống xuất hiện một cách tự nhiên theo dòng phát triển của tình tiết, sự việc qua đó bộc lộ những mâu thuẫn xã hội một cách chân thực và sâu sắc. Nếu như trong các cuốn tiểu thuyết đời trước, con người và sự việc ít nhiều là những điều khác thường, kì lạ thì đến *Nho lâm ngoại sử*, cuộc sống diễn ra bình thường như những gì vốn có. Bức tranh đời sống được trải rộng ra với tất cả những chi tiết vụn vặt, tầm thường. Sức hấp dẫn của *Nho lâm ngoại sử* không phải ở những tình huống truyện li kì, rùng rợn với những đấng minh quân, những bậc anh hùng phi thường, kì vĩ mà tình huống truyện và con người ở đây thực sự bình dị, nó xuất phát từ trong nội tại đời sống sinh hoạt hàng ngày, có thể tìm ở bất cứ nơi đâu và bất cứ thời điểm nào. Những cái bình dị ấy được biểu hiện qua ngòi bút tả thực sành sỏi, khéo léo của nhà văn tài năng Ngô Kính Tử. Đọc *Nho lâm ngoại sử*, độc giả có cảm giác cuộc sống được tái hiện dường như không qua bàn tay đẽo gọt công phu của nhà văn mà nó dạt dào tuôn chảy theo mạch nguồn tình tiết sẵn có. Tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* đã chứng tỏ được một trình độ châm biếm bậc thầy của nhà văn Ngô Kính Tử trong việc tạo ra những tình huống châm biếm độc đáo, sắc sảo trên nhiều bình diện và nhiều cấp độ khác nhau, vì thế mà hiệu quả và giá trị phê phán

được đẩy lên mức cao nhất. Nhà văn tìm trong thực tế cuộc sống những sự việc chua chát, châm biếm, mỉa mai nhất để đưa vào tác phẩm, bởi vì cái xã hội mà ông đang sống nó đã quá thối nát rồi. "*Nho lâm ngoại sử* sở dĩ thành tác phẩm châm biếm vĩ đại trong văn học, chính vì nó bám chắc lấy sự thực của xã hội đương thời".

***4.1.1. Tình huống đảo chiều, quay ngược***

Có thể nói tình huống này phản ánh chính xác những nghịch lí của bản thân đời sống, con người biến đổi hoàn toàn về tâm lý, thái độ, hành động do một mục đích thô bỉ, đen tối bên trong nào đó. Những thay đổi đó tạo nên những tình huống đột ngột, quay ngược khiến cho người đọc và người trong cuộc cảm thấy bất ngờ, lạ lẫm không thể lường trước được từ đó mà phát lộ những mâu thuẫn châm biếm.

Trong *Nho lâm ngoại sử*, những thay đổi bất ngờ trong cuộc đời của các trí thức nho sĩ khi đỗ đạt làm quan đã quay ngược và đảo lộn mọi giá trị của hiện thực. Chu Tiến, Phạm Tiến, Khuông Siêu Nhân... trước khi đỗ đạt làm quan bị mọi người cười chê, khinh thường, ngay cả những đứa trẻ cũng có thể mỉa mai, giễu cợt, thế nhưng ngay sau khi bảng vàng vinh danh thì hết thảy người này người kia ra sức kéo đến tặng quà, tặng nhà, tặng vàng bạc, châu báu thậm chí còn nhận họ hàng, người thân. Từ một cuộc sống nghèo khổ, suốt đời bần hàn, túng quẫn đã trở thành những người thành đạt trong xã hội, đi đến đâu cũng được mọi người kính nể, thậm chí còn được lập bàn thờ trong khi còn sống. Độc giả có thể thấy sự thay đổi qua nhân vật Phạm Tiến, khi chưa đỗ cử nhân, chịu sự sỉ nhục, mắng nhiếc của bố vợ: "*cái thứ môi trề và cằm khỉ như anh sao không đái vào bùn mà soi thử xem sao? Như thế mà lại còn đòi ăn cứt ngỗng trời à*" thế mà khi con rể đỗ cử nhân lại xum xuê, gọi thân mật là *hiền tế*, là *sao trên trời* không thể đánh được và tự hào biết bao nhiêu khi đã đúng đắn chọn chồng cho con gái. Có thể thấy việc các nho sĩ đỗ đạt làm quan đã sắp xếp lại thái độ và sắp xếp lại giá trị của con người. Những chức quan được triều đình sắc phong kia trở thành

một phép thử nhân cách, buộc nhân vật trong những tình thế bất ngờ bộc lộ ra khuôn mặt bỉ ổi của mình. Chính những chức quan ấy là một cú huých làm bật ra tình huống hài kịch một cách đột ngột, nó làm quay ngoắt một cách bất ngờ, nhanh chóng, thái độ buồn cười, giả tạo bởi vì nó trái với thái độ hàng ngày mà mọi người dành cho nhân vật, đó không phải là sự quan tâm thật lòng mà chỉ quan tâm đến những cái mình sẽ đạt được, có được khi mở rộng quan hệ với những vị tân quan này. Mai Cửu trước đây vốn là người chế giễu, cười cợt Chu Tiến trước mặt bao nhiêu người nhưng khi bị Phạm Tiến phạt đánh vì bài thi không tốt thì y khéo nói mình là học trò của Chu Tiến, cùng là đồng môn với Phạm Tiến để hòng thoát tội; một sự quay ngược đến tráo trở, hèn hạ, chỉ để phục vụ cho mục đích cá nhân của mình.

Trong tiểu thuyết *Số đỏ*, cũng tạo ra những tình huống quay ngược, đảo chiều $180^0$, tuy nhiên khác với bút pháp mỉa ngầm của Ngô Kính Tử, Vũ Trọng Phụng miêu tả niềm vui của đám người thượng lưu khi Xuân Tóc Đỏ được chính phủ tặng mề đay bằng bút pháp hoạt kê, trào lộng. Vũ Trọng Phụng đã cười thẳng vào mặt của những phần tử thượng lưu, ông làm cho nhân vật của mình méo mó, biến dạng như những con rối, những chú hề bị giật dây, thao túng. Độc giả không khỏi bất ngờ trước sự thay đổi chóng mặt của Xuân Tóc Đỏ, kẻ đã từng bị nhiều người căm ghét, chửi rủa đằng sau lưng. Thế nhưng sau khi Xuân Tóc Đỏ được chính phủ tặng mề đay, mọi người xúm vào nịnh hót, "ai cũng vui vẻ lắm", bà phó Đoan thì "cứ nhún nhảy như một con choi choi", đến cậu Phước cũng "không em chã nữa", cụ Phán bà thì "hối hận vì cái tội tày đình đã trót mắng mỏ con trai, chê trách con gái, và khinh bỉ ông Xuân bội tình". Chi tiết đặc biệt khẳng định sự thay đổi đột ngột của nhân vật diễn ra khi Typn "ngồi ngay xuống thay giày cho Xuân Tóc Đỏ một cách nịnh thần và nô lệ". Tác giả Nguyễn Quang Trung cho rằng những kẻ nịnh đầm trong *Số đỏ* "là những con rối điếm nhục đã cúi mình xuống tận đế giày thằng Xuân mà hôn hít". Giá trị của chúng chỉ xứng đáng nằm dưới đế giày của Xuân Tóc Đỏ mà thôi.

Bản thân con người nếu thiếu bản lĩnh thì khó đứng vững trước hoàn cảnh, nhất là vào những thời điểm giá trị đạo đức, chuẩn mực xã hội bị đảo lộn. Tình huống đảo chiều, quay ngược mà Ngô Kính Tử đặt ra như một sự tố cáo, lật tẩy, soi kính hiển vi vào những góc khuất của cuộc sống. Không nằm ngoài guồng quay của địa vị và danh lợi, để bảo vệ cho giá trị và lợi ích của bản thân, nhân vật quay mặt từ chối giúp đỡ những người đã từng cưu mang mình lúc còn khó khăn. Phan Tam là người dìu dắt, giúp đỡ để Khuông Siêu Nhân có điều kiện giao lưu xã hội, có tiền, có nhà cửa và cưới được người vợ xinh đẹp. Khi gặp nạn, trông cậy vào sự giúp đỡ của Khuông Siêu Nhân nhưng Khuông một mực từ chối, viện lí do bản thân hiện tại làm quan, không như lúc còn là học trò, y nói: "Mình đã làm việc cho triều đình thì phải tuân theo sự thưởng phạt của triều đình. Nếu như đến đó mà thăm thì việc thưởng phạt hóa ra không minh... Tôi nói như thế này thì thật không tiện. Nhưng đã là tri kỷ với nhau thì tôi cũng không giấu giếm gì. Những việc anh Phan làm nếu như tôi là quan địa phương ở đây thì tôi cũng phải bắt giam... Nếu tôi lại đi vào thăm thì việc này đến tai các quan trên của tôi. Thế là cái thanh danh quan trường của tôi bị nhơ nhuốc đi. Như thế còn làm việc sao được" [98; 308-309]. Rõ ràng Khuông Siêu Nhân là một kẻ vong ân bội nghĩa, y rũ bỏ, quên đi những ân tình mà Phan Tam từng dành cho mình, y quay ngược, đảo chiều một cách tráo trở, bỏ qua mọi phiền toái để thể hiện bản chất của một tân quan liêm khiết nhưng thực chất chỉ là vỏ bọc che đậy cho những việc xấu xa, bỉ ổi mà y cùng hệ thống quan lại thường làm để thay đổi thế sự đương thời.

Tình huống đảo chiều, quay ngược trong *Nho lâm ngoại sử* là loại tình huống mà nhân vật vi phạm những chuẩn mực của đời sống xã hội, rất khó tin có thể tồn tại trong thực tế, ấy vậy mà nó cứ xảy ra, cứ lôi cuốn người đọc. Bởi vì, xét đến cùng, cái ngược đời phi lí lại là cái hữu lí, cái thực tế của xã hội kim tiền. Khi nhận đơn kiện của Thẩm Đại Niên về việc Tống Vi Phú lấy Thẩm Quỳnh Chi làm thiếp, tri huyện Giang Đô tỏ thái độ ủng hộ: "Thẩm Đại Niên đã là cống sinh ở Thường Châu, cũng là một con người áo mũ, làm sao lại chịu để con gái đi

làm thiếp? Bọn buôn muối ngang ngược đến thế là cùng" [99; 201]. Thế nhưng khi Tống Vi Phú cho người mang đơn lên kiện lại Thẩm và đút lót trên dưới để làm khó dễ thì hôm sau quan huyện phê vào đơn kiện: "Thẩm Đại Niên nếu đã gả con gái cho Tống Vi Phú làm vợ chính thì tại sao lại đưa con thầm lén đến nhà Tống, rõ ràng ông ta gả con làm thiếp nhưng đặt điều nói bậy. Đơn kiện của ông ta bị bác" [99; 201-202]. Sự can thiệp của đồng tiền đã làm thay đổi toàn bộ giá trị của công lí, biến luật pháp, công đường thành phương tiện, công cụ để đổi trắng thay đen một cách dễ dàng, trắng trợn.

Trần thuật của tiểu thuyết đưa độc giả tới câu chuyện của gia đình Ngu Lương ở hồi 47 của tiểu thuyết. Người đọc dễ nhận ra một điều là nhà tiểu thuyết cố ý tạo nên sự đối lập giữa gia đình họ Ngu và tiểu xã hội huyện Ngũ Hà. Nói cách khác, tiểu xã hội ấy dùng những phong tục, điều lệ riêng để tách biệt, cô lập gia đình họ Ngu ra khỏi đời sống xã hội của huyện. Nếu như trong đoạn văn miêu tả gia thế của nhà họ Ngu, nhà văn Ngô Kính Tử sử dụng bút pháp "trần thuật chân phương" theo kiểu sử truyện thì đến đoạn miêu tả phong tục của huyện Ngũ Hà, tác giả lại sử dụng bút pháp "giễu nhại hí kịch" nhằm tạo nên sự đối lập giữa truyền thống và hiện tại. Tất cả "văn chương thi phú, học vấn toàn diện, dòng họ thi thư trở thành trò cười trước một hiện thời quy tất cả giá trị ý nghĩa vào trong hai chữ tiền tài thế lực" [78; 52]. Sự đối lập ấy là cơ sở nảy sinh, hình thành và phát triển mâu thuẫn trong các tình huống châm biếm mà ở hồi truyện này, nhà văn Ngô Kính Tử đã khéo léo sắp đặt, bài trí để đối tượng châm biếm rơi vào bẫy, tiếng cười bật lên vừa mang tính chất hài hước, vui vẻ nhưng cũng đầy thâm thúy, sâu xa. Suy nghĩ và hành động của Ngu Lương trước những hủ tục của người dân Ngũ Hà đã minh chứng cho điều ấy, bởi trong mọi tình huống Ngu Lương thường chủ động đưa đối tượng của mình vào những trường hợp tiến thoãi lưỡng nan, hoàn toàn bất ngờ, đảo chiều, quay ngược so với những gì đã thỏa thuận, sắp đặt trước đó. Cụ Thành vốn là một tú tài nhưng lại là người cầm đầu về mối lái ruộng đất, cụ đã bàn bạc, trao đổi rất chi tiết, kĩ càng với Ngu Lương về miếng

đất ở bên trái nhà cụ, thuyết phục để Ngu Lương mua bằng được miếng đất ấy. Ngu Lương biết rõ ý định của cụ Thành nên nói: "Tôi không phải lừa cụ đâu, cụ cứ về làng thu xếp công việc cho xong, thế nào tôi cũng mua" [99; 290]. Đến khi cụ Thành đưa người chủ ruộng và người mách mối đến gặp Ngu Lương và đòi tiền công thì Ngu Lương trợn mắt nói: "Ruộng đắt quá, tôi không muốn mua" và "đuổi những người nhà quê đang đứng ngoài sảnh đi cho rảnh mắt" [99; 302].

Tóm lại, việc xây dựng tình huống đảo chiều, quay ngược nhà văn nhằm mục đích bộc lộ đầy đủ tính cách của con người trong xã hội mà phần lớn là những tính cách bại hoại, suy đồi đủ kiểu, đủ cỡ và đủ hạng. Nhân cách sống bị tụt dốc, cái phần con trội hơn cái phần người trong mỗi cá thể. Có thể nói Ngô Kính Tử đã thành công khi vẽ được "bức tranh nhân cách" vừa tổng thể lại vừa chi tiết, chân thực và có độ tin cậy cao.

***4.1.2. Tình huống cãi lộn, kiện tụng***

Trong một xã hội mà con người sống với nhau chỉ bằng sự giả dối, lừa gạt thì sản phẩm của con người tạo ra là rất nhiều cuộc cãi lộn, mâu thuẫn từ nhỏ bé đến đỉnh điểm. Ngô Kính Tử xây dựng và miêu tả rất hay các sự việc xảy ra như thế. Tác giả đứng ngoài quan sát, tường thuật và đánh giá một cách khách quan diễn biến những sự việc đó làm nổi bật lên mâu thuẫn châm biếm trong những hoàn cảnh nhất định. Những cuộc cãi lộn, kiện tụng không quá dài, quá lâu nhưng nó đủ sức lột tả bản chất châm biếm của các nhân vật thể hiện trong đó.

Trong *Nho lâm ngoại sử*, độc giả nhận thấy xung quanh cuộc sống của các nhân vật thường xảy ra những câu chuyện vô lí; các nhân vật cãi nhau, đem nhau đi kiện ở chốn công đường. Ba nhân vật Nghiêm cống sinh, Vương Đại, Hoàng Mộng Thống có mối quan hệ xóm giềng nhưng lại hay xảy ra mâu thuẫn, xung đột. Xét về việc này, Nghiêm cống sinh là người đưa ra những đòi hỏi khiến cho Vương Đại, Hoàng Mộng Thống không thể chấp nhận được. Y bắt lợn của Vương Đại, đòi tiền chuộc lại còn đánh gãy chân người ta; hay việc đòi tiền lời mà Hoàng Mộng Thống không hề vay vốn. Tất cả thể hiện sự ngang ngược, vô lí

và mang tính chất côn đồ, bạo lực, đàn áp khiến cho Thang tri huyện, người vốn thân thiết với y cũng phải thốt lên: "Một anh cống sinh, đã dự vào hàng thân sĩ, thế mà ở trong làng xóm không làm nên việc gì tốt, lại cứ lừa dối người ta, thật là tệ hại" [98; 87]. Mục đích của những cuộc cãi lộn, kiện tụng giữa Nghiêm cống sinh với tất cả mọi người không có gì ngoài sự tham lam, tàn ác của y. Bút pháp tả thực của nhà văn Ngô Kính Tử đã đi vào miêu tả cận cảnh sinh hoạt thường ngày với những con người cùng sinh sống trong một không gian nhỏ hẹp của làng xóm, qua đó tác giả đã khắc họa thành công điển hình nhân vật Nghiêm cống sinh, một cường hào ác bá lợi dụng các mối quan hệ thân thiết để những nhiễu, hạch sách nhân dân và ở mức độ cao hơn là thẳng tay đàn áp, cướp đoạt của mọi người một cách thô bỉ, trắng trợn. Trần thuật trong tiểu thuyết về Nghiêm cống sinh cho thấy y là kẻ tạo và châm ngòi nổ cho các cuộc cãi lộn liên tiếp xảy ra. Nghiêm cống sinh không chỉ gây sự với những người hàng xóm mà ngay với những người thân thiết trong nhà y cũng tìm cách áp đặt và đe nạt. Ngay sau khi chồng và con của Triệu thị mất, trong nhà không có người thừa tự, Nghiêm cống sinh lấy quyền huynh trưởng, ép em dâu Triệu thị nhượng lại toàn bộ tài sản, nhà cửa, quyền hành cho con trai của y và ép nàng trở thành người hầu của gia đình. Cuộc cãi lộn giữa anh chồng và em dâu diễn ra rất quyết liệt và căng thẳng, hai bên mắng chửi nhau thậm tệ, không ai chịu nhường ai. Trước sự chứng kiến của đám đông, cuộc cãi lộn giữa hai anh em được nhà văn miêu tả thật sống động và chân thực. Nghiêm cống sinh chửi Triệu thị:

"Cái con đĩ này là con nhà bần tiện! Chúng ta là hạng người cao quý đâu có cái lối thế này! Mày mà trêu tức tao thì tao kéo đầu ra đánh cho một trận, rồi gả quách cho thằng nào đi cho xong.

Triệu thị lại càng khóc mắng già. Tất cả làng xóm đều nghe. Thị muốn xông ra nắm lấy xé áo lão Nghiêm nhưng đầy tớ gái giữ lại" [98; 112].

Màn khẩu chiến nổi tiếng này không dừng lại ở đó, mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm khi hai bên làm đơn kiện nhau trên công đường. Thang tri huyện giao

quyền tự quyết cho Triệu thị, Nghiêm Trí Trung không bằng lòng lại quyết kiện lên quan phủ. Quan phủ không xét, y lại tìm Chu học đạo nộp đơn để kiện cho ra lẽ. Cuộc cãi lộn, giằng co giữa hai người diễn ra suốt một thời gian dài mãi cho tới khi được phân xử gia tài mười phần Triệu thị lấy ba phần, con trai của Nghiêm cống sinh vẫn được lập tự và hưởng bảy phần.

Cũng như Ngô Kính Tử, nhà văn Vũ Trọng Phụng tạo ra những tình huống cãi lộn rất đặc sắc và độc đáo. Tuy nhiên, trong tiểu thuyết *Số đỏ*, những màn cãi lộn giữa các nhân vật bao giờ cũng quyết liệt và kéo dài, đó là do Vũ Trọng Phụng biết "châm ngòi nổ" và biết "nuôi dưỡng xung đột" một cách tài tình, độc đáo. Tác giả đã tạo ra cái mà G.N Pospelov gọi là "xung đột bền vững". Màn cãi lộn nổi tiếng giữa lang Tỳ và lang Phế trong *Số đỏ* được nhà văn gọi là "cuộc đấu khẩu của mấy nhà khoa học". Tác giả đã khéo léo khi để cô Tuyết mời hai vị đến cùng một lúc, đẩy hai nhà khoa học vào cuộc cạnh tranh nghề nghiệp. Cuộc khẩu chiến bắt đầu bằng việc tranh luận xem thuốc thánh đền Bia là nước ao hay nước ruộng. Thế rồi, như bị chạm nọc, tự ái, hai người vặc lại nhau, tức khí cự cãi ngày càng quyết liệt: "nào là làm thuốc thì phải biết phân biệt nước ao, nước ruộng", "thôi chịu ông rồi! Cả nước này chỉ có ông là biết nghề thuốc"; ba chữ "biết nghề thuốc" như đổ thêm dầu vào lửa, hai người tự lột cái "áo gấm danh y" của nhau bằng cách vạch mặt nhau về tài năng y học, về tài giết chết bệnh nhân bằng thuốc rởm. Hết chuyện này đến chuyện khác, tạo ra tính chất "gọi nhau" rất độc đáo, đặc sắc của tình huống hài, khiến cuộc cãi lộn của nhân vật không bao giờ chấm dứt. Không những thế, cuộc cãi lộn của hai nhân vật lang Tỳ, lang Phế còn "bắn" trọng thương những kẻ xung quanh, khiến cho người khác như bà Phó Đoan, cô Nga, cô Tuyết cũng bị vạ lây, cắm cổ chạy mất.

Nhà văn Ngô Kính Tử khi xây dựng kiểu tình huống này đã dựa trên những nét tính cách điển hình tiêu biểu của nhân vật, tác giả lựa chọn người có khả năng tạo ra các cuộc xung đột, cãi lộn với các nhân vật xung quanh. Nhân vật điển hình đó như một trục xoay trung tâm, trong những hoàn cảnh điển hình thu

hút các đối tượng cùng tham gia vào các tình huống cãi lộn, kiện tụng khác nhau. Bên cạnh Nghiêm cống sinh, trong *Nho lâm ngoại sử* Ngưu Phố cũng là người hay "rủ rê" được nhiều nhân vật cùng tham gia cãi lộn với mình. Đầu tiên là cãi lộn với Bốc Tín, Bốc Thành, hai người cậu bên vợ của y chỉ vì việc tiếp đón, rót trà không đúng kiểu cách khi tiếp đón tri huyện Đổng Anh. Ngưu Phố chê bai hai người cậu của mình trước mặt quan tri huyện: "người nhà của tôi là người quê mùa, không biết lễ nghĩa, xin tiên sinh chớ cười" [98; 330]. Mặc dù là người ăn nhờ, ở đợ trong nhà Bốc Tín, Bốc Thành nhưng thái độ của Ngưu Phố không coi ai ra gì, y luôn có tư tưởng dọa nạt, sẵn sàng đưa nhau lên công đường giải quyết. Y nói: "ngày mai tôi sẽ viết giấy đưa cho ông Đổng, ông ta sẽ đưa giấy đến huyện Vũ Hồ để người ta đánh cho các cậu một trận mới được" [98; 332]. Sau khi bị đuổi ra khỏi nhà, y đến huyện An Đông, ở đây y lấy vợ mới sống cuộc đời sung sướng, chẳng may một người họ Thạch ở làng cũ biệt hiệu là "chuột nhắt" biết được đến xin y ít tiền liền bị y từ chối, mắng mỏ. Cuộc cãi vã giữa hai tên lưu manh nổ ra, và cả hai cùng kéo nhau lên quan huyện, được mấy tên lính canh cổng giảng hòa và cho "chuột nhắt" ít tiền đi đường thì cả hai mới đồng ý ra về. Không dừng lại ở đó, Ngưu Phố còn dính vào vòng lao lí, kiện tụng khi bị vợ của Ngưu Bố Y đến nhà tìm và kiện y tội mạo danh và mưu giết chồng người. Cũng may cho y là tri huyện mới của An Đông là Hướng tri huyện trước khi nhậm chức đã được Đổng Anh nhờ vả giúp đỡ cho Ngưu Phố nên y mới dễ dàng thoát tội.

Bên cạnh đó, trong *Nho lâm ngoại sử*, còn chứng kiến những cuộc cãi lộn khác như giữa Trần Tự Nguyên (vốn là con trai thầy bói Trần Hòa Phủ) với bố vợ; Trần Tự Nguyên với Đinh Ngôn Chí. Trong cuộc cãi lộn với bố vợ, hai cha con không tìm được tiếng nói chung, đến mức con rể không cần vợ trả lại cho bố vợ, quyết cạo đầu làm hòa thượng, làm nghề bói toán kiếm ăn qua ngày. Tuy hành nghề thầy bói nhưng Trần Tự Nguyên lại rất thích đọc thơ và bình thơ của người khác. Cũng vì bình luận, nhận xét thơ mà giữa y và Đinh Ngôn Trí xảy ra cự cãi, lao vào nhau đánh đấm đến sứt đầu mẻ trán, bởi ai cũng cho rằng ý kiến

của mình đưa ra là đúng. Cuộc "hội thảo lịch sử văn chương bên hè phố" của hai gã học trò vô lại ấy cho thấy được lịch văn hóa nói chung và văn chương nói riêng đang hỗn loạn, phức tạp đến mức độ nào. Một dụ ý ngầm ẩn, vô cùng thâm thúy của tác giả Ngô Kính Tử về những biểu hiện tiêu cực của văn hóa đương thời. Dường như ở mọi nơi, mọi chốn trong các ngõ ngách tối tăm của xã hội, chỗ nào cũng chứa đựng những yếu tố mâu thuẫn khiến con người tranh cãi, kiện tụng quyết liệt. Suy cho cùng sự biến đổi theo chiều hướng tiêu cực của xã hội đã làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt, con người sống với nhau chỉ bằng sự giả dối, lừa gạt, mưu hại lẫn nhau. Thông qua các cuộc cãi lộn, kiện tụng trong tác phẩm, nhà văn Ngô Kính Tử đã rất thành công trong việc khắc họa những điển hình nhân vật châm biếm. Tác giả đi vào chiều sâu nội tại của đời sống để khám phá bản chất con người, lôi tuột ra ánh sáng một cách không thương tiếc những mâu thuẫn thiết nghĩ chỉ mang tính vụn vặt, tầm thường. Tác giả đặt nhân vật trong những tình huống điển hình để làm nổi bật khuynh hướng châm biếm thực trạng xã hội, nguyên nhân chính dẫn tới những cuộc cãi lộn, kiện tụng không bao giờ chấm dứt.

#### *4.1.3. Tình huống mưu mô, sắp đặt*

Mưu mô là biểu hiện của sự sắp đặt có hệ thống những suy nghĩ đi ngược lại với diễn biến thông thường của sự việc khiến nảy sinh nhiều yếu tố bất ngờ mà đối tượng tiếp nhận tình huống không thể lường trước được, từ đó mà nảy sinh khuynh hướng châm biếm với nhiều cung bậc, sắc điệu khác nhau.

Trong *Nho lâm ngoại sử*, kiểu tình huống này diễn ra khá thường xuyên khi nhân vật nho lâm đầy rẫy những hạng người chịu tác động của những yếu tố tiêu cực trong xã hội, nó chi phối và ảnh hưởng trực tiếp đến tâm lý, ý thức khiến cho những mưu mô, thủ đoạn dần được hình thành, nhân vật chỉ chờ thời cơ thích hợp để thực hiện âm mưu đó. Chính điều này đã góp phần trực tiếp bộc lộ bản chất, tính cách của nhân vật, ý vị châm biếm cũng từ đó nảy sinh, tiếng cười phát ra mang nhiều sắc điệu hướng tới sự phê phán, đả kích. Để thực hiện những âm

mưu, nhân vật không từ một thủ đoạn nào, có khi nhân vật đơn độc thực hiện ý định một mình, có khi lại cậy nhờ sự giúp sức của kẻ khác. Một điều độc giả dễ dàng nhận thấy khi nhân vật bắt đầu hành động cũng là lúc thời cơ đã chín muồi, nhân vật nắm chắc phần thắng trong tay.

Tạo cho mình một vỏ bọc kín đáo, vẻ bề ngoài rất mực đáng thương, tội nghiệp Triệu thị đã lấy được lòng tin và sự thương cảm của Vương thị, người vợ cả của Nghiêm giám sinh đang mắc bệnh rất nặng. Vì sợ Vương thị chết đi mà không được xác lập làm chính thất, Triệu thị đã âm thầm bàn bạc với Nghiêm giám sinh và hai cậu Vương Nhân, Vương Đức để tìm cách thay đổi thân phận tỳ thiếp. Một mặt Triệu kêu la, khóc lóc, tỏ vẻ đáng thương, tội nghiệp; một mặt thị chăm lo thuốc thang, lễ nghi cúng bái, cầu mong trời phật cứu giúp Vương thị tai qua nạn khỏi. Triệu nói với Vương thị: "Tôi chỉ cầu trời phật, sao cho tôi chết thay để bà chị khỏi bệnh" [98; 91]. Mặc dù ra sức chăm lo cho Vương thị nhưng Triệu biết chắc chắn Vương thị sẽ chết trong một sớm một chiều và điều đó với thị không quan trọng bằng việc được xác lập chính thất thay quyền Vương thị. Xét cho đến cùng, chỉ vì lòng tham và địa vị mà nhân vật bất chấp tất cả, không từ thủ đoạn để đạt được mục đích mong muốn. Sự châm biếm của tác giả vào trật tự đạo đức và lễ nghi phong kiến càng làm rõ hơn sự xuống cấp về nhân cách của con người trong xã hội xưa, nơi mà cương thường, đạo lí cũng dần mất đi tính giá trị để thay vào đó là sự lừa lọc, dối trá của một lớp người có thân phận nhỏ bé, thấp hèn như tỳ thiếp Triệu thị.

Trần thuật của tiểu thuyết đưa độc giả đi sâu vào từng ngõ ngách của hiện thực để chứng kiến nhiều hơn những điều giả dối, trái khoáy trong cuộc sống. Không ai có thể ngờ được mấy miếng kẹo hạt đào qua lời lẽ giảo hoạt, dối trá của Nghiêm cống sinh lại biến thành vị thuốc quý chữa bệnh chóng mặt. Y đã tự tạo cho mình tình huống thuận lợi để thực hiện âm mưu quỵt tiền đò, vừa không mất tiền qua sông lại còn được mắng chửi người khác. Khi ở trên khoang thuyền, "y mở rương lấy độ hơn mươi miếng kẹo hạt đào ăn mấy miếng... còn một ít để sau

khoang hồi lâu không ngó đến. Người lái đò thèm quá, tay trái giữ lái, tay phải lấy từng miếng một bỏ vào miệng - Nghiêm giả vờ không thấy" [98; 107]. Đến khi thuyền cập bến, chủ thuyền và mấy người chèo thuyền đòi tiền thưởng. Nghiêm quay lại vào thuyền, giương mắt nhìn quanh một lượt và hỏi: "Thuốc của tao đâu rồi". Khi đó Nghiêm mới lớn tiếng, làm to chuyện chửi, dọa nạt và đòi đưa người lái thuyền lên quan vì đã ăn mất thuốc quý của mình. Mọi người khuyên can, bắt người lái thuyền phải cúi đầu lạy tạ mấy cái, Nghiêm mới đồng ý bỏ qua và đi thẳng về nhà. Có thể thấy bản chất mưu mô, xảo quyệt của nhân vật khi thực hiện âm mưu một cách quá hoàn hảo. Chỉ bằng cái nhìn chớp nhoáng và giả vờ như không thấy đã dần hiện lộ trong đầu Nghiêm một âm mưu khiến cho ai cũng đều hoảng hốt, bất ngờ, mọi người không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Tình huống diễn ra nhanh chóng và kết thúc chóng vánh với phần thắng thuộc về kẻ chủ mưu tinh ranh, hiểm độc. Sự châm biếm, đả kích của nhà văn Ngô Kính Tử cũng từ đó dồn cả vào Nghiêm cống sinh một tên trọc phú, cường hào tham lam, độc ác với bản chất bóc lột, cướp đoạt công sức và tiền bạc của những người lao động đang vất vả mưu sinh.

Nếu như tập trung ở tầng lớp trí thức nho sĩ là sự mê muội của lí tưởng công danh, suốt cuộc đời phấn đấu cho sự nghiệp thi cử, quan trường thì ở một góc khuất của rừng nho vẫn tồn tại gam màu sẫm tối về lớp người lưu manh, lừa gạt. Những con người ấy cùng với tầng lớp trí thức nho sĩ, hệ thống quan lại đã tạo nên bức tranh đa sắc diện, bổ sung cho nhau làm phong phú, đa dạng thế giới nhân vật *Nho lâm ngoại sử*. Những kẻ lưu manh ấy được nhà văn miêu tả và khắc họa trong những tình huống nhân vật lợi dụng sự cả tin, lòng tốt của người khác để thực hiện những âm mưu, thủ đoạn nhằm trục lợi bản thân. Trương Thiết Tý là nhân vật tiêu biểu, y lợi dụng sự giàu có, hiếu khách, cả tin của hai công tử Lâu Bổng và Lâu Toản để sắp đặt chi tiết, hoàn chỉnh và thành công âm mưu "hội đầu người" ngay trong phủ họ Lâu khiến cho mọi người phải một phen kinh hoàng, hoảng hốt. Trương Thiết Tý mang theo một cái bị, thân hình máu me đầm đìa,

canh hai tìm cách vào phòng của Lâu Bổng và Lâu Toản, y bịa ra câu chuyện về một người ân nhân và một kẻ thù nhằm kiếm khoản tiền thoát thân. Y nói: "Xin hai vị ngồi yên tôi trình bày. Trong đời tôi có một người ân nhân và một kẻ thù. Tôi ôm mối thù đã mười năm nay nhưng không có dịp giết nó. Hôm nay tôi đã lấy được đầu nó ở đây. Trong cái bị da này là một cái đầu người! Nhưng người ân nhân của tôi lại ở xa ngoài mười dặm và tôi cần năm trăm lạng bạc để trả ơn cho ân nhân. Một khi đã trả ơn ấy rồi, tâm hồn tôi sẽ nhẹ nhàng và tôi sẽ suốt đời đem thân hầu hạ người tri kỷ. Tôi biết rằng chỉ có hai công tử có thể giúp tôi, cho nên tối nay đánh bạo tới đây để được cứu giúp. Nếu không được, tôi xin đi xa và không bao giờ gặp nhau nữa" [98; 200]. Hai công tử tin những lời y nói và đưa năm trăm lạng bạc để y trả đền ân nhân, còn tốt bụng giữ lại cho y cái bị đựng đầu người mà không biết thực chất là một cái đầu lợn. Đến chiều hôm sau, đợi mãi mà y không quay trở lại, mở cái bị ra mọi người mới biết mình đã bị lừa. Miêu tả hành động của thích khách Trương Thiết Tý, nhà văn Ngô Kính Tử gợi lên trong suy nghĩ của độc giả về hình ảnh của những hiệp khách, sát thủ vốn từng xuất hiện trong *Sử ký* như Tào Mạt, Chuyên Chư, Dự Nhượng, Nhiếp Chính, Kinh Kha... Những sát thủ này được gọi là thích khách, chuyên thực hiện nhiệm vụ ám sát những nhà chính trị hoặc những yếu nhân. Họ thường cống hiến lòng trung thành và phục vụ cho những vị vua chúa hay quý tộc phong kiến, đổi lại họ được ban cho tiền bạc hay phụ nữ. Tuy vậy khác với những thích khách trong *Sử ký*, thích khách Trương Thiết Tý trong *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử lại dụng tâm thực hiện âm mưu đen tối, lừa gạt, kiếm tiền người khác. Không biết những người từng đọc *Sử ký* sẽ có cảm giác gì khi đọc đến đoạn bữa tiệc đãi khách du hiệp chốc lát phá sản vì cái đầu lợn. Nhà văn Ngô Kính Tử với một sách lược tự sự mới, thông qua một bề ngoài trần thuật đĩnh đạc, nghiêm trang cố ý dò theo màu sắc của *Sử ký*, nhằm ám thị một cách kín đáo thực chất những vấn đề ấu trĩ, ngây thơ, vô tích vị của câu chuyện được kể. Qua màn tự sự "bữa tiệc đầu người" - đỉnh cao của câu chuyện hai công tử họ Lâu giao du với kiếm khách

giang hồ Trương Thiết Tý, độc giả sẽ cảm nhận được phong cách tự sự của nhà văn Ngô Kính Tử đang cố tình phỏng nhại, ngầm mỉa *Sử ký*, một biểu tượng văn hóa uy nghi sừng sững.

Trong *Nho lâm ngoại sử*, những tình huống mưu mô, sắp đặt được tác giả tái hiện khá đa dạng ở nhiều tuyến nhân vật khác nhau. Có thể là những nho sĩ trí thức hoặc những kẻ thuộc giai tầng thống trị như quan lại, cường hào, trọc phú và cũng không thể không đề cập tới những tên sai nhân, quản gia chuyên lợi dụng sự sơ hở của người khác để tạo dựng tình huống, thiết lập âm mưu cướp đoạt, tống tiền. Nhà văn Ngô Kính Tử đặt nhân vật trong những tình huống đó để châm biếm, mỉa mai, đả kích sự sa đọa, xuống dốc của con người trong guồng quay điên đảo của xã hội. Lợi dụng câu chuyện về cái tráp cũ của Vương Huệ tặng cho Cừ Dật Phu, một số tên sai nhân đã tạo dựng âm mưu nhằm tống tiền, kiếm lợi bất chính.

Hai tên sai nhân bàn bạc với nhau, một tên nói:

"*Việc này nên làm thế nào thì hơn. Cứ nên báo quan hay chỉ nên giương cung mà không bắn để rồi tìm cách kiếm tiền*".

Tên sai nhân kia nhổ toẹt một cái và nói: *Thế cũng báo quan! Làm thế còn được xơ múi gì? Chi bằng bảo cho hắn biết. Hắn nhất định phải xùy tiền ra. Làm việc quan mấy mươi năm nay, không biết gì hết! Việc này mà lại báo quan à! Báo cái mả tổ nhà mày*. [98; 213].

Bọn chúng đã sắp đặt âm mưu một cách rất bài bản, chi tiết khiến cho tính chất của sự việc thêm phần nghiêm trọng, đối tượng bị truy hướng bắt buộc phải nghe theo nếu không muốn vụ việc thêm phần rắc rối. Điều tinh ranh, thâm hiểm trong cách thức lựa chọn đối tượng để tống tiền của những tên sai nhân này là tìm tới Mã Thuần Thượng, bạn của Cừ Dật Phu, một người rất hay cả tin dễ bị lừa lọc. Khi ngồi nói chuyện, sau một hồi ngã giá tống tiền, tên sai nhân nói: "Riêng tôi, tôi không cần biết là ông bỏ tiền ra hay ông Cừ bỏ tiền ra, bởi vì các ông đều là chỗ bạn bè thân thiết với nhau. Nếu ông muốn tôi giúp đỡ thì nói thẳng một câu.

Tôi cứ xin nói toạc móng heo ra. Việc này mấy chục lạng bạc thì chẳng bõ bèn gì hết! Tôi xin nói thẳng: Không có ba trăm lạng bạc thì ít nhất cũng phải hai trăm lạng rồi mới nói chuyện với nhau được. Tôi không muốn khó dễ với ông, nhưng mấy chục lạng bạc của ông thì không bõ bèn gì hết" [98; 219]. Nhà văn Ngô Kính Tử khi xây dựng tình huống này một mặt châm biếm sự ngu dốt, cả tin của kẻ mang danh trí thức Mã Thuần Thượng, một mặt phê phán, đả kích những kẻ thuộc tầng lớp thấp hèn mà lưu manh, xảo quyệt, luôn tìm mọi cách để trục lợi bản thân.

Có lẽ với bản tính thật thà, tin người một cách mù quáng mà không có tư duy, xem xét, Mã Thuần Thượng là nhân vật trong *Nho lâm ngoại sử* dễ bị người ta lừa nhất, từ những tên sai nhân, quản gia đến những kẻ chuyên nghề lừa gạt. Chẳng thế mà y bị Hồng Hám Tiên, một kẻ không chịu làm ăn, cứ thích lừa đảo lừa cho vào tròng cùng với y thực hiện âm mưu lừa tiền của Hồ công tử. Hồng Hám Tiên đã lợi dụng vào sự nhẹ dạ cả tin của Mã Thuần Thượng để mượn y là người trung gian, cầu nối để Hồ công tử thêm phần tin tưởng, qua đó thuận lợi cho kế hoạch của mình. Hồng Hám Tiên nói với Mã Thuần Thượng: "Ông này có bệnh tham tiền. được càng nhiều lại càng thích. Ông ta muốn học phép đốt bạc của tôi. Ông ta có thể bỏ ra bạc vạn để làm phí tổn đắp lò mua thuốc. Nhưng việc này cần phải có người làm trung gian. Ông ta đã biết tiếng ông. Hơn nữa, có ông làm nghề văn tuyển ở hàng sách, dễ tìm tung tích thì ông ta mới yên tâm. Nếu hôm nay chúng ta gặp nhau bàn tính việc ấy xong xuôi, thì đến sau bảy lần bảy là bốn mươi chín ngày, tôi sẽ chế tạo xong cái cục bạc mẹ. Bấy giờ bất kì đồng, chì, thiếc gì cũng có thể làm phép hóa ra vàng cả. Bấy giờ có phải chỉ có mấy trăm lạng bạc thôi đâu. Tôi vốn không cần tiền nên lúc ấy sẽ cáo lui về núi, còn tiên sinh được cục bạc mẹ rồi thì tha hồ mà phong lưu" [98; 233]. Hồng Hám Tiên đã lên kế hoạch từ trước đó, từ việc y quan sát, để ý Mã Thuần Thượng, nhận thấy có thể lợi dụng con người này để sai khiến, đồng thời đánh vào tâm lý tham lam của Hồ Chẩn muốn học phép đốt bạc, y đã từng bước thực hiện được âm mưu

của mình. Mặc dù không thể đi đến thành công do mắc bệnh quá nặng và chết sau đó nhưng những tính toán của Hồng Hám Tiên quả thực rất tinh vi và xảo quyệt. Sự châm biếm của nhà văn Ngô Kính Tử hướng trực diện vào bản tính tham lam của nhân vật, cái lợi ích vật chất chi phối nhân cách con người, khiến cho chúng phải trả giá thích đáng cho hành động của mình, những kẻ lười biếng không chịu làm ăn chỉ chuyên tâm đi lừa gạt người khác. Bên cạnh đó, qua trần thuật của nhà tiểu thuyết, độc giả có một sự cảm nhận sâu sắc hơn về bút pháp tự sự của nhà văn. Hình ảnh nhân vật Hồng Hám Tiên, lúc đầu xuất hiện trước mặt Mã Thuần Thượng như một ông tiên biết tất cả mọi chuyện trên đời. Không những thế y lại còn có khả năng tu luyện kì diệu biến những cục than thành những thỏi bạc trắng. Độc giả đọc đến đoạn Hồng Hám Tiên luyện bạc như có cảm giác gần gũi, thân thuộc với cảnh tượng các tu sĩ trên núi luyện linh đan trường sinh vậy. Có vẻ như nhà tiểu thuyết đang cố tình "yếm ý" để chế nhạo, ngầm mỉa cái gọi là đạo tu luyện linh đan trường sinh bất lão của Đạo giáo.

Lớp người lưu manh, lừa đảo trong *Nho lâm ngoại sử* chiếm một số lượng khá đông đảo, thuộc nhiều thành phần xã hội khác nhau. Tất cả âm mưu, hành động của nhân vật đều thể hiện bản chất xấu xa, đen tối, tô đậm thêm phần tiêu cực của bức tranh xã hội phong kiến đương thời. Ở bất kì thời gian, địa điểm, trong mọi hoàn cảnh nào nhân vật cũng có thể thực hiện những âm mưu, chiêu trò lừa gạt của mình. Ngưu Phố Lang là một thiếu niên nghèo khổ sống với ông nội đã ngoài bảy mươi tuổi, vốn có sẵn trong mình bản tính ăn cắp, giả dối, lợi dụng lòng tốt của hòa thượng ở am Cam Lộ, y đã lấy trộm hai tập thơ của Ngưu Bố Y và hình thành suy nghĩ, âm mưu chiếm đoạt tên, bản quyền di cảo thơ của người khác. Ngưu Phố Lang nghĩ: "Ông ta họ Ngưu, ta cũng họ Ngưu. Thơ ông chỉ viết độc có Ngưu Bố Y không có tên thật. Bây giờ ta cứ cho tên ta vào, lấy hiệu của ông ta. Ta cho thợ khắc khắc hai con dấu đóng lên trên thế là sách này đã thành của ta rồi! Từ nay ta lấy hiệu là Ngưu Bố Y" [98; 317]. Mặc dù còn ít tuổi nhưng âm mưu của Ngưu Phố Lang đã trở nên tinh tường, già dặn. Y là

người thuộc một trong số những thiếu niên trẻ tuổi của hệ thống nhân vật nho lâm tha hóa về bản chất, suy đồi về nhân cách, đánh mất sự trong sáng, hồn nhiên của lớp người cùng lứa. Sự châm biếm của nhà văn Ngô Kính Tử không chỉ dành cho sự giả dối, lưu manh của nhân vật mà còn hướng vào hiện thực nghiệt ngã của xã hội. Chính cái xã hội ấy đã làm biến đổi nhân cách con người qua từng thế hệ, trong đó nguy hiểm và nguy hại hơn khi những người trẻ tuổi như Ngưu Phố Lang, Khuông Siêu Nhân dễ dàng đánh mất nhân tính bởi những ham muốn vật chất tầm thường.

Cũng là một tên côn đồ, lưu manh, nhưng Phan Tam nổi trội hơn các nhân vật có cùng bản chất là sự chuyên nghiệp, thành thạo, y coi đó là một nghề kiếm cơm quan trọng trong đời. Ở một xã hội mà bao chứa rất điều tiêu cực thì qua ngôn ngữ, hành động của Phan Tam những mặt trái ấy được hiện lên đầy sắc nét, chân thực. Không chỉ có sự sắp xếp, tính toán có hệ thống, có tổ chức các âm mưu để thực hiện nhiều phi vụ làm ăn, Phan Tam còn lôi kéo, đào tạo ra cả một lớp người cùng chí hướng với mình, trong đó có những phần tử trí thức như Khuông Siêu Nhân. Y cho rằng "những việc mình làm là những việc đáng làm không phí công suy nghĩ! Hơi sức đâu mà chơi với bọn ngu ngốc kia" [98; 293]. Phan Tam không từ một thủ đoạn nào để đạt được mục đích. Rất nhiều những việc làm đen tối, mờ ám như gây sự kiện cáo, cho vay nặng lãi; sắp đặt âm mưu che giấu tội giết người; dùng dấu quan huyện và dấu son vào những vụ gian dối; khắc in dấu giả; bắt cóc phụ nữ; đút lót trong việc thi cử, tìm người đi thi thay người khác. Tất cả những âm mưu và thủ đoạn tinh vi cùng với sự manh động, liều lĩnh đã đưa Phan Tam trở thành điển hình tiêu biểu nhất của lớp người lưu manh, lừa đảo.

Viết *Nho lâm ngoại sử* nhà văn Ngô Kính Tử không ngoài mục đích châm biếm hiện thực nhiều mặt của xã hội, ở nơi đó mọi hoạt động của con người đều bị sức nặng của đồng tiền đè nén, chi phối. Chính điều đó đã làm cho những giá trị của cuộc sống dễ dàng bị đảo lộn, lãng quên. Trong *Nho lâm ngoại sử* tác giả

châm biếm, đả kích sâu sắc những kẻ vì lợi ích to lớn của đồng tiền mà nhẫn tâm bày mưu tính kế, hãm hại người khác, kể cả những người thân thiết của mình. Vì sự tham lam, ích kỷ mà bà Bão đã hợp mưu cùng con rể Quy quyết cưới bằng được bà Vương đã trải qua hai đời chồng có năm, sáu trăm lạng bạc làm vợ hai cho người con nuôi Bão Đình Tỷ. Trong cuộc hôn nhân này, người lấy vợ thì không muốn lấy, người lấy chồng thì không biết mình đã mắc mưu của các ông tơ, bà mối. Tưởng đâu lấy được chồng cử nhân, con nhà danh giá nhưng sự thật đã khiến bà Vương chôn chân, chết lặng, hóa điên ngay sau ngày cưới. Một màn bi hài kịch diễn ra khiến cho cuộc sống của mọi người bị đảo lộn. Không đạt được mục đích, không kiếm được mấy trăm lạng bạc, lại phải nuôi báo cô một bà Vương đau ốm, vợ chồng Bão Đình Tỷ đã bị người mẹ nuôi đuổi khỏi nhà một cách không thương tiếc. Sự châm biếm sâu cay cùng với thái độ phê phán, mỉa mai của nhà văn Ngô Kính Tử hướng vào lòng tham của những kẻ ham tiền, ham danh, đánh mất đi giá trị đạo đức, nhân phẩm con người, rốt cuộc chúng phải trả giá cho những hành động bất lương của mình. Cũng vì đồng tiền, vì lòng tham vô đáy mà Mao Nhị nhẫn tâm lừa gạt Trần Chính Công, một người bạn hàng hơn một ngàn lượng bạc. Y đã sắp sẵn trong đầu kế hoạch vô cùng tinh vi, xảo quyệt. Đánh vào lòng tham của bạn, Mao Nhị nhiều lần bày cách để Trần Chính Công kiếm tiền bằng cách cho vay nặng lãi. Sau khi lấy được lòng tin của Trần Chính Công, nhận thấy thời cơ đã chín muồi, Mao Nhị mới lựa lời để nhân vật mắc vào lưỡi câu của mình. Sự tinh ranh, khéo léo trong cách đặt và dẫn dắt vấn đề đã khiến Trần Chính Công rơi vào bẫy theo đúng ý đồ của Mao Nhị, Trần Chính Công đã tự nguyện đưa tiền cho y mà không cần người làm chứng, không cần giấy tờ gì hết. Mưu kế quỷ quyệt của Mao Nhị hữu dụng đến mức làm cho Trần Chính Công như ăn phải bùa mê, thuốc lú, không nhận ra được bản chất của vấn đề: “Tôi biết anh có như người ta đâu? Có gì mà không an tâm. Không những không cần ai làm chứng mà cũng không cần giấy tờ gì hết. Chỉ cốt lấy việc tin cậy nhau là hơn” [99; 361].

Kiểu tình huống mưu mô, sắp đặt đã phản ánh đúng bản chất con người trong tổng thể bức tranh nhiều sắc màu của rừng nho tha hóa, những biểu hiện tiêu cực trong xã hội đương thời, những khuyết thiếu trầm trọng trong nền tảng cơ bản của giá trị đức phong kiến đã tạo cơ hội cho những phần tử trí thức biến chất, những kẻ lưu manh, côn đồ trở thành thế lực của thế giới ngầm thao túng, chi phối nhiều mặt của hoạt động xã hội.

**4.2. Giọng điệu châm biếm**

Theo *Từ điển thuật ngữ văn học*: "Giọng điệu là thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc điệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân, sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm... Ngoài ra, giọng điệu còn phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẩm mĩ của tác giả, có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc. Thiếu một giọng điệu nhất định, nhà văn chưa thể viết ra được tác phẩm, mặc dù đã có đủ tài liệu và sắp xếp trong hệ thống nhân vật..." [24; 134-135]. Giọng điệu là một yếu tố đặc trưng của hình tượng tác giả trong tác phẩm. Nếu như trong đời sống, ta thường chỉ nghe giọng nói nhận ra con người thì trong văn học, giọng điệu giúp chúng ta nhận ra tác giả. Thông qua giọng điệu, người đọc có thể nhận ra chiều sâu tư tưởng, thái độ, tình cảm, tài năng, phong cách cũng như sở trường ngôn ngữ, cảm hứng sáng tạo của người nghệ sĩ. Bên cạnh đó, âm thanh, cường độ trong từng giọng điệu cũng phù hợp với nội dung cảm xúc của chủ thể sáng tạo.

Giọng điệu là một phạm trù thẩm mĩ mang tính tổng hợp cao độ. Việc phân chia giọng điệu trong từng tác phẩm không hề đơn giản. Nếu căn cứ vào cảm hứng chủ đạo có thể chia thành giọng bi, giọng hài, giọng bi - hài, giọng anh hùng ca... Nếu căn cứ theo khuynh hướng tình cảm thì có thể có giọng phê phán; giọng châm biếm, đả kích; giọng ngợi ca... Trên thực tế, trong tác phẩm những giọng điệu trên không thể tách bạch nhau, chúng đan xen vào nhau, cộng hưởng

lẫn nhau tạo nên sự phong phú cho từng tác phẩm. Nguyễn Đăng Điệp đã phân chia giọng điệu thành hai loại. Giọng điệu cá nhân và giọng điệu thời đại. Theo tác giả: "Ở đây, diễn ra sự tương tác hai chiều: một mặt giọng điệu cá nhân chịu sự quy định, ảnh hưởng của giọng điệu thời đại, mặt khác, giọng điệu cá nhân, nhất là những cá nhân tài năng, góp phần làm phong phú, thậm chí làm thay đổi cấu trúc giọng điệu thời đại" [19; 14].

Giọng điệu không chỉ mang nội dung tình cảm mà còn thể hiện thái độ của tác giả về hiện thực cuộc sống. Một nhà văn tài năng bao giờ cũng phải tạo được một giọng điệu độc đáo. Giọng điệu gắn với cảm hứng chủ đạo, giọng điệu góp phần tăng giảm hiệu suất cảm xúc của tác phẩm văn chương. Trong cuốn *Giáo trình dẫn luận thi pháp học*, Trần Đình Sử cho rằng: "Cảm hứng xuất hiện khi tác giả nói đến một cái gì đó cao cả, có ý nghĩa đối với tồn tại con người, nói đến niềm vui, nỗi đau, lòng căm giận có ý nghĩa sâu rộng... Nếu nhà văn có cảm hứng chính luận, phê phán, bất mãn với thực tại thì anh ta sẽ có giọng điệu lên án mỉa mai, tố cáo lúc đó anh ta sẽ sử dụng các biện pháp mỉa mai, châm biếm, nhại" [70; 112].

Như vậy, có thể thấy trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*, với niềm phẫn uất khôn nguôi, sự bất mãn, chán chường trước hiện thực xã hội, nhà văn Ngô Kính Tử đã dùng những lời lẽ châm biếm, mỉa mai để khái quát một cách có hệ thống cả chiều rộng và chiều sâu của hiện thực, góp phần tạo nên giọng điệu châm biếm độc đáo và đặc sắc. Giọng điệu châm biếm trở thành giọng điệu chủ đạo chi phối toàn bộ giọng điệu của tác giả trong tác phẩm. Khảo cứu giọng điệu châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử*, chúng tôi đi vào tìm hiểu ba âm sắc giọng điệu châm biếm: *Giọng điệu châm biếm hài hước*; *giọng điệu châm biếm triết lí và giọng điệu châm biếm mỉa mai.*

***4.2.1. Giọng điệu châm biếm hài hước***

Hài hước được xem là một đặc trưng nổi bật của tiểu thuyết. Một cuốn tiểu thuyết được viết bằng giọng văn đó bao giờ cũng khiến người đọc cảm thấy vui vẻ, nhẹ nhàng khi tiếp nhận những vấn đề nghiêm trọng của thời đại. Nhà tiểu thuyết

đã khéo léo phản ánh hiện thực xã hội với sự lấp lửng, nửa vời: vừa nghiêm túc vừa không nghiêm túc, vừa giống vừa không giống, vừa quan trọng lại vừa không quan trọng. Bàn về cái hài hước, Milan Kundera trong cuốn *Nghệ thuật tiểu thuyết* cho rằng: "Tiểu thuyết sinh ra không phải từ tinh thần lí thuyết mà từ tinh thần hài hước" [36; 127]. Bakhtin trong cuốn *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết* nhận định: "Tiếng cười đúng là môi sinh của tiểu thuyết: ở nền văn học nào vắng tiếng cười thì ở đó tiểu thuyết hoặc không thể trưởng thành, hoặc thui chột" [5; 17].

Văn học thế giới chứng kiến kho cười bất tận đầy giọng hài hước, bông lơn của Boccaccio trong tác phẩm *Mười ngày* nổi tiếng, miêu tả cuộc sống tràn đầy khoái lạc, vật chất và tinh thần của chàng trai, cô gái đang tận hưởng cuộc sống trần gian phóng khoáng, khác hẳn với cuộc sống hành xác của cuộc sống nơi tu viện. Kho tàng truyện cười Việt Nam cũng không thiếu tiếng cười giễu nghịch các anh chàng sợ vợ, những kẻ nói khoác hay những ông bố kén rể oái oăm... Văn học hiện thực phê phán Việt Nam những năm 1930-1945 chứng kiến những giọng cười hài hước, bông lơn như thế, tiêu biểu là Nguyễn Công Hoan, Nam Cao và đặc biệt là Vũ Trọng Phụng. Trong bè cười đa thanh của tác giả họ Vũ, giọng điệu này "phổ vào một âm điệu thư giãn di dưỡng tinh thần". Tuy vậy, ngay cả khi cười đùa, vui vẻ, tiếng cười Vũ Trọng Phụng cũng chuyển sang mạch ngầm của ý nghĩa nhân sinh, ý nghĩa sâu kín bên trong. Đó là sự "chuyển kênh mà vẫn liền mạch" của giọng điệu trào phúng Vũ Trọng Phụng, nó như một nốt lặng sau cao trào của bản nhạc, là quãng nghỉ hồn nhiên sau những căng thẳng dữ dội. Ví như cái sân quần vợt của bà Phó Đoan bị giăng đầy quần ngủ, đồ lót của phụ nữ mà làm độc giả cứ ngỡ là cái bộ mặt thể thao Âu hóa bị vấy bẩn. Ở điểm này độc giả bắt gặp sự tương đồng trong tư tưởng giữa Vũ Trọng Phụng và Ngô Kính Tử, hai con người cách nhau nhiều thế hệ nhưng sau tiếng cười hài hước, bông lơn, vui vẻ lại chứa đựng những suy tư, khắc khoải, chiêm nghiệm về thế thái, nhân sinh.

Là cây bút nhạy cảm, sắc bén, nhanh chóng phát hiện ra sự phức tạp và bất ổn của đời sống thực tại, nơi mà chế độ khoa cử cùng với giới trí thức nho sĩ làm biến dạng và băng hoại mọi giá trị đạo đức, văn hóa. Giọng điệu châm biếm hài hước của Ngô Kính Tử đã phanh phui hàng loạt những bất cập đang tồn tại trong cuộc sống để tạo ra tiếng cười mang sắc điệu vui vẻ, nhẹ nhàng nhằm khuyên bảo, răn dạy con người tránh xa những cạm bẫy của xã hội. Cùng với điểm nhìn xuất phát từ góc độ khách quan và thái độ giễu cợt của nhà văn, những mặt trái của chế độ xã hội phong kiến đương thời được lôi tuột, không che dấu. Cái nhìn hiện thực đa chiều của nhà văn đã khơi ra những vấn đề gai góc, bức xúc của đời sống vốn rất phong phú, phức tạp.

Đầu tiên, giọng điệu châm biếm hài hước của nhà văn Ngô Kính Tử hướng vào những mục ruỗng, tha hóa của giới trí thức, những bậc quan lại, những con người được nhìn nhận là đức cao, vọng trọng nhưng bên trong lại giả dối, sâu mọt, tầm thường. Tiếng cười thoát ra mang sắc điệu nhẹ nhàng, vui vẻ nhưng chan chứa dòng nước mắt. Tác giả cười một ông già sáu mươi tuổi như Chu Tiến đầu đội mũ nỉ cũ, mặc chiếc áo dài cũng rất cũ kĩ, tay áo bên phải và vạt áo sau đã sờn rách, chân mang chiếc giầy lụa đỏ thẫm, mặt đen gầy, râu bạc lốm đốm, tướng mạo vô cùng bần khổ, nhiều lần thi nhưng không đỗ, đi dạy học chịu sự mỉa mai, giễu cợt của một đứa trẻ như Mai Cửu, bị đuổi việc mà vẫn còn ham hố chuyện thi cử đỗ đạt, làm quan. Giọng điệu châm biếm hài hước của nhà văn còn thể hiện qua sự ngu dốt, rởm đời của những cử nhân, tiến sĩ không có tri thức mà lại đỗ cao, nắm giữ những chức quan trọng về thi cử, tuyển chọn người tài cho triều đình phong kiến. Chu Tiến thấy Phạm Tiến đi thi, có phần thương cảm vì giống hoàn cảnh của mình, đọc kĩ bài văn của Phạm Tiến rồi nhận xét mỗi chữ là một hạt ngọc, là nhân tài hiếm có. Nhân vật Phạm Tiến là một minh chứng điển hình, y là con rể của Hồ Đồ Hộ, một tay đồ tể trước còn lớn tiếng quát nạt, dọa dẫm con rể nhưng sau khi con rể đỗ cử nhân thì sợ sệt, khúm núm, nịnh nọt. Sau khi tát vào mặt con rể, y cảm thấy đau buốt ở cả bàn tay, nghĩ bụng con rể là sao

trên trời không đánh được liền thay đổi cách xưng hô gọi Phạm Tiến là ngài con rể tốt bụng. Không những thế rất nhiều người đến nịnh nọt Phạm Tiến, có kẻ tặng cả ruộng đất, nhà cửa, nhận họ hàng mặc dù trước đó đều xa lạ và chẳng đoái hoài trước gia cảnh bần hàn, cơ cực của Phạm Tiến.

Sự mục ruỗng, tha hóa của giới trí thức nho sĩ, quan lại còn được thể hiện ở ngôn ngữ nhân vật qua các cuộc gặp gỡ, nói chuyện của các cử nhân, tiến sĩ, mệnh quan triều đình. Trong cuộc nói chuyện giữa Phạm Tiến, Trương Tĩnh Trai với Thang tri huyện, những kẻ khuyết thiếu về kiến thức lại tỏ ra am hiểu, tường minh sự việc. Một kẻ tinh ranh như Trương Tĩnh Trai chỉ cần đưa ra câu chuyện về Lưu Cơ là có thể qua mặt, lừa bịp được cả Thang tri huyện và Phạm Tiến. Một cử nhân Phạm Tiến đang trong thời gian để tang mẹ tỏ lòng hiếu đạo ăn chay không dùng tới bát đũa khảm bạc thế nhưng lại chọn một con tôm lớn bỏ vào vào miệng. Tiếng cười bật ra vừa mang sắc điệu vui vẻ, trào lộng nhưng cũng đầy phê phán, châm chọc. Bên cạnh đó, độc giả chứng kiến việc Thang tri huyện nghe và làm theo cách xử kiện của Trương Tĩnh Trai quả thật đáng nực cười nhưng mà cũng rất chê trách. Một vị quan huyện mà không có chính kiến, không có khả năng xử lí vụ việc để đến nỗi xảy ra án mạng, bị cấp trên quở phạt, trách mắng. Hay trong cuộc đối thoại giữa Đường Nhị và Ngu Lương, độc giả cảm nhận thấy sự ngu dốt của tên cử nhân Đường Nhị khi y thốt lên những lời lẽ của kẻ khuyết thiếu trầm trọng về tri thức, đạo đức; tiếng cười bật ra vừa mang tính hài hước, vừa thể hiện sự chua chát, đắng cay. Y hỏi Ngu Lương: "Trong kì thi trước đây tôi may mắn đỗ. Tôi có một người cháu, nhà ở phủ Phụng Dương, anh ta cũng thi đỗ ở phủ Phụng Dương. Như thế là cùng đỗ một bảng lại là bạn học... nhân việc tế tổ, nên hôm qua anh đến nhà chơi, đưa tờ danh thiếp viết: "*cháu và bạn học*". Nay tôi đến thăm lại, có nên viết *"chú và bạn học*" hay không" [99; 280]. Một việc mà theo Ngu Lương là "chưa bao giờ nghe lạ đến thế" lại diễn ra ngay trong suy nghĩ và hành động của hai tên cử nhân chú cháu. Có thể nói sự lệch chuẩn về đạo đức và lễ giáo phong kiến qua ngôn ngữ, hành động của nhân vật khiến cho

xã hội ngày càng xuất hiện nhiều hơn những kẻ bại hoại về nhân cách, ở đó không còn tôn ti, trật tự phong kiến mà giá trị của con người được cân đo đong đếm qua những chức danh, học vị khác nhau.

Giọng điệu châm biếm hài hước còn được nhà văn Ngô Kính Tử còn hướng đến cái kệch cỡm, lố lăng, cả tin, thơ ngây trong hành động của nhân vật. Giới trí thức nho sĩ suy đồi, hủ bại được lập trình như những con rô bốt, chỉ biết thực hiện một nhiệm vụ duy nhất là học văn bát cổ để đi thi và có điều kiện làm quan. Mã Thuần Thượng là một minh chứng điển hình cho lối sống đó, y là một tú tài mê say cử nghiệp nhưng giấc mộng công danh không thành chuyển sang sưu tầm, tuyển chọn văn bát cổ. Trong suốt cuộc đời của mình y là cầu nối để những nho nhân có duyên phận với văn bát cổ tìm đến học hỏi và trau dồi tri thức. Một người như Mã Thuần Thượng chỉ coi văn bát cổ là trên hết, không có một sự thay thế nào có thể xứng tầm với văn bát cổ, ngoài thứ đó ra tất cả đều tầm thường, vô vị. Ngắm cảnh đẹp Tây Hồ, đối với Mã Thuần Thượng sông núi thiên nhiên hoàn toàn không có ý nghĩa, "đàn bà không nhìn ông ta, ông ta cũng không ngắm đàn bà; y cho rằng sự nghiệp của những người có học là ở cử nghiệp, nếu Khổng Tử còn sống đến đời nay cũng phải học văn chương làm cử nghiệp. Tuy được nhìn nhận là một người có tiếng trong giới sưu tầm, biên soạn văn bát cổ nhưng rốt cuộc Mã Thuần Thượng cũng chỉ là một kẻ tầm thường dễ bị qua mặt. Tác giả cười cho sự ngây thơ, cả tin của y khi bị những kẻ lưu manh lừa gạt, lợi dụng. Một tên sai nhân mà có thể kiếm của Mã Thuần Thượng gần một trăm lạng bạc vì một cái tráp, một tên lưu manh, bịp bợp như Hồng Hám Tiên lừa cho y vào tròng đến phút cuối cùng mới ngộ nhận ra. Có thể nói chính cái cử nghiệp văn bát cổ đã biến y thành một con mọt sách, một bức chân dung hí họa, hành động theo bản năng vốn đã được lập trình từ trước.

Ở những dạng nhà nho muốn thể hiện cái ngông của mình rồi nhận lại chỉ là sự thất vọng, chán chường khi niềm tin đặt nhầm chỗ thì giọng điệu hài hước của nhà văn không chỉ cười và còn mang tính khuyên răn để họ có thể tinh tường

hơn trong cách nhìn nhận, đánh giá con người. Hai công tử nhà họ Lâu là Lâu Bổng và Lâu Toản là những minh chứng điển hình, vì họ "thà mất đi cái ham muốn làm tiến sĩ, còn hơn mất đi sự dạy dỗ về thông nho âm đức" nên đã lên đường ngao du sơn thủy, mong muốn gặp gỡ, kết bạn với những bậc cao nhân, ẩn sĩ, anh hùng, mặc khách... Hai công tử coi trọng những người có văn hóa, yêu mến những bậc hiền sĩ vốn coi thường công danh, phú quý nhưng qua hành động và việc làm của họ lại thể hiện cách nhìn người còn nhiều khiếm khuyết, nông cạn dễ bị người khác lợi dụng, lừa gạt. Tiếng cười mang sắc thái nhẹ nhàng, vui vẻ nhằm mục đích khuyên răn, nhắc nhở mọi người nên tỏ tường, tinh mẫn hơn trong cách nhìn nhận và kết giao bạn bè, không phải cứ thể hiện bản thân là những người yêu hiền, trọng sĩ mà đối tượng nào cũng có thể thâm giao, kết phái.

Trong *Nho lâm ngoại sử*, để làm nổi bật lên sự giả dối, kệch cỡm của các nhà nho, Ngô Kính Tử đã dựng nên mâu thuẫn giữa ý nghĩ và việc làm, giữa bản chất và hiện tượng, qua đó tạo nên tính hài kịch trong tác phẩm, tiếng cười thoát ra mang ý nghĩa sâu sắc. Tuân Mai khi nghe tin mẹ mất thì "khóc ngã lăn ra đất", nhưng ngay sau đó y "giấu tin" có tang mặc áo xanh đội mũ thường để vào được làm quan. Đỗ Thận Khanh thì căm ghét, nguyền rủa phụ nữ cảm mến những trang tuấn kiệt, y cho rằng "phải là những người gặp nhau trong gan ruột, cảm nhau bên ngoài hình hài, những kẻ cao quý nhất trong thiên hạ thì mới có được cái tình yêu như vậy... trong thiên hạ không có người như thế. Ông xanh kia bắt Thận Khanh này ôm mối sầu dằng dặc, cô độc một mình" [99; 41]. Chính vì lẽ đó mà y bị Quý Vi Tiêu lừa cho một vố khi giới thiệu cho y gặp gỡ một trang thanh niên tuấn kiệt, Đỗ Thận Khanh vô cùng mừng rỡ nhưng khi gặp mặt Lai Hà Sĩ là một đạo trưởng béo phị, mặt đen láng như dầu, lông mày rậm, mũi to, râu ria xồm xoàm, trạc độ năm mươi tuổi thì y thất vọng và nực cười vô cùng. Người đọc có thể nhận thấy ở Đỗ Thận Khanh là giọng điệu của một con người không bình thường, ở y là một sự lố lăng, kệch cỡm có sự mâu thuẫn giữa hình hài bên ngoài và con người thực sự bên trong.

Kiểu giọng điệu châm biếm hài hước mà nhà văn Ngô Kính Tử hướng tới nhân vật nhằm mục đích khơi ra những hạn chế, những khuyết điểm trong đời sống xã hội. Nhân vật trong thế giới nho lâm không thể nào vượt qua những cám dỗ của tư tưởng công danh phú quý, chính vì thế mà luôn bộc lộ những điểm yếu để từ đó nhà văn phát hiện, lôi tuột ra ngoài ánh sáng. Sau tiếng cười hài hước, vui vẻ độc giả đều cảm nhận rõ sự thất vọng, chán chường của tác giả trước những bất ổn trong đời sống xã hội đương thời.

***4.2.2. Giọng điệu châm biếm triết lí***

Xét từ cấp độ cấu trúc câu, đây là kiểu giọng điệu mang tính chiêm nghiệm, triết lí ẩn chứa sự châm biếm khi nhà văn đề cập tới những vấn đề, sự việc, hiện tượng nào đó của đời sống con người. Nhà văn không chỉ nhìn thấy hiện thực ở bề mặt cuộc đời mà còn tìm hiện thực ẩn chìm bên trong con người, soi ngắm số phận cá nhân để khái quát, châm biếm những vấn đề nhân thế. Giọng điệu châm biếm triết lí được đan dệt từ lời nhân vật, phối hợp những tâm tư, trải nghiệm ở nhà văn nhằm diễn tả sự phức tạp, nhiêu khê của cuộc sống mà con người không thể lường hết.

Ngô Kính Tử bản thân cũng là một nhà nho, ông có điều kiện đi sâu vào đời sống của tầng lớp trí thức nho sĩ nên hiểu rất rõ giai tầng của mình. Chính vì thế tư tưởng của ông có sự chuyển biến lớn từ cuộc sống giàu sang trở nên nghèo hèn, từ chỗ thương tiếc cho ông cố Ngô Quốc Đối đến già mới đỗ tiến sĩ chuyển sang cách nhìn trái ngược đối với công danh phú quý. Qua cuộc đời của Ngô Kính Tử, chúng ta thấy xã hội phong kiến đương thời mà ông đang sống, nó đã làm đảo lộn rất nhiều thứ, con người từ chỗ phú quý có thể thành bần hàn, dân đen cũng có thể trở thành quan trạng; cách nhìn nhận con người của Ngô Kính Tử đối với chế độ cũng khác đi, ông ngày càng mất niềm tin vào chế độ mình đang sống và xa hơn nữa là chống đối lại những lễ giáo của xã hội đó. Từ câu chuyện cuộc đời mình, nhà văn đã đặt ra nhiều vấn đề có ý nghĩa lớn lao: lí tưởng công danh, bản lĩnh sống, tâm lý xã hội của thời đại… Do đó, nhân vật dù là con người

cụ thể nhưng số phận của họ không phải là trường hợp cá biệt mà đại diện cho cả một thế hệ trong giai đoạn lịch sử đầy những biến động, thăng trầm.

Trong *Nho lâm ngoại sử*, giọng văn ẩn tiềm sự châm biếm, phê phán về chính sách cai trị và chế độ khoa cử của triều đình, nhà văn đã khẳng định những vấn đề trọng đại của cả một giai tầng trí thức qua những bất cập trong cách thi cử tuyển chọn người tài bằng văn bát cổ. Hình bóng nhà văn ẩn đằng sau nhân vật Vương Miện đưa ra những nhận định sâu sắc, triết lí về tương lai của tầng lớp trí thức nho sĩ đương thời: "...Sao Quán Sách phạm vào sao Văn Xương. Văn nhân thời đại này nguy rồi..." [98; 44]. Mượn hiện tượng thiên văn để khẳng định và châm biếm triều đình phong kiến là nguyên nhân dẫn tới sự suy vong của giai tầng trí thức nho sĩ, đồng thời tác giả để cho Trì Hành Sơn đưa ra những nhận định phê phán hiện thực phũ phàng của giai tầng này: "Bây giờ bọn đọc sách chẳng qua chỉ biết thi cử... Còn như việc lễ nghi âm nhạc, binh pháp, nông nghiệp thì tuyệt nhiên không sờ đến...". Chính vì vậy, đối với những người nông dân nghèo khổ, họ cho rằng công danh, địa vị trong xã hội chỉ là vật ngoài thân, không cần màng đến: "Công danh là đồ ngoại vật, đức hạnh mới là cần..." [98; 340].

Hệ thống quan lại từ trung ương đến địa phương là cả một bộ máy khổng lồ nhiều dạng, nhiều cấp, ở đó những người có lí tưởng công danh thỏa sức vùng vẫy, thi thố nhằm kiếm một chân trong chính trường phong kiến. Tuy vậy, để duy trì và giữ vững địa vị không phải là điều đơn giản, nhất là khi phần lớn hệ thống quan lại bị chi phối bởi những mối quan hệ về tình cảm và giá trị vật chất to lớn. Đối với những vị quan có tư tưởng thanh liêm, đức độ thể hiện tấm lòng yêu nước thương dân thì không dễ gì cho họ tồn tại và phát triển trong guồng quay điên đảo ấy. Giọng điệu châm biếm triết lí của nhân vật đầy xót xa cay đắng cho cuộc đời làm quan của mình. Cái nghề làm quan quả thật nhọc nhằn, vất vả không như người ta thường nghĩ bởi nếu suốt đời thanh liêm, trong sạch thì chắc chắn sẽ nhận được hệ quả không tốt, như lời của Cừ Thái Thú: “Dượng vốn không thích làm quan. Ở Nam Xương mấy năm không làm nên trò trống gì chỉ ăn hại của cải

của triều đình, chi bằng về hưu là hơn. Không ngờ mới về nhà một năm thì đứa con lại mất. Lòng lại thêm nguội lạnh. Xét ra đó là báo ứng vì mình đã làm quan mất rồi" [98; 140]. Một sự châm biếm sâu sắc, kín đáo của nhân vật khi nhận định về cái nghề danh gia vọng tộc, "nghề làm quan". Sự thực cả cuộc đời Cừ Thái Thú đã đem đến hạnh phúc ấm no cho người dân Nam Xương nhưng sức người có hạn, những người như ông không thể xoay vần được thế cuộc. Lời lẽ, giọng điệu của nhân vật cũng là lời của nhà văn Ngô Kính Tử mang đậm tính triết lí châm biếm, mỉa mai tầng lớp thống trị với hệ thống quan lại các cấp những nhiễu, giáo điều, làm khổ nhân dân.

Tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* đề cập tới khát vọng, hoài bão về lí tưởng công danh của tầng lớp trí thức nho sĩ, điều đó đã đặt các nhân vật vào những trăn trở, suy tư để lí giải những vấn đề cốt lõi mang tính trọng đại của giai tầng mình. Tuy vậy những chiêm nghiệm, triết lí của nhân vật trước hiện thực thi cử của chế độ phong kiến lại ẩn chứa sự châm biếm, mỉa mai chính bản thân nhân vật, bởi đó là những chiêm nghiệm tiêu cực càng làm trầm trọng thêm căn bệnh đam mê công danh, cử nghiệp của phần lớn giới trí thức nho sĩ. Chẳng thế mà khi khuyên răn Khuông Siêu Nhân, Mã Thuần Thượng đã giót vào tai y những lời mật ngọt: "...thi cử là cách phụng thờ cha mẹ tốt nhất. Con người ta sinh ra trên đời này, ngoài cái đó ra thì không còn cách thứ hai nào nữa. Đấy không bàn đến cái nghề bói chiết tự là cái nghề hèn hạ. Ngay cả cái việc dạy học làm thơ lại cũng không phải là cái nghề đáng làm. Chỉ có cách thi đỗ cử nhân, tiến sĩ là cách làm cho cha ông vinh hiển" [98; 240]. Giọng điệu của nhân vật rõ ràng thể hiện sự tôn sùng, thành kính, tin tưởng tuyệt đối chế độ khoa cử và đó cũng là giọng điệu của những loa phát thanh tìm cách gieo giắt tư tưởng công danh phú quý vào trong đầu mỗi người dân. Cũng kiểu giọng điệu bênh vực, tâm đắc với khoa thi bát cổ, Vệ Thế Thiện đưa ra những suy nghĩ, chiêm nghiệm mang đầy tính triết lí: "...Văn bát cổ là thay thánh hiền mà nói, phải có phép tắc nhất định chứ! Không phải như các hạng sách nhảm, có thể tùy ý làm bậy được. Cho nên xem một thiên

văn bát cổ chẳng những thấy được người làm văn giàu sang phúc ấm như thế nào mà còn thấy được sự thịnh suy của nước nữa" [98; 279]. Trong khi xã hội đang rối ren, loạn lạc, chính quyền cùng hệ thống quan lại tìm đủ mọi cách vơ vét, đàn áp người dân, chế độ khoa cử lỗi thời, lạc hậu thì những tín đồ trung thành đó cứ ra sức bảo vệ, thành kính, truyền bá văn bát cổ và chế độ khoa cử. Sự châm biếm của tác giả xoáy sâu vào tư tưởng dốt nát, hủ lậu của các trí thức nho sĩ qua chính ngôn ngữ mà nhân vật thể hiện trong các hoạt động đối thoại. Nhân vật không ý thức được rằng việc triều đình thi hành luật lệ trong thi cử bằng văn bát cổ, đưa thể văn này nắm giữ địa vị độc tôn, làm cơ sở tuyển chọn người tài vô hình dung đẩy lùi sự phát triển của quốc gia, dân tộc khiến cho xã hội ngày càng suy vong chứ không thịnh trị, phúc ấm như suy nghĩ của nhân vật. Thế nhưng một người nặng lòng với khoa thi, cử nghiệp như Mã Thuần Thượng mà suốt đời vẫn lận đận nơi trường ốc chắc hẳn phải có nguyên nhân. Theo lời của Cao Hàn Lâm thì "ông Mã Thuần Thượng bàn về thi cử, thực ra chỉ phớt lờ bên ngoài, còn như cái phần bí ẩn bên trong thì tuyệt nhiên không biết gì. Nếu ông ta có làm anh tú tài ba trăm thì ở huyện, hai trăm lần đỗ đầu, nhưng lúc thi ở phủ cũng cứ hỏng" [99; 321]. Nói về Mã Thuần Thượng, giọng điệu của Cao Hàn Lâm thể hiện sự coi thường, dè bỉu đối với một người "đến nay vẫn chưa thi đỗ" và phải "đi theo con đường tắt" do một vị quan học đạo đề cử. Sau khi đưa ra nguyên nhân khiến cho những người như Mã Thuần Thượng thi nhiều năm không đỗ, Cao Hàn Lâm nói ra những điều gan ruột, triết lí mà y đúc kết trong nhiều năm trời: "Phải đoán ý thích của người chấm thi đó là cái mánh khóe trong nghề thi cử. Trong ba bài văn đi thi hương của tôi không có câu nào do tôi đặt ra, chữ nào cũng có điển tích. Vì vậy nên tôi đỗ. Nếu không biết mánh khóe ấy thì đến thánh cũng không đỗ nổi" [99; 321]. Sự châm biếm của tác giả dành cho những kẻ mang danh trí thức của rừng nho chỉ cần biết cách làm văn bát cổ, thuộc làu các điển cố, điển tích tất yếu sẽ làm được bài thi và nhận được sự ưu ái của quan giám khảo. Đó cũng là nguyên nhân giải thích tại sao rất nhiều những người có tài năng thực sự lại khó

đỗ đạt trên con đường khoa cử trong khi những kẻ bất tài, vô dụng chỉ biết dùng tới mánh khóe, mưu mô thì lại ung dung vững tiến một cách nhanh chóng.

Là người ra sức đề cao và ủng hộ trật tự, nền nếp phong kiến nên Ngô Kính Tử quyết liệt châm biếm, đả kích những thói hư, tật xấu; những suy nghĩ đi ngược lại giá trị truyền thống, đạo đức luân lí của nhân vật. Giọng điệu châm biếm gay gắt cùng với thái độ phê phán, mỉa mai mang tính phủ định, triệt tiêu những suy luận trái chiều của nhân vật về đạo đức phong kiến. Đường Nhị khi nói chuyện với Ngu Lương đã đánh giá, nhận định về Dư Hữu Đạt là "một người rất giỏi nhưng thiếu kiên nhẫn, lại thích những thứ học nhảm, sao lãng việc chính. Còn về việc thi cử, tuy không bắt trước thói xấu của bọn học trò ngày nay, nhưng lại muốn theo đòi những nho sĩ thời khai quốc" [99; 280] thì chính bản thân y đã bộc lộ bản chất của một người chạy theo thời thế, chuyên tâm thi cử để mong đỗ đạt làm quan; về phẩm hạnh, y cũng chỉ như bọn học trò thi cử thời nay, một lũ dốt nát mà ảo vọng, tham danh. Không những thế y còn nhận được sự châm biếm rất thâm thúy của Ngu Lương: "Cháu nó còn nhỏ quá chưa lo việc thi cử được. Tôi mời anh Dư đến cốt để dạy cho cháu đạo đức, đừng bắt chước bọn tiểu nhân, chạy theo thế lợi" [99; 280]. Câu trả lời mang đậm tính triết lí, châm biếm như một mũi tên bắn thẳng vào suy nghĩ, lời lẽ của Đường Nhị bởi chính y là đại diện cho những kẻ tiểu nhân, chạy theo thế lợi, thế thời mà dám lên tiếng chê bai, đánh giá người khác. Nhà văn Ngô Kính Tử mượn lời của nhân vật để làm nổi bật lên sự mâu thuẫn, nghịch lí trong bậc thang giá trị đạo đức phong kiến. Nếu như Đường Nhị là người đại diện cho lớp học trò, ra sức cổ súy cho phong trào học và thi để đỗ đạt làm quan thì Dư Hữu Đạt và Ngu Lương là những người có tư tưởng hoài cổ, gìn giữ luân lí. Chính vì thế mà Dư Hữu Đạt đưa ra nhận định mang đậm tính triết lí: "Tôi hỏi ở trên đời việc tổ tiên, cha ông quan trọng hơn hay việc công danh quan trọng hơn… Tại sao vừa mới đỗ cử nhân lại vứt tổ tiên đi… Như thế là có tội với đạo đức luân lí" [99; 281-282]. Sự châm biếm không chỉ hướng trực tiếp tới nhân vật đang tham gia đối thoại mà còn có sức lan tỏa tới

bề rộng và bề sâu xã hội, phản ánh hiện thực xót xa, cay đắng khi con người dần đánh mất đi cái giá trị đạo đức, thuần phong mĩ tục của truyền thống cha ông đã xây dựng qua hàng nghìn năm lịch sử.

Bên cạnh những nhận định, chiêm nghiệm về hiện thực và tương lai của tầng lớp trí thức nho sĩ, Ngô Kính Tử có cái nhìn vô cùng tiến bộ, mới mẻ về hạnh phúc gia đình, điều mà không phải ai cũng nhận định được trong một xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ. Khi Quý Vi Tiêu nói với Đỗ Thiếu Khanh nên lấy một người vợ trẻ, đẹp, để "tài tử giai nhân vui chơi kịp thời", Thiếu Khanh đã khẳng định nhất quán một điều: "Khi vợ tôi đã già và xấu thì tôi nhớ lại ngày vợ tôi trẻ và đẹp. Vả chăng cái việc lấy thiếp, tôi không thấy nó hợp với lẽ trời. Trong thiên hạ chẳng qua chỉ có bấy nhiêu người. Nếu một người đàn ông lấy mấy người đàn bà thì trong thiên hạ thế nào cũng có người không có vợ. Tôi muốn triều đình đặt ra phép tắc: ai quá bốn mươi tuổi mà không có con nữa, thì họ có quyền lấy người khác. Như thế là những người không có vợ trong thiên hạ sẽ bớt đi. Cũng là một cách bồi bổ nguyên khí của trời đất vậy" [99; 134]. Giọng điệu và suy nghĩ của nhân vật đã chạm tới những nguyên tắc, giá trị của đạo đức phong kiến, điều mà không ai dám đề cập và thay đổi. Qua ngôn ngữ và hành động của Đỗ Thiếu Khanh, người đọc nhận thấy tư tưởng mới mẻ, hiện đại của nhân vật về hạnh phúc gia đình, ở đó có tình yêu thương, sự trân trọng đối với thân phận những người phụ nữ, đồng thời thể hiện sự châm biếm, mỉa mai các nguyên tắc đạo đức phong kiến đã lỗi thời, hạc hậu luôn đề cao quyền hành của người đàn ông trong gia đình và ngoài xã hội.

Giọng điệu châm biếm triết lí trong tiểu thuyết *Nho lâm lâm ngoại sử*, nhà văn không diễn đạt một cách ồn ào mà đắng đót qua từng số phận, từng tình huống nhân vật để từ đó bật lên cái chiêm nghiệm sâu cay những vấn đề trọng đại của xã hội. Ngô Kính Tử lựa chọn giọng điệu châm biếm triết lí trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* là rất phù hợp với cái nhìn, cách tư duy và hệ thống nhân vật của tác giả. Chính sắc thái giọng điệu này đã góp phần làm cho những trang viết

của nhà văn có bề sâu trí tuệ, đưa người đọc tới sự cảm nhận sâu sắc thấm thía nhiều điều từ cuộc sống bộn bề, phức tạp.

***4.2.3. Giọng điệu châm biếm mỉa mai***

Trong *Nho lâm ngoại sử*, giọng văn nhẹ nhàng mà đầy thâm thúy, sâu xa, nhân vật hiện lên với những nét tính cách riêng biệt. Chỉ bằng lời nói tự nhiên phát ra từ khẩu thanh của nhân vật cũng giúp người đọc thấy rõ tính cách, bản chất nhân vật. Giọng văn đầy tinh tế, chửi mà như không chửi, chảy qua lớp vỏ ngôn ngữ như những đợt sóng vỗ bờ thấm sâu vào lòng người đọc với nỗi khắc khoải khôn nguôi. Ngô Kính Tử bản thân cũng là một nhà nho nên biết và hiểu rõ nội tình giai tầng mình, vì thế việc phơi bày những thói hư, tật xấu của nho sĩ, quan lại càng rõ ràng, tường tận. Lỗ Tấn trong *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược* đã viết: "Ngô Kính Tử mắt thấy nhiều, lại có tài biểu hiện, cho nên tự thuật cái gì thì trên mặt giấy như thấy được cả hơi tiếng dáng dấp của cái đó, mà tả hình dáng thái độ của nhà nho thì lại càng đặc biệt nhiều và đặc biệt rõ" [90; 355]. Đọc tác phẩm, chúng ta thấy Ngô Kính Tử đã nêu bật một cách chân thực, sinh động chế độ khoa cử phong kiến và chế độ quan trường hủ bại. Ở điểm này, Ngô Kính Tử và Bồ Tùng Linh là hai tác giả có cùng chung quan điểm khi xây dựng nên những nhân vật điển hình như Chu Tiến, Phạm Tiến, Mã Thuần Thượng... (*Nho lâm ngoại sử*); Dư Hàng, Tư Văn Lang, Vương Tử An... (*Liêu Trai chí dị*). Tất cả những con người ấy đều sống mòn với lí tưởng công danh, phải thi đỗ làm quan, tận lực phục vụ triều đình. Chế độ khoa cử đã thâm nhập vào tận tâm linh của những phần tử trí thức, khiến tinh thần của họ cứ luôn vẩn vơ ám ảnh quanh giấc mộng công danh. Bởi vì trong một thời kì lịch sử lâu dài của xã hội phong kiến Trung Quốc, chế độ khoa cử đã từng là con đường lựa chọn nhân tài duy nhất cho đất nước. Tình trạng mê muội khổ sở như vậy của sĩ tử một phần do bản thân họ bị đầu độc bởi tư tưởng công danh phú quý, nhưng một phần khác lại do chế độ khoa cử thối nát gây ra. Quan chấm thi là một lũ đốn mạt và vô trách nhiệm. Thi cử lại dùng văn bát cổ, một thứ văn chương sáo rỗng, vốn đã có sẵn trong sách

xưa, chỉ cần học thuộc lòng, không cần suy nghĩ, sáng tạo. Mã Thuần Thượng, một trí thức làng nho khi nói với Khuông Siêu Nhân đã nói với một giọng thiết tha, trìu mến, đề cao cái lối văn chương tám vế gò bó, trống rỗng kia: "Sách kia có sẵn nhà vàng; sách kia gạo có vô vàn khắp nơi, sách kia có gái tuyệt vời, là như vậy. Mà sách bây giờ là gì nếu không phải là văn bát cổ... Nếu cha mẹ có mang bệnh nằm ở giường không có cái gì ăn mà nghe em ngâm văn bát cổ, thì cũng phải lấy làm hả dạ, vui lòng. Bao nhiêu buồn bã sẽ qua, bao nhiêu bệnh tật sẽ hết" [98; 314]. Những lời lẽ, giọng điệu của Mã Thuần Thượng thật hài hước và lố bịch, y không biết rằng chính cái văn chương bát cổ kia đã làm thay đổi toàn bộ suy nghĩ và hành động của cả một giai tầng trí thức, biến những kẻ như y thành con mọt sách bị lí tưởng công danh, phú quý nô dịch. Những lời nói "giáo lí" kia nghe thật nhẹ nhàng, êm tai sao mà xót xa, chua chát. Một trí thức già cỗi, ngu dốt như Mã Thuần Thượng thật nguy hiểm và nguy hại cho xã hội khi truyền bá tư tưởng học hành, thi cử vào đầu óc một nông dân hiếu thảo. Bài học đầu đời ấy là hành trang tư tưởng cho bước đường tiếp theo của măng non hủ nho Khuông Siêu Nhân. Hậu quả là sau này khi ngồi nói chuyện với Ngưu Bố Y, Khuông Siêu Nhân đã bộc lộ cái ngu dốt, rởm đời của mình. Y nói: “Sách tôi sách nào in ra cũng bán đến vạn quyển. Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nam, Thiểm Tây, Bắc Trực, các khách hàng tranh nhau mua, chỉ sợ không có mà xem... không giấu gì hai vị, những người đọc sách trong năm tỉnh này rất kính trọng tôi. Họ đều đốt hương thắp đèn ở án sách gọi tôi là tiên nho Khuông Tử”.

Tiếp đó Ngưu Bố Y nói:

“Có lẽ ông đã lầm! Gọi “tiên nho” thì phải là người đã qua đời rồi. Nay tiên sinh còn sống đây tại sao lại gọi như thế”.

Khuông Siêu Nhân đỏ mặt nói: “Không phải! Nói “tiên nho” cũng là nói tiên sinh đấy thôi” [98; 310].

Qua đoạn đối thoại trên độc giả thấy được cái dốt nát mà hay khoe khoang, khoác lác của Khuông Siêu Nhân. Người trần thuật đã gán cho y một thứ ngôn

ngữ bóng bẩy, đĩnh đạc, trang trọng khi đối thoại với Ngưu Bố Y, nhưng cũng chính thứ ngôn ngữ ấy, y tự bộc lộ bản chất dốt nát, lố bịch của mình, sự châm biếm thật nhẹ nhàng mà sâu cay. Một người mà không phân biệt được đâu là "tiên nho", đâu là "tiên sinh" mà cũng bày đặt tuyển chọn viết sách, thật đáng để lên án và phê phán. Nói cách khác nhà văn Ngô Kính Tử đã cố công tạo dựng cái mặt nạ hào nhoáng bên ngoài của nhân vật để rồi thông qua ngôn ngữ của chính nhân vật làm trơ ra cái bản chất giả dối, thô thiển, không tương xứng giữa hình thức bên ngoài và bản chất bên trong, tiếng cười châm biếm mỉa mai bật lên đầy sâu sắc hướng thẳng vào nhân vật.

Trong suy nghĩ của nhân vật, sống trong cuộc đời này phải tìm mọi cách thi đỗ và ra làm quan mới đáng mặt anh tài. Tăng Đồ đã nói ra tâm sự của mình một cách rất thật lòng, vô tư như lời của một đứa trẻ: "Nếu thi đỗ thì tôi sẽ được bổ làm tri huyện. Thế rồi tôi sẽ đi hia thêu cườm, ngồi trên công đường xử kiện, đánh người ta; và nếu những người như anh đến quấy rầy thì tôi có thể khóa cửa lại, cho ăn đậu phụ cầm hơi một tháng đến chết mới thôi." [99; 90]. Còn với Lỗ tiểu thư thì không lấy được chồng là cử nhân, tiến sĩ thì "hỏng cả một đời". Đó cũng chính là căn bệnh mê muội thi cử, công danh mà các nhân vật nho sinh trong *Liêu Trai chí dị* của Bồ Tùng Linh mắc phải. Họ là những anh chàng nho sinh mất niềm tin vào cuộc sống, suốt đời lận đận trong đường công danh. Từ cuộc đời của họ, ta có thể nhận ra sự "giam cầm và đục khoét tâm hồn của chế độ khoa cử đối với giới trí thức" [4; 125]; "các thí sinh bị hành hạ dữ dội về tinh thần, tâm hồn bị bẻ cong" [30; 606]. Ngô Kính Tử và Bồ Tùng Linh đã chỉ ra và châm biếm những cái thối nát hủ lậu của chế độ khoa cử, đó là một việc làm rất có ý nghĩa.

Trong khi tập trung miêu tả tầng lớp trí thức nho sĩ và hệ thống quan lại bằng giọng văn châm biếm mỉa mai với một thái độ phê phán, lên án kịch liệt, nhà văn Ngô Kính Tử cũng không quên dành cho những người dân nghèo một giọng văn chứa đầy thiện cảm, trân trọng và yêu thương. Tác giả đặt nhân vật trong sự đối lập giữa một bên là tầng lớp thống trị chuyên quyền, giàu có cùng

với hệ thống rừng nho lắm điều nhiều chữ với một bên là tầng lớp bị trị, những người dân nghèo nàn, chất phác để làm nổi bật hơn tính cách của từng lớp nhân vật trong tác phẩm. Những người dân nghèo mang nỗi bất hạnh về cuộc sống vật chất, tiền bạc; suốt cuộc đời sống trong cảnh nghèo đói, bần hàn nhưng họ vẫn giữ được sự thuần khiết của trái tim. Tuy là giai tầng ít được học hành, có sự hạn chế trong kiến văn xử thế nhưng họ lại có suy nghĩ, phát ngôn mà những tên quan lại, những kẻ hủ nho kia chẳng bao giờ có được. Sự đối lập với giai tầng trí thức nho sĩ và quan lại phong kiến càng tôn lên phẩm chất trang trọng, cao quý của những người dân nghèo; đồng thời hạ thấp bậc thang giá trị của những kẻ được cho là "nhân sĩ lớp trên" trong xã hội. Bão Văn Khanh đã thẳng thừng từ chối những tên thư biện ở phủ Anh Khánh khi chúng nhờ cậy Bão Văn Khanh nói với quan trên một tiếng để làm những điều khuất tất, kiếm lời cho bản thân: "Nếu tôi là người hám tiền thì trước đây ở An Đông, khi quan huyện thưởng cho tôi năm trăm lạng bạc, tôi đã nhận rồi. Nhưng tôi không nhận. Tôi biết số tôi vốn nghèo, phải đổ mồ hôi nước mắt mới có cơm ăn. Nay tôi lại lừa dối cụ lớn để lấy thứ tiền ấy như thế để làm gì... Nếu quan lớn nghe lời tôi như thế là người khác sẽ bị oan và sau này tôi sẽ mất âm đức" [98; 505]. Giọng điệu châm biếm mỉa mai vô cùng sâu sắc của nhân vật dành cho những kẻ cơ hội luôn tìm cách kiếm tiền trên vai của người khác. Trong khi những kẻ hủ nho, tệ lậu tìm đủ mọi cách để ra làm quan, vơ vét cho đầy túi tham, thỏa cái chí công danh thì với những người nông dân nghèo khổ, ra làm quan là làm sâu mọt, làm công cụ, tay sai cho chính quyền phong kiến. Trong tác phẩm, độc giả còn bắt gặp rất nhiều nhân vật thuộc giai tầng cuối cùng của xã hội, họ là anh Cái Khoan bán nước chè, là người viết thuê Quý Hà Niên, là thợ may Kinh Nguyên, là anh bán đóm Vương Thái... họ mới thực sự là những bậc chính nhân quân tử, là những nhân tố tích cực cuối cùng của làng nho góp phần lưu giữ, bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Viết *Nho lâm ngoại sử* nhà văn Ngô Kính Tử không bắt nguồn từ ân oán cá nhân, không buông lời hung dữ, trút nỗi căm riêng mà như một người thợ

quay phim, quay lại tất cả những gì vốn có của hiện thực đời sống, phơi bày một cách chân xác chế độ khoa cử với tầng lớp nho sĩ trí thức và hệ thống quan lại đương thời. Thông qua ngôn ngữ và hành động của nhân vật nhà văn muốn người đọc tự nhận ra sự châm biếm đầy thâm thúy, sâu cay. Lỗ Tấn đã từng nhận xét: "Văn thì giọng lo buồn mà cũng có khi hài hước, lời uyển chuyển mà chắc nhiều ý răn. Thật là lời văn tế nhị, kín đáo, chọn chữ đặt câu tuyệt diệu, mà cũng có thể cho là một tay rình mò đánh lén tuyệt vời" [90; 233]. Trong đoạn miêu tả Thang Lão Lục, sự châm biếm được người kể chuyện tái hiện qua cử chỉ, điệu bộ, hành động của nhân vật: "Thang Lão Lục ngồi trên một cái ghế dài, hắn kéo hai cô gái ngồi xuống, mỗi người ngồi một bên. Hắn sắn quần lên, gác cái đùi đen bóng lên trên đùi cô Tế, kéo cái bàn tay trắng nõn của cô Tế đặt lên cái đùi đen thui của hắn. Uống trà xong, hắn lấy ra một cái bị đựng cau, bỏ cau vào miệng nhai rau ráu. Nước giãi tràn ra ngoài, chảy ròng ròng xuống râu. Hắn ngả người sang bên phải lại nghiêng sang bên trái, môi ghé vào hai cô để chùi nước giãi. Khi hai cô kia lấy khăn tay ra lau má thì hắn giựt lấy khăn lau nách" [99; 219]. Trong đoạn tả cảnh Trương Tĩnh Trai, Phạm Tiến chạy trốn khỏi phủ Thang cũng đầy ý vị châm biếm bởi giọng văn lạnh lùng, mỉa mai của người kể chuyện: "chạy như con chó nhà có tang, như con cá vừa lọt lưới, chạy suốt cả đêm mới về đến tỉnh thành". Cũng miêu tả hạng nhà nho chuyên đi lừa gạt người khác, người kể chuyện để cho Ngưu Ngọc Phố tự bộc lộ bản chất của mình. Khi giới thiệu Vương Nghĩa An, một tên kiếm gái cho Ngưu Phố, y nói: "Anh chào ông ta đi! Ông ta là người bạn thân thiết với ta đã hai mươi năm nay tên là Vương Nghĩa An, trước thường cùng làm việc ở nha môn với ta" [98; 338]. Y còn khoác lác khi Vạn Tuyết Trai hỏi y làm gì ở Nam Kinh mãi, y trả lời: "chỉ vì danh tiếng tôi to quá, tôi vừa đến Nam Kinh ở tại chùa Thừa Ân thì đã có bao nhiêu người đến thăm", nói đến ai y cũng bảo "nếu ông ta ở trong quan trường thì cố nhiên là biết tiếng ta" và đó là "ông bạn kết nghĩa của ta đã hai năm nay, ta không biết sao được". Ngôn ngữ kể chuyện của người trần thuật đã dẫn dắt, sắp xếp nhân vật

trong các cuộc đối thoại để nhân vật tự bộc lộ là con người đầy giảo hoạt, xảo trá, giọng điệu của Ngưu Ngọc Phố là giọng điệu của hạng nhà nho khoác lác, chuyên lừa gạt mọi người.

Khác với Ngô Kính Tử, giọng điệu của nhà văn Vũ Trọng Phụng trong tiểu thuyết *Số đỏ* là giọng điệu châm biếm gai góc, cay độc. Giọng điệu ấy chủ yếu được tô đậm bởi niềm phẫn uất khôn nguôi, phẫn uất cái "xã hội chó đểu", lố lăng, cho nên một đối tượng hài của Vũ Trọng Phụng đôi khi phải gánh trên vai một tiếng cười lớn hơn nó, "một tiếng cười tràn từ đối tượng này sang đối tượng khác, tràn từ đối tượng có mặt sang cả đối tượng vắng mặt", mà nhiều khi cái đối tượng vắng mặt mới là mục đích chính, bị đòn đau hơn, bất ngờ hơn. Tiếng cười của nhà văn Vũ Trọng Phụng sắc nhọn như dùi chích, như kim châm thấu vào tận xương tủy, bắn thẳng vào tim óc đối tượng, tạo nên không chỉ một mà hai, ba, năm, bảy cái chết; cái chết của một lũ người bất nhân, lố lăng, đểu giả, độc ác. Đối với Vũ Trọng Phụng những cái chết như thế mới hả được "niềm phẫn uất khôn nguôi", hả được ngọn lửa căm thù lúc nào cũng hừng hực bốc cháy trong tâm hồn nhà văn.

Độc giả có thể nhận thấy trong *Nho lâm ngoại sử*, đằng sau sự châm biếm, mỉa mai của Ngô Kính Tử dành cho quan lại và tri thức làng nho là những giọt nước mắt khóc cho một thời đại lụi tàn về văn hóa và phẩm chất con người. Để những trang viết có giá trị và để cho độc giả có cái nhìn chân thực, sinh động về làng nho Trung Quốc thì Ngô Kính Tử đã tiếp cận và khám phá bản chất bên trong của sự việc, hiện tượng. Tác giả nhìn nhận ra "mối quan hệ biện chứng" giữa bộ máy quan lại với tầng lớp trí thức nho sĩ. Đó là mối quan hệ cung - cầu, hàng hóa, trao đổi buôn bán. Một bên ra sức quảng bá, tô điểm cho những chiếc mũ ô sa với những mức giá khác nhau, một bên cố gắng tìm đủ mọi cách để có được quyền chức bằng các thủ đoạn dù là ti tiện nhất. Việc mua bán diễn ra thật nhanh chóng, công khai và dễ dàng khi hai bên có nhu cầu, mua từ chức sinh viên Quốc tử giám cho Chu Tiến, chức lẫm sinh cho Tăng Đồ, chức trung thư

cho Vạn Lí... đôi khi có người còn bạo gan, mạo danh thi hộ cho người khác để chắc chắn đậu quan trường.

Tư tưởng công danh, phú quý đã đầu độc vào tận gốc rễ tâm hồn những kẻ hủ nho già cỗi, sự tham lam trong tư tưởng đã bộc lộ thành những hành động kì quái, tiếng cười bật lên nhưng vụt tắt sau những dòng nước mắt. Đọc tác phẩm, độc giả không khỏi sốc về Chu Tiến, một vị quan lớn trong triều đình. Tài năng của Chu Tiến được Ngô Kính Tử miêu tả thật độc đáo, giọng văn chứa đầy sự châm biếm mỉa mai. Y xuất phát điểm là một tú tài, hơn sáu mươi tuổi mà thi mãi không đậu, nhờ vào những giọt nước mắt và những lần ngất lên, ngất xuống tại trường thi mà y nhận được sự giúp đỡ tận tình của bạn bè: "Chu Tiến cứ đập đầu vào bàn mà khóc mãi. Hết khóc ở phòng thứ nhất, lại khóc ở phòng thứ hai, thứ ba, nằm lăn ra đất, khóc lăn khóc lóc, làm cho tất cả mọi người cũng phải ngậm ngùi" [98; 67]. Người ta mua cho Chu Tiến chức sinh viên Quốc Tử Giám, là điều kiện cần thiết để y bắt đầu cuộc đời làm quan của mình: "Hễ là sinh viên Quốc Tử Giám thì có thể vào trường. Ông Chu đã là người có tài như thế, tại sao không mua cho ông chức sinh viên Quốc Tử Giám" [98; 68]. Khi đã làm đến chức đốc học, có quyền coi thi, chấm thi, tuyển chọn những chân tài, chúng ta mới thấy được "tài năng" cũng như "đức độ" của Chu Tiến. Trong khi Phạm Tiến, một người không biết Tô Đông Pha là ai, thi hai mươi lần trong hơn ba mươi năm mà không đỗ, thì Chu Tiến lại đưa ra những lời nhận xét tán dương, khen thưởng: "Văn chương này xem một lần thì không hiểu nổi, xem đến hai ba lần thì mới hiểu. Quả thực là văn chương đại tài trong thiên hạ. Quả là mỗi chữ là một hòn ngọc. Mới hay các quan chấm thi hồ đồ đã bỏ mất nhiều bậc anh tài" [98; 73]. Những kẻ làm quan ngu dốt đọc văn của những nho sĩ ngu dốt, vì thế cho nên mới cảm thấy văn chương là những viên ngọc quý, giọng điệu châm biếm mỉa mai vô cùng thâm thúy, sâu cay của nhà văn dành cho nhân vật. Đỉnh cao của nghệ thuật châm biếm của nhà văn được thể hiện qua nhân vật Phạm Tiến, cái cách mà Ngô Kính Tử miêu tả nhân vật hủ nho này khiến cho độc giả phải gạt lệ

sau tiếng cười. Y không thể ngờ được mình lại may mắn đến như thế. Niềm vui nhân đôi, nhân ba, đỗ hết lần này tới lần khác, đến nỗi từ một người bình thường y bỗng hóa điên vì sung sướng và hạnh phúc: "Hay! Hay thật! Ta đỗ rồi...Y chạy ra khỏi nhà một quãng thì trượt chân, lăn tòm xuống một cái ao. Y lại bò lên, đầu tóc rối bù, hai tay bùn be bét, cả mình ướt át. Không ai giữ được y nữa. Y vừa vỗ tay vừa cười, chạy thẳng ra đầu xóm" [98; 79].

Trong *Nho lâm ngoại sử*, giọng điệu châm biếm mỉa mai đã góp phần tạo nên phong cách châm biếm của nhà văn Ngô Kính Tử. Tác giả công kích, đả phá một cách triệt để vào tận gốc rễ thành lũy của giai cấp phong kiến, khiến cho cả chế độ ấy phải lung lay, nghiêng đổ. Ngô Kính Tử viết *Nho lâm ngoại sử* bằng kinh nghiệm cá nhân và tâm huyết cuộc đời, qua đó đem đến cho độc giả một cái nhìn chân thực, khách quan về chế độ khoa cử và quan lại Trung Hoa đương thời.

**Tiểu kết:**

1. Ngô Kính Tử xây dựng những tình huống châm biếm hết sức độc đáo: *Tình huống đảo chiều, quay ngược; tình huống cãi lộn, kiện tụng và tình huống mưu mô, sắp đặt.* Nhà văn được trải nghiệm trong thực tế của hiện thực phong kiến rối bời nên ông quan tâm sâu sắc đến môi trường ấy, luôn nhìn môi trường xã hội như là cơ sở lí giải tính cách nhân vật. Trong *Nho lâm ngoại sử*, nhà văn Ngô Kính Tử rất chú trọng xây dựng những tình huống châm biếm để làm nền cho các nhân vật hài thể hiện. Tùy vào từng đặc điểm tính cách mỗi nhân vật mà sự sắp xếp có chủ ý của nhà văn trong các tình huống đã tạo nên sự châm biếm với các mức độ khác nhau, tiếng cười bật lên mang nhiều sắc điệu, lột trần bản chất của nhân vật với tất cả sự lố lăng, kệch cỡm. Việc để nhân vật rơi vào bẫy tình huống theo sự sắp đặt có chủ ý của nhà văn cũng đem lại hiệu quả châm biếm thiết thực trên nhiều bình diện và cấp độ khác nhau. Qua đó chứng tỏ được một trình độ châm biếm bậc thầy của nhà văn trong việc xây dựng những tình huống châm biếm hết sức đặc sắc và độc đáo để bộc lộ tất cả cái xấu xa, giả dối của xã hội, hiệu quả phê phán vì thế cũng được đẩy lên ở mức cao nhất.

2. Giọng điệu châm biếm cũng là một phương thức nghệ thuật đặc sắc được nhà văn Ngô Kính Tử sử dụng trong *Nho lâm ngoại sử*. Có thể nói, thông qua các kiểu giọng điệu trong tác phẩm, nhà văn đã bày tỏ quan điểm, thái độ, lập trường, tư tưởng của mình với chế độ phong kiến đương thời. Bên cạnh đó, giọng điệu cũng là yếu tố cấu thành phong cách châm biếm của nhà văn Ngô Kính Tử. Trong các âm sắc của giọng điệu châm biếm mà chúng tôi trình bày thì châm biếm mỉa mai là âm sắc chủ đạo, góp phần hình thành nên văn phong châm biếm ở nhà văn. Giọng văn thâm trầm, kín đáo mà đầy thâm thúy, sâu xa như những đợt sóng vỗ bờ thấm sâu vào lòng người đọc với nỗi khắc khoải khôn nguôi.

# KẾT LUẬN

## 1. Những kết luận khoa học chủ yếu

Văn học Minh Thanh là giai đoạn cuối cùng của văn học cổ điển Trung Quốc, số lượng và nội dung vô cùng đa dạng, phong phú; đây cũng là giai đoạn đánh dấu sự chuyển mình sang nền văn học theo khuynh hướng hiện đại. Mỗi thời đại phát triển của văn học đều chứng kiến sự huy hoàng của một thể loại. Nếu như đời Đường có thơ ca, đời Tống có Từ, đời Nguyên có Kịch thì đến thời Minh Thanh có sự bùng nổ và đạt được nhiều thành tựu rực rỡ ở thể loại tiểu thuyết. Có thể nói, tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh là thời đại hoàng kim, đóng góp nhiều nhất cho nền văn học Trung Quốc và văn học nhân loại. Trong những bộ tiểu thuyết xuất sắc, *Nho lâm ngoại sử* luôn là trước tác châm biếm hàng đầu, giữ vị trí và vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển của thể loại tiểu thuyết. Nhà văn Ngô Kính Tử với tư tưởng đi trước thời đại đã đưa nghệ thuật châm biếm lên một tầm cao mới mà khó có tác phẩm nào có thể vượt qua được sự vĩ đại ấy.

Dựa vào những phân tích, kiến giải cụ thể về nghệ thuật châm biếm trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*, chúng tôi đi đến một số kết luận khoa học chủ yếu như sau:

1.1. Trong *Nho lâm ngoại sử*, nhà văn Ngô Kính Tử đã dồn hết bút lực, trí lực xây dựng nên một thế giới nhân vật đặc sắc, ở đó là bức tranh đời sống của khoảng 500 nhân vật với nhiều sắc màu khác nhau. Qua tác phẩm, chế độ phong kiến đương thời bộc lộ nhiều bất cập trong cách tổ chức bộ máy chính quyền cai trị, dẫn đến sự xáo trộn mọi mặt trong đời sống các giai tầng xã hội. Đây là cơ sở để nhà văn tập trung phê phán, đả kích, phơi bày ra hiện thực những khoảng trống đen tối núp bóng sau lưng chính quyền. Sự châm biếm cao siêu của tác giả bắt nguồn từ sự cảm nhận sâu sắc những "tệ lậu thời đại", từ những trải nghiệm cuộc đời qua những tháng năm thăng trầm, vất vả. Thế giới nhân vật *Nho lâm ngoại sử* từ tầng lớp trí thức nho sĩ; hệ thống quan lại đến tầng lớp tăng lữ, thầy

bói; sai nhân,… tất cả đều trở thành đối tượng châm biếm của nhà văn Ngô Kính Tử. Có thể thấy trong *Nho lâm ngoại sử*, ngòi bút châm biếm của nhà văn không chỉ dành riêng cho một giai tầng nào mà tác giả có cái nhìn sâu rộng để mục đích châm biếm xã hội đạt được hiệu quả cao nhất. Đọc tác phẩm, độc giả nhận thấy ở mỗi giai tầng đều có những điển hình châm biếm ưu tú, nổi bật; họ trở thành những nhân vật bất hủ trong lịch sử văn học.

1.2. Bàn tới nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* không thể không đề cập tới phương thức châm biếm của tác giả. Một nhà văn tài năng bao giờ cũng để lại những dấu ấn đậm nét trong sáng tạo nghệ thuật. Ở Ngô Kính Tử là nghệ thuật tạo tình huống châm biếm đặc sắc. Nhà văn xây dựng những tình huống châm biếm khác nhau tạo nên sắc thái của tiếng cười độc đáo, phong phú và đa dạng, đưa người đọc đi hết bất ngờ này đến bất ngờ khác. Và sau hết, người đọc thấm thía sự châm biếm sắc bén và mạnh mẽ của nhà văn đối với bản chất xấu xa, đáng ghét, đáng khinh của xã hội đương thời, nơi đẻ ra những bức chân dung kì hình quái trạng, những con rối của thời đại. Tác giả đã bài trí, sắp xếp để đưa nhân vật rơi vào bẫy tình huống, tiếng cười châm biếm phát ra mang nhiều sắc điệu lột trần bản chất của nhân vật với tất cả sự lố lăng, kệch cỡm. Việc để nhân vật rơi vào bẫy tình huống theo sự sắp đặt có chủ ý của nhà văn cũng đem lại hiệu quả châm biếm thiết thực trên nhiều bình diện và cấp độ khác nhau.

1.3. *Nho lâm ngoại sử* là cuốn tiểu thuyết khi đọc không dễ gì nhận ra sự thâm thúy, thâm ý của tác giả. Điều đó được thể hiện bởi ngôn ngữ văn chương giàu súc tích và giọng điệu đầy kín đáo, tế nhị của nhà văn Ngô Kính Tử. Nét đặc sắc trong ngôn ngữ trần thuật tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* chính là sự "giấu giếm" rất khéo léo, thái độ của người kể chuyện ẩn dưới bộ mặt lạnh lùng, khách quan. Người đọc cảm thấy bên dưới lớp vỏ ngôn ngữ ấy là một thái độ phát phẫn của nhà văn. Giọng điệu thâm trầm, kín đáo, nhà văn Ngô Kính Tử đã bày tỏ thái độ mỉa mai, châm biếm đối với toàn bộ giới trí thức nho sĩ; đả kích, lên án mạnh mẽ hệ thống quan lại và chế độ khoa cử đương thời. Khi trần thuật tác giả nhập

thân vào người kể chuyện không bộc lộ thái độ yêu, ghét, khen chê mà để cho các nhân vật tự trao đổi, tranh luận, đi từ phán đoán đến sự thật, từ sai đến đúng, từ đúng đến sai để cuối cùng nhân vật tự bộc lộ bản chất và tính cách của mình. Tiếng cười châm biếm, mỉa mai cũng từ đó mà phát lộ không cần sự tham gia đánh giá, nhận xét của người kể chuyện. Có thể thấy sự khách quan, lạnh lùng đến vô âm sắc của người trần thuật khi ở một tác phẩm châm biếm mà "ý tại ngôn ngoại" lại đạt đến trình độ trác tuyệt đến thế. Ngô Kính Tử đã lấy chế độ khoa cử làm "đột phá khẩu" để châm biếm, đả kích. Đó là một nhận thức đúng, chứng tỏ tác giả đã viết *Chuyện làng nho* bằng tất cả kinh nghiệm cuộc đời và tâm đắc cá nhân" [93; 110]. Chính điều này tạo nên phong cách riêng của nhà văn Ngô Kính Tử, một nhà văn châm biếm xuất sắc trong dòng tiểu thuyết châm biếm, tiểu thuyết có đề tài khoa cử, quan trường.

1.4. Trong sự so sánh, đối chiếu với một số tác gia lớn của nền văn học Việt Nam như Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng… độc giả nhận thấy có sự tương đồng trong tư tưởng của các nhà văn tiến bộ. Mặc dù ra đời từ những năm 40 của thế kỷ 18, sớm hơn các tác phẩm của Ngô Tất Tố, Vũ Trọng Phụng gần hai thế kỷ nhưng *Nho lâm ngoại sử* vẫn luôn giữ được vị trí và vai trò của mình trong dòng tiểu thuyết châm biếm xã hội. Sở dĩ có được điều đó bởi tư tưởng và phong cách của nhà văn Ngô Kính Tử thấm nhuần tư tưởng tiến bộ của của các nhà tư tưởng trước đó, bên cạnh đó là một tâm hồn nhạy cảm, cùng với tài năng sáng tạo của người nghệ sĩ trong việc phát hiện những vấn đề bất cập của đời sống thực tại. Nhà văn đã kịp bừng tỉnh và phát chiếu những tín hiệu tích cực để góp phần thức tỉnh toàn bộ xã hội đang lặn ngụp, thoi thóp trong guồng quay điên đảo của chế độ phong kiến đương thời.

1.5. Việc nghiên cứu nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử sẽ cung cấp cho chúng ta chìa khóa để mở cửa vào văn nghiệp của ông, đồng thời xác định vị trí to lớn của ông trong lịch sử văn học Trung Quốc. Trong bối cảnh tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc tập trung khai thác đề tài lịch

sử, thần tiên, ma mãnh thì *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử đã góp phần đổi mới thể tài tiểu thuyết. Văn học đi sâu hơn vào hiện thực cuộc sống con người trong thời hiện tại; những giá trị tích cực và tiêu cực trong bức tranh bộn bề của đời sống là chất liệu được tác giả khai thác và làm giàu trong sáng tác của mình. Bên cạnh đó, *Nho lâm ngoại sử* cũng đặt nền tảng quan trọng trong việc hình thành cảm hứng châm biếm, phê phán trong tiểu thuyết chương hồi Minh Thanh mà một số tác phẩm sau này đã tiếp nối và thể hiện.

**2. Hướng nghiên cứu tiếp theo của đề tài**

2.1. Nghiên cứu nghệ thuật châm biếm trong *Nho lâm ngoại sử* là đi sâu vào một trong nhiều phương diện nghệ thuật của tác phẩm. Chính vì thế, có thể nghiên cứu sâu hơn hoặc rộng hơn về một vấn đề nghệ thuật của tác phẩm như: các thủ pháp nghệ thuật, điểm nhìn, cách sử dụng ngôn ngữ hoặc các kiểu giọng điệu khác của tác giả thể hiện trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử*.

2.2. Trong công trình này, tác giả luận án đã bước đầu có những so sánh nghệ thuật châm biếm của *Nho lâm ngoại sử* với những tác phẩm có cùng thể loại ở Việt Nam như *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng, *Lều chõng, Việc làng* của Ngô Tất Tố... Đó cũng là một hướng mở để nghiên cứu sâu hơn về phương diện của nghệ thuật châm biếm *Nho lâm ngoại sử* với những tác phẩm khác cùng loại hình ở các nước châu Á: Nhật Bản, Hàn Quốc, Triều Tiên... hay các nước phương Tây: Anh, Pháp, Mĩ, Tây Ban Nha...

# DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Lê Sỹ Điền (2012), *Giọng điệu nghệ thuật trong Nho lâm ngoại sử của Ngô Kính Tử*, Tạp chí Khoa học & Công nghệ Trường Đại học Quảng Bình, số 2, tr.46-56.
2. Lê Sỹ Điền (2016), *Suy nghĩ về tầng lớp thống trị trong tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử của Ngô Kính Tử*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ đô, số 7, tr.12-20.
3. Lê Sỹ Điền (2016), *Nghệ thuật xây dựng tình huống châm biếm trong Nho lâm ngoại sử của Ngô Kính Tử*, Tạp chí khoa học trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, số 45, tr.46-57.
4. Lê Sỹ Điền (2017), *Ngôn ngữ nghệ thuật trong tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử của Ngô Kính Tử*, Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 2, tr.94-102.

# TÀI LIỆU THAM KHẢO

## A. TIẾNG VIỆT


1. Dư Quan Anh, Tiền Chung Thư, Phạm Ninh chủ biên (1997), *Lịch sử văn học Trung Quốc*, tập 2, Lê Huy Tiêu, Lương Duy Thứ, Ngô Hoàng Mai, Nguyễn Trung Hiền, Lê Đức Niệm, Trần Thanh Liêm dịch, NXB Giáo Dục.
2. Đào Duy Anh (2009), *Hán Việt từ điển giản yếu*, NXB Văn hóa - Thông tin.
3. Lại Nguyên Ân, (2003), *150 thuật ngữ văn học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, in lần thứ 2 có sửa đổi bổ sung.
4. Trịnh Ân Ba, Trịnh Thu Lôi (2002), *Văn học Trung Quốc*, NXB Thế Giới, Hà Nội.
5. M.Bakhtin (1992), *Lí luận và thi pháp tiểu thuyết*, Bộ văn hóa thông tin và thể thao, Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
6. Trần Lê Bảo (2012), *Đặc điểm văn hóa Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc số 2, tr.41-50.
7. Trần Lê Bảo (2012), *Giáo trình văn hóa phương Đông*, NXB Đại học Sư phạm.
8. Trần Lê Bảo (2001), *Lỗ Tấn thân thế - sự nghiệp - Những tác phẩm tiêu biểu*, NXB Văn hóa - Thông tin.
9. Tào Tuyết Cần (2002), *Hồng lâu mộng*, tập 1, Vũ Bội Hoàng, Trần Quảng dịch, NXB Văn học.
10. Tào Tuyết Cần (2002), *Hồng lâu mộng*, tập 2, Vũ Bội Hoàng, Trần Quảng dịch, NXB Văn học.
11. Thiều Chửu (2009), *Hán Việt tự điển*, NXB Văn hóa - Thông tin.
12. W. Durant (1990), Lịch sử văn minh Trung Hoa, Nguyễn Hiến Lê dịch, Trung tâm thông tin Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh.
13. Đinh Trí Dũng (1997), *Quan niệm nghệ thuật về con người trong tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng*, Thông báo khoa học, Đại học sư phạm Vinh, số 15, tr.13-16.
14. Đinh Trí Dũng (2004), *Nhân vật trong tiểu thuyết Vũ Trọng Phụng*, NXB Khoa học xã hội và Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây.

15. Đường Đắc Dương (chủ biên), (2003), *Cội nguồn văn hóa Trung Hoa*, NXB hội nhà văn.
16. Lê Văn Dương, Lê Đình Lục, Lê Hồng Văn (1999), *Mĩ học đại cương*, NXB Giáo dục.
17. Trần Xuân Đề (2000), *Lịch sử văn học Trung Quốc*, NXB Giáo dục.
18. Trần Xuân Đề (1998), *Tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc*, NXB Giáo dục.
19. Nguyễn Đăng Điệp (2002), *Giọng điệu thơ trữ tình*, NXB Văn học.
20. Hà Minh Đức (chủ biên) (2003), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục.
21. Lâm Ngữ Đường (2001), *Trung Hoa đất nước con người*, NXB Văn hóa - Thông tin.
22. Hương Giang biên soạn (2005), *Những ứng xử trong xã hội Trung Hoa cổ xưa*, NXB Văn hóa - Thông tin.
23. A.JA Gurevich (1996), *Các phạm trù văn hóa trung cổ*, NXB Giáo dục.
24. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (chủ biên) (2004), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục.
25. W.F. Hegel (1996), Mĩ học, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
26. Vu Ngữ Hòa, Vương Cảnh Trí, Chu Tân (2002), *Khái luận văn hóa truyền thống Trung Quốc*, NXB Đại học Thiên Tân, Trần Phú Huệ Quang dịch.
27. Nguyễn Thái Hoà (2000), *Những vấn đề thi pháp của truyện*, NXB Giáo dục.
28. Chương Bồi Hoàn, Lạc Ngọc Minh, Phạm Công Đạt dịch (2000), *Văn học sử Trung Quốc*, tập 1, NXB Phụ nữ.
29. Chương Bồi Hoàn, Lạc Ngọc Minh, Phạm Công Đạt dịch (2000), *Văn học sử Trung Quốc*, tập 2, NXB Phụ nữ.
30. Chương Bồi Hoàn, Lạc Ngọc Minh, Phạm Công Đạt dịch (2000), *Văn học sử Trung Quốc*, tập 3, NXB Phụ nữ.
31. Trần Kiết Hùng (1996), *Nho lâm ngoại sử - Kiệt tác phẩm về châm biếm*, NXB Đồng Nai.

32. Vương Kiến Huy, Dịch Ngọc Kim (2004), *Tinh hoa tri thức văn hóa Trung Quốc*, NXB Thế giới, Hà Nội.
33. Nguyễn Huy Khánh (1991), *Khảo luận tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa*, NXB Văn học.
34. Đàm Gia Kiện (1993), *Lịch sử văn hóa Trung Quốc*, Trương Chính dịch, NXB Khoa học xã hội Hà Nội.
35. N.I. Konrat (1997), *Phương Đông và phương Tây*, Trịnh Bá Đĩnh dịch, NXB Giáo dục.
36. Kundera, Milan (1998), *Nghệ thuật tiểu thuyết*, Nguyên Ngọc dịch, NXB Đà Nẵng.
37. Phùng Hữu Lan (2006), *Đại cương triết học sử Trung Quốc*, Lê Anh Minh dịch, NXB Khoa học xã hội Hà Nội.
38. Trần Thị Hoa Lê, (2007), *Thơ trào phúng Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX-nửa đầu thế kỷ XX (Diện mạo và đặc điểm)*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội.
39. Nguyễn Hiến Lê (1997), *Đại cương văn học sử Trung Quốc*, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.
40. Bồ Tùng Linh, (2002) *Liêu Trai chí dị*, Dương Lăng biên soạn, NXB Hải Phòng.
41. I.S. Lixêvich (2000), *Tư tưởng văn học cổ Trung Quốc*, Trần Đình Sử dịch, NXB Giáo dục.
42. Phương Lựu (1989), *Tinh hoa lí luận văn học cổ điển Trung Quốc*, NXB Giáo dục.
43. Phương Lựu (chủ biên) (1997), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục.
44. Phương Lựu (chủ biên), (2004), *Lí luận văn học*, NXB Giáo dục.
45. Phương Lựu (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu văn học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
46. Đặng Thai Mai (1994), *Xã hội sử Trung Quốc*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

47. Nguyễn Đăng Mạnh (2002), *Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn* (tái bản lần thứ ba), NXB Giáo dục.

48. W. Scott Morton, C.M.Lewis (2008), *Lịch sử và văn hóa Trung Quốc*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

49. Nguyễn Tôn Nhan sưu tập, biên dịch (1999), *Từ điển văn học cổ điển Trung Quốc*, NXB Văn nghệ, TP Hồ Chí Minh.

50. Nhiều tác giả (1997), *Almanach những nền văn minh thế giới*, NXB Văn hóa - Thông tin.

51. Nhiều tác giả (1999), *Lịch sử văn hóa Trung Quốc*, tập 1, NXB Văn hóa - Thông tin.

52. Nhiều tác giả (1999), *Lịch sử văn hóa Trung Quốc*, tập 2, NXB Văn hóa - Thông tin.

53. Nhiều tác giả (2000), *Khái yếu lịch sử văn học Trung Quốc*, Người dịch Bùi Hữu Hồng, NXB Thế giới, Hà Nội.

54. Nhiều tác giả (1984), *Từ điển văn học*, tập 2, NXB Khoa Học Xã Hội.

55. Nhiều tác giả (1995), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Trung tâm biên soạn *Từ điển Bách Khoa Việt Nam*, Hà Nội.

56. G.N. Pospelop (1998), *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Lê Ngọc Trà dịch, NXB Giáo dục.

57. Trương Quốc Phong (2001), *Tiểu thuyết sử thoại các thời đại Trung Quốc*, Thái Trọng Lai dịch, NXB Văn Nghệ.

58. Hoàng Phê (chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học.

59. Nguyễn Khắc Phi (Chủ biên), Lưu Đức Trung, Trần Lê Bảo (2002), *Lịch sử văn học Trung Quốc*, tập 2, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.

60. Nguyễn Khắc Phi, Trương Chính (1987), *Lịch sử văn học Trung Quốc*, NXB Giáo dục.

61. Nguyễn Khắc Phi, Lương Duy Thứ (1988), *Văn học Trung Quốc*, tập 2, NXB Giáo dục.

62. Nguyễn Khắc Phi (2001), *Mối quan hệ giữa văn học cổ Trung Quốc và văn học Việt Nam qua cái nhìn so sánh*, NXB Giáo dục.

63. Nguyễn Khắc Phi (1998), *Thơ văn cổ Trung Hoa, mảnh đất quen và lạ*, NXB Giáo dục.

64. Vũ Trọng Phụng (2014), *Số đỏ*, NXB Hội Nhà Văn.

65. Đặng Đức Siêu (2005), *Văn hóa Trung Hoa*, NXB Lao Động, Hà Nội.

66. Phùng Quý Sơn (2013), *Loại hình truyện kể qua văn xuôi Việt Nam 1930-1945*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, ĐHSP Hà Nội.

67. Trần Đăng Suyền, Nguyễn Văn Long đồng chủ biên (2008), *Giáo trình văn học Việt Nam hiện đại*, tập 1, NXB ĐHSP, Hà Nội.

68. Trần Đình Sử (1993), *Dẫn luận Giáo trình Thi pháp học*, NXB Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

69. Trần Đình Sử (1993), *Một số vấn đề thi pháp học hiện đại*, Bộ Giáo dục và Đào tạo - Vụ giáo viên, Hà Nội.

70. Trần Đình Sử (1998), *Giáo trình dẫn luận thi pháp học*, NXB Giáo dục.

71. Trần Đình Sử (2014) (Chủ biên), *Tự sự học - Một số vấn đề lí luận và lịch sử* - tập 2, NXB Đại học Sư phạm.

72. Dịch Quân Tả (1992), *Văn học sử Trung Quốc*, Huỳnh Minh Đức dịch và chú giải, NXB Trẻ, TP Hồ Chí Minh.

73. Bùi Thúc Tam (2001), *Văn học trào phúng Nga*, NXB Văn học.

74. Ngô Tất Tố (2016), *Lều chõng*, NXB Văn học.

75. Ngô Tất Tố (2016), *Việc làng*, NXB Văn học.

76. Lê Thời Tân (2004), *Sách lược tự sự màn "Tế đền Thái Bá": Thánh nhân bôn tẩu, sĩ nhân giạt rìa*, Chuyên san Khoa học xã hội và nhân văn - Tạp chí khoa học Đại học Nam Khai, Thiên Tân, Trung Quốc, bản tiếng Việt đăng trên website của Viện Khoa học xã hội Việt Nam: http://en.vienvanhoc.vass.gov.vn/noidung/tintuc/Lists/VanHocNuocNgoai/View_Detail.aspx?ItemID=22

77. Lê Thời Tân (2006), *Nguyên tắc đối đẳng trong kết cấu tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử*, Tạp chí Văn học Nước ngoài, Hội Nhà văn Việt Nam, số 2.

78. Lê Thời Tân (2007), *Cấu trúc thể loại Nho lâm ngoại sử*, Tạp chí khoa học Đại học Vinh, tập XXXVI, số 4B.

79. Lê Thời Tân (2011), *Kẹt giữa Đạo-thống và Thế-quyền – Thân phận của kẻ sỹ (Thức nhận trở lại chủ đề Nho lâm ngoại sử)*, Tạp chí *Văn hóa Nghệ An*, số 200, tr.24-28.

80. Lê Thời Tân (2012), *Dùng Luận ngữ để khái quát bộ ba hình tượng nhân vật trung tâm tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử*, Kỷ yếu hội nghị khoa học, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội.

81. Lê Thời Tân (2013), *Thực chất vẻ đẹp hình tượng nhân vật Vương Miện và tư tưởng hồi truyện mở đầu tiểu thuyết Nho lâm ngoại sử*, Tạp chí khoa học ĐHSP TPHCM số 46.

82. Lê Thời Tân (2013), *Thủ pháp tự sự mới về nhân vật của Nho lâm ngoại sử và việc tái thức nhận chủ đề cuốn tiểu thuyết*, Tạp chí khoa học Văn hoá và Du lịch, số 14.

83. Lê Thời Tân (2014), *"Lộn trái" một hình tượng mở lối mới tìm hiểu tư tưởng chủ đề Nho lâm ngoại sử*, Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, số 01.

84. Lê Thời Tân (2015), *Kẻ sĩ trên cầu khoa cử bắc giữa Đạo Thống và Thế Quyền (Lạm bàn nội hàm văn hóa tiểu thuyết Nho Lâm Ngoại Sử)*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Trường Đại học Đà Nẵng, số 02 (87).

85. Lê Thời Tân (2015), *Suy ngẫm về chế độ khoa cử Trung Hoa nhân đọc Nho lâm ngoại sử*, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Nghiên cứu giáo dục, tập 31, số 3.

86. Lê Thời Tân (2016), *Bần cùng hóa tri thức và tầm thường hóa văn hóa - Tiếp cận chủ đề Nho lâm ngoại sử từ hồi truyện áp chót*, Tạp chí khoa học Đại học sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 5, tr.63-71.

87. Lỗ Tấn (1993), *Trung Quốc tiểu thuyết sử lược*, Lương Duy Tâm - Lương Duy Thứ dịch, NXB TP. Hồ Chí Minh.

88. Lỗ Tấn (1996), *Sơ lược lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*, Lương Duy Tâm dịch, NXB Văn hoá.

89. Lỗ Tấn (1998), *Hán văn học sử cương yếu*, Lương Duy Tâm, Lương Duy Thứ dịch, NXB Văn Nghệ, TP Hồ Chí Minh.

90. Lỗ Tấn (2002), *Lịch sử tiểu thuyết Trung Quốc*, Lương Duy Tâm, Lương Duy Thứ dịch, NXB ĐHQG Hà Nội.

91. Khâu Chấn Thanh (1999), *Lí luận văn học nghệ thuật cổ điển Trung Quốc*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

92. Bùi Việt Thắng (2000), *Truyện ngắn những vấn đề lí thuyết và thực tiễn thể loại*, NXB ĐHQGHN, Hà Nội.

93. Lương Duy Thứ (2000), *Để hiểu 8 bộ tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc*, NXB ĐHQG Hà Nội.

94. Lương Duy Thứ (1997), *Đại cương văn hóa phương Đông*, NXB Giáo dục.

95. Lê Huy Tiêu dịch (1993), *Từ điển thành ngữ điển cố Trung Quốc*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

96. Lê Huy Tiêu (2003), *Xu hướng nghiên cứu văn học cổ điển Trung Quốc ở thế kỷ mới*, Tạp chí nghiên cứu văn học số 10, tr 33-36.

97. Lê Huy Tiêu (2004), *Cảm nhận mới về văn hóa và văn học Trung Quốc*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

98. Ngô Kính Tử (1989), *Chuyện làng nho*, tập 1, Phan Võ - Nhữ Thành dịch, NXB Văn học.

99. Ngô Kính Tử (1989), *Chuyện làng nho*, tập 2, Phan Võ - Nhữ Thành dịch, NXB Văn học.

100. Hoàng Thúc Trâm (1974), *Hán Việt tân từ điển*, Hoa Tiên ấn hành.

101. Nguyễn Quang Trung (2002), *Tiếng cười Vũ Trọng Phụng*, NXB Văn hóa - Thông tin.

**B. TIẾNG TRUNG QUỐC**

102. 黎時賓 (2004),《*儒林外史*》*新詮*, (博士論文導師陳洪教授) 開學文學 院中文繫.

103. 崔晨 (2009),《*儒林外史*》*女性形象研究*, 碩士論文, 新 疆師 大學.

104. 張錦池 (1998), *論吳敬梓心目中的"理想國" - 說《儒林外史》的思 想性質及 其文化沿*,《北方論叢》, 第 04 期.

105. 羅高, *淺談《儒林外史》的 諷 刺 藝 術*, http://wenku.baidu.com/view/56ebe23631126edb6f1a10e2.html

106. 李智耕 (2013),《*儒林外史*》*對士子形象的諷刺探析*, 青年文家, 第 05 期.

107. 章培恆 (1985),《*儒林外史*》*中的道德觀*, 語文導報, 第 07 期.

108. 趙曉紅 (2013), *淺論《儒林外史》的文學藝術特點*,《青年文家》, 第 27 期.

109. 陳延虎 (2009), *論《儒林外史》的諷刺藝術*,《*今日南國*(*理論創新版*), 第 03 期.

110. 朱建華 (2005), *入世與出世:吳敬梓的兩難抉擇 - 論《儒林外史》中仕與隱 的 矛盾*,《哈爾濱學院學報》, 第 01 期.

111. 李華 (2013), *論《儒林外史》的諷刺藝術*,《考試周刊》, 第 49 期, 14-15 頁.

112. 趙愛華 (2006), *論吳敬梓的思想及其對《儒林外史》創作的影響*, 碩士論 文, 河北大學.

113. 喬光輝 (2004),《*儒林外史*》*中王玉輝形 象的生成和接受*,《東南大學學 報 (哲 學社會科學版)》, 05 期.

114. 歐陽健 (1985), 試論《*儒林外史*》"*善善惡惡*"*的整體構*《青海社會科 學》, 第 05 期.

115. 董名傑 (2014), *淺談《儒林外史》的諷刺手法*,《*雜文月刊: 學術版*》, 第 09 期.

116. 王能傑 (2009),《*儒林外史*》*文學語言的運作藝術*, 博士論文, 廈門大學.

117. 李孝金 (2001), *論《儒林外史》的諷刺藝術*,《湖北廣播電視大學學報》, 第 03 期.

118. 朱凱 (2000), *論《儒林外史》的諷刺藝術*,《昌濰師專學報》, 第 04 期.

119. 李麗 (2011), *淺談《儒林外史》的諷刺藝術*, 西江月 中旬, 第 11.

120. 侯寒江, 麥偉良 (主編) (1994),《*漢越詞典*》, 商務印書館.

121. 王錦亮 (2013),《*儒林外史》的諷刺藝術*,成才之路, 第 02 期.

122. 周月亮 (1996), *誤解與反諷:略論《儒林外史》所揭示的文化與現狀的矛盾*,《清華大學學報》第三 期.

123. 陳美林 (1985), *對《儒林外史》思想主題的不衡評價*, 語文導第 07 期

124. 陳美林 (2002), *試論"思想家的小說"的作者吳敬梓的思想*, 東南大學學 報 (哲學社會科學版), 第 06 期.

125. 黃慧玲 (1992), *論《儒林外史》的敘事方式*, 碩士論文, 國文學 研究所.

126. 張海輪, *淺析《儒林外史》的諷刺藝術*. http://www.niubb.net/article/743907-1/1/

127. 林原茂 (1982), *儒林外史的人物刻畫與諷刺手法之研究*, 碩士論文, 東海大學

128. 傅毓民 (2005), 論《*儒 林 外 史》諷 刺 藝 術 的 獨創 性*《陝 西 教育 學 院學 報》, 第 03 期.

129. 夏征农，陈至立 (主编) (2009), *辭典辞海 1*,上海辞书出版社.

130. 梁潤萍 (2011),《*儒林外史》諷刺藝術特色淺析*, 群文天地, 第 02 期.

131. 姚欽 (2009),《*儒林外史》士階層的道德批評*, 碩士論文, 蒙古師範 大學.

132. 李漢秋 (1987), *儒林外史 研究論文集* [C], 北京:中華書局出版社.

133. 康泰權 (1985), *儒林外史的藝術形象與主題思想*, 碩士論文,中國文學研究所.

134. 塗榮 (2006),《*儒林外史》人物形象創作心理研究*, 碩士論文, 福建師範大學.

135. 劉育如 (2009), *儒林外史 禮俗與人物敘寫研究*, 碩士論文, 國立政治大學.

136. 周先慎 (1980), *從《範進中舉》談《儒林外史》的諷刺藝術*, 北京大學學 報 (哲學社會科學版), 第 02 期.

137. 郭艷霞 (2015), *論《儒林外史》的諷刺藝術*,《芒種》, 第 1 期

138. 吳政憲 (1998),《*儒林外史》中科舉製度之研究*, 碩士論文,國 立高雄師 範 大學.

139. 賈永新 (2007),《*儒林外史》的諷刺藝術及其意義*, 文學教育下半月, 第 02 期.

140. 魯迅 (2002),《*中國小說史略*》,百花文藝出版社

141. 張紅燕 (2011), *淺議《儒林外史》的敘述視角*, 青年文學家, 第 21 期.

142. 王海洋 (1999),《*儒林外史》審美創造三層次*, 慶師範學院學報 (社會科 學 版), 第 06 期.

143. 舒坤堯 (2013), *論《儒林外史》的諷刺藝術*,《芒種》第 17 期.

144. 武時穎 (1985), *試論《儒 林 外 史》的 諷 刺 藝 術*,《齊齊 哈 爾 大學學報(哲學社會科學版)》, 第 04 期.

145. 戴明玉 (2007),《*儒林外史》人物形象析論*, 碩士論文, 玄奘大學.

146. 張南章 (2008), *談《儒林外史》的諷刺藝術*, 重慶科技學院學報 (社會科 學 版), 第 04 期.

147. 朱哲 (2012), *論《儒林外史》的語言諷刺藝術*,《青春歲月》, 第 16 期.

148. 劉瑞珠 (2014),《*儒林外史》反映之社會與科考研究*, 碩士論文, 玄奘大學

149. 吳敬梓 (2000),《*儒林外史*》, 新世界出版社出版.

150. 吳敬梓著 (2002), *李漢 秋 輯校《吳敬梓詩文集*》, 人民文學出版 社, 第 77 頁.

**C. TIẾNG ANH**

151. Anderson Marston, *The Scorpion in the Scholar's Cap: Ritual,Memory, and Desire in Rulin waishih* in Cultute&Late in Chinese History Conventions, Accommodations, and Critiques (California: Stanford University Press, 1997), pp.259-267.

152. Bauer, Daniel Joseph, *"Creative Ambiguity: SatiricalPortraiture in the"Ju-lin wai-shin" and 'Tom Jones*", Ph.D.dissertation (University of Wisconsion - Madsion, 1988).

153. Crothers, Dilley Whitney, *"The Ju-lin wai-shih: An Inquiry into the Picaresque in Chinese Fiction*", Ph.D.dissertation (University of Washington,1998).

154. Hsia, C.T., *The Scholars* in The Classical Chinese Novel: A Critical Introduction (NewYork: Columbia University Press, 1968), pp.203-244.

155. Lai Ming , *The Novel of Social Satire: The Scholars* in *A History of Chinese Literature (New* York: Capricon Books, 1966), pp.327-332.

156. Lin, Shuen-fu , *Ritual and Narrative Structuures in Ju-lin wai-shih* in Plaks, Andiew H.ed , Chinese Narrative: Critical and Theoretical Essays (Princeton: Princeton University Press, 1973), pp.244-265.

157. Ropp, Paul Stanely, *Early Ching Society and It's Critics:The life and Tim of Wu Ching-tzu*", Ph.D.dissertation (University of Michigan, 1974).

158. Wells, Henry W., *An Essay on the Ju-lin wai-shih*, A Journal to Comparatine Studies between Chinese and Foreign Literatures, volll (1971), pp.143-152.

159. Yang Liyu, *Classical Chinese Fiction* (A Guide to It's Study and Appreciation Essays and Bibliographies (Boston: GK.Hall Publisher, 1978, pp.85-93)).

# PHỤ LỤC

## Bảng thống kê nhân vật

## trong tiểu thuyết *Nho lâm ngoại sử* của Ngô Kính Tử

| TT | Đối tượng | Tên nhân vật | Số lượng |
|---|---|---|---|
| **1** | **Tầng lớp trí thức nho sĩ** | | **84** |
| **1.1** | Kiểu nhân vật đam mê khoa cử | Chu Tiến, Phạm Tiến, Tuân Mai, Mai Cửu, Cừ Dật Phu, Khuông Siêu Nhân, Mã Thuần Thượng, Cao Hàn Lâm, Lỗ Biên Tu, Lỗ tiểu thư, Vương Ngọc Huy, Đỗ Thận Khanh, Vệ Thế Thiện, Tuỳ Sầm Anh, Ngụy Hiếu Cổ, Vưu Tư Thâm, Chư Tín, Y Chiêu, giám sinh họ Đoan, Tôn Cơ, Ngu Cảm Kỳ, Thẩm Đại Niên, Thang Thực, Thang Do, Anh Nghiêm bạn của Thang Do, Tang Đồ, Đường Tam Đàm, Đường Nhị, Tần Nhị, Trần Tứ, Từ công tử, Công tử thứ 3, công tử thứ 9 của phủ Quốc Công. | 33 |
| **1.2** | Kiểu nhân vật giả danh sĩ, giả tiên nhân, hiệp khách | Cừ Cảnh Ngọc, Ngưu Bố Y, Kim Dược, Quý Vi Tiêu, Quý Thủ bị, Tân Đông Chi, Kim Ngụ Lưu, Quý Điềm Dật, Mục Am, Tiêu Kim Huyễn, Gia Cát Hựu, Vương Lưu Ca em vợ Đỗ Thận Khanh, Lư Hoa Sĩ, Tiêu Bá Tuyền, Dư Hoà Thanh, Kim Đông Nhai, Lâu Bổng, Lâu Toản, Quyền Vật Dụng, Dương Chấp Trung; Cảnh Lan Giang, Triệu Tuyết Trai, Chi Kiếm Phong, Phố Mặc Khanh, Ngưu Phố Lang, Quách Thiết Bút, Lư Tín Hầu, Vương Đức, Vương Nhân, 2 cha con Trang Trạc Giang, Trang Phi Hùng (con Thiệu Quang), Trương Thiết Tý, Tiêu Vân Tiên, hiệp khách họ Phượng, Hồ Tam công tử, Hồ công tử thứ 8. | 37 |
| **1.3** | Kiểu nhân vật kí thác lí tưởng xã hội của tác giả | Vương Miện, Trì Hành Sơn, Đỗ Thiếu Khanh, Trang Thiệu Quang, Ngu Dục Đức, Vũ Thư, Ngu Lương, Thẩm Quỳnh Chi, Dư Hữu Đạt, Dư Hữu Trọng, Vương Thái, Cái Khoan, Quý Hà Niên, Kinh Nguyên. | 14 |
| **2** | **Tầng lớp thống trị** | | **76** |
| 2.1 | Vua chúa | Chu Nguyên Chương, Gia Tĩnh, Ninh Vương | 3 |
| 2.2 | Hệ thống quan lại và lũ thổ hào địa phương thối nát | Vương Huệ, Thời Nhân tri huyện, Nguy Tố, vị quan đi mời Vương Miện làm quan, quan huyện và quan huấn huyện Vẫn Thương, Cụ Bạch (thầy Vương Huệ), Tri huyện Nam Hải, Thang tri huyện, quan án sát, Cừ Thái Thú, tri huyện Đức Thanh, cụ Nguỵ làm Nhai đạo sảnh, cụ Trịnh, Quan huyện nơi Khuông Siêu Nhân ở, quan học đạo, quan phó tri phủ bắt Chi Kiếm Phong, Phùng Trác Am, Đổng tri huyện, Hướng tri huyện, quan án sát | 73 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | họ Thôi, Phó tri phủ , Nghê Đình Châu, Vương tri huyện, vị quan mang công văn mời Đỗ Thiếu Khanh ra làm quan, Cụ Lý, Quan huyện Đặng, Từ Mục Hiên tuần vũ Chiết Giang, Tôn thủ bị, Tiêu Hạo Hiên, Tổng binh bắt Lư Tín Hầu, Vương thị độc, Vưu Phù Lai, Thiếu Bảo, 2 vị đô đốc, tri huyện Giang Đô, tri huyện Nam Kinh, tri huyện Bành Trạch, tri phủ Lôi Ký, Thang tổng trấn, thư biện phòng binh, Thanh Giang, Đông Nhân, tù trưởng Miêu, Phùng Quân Thụy, Biệt Trang Yến, Tri châu Vô Vi, Lệ tri phủ, Thi ngự sử, Tần Trung Thư, Vạn trung thư, Tri huyện Giang Ninh, Kỳ tri phủ Thai Châu, Miêu đô đốc, ông quan đứng nhìn đánh cờ, Thân Tường Phủ, Cụ Tuân, thôn trưởng Hạ, Cụ Hoàng, Cụ Lý, Cụ Thân, Cụ Cố, Trương Tĩnh Trai, Nghiêm cống sinh, Nghiêm Giám sinh, Thân Văn Khánh (con trai Thân Tường Phủ), ông Phương thứ 6, Cụ Bành thứ 2, 3,5,7, | |
| **3** | **Người dân thường** | Mẹ vương miện, Già Tần, người mặc áo lam, người người có râu, người gầy gò, Tần Tiểu Nhị, mẹ và vợ Phạm Tiến, hàng xóm Phạm Tiến, Hà Mỹ Chi, vợ Hà Mỹ Chi, 8 người bắt thầy Tuệ Mẫn, người ăn trộm gà, người đàn ông Hồi giáo, Vương tiểu nhị, Vương Đại, Hoàng Mộng Thống, Vương thị, Triệu thị, 5 người cháu của Nghiêm giám sinh, Nghiêm Chấn Tiên tộc trưởng, Triệu Lão Nhị, Triệu Lão Hán, con trai Triệu thị, Lai Phú người nhà Triệu thị, người lái thuyền, vợ Nghiêm cống sinh, Mẹ Tuân Mai, Lưu Thị mẹ Cừ Dật Phu, Trâu Tam, Trâu cát Phủ, ông lái thuyền cho 2 công tử họ Lâu, người lấy củi gần nhà Dương Chấp Trung, vợ Dương Chấp Trung, cậu bé bán củ ấu, mẹ Lỗ tiểu thư, Trâu Nhị, Dương Lão Lục, 2 người khách ở Tiêu Sơn, người gánh củi, chủ hiệu sách mời Mã Thuần Thượng, người bị tên sai nhân ném gạch vào đầu, người Mã hỏi đường ở Tây Hồ, người bán sách, người cầm thiếp của Hồ công tử, con trai, con rể và 2 người cháu của Hồng Hám Tiên, lái thuyền của ông Trịnh, người khách trên thuyền cùng cụ Trịnh, bố mẹ Khuông Siêu Nhân, vợ chồng Khuông Đại, chú Ba, thôn trưởng Phan, người đánh nhau với Khuông Đại, chủ lầu Văn Hãn, chủ hiệu ăn (Phan Tam ăn), Thi Mĩ Khanh, vợ cả Khuông Siêu Nhân, Tân tiểu thư (vợ 2 Khuông Siêu Nhân), ông Tiết, Cụ Bốc, cụ Ngưu, Bốc Tín, Bốc Thành, vợ Ngưu Phố, chủ quán (Ngưu Phố hỏi), người hầu bàn, chủ thuyền, 2 người đánh Vương Nghĩa An, người khách đi cùng thuyền, cháu vợ Ngưu Bố Y, vợ Ngưu bố y, vợ 2 Ngưu Phố, người hàng xóm ngưu Phố, người chủ bò kiện hoà thượng, Hồ Lại, Trần An, Nghê Sương Phong, vợ Bão Văn Khanh, vợ Bão Đình Tỷ, vợ 2 Bão Đình Tỷ, vợ Tiền Mặt Rỗ, thầy thuốc chữa bệnh cho vợ Bão Đình Tỷ, Vương Vũ Thu, Trương Quốc Trọng, | **177** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | vợ Đỗ Thiếu Khanh, bà Diêu bán hoa, vợ Trang Thiệu Quang, cụ già cho Trang ngủ nhờ, Cụ Kỳ, vợ Ngu Dục Đức, người cày ruộng, ông Thang (cháu Ngu Dục Đức), Quách Lực, người đi đường (Quách Lực hỏi), thợ săn, 2 vợ chồng Mộc Nại, người đàn bà bán rượu, người vận chuyển, chủ thuyền, Vương Viên bả, người lái thuyền và người coi muối, Triệu Lâm Thư, người nhờ xem phong thủy, ông Diêu thứ 5, Cụ Thành, bà cụ Phương, con gái và con rể Vương Ngọc Huy, vợ Vương Ngọc Huy, cha mẹ chồng con gái Vương Ngọc Huy, con trai bạn Vương Ngọc Huy, Đặng Chất Phu, người lái thuyền đi Tô Châu, bà cụ Đồng, Bố vợ Trần Tư Nguyễn, chủ hiệu thuốc, chủ nhà bạn của Quý Hà Niên, cháu Thi ngự sử, người mặc áo lam, người mặc áo ngọc thạch, ông Mã, ông Biện đánh cờ, người chủ cờ, người nhà Cái Khoan, người láng giềng, Cụ Vu, Kim Hữu Dư, chủ ngôi hàng, 4 người bạn của Kim Hữu Dư, bố vợ Phạm Tiến, Vương Lão Lục, Ngưu Ngọc Phố, Vạn Tuyết Trai, người buôn muối họ Cố, chủ hiệu buôn gạo, Vương Hán Sách, họ Hoàng buôn quần áo, Bão Văn Khanh, Tiền Mặt Rỗ, cụ Hoàng, Bão Đình Tỷ, Kim Thứ Phúc, con rể Quy, anh Dương thợ may, chủ quán trạm Tân Gia, người buôn muối, Tống Vi Phú, Cát Lai Quan, chủ quán Vương Ngọc Huy hỏi thăm, người buôn tơ, Trần Chính Công, Mao Nhị, Trần Hà Tử, | |
| **4** | **Hòa thượng, thầy bói, sai nhân, quản gia, kĩ nữ...** | Sai nhân họ Địch, hòa thượng làng Tiết, 3 người báo tin cho Phạm Tiến thi đỗ, gia nhân nhà Phạm Tiến, thầy lang chữa bệnh cho mẹ Phạm Tiến, Đằng hòa thượng, thầy tăng Tuệ mẫn, 8 thầy tu làm lễ cho mẹ Phạm Tiến, đốc công huyện cao Yếu, đầy tớ của Nghiêm cống sinh, A hoàn nhà Nghiêm giám sinh, vú em của Triệu thị, Tứ Đẩu Tử, Trần Hòa Phủ, người nhà Tuân Mai, TấnTrước, người nhà họ Lưu, người nhà Lâu phủ, quản gia nhà họ Lỗ, Thái Tần, Song Hồng, vú nuôi của Lỗ tiểu thư, Hoạn Thành, sai nhân huyện Ô Trình, 2 tên sai nhân bầy mưu hại Cừ Dật Phu, Hồng Hám Tiên, Hoà thượng trong làng Khuông Siêu Nhân, người báo tin Khuông Siêu Nhân đỗ tú tài, 2 sai nhân ở nha học đạo, người nhà Phan Tam, người nhà Cảnh Lan Giang, người giữ vườn, Phan Tam, Hoàng Cầu, Hách lão nhị, Lý Tứ, sai nhân của cụ Lý, họ Tưởng làm ở nha môn, quản gia của cụ Lý, hoà thượng ở am Cam Lộ, Vương Nghĩa An, đạo sĩ nói chuyện với Ngưu Phố, người hầu bàn, đầy tớ Ngưu Ngọc Phố, đầy tớ của Đồng tri huyện, quản gia của Phùng Trác Am, chuột nhắt, 2 người lính huyện, hoà thượng bán bò, quản gia họ Thiệu, sai nhân của tri huyện Hướng, người giữ cửa nhà tri huyện Hướng, quản gia họ Vương, Tiểu Vương, 2 người thư biện ở phủ An Khánh, sai nhân của Phó tri phủ, người mặc áo đen của Tri phủ Hướng, vợ chồng | **154** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | | Thẩm Thiên Phù, Hà Hoa, Thái Liên, A Tam, Hoà thượng chùa Hưng Giáo, Lai Hà Sĩ, hoà thượng chùa Báo Ân. Thầy Tăng, đạo sĩ chỗ thầy tăng, Long Tam, Vưu và Quách ở nha môn quan phủ, Đổng thư biện, hoà thượng đốt pháo, sai nhân nhà Đỗ Thận Khanh, đạo sĩ ở Quế Hoa Viện, Vương Râu, Cụ Vi, ông Lâu, Gia Tước, Vú già họ Thiệu, cháu ông Lâu, Hoàng Đại, người giữ cổng nhà Đỗ Thiếu Khanh, vị đạo sĩ chỗ Lai Hà Sĩ, sai nhân nhà Đỗ Thiếu Khanh, quản gia họ Nghiêm, Sai nhân nhà Ngu Dục Đức, sai nhân của Vưu Phù Lai, Hoà thượng ở viện Hải Nguyệt Thiền Lâm, hoà thưởng am nhỏ trong thung lũng, sư hung ác Triệu Đại, người nhà Vũ Thư, người nhà Tống Vi Phú, 2 tên sai nhân bắt Thẩm Quỳnh Chi, 2 phụ nữ trên thuyền (Cô Tề, cô Thuận) cùng người đàn ông đội mũ lông chiên (Lý Lão Tứ), Vương Lão Lục, Vưu Râu, thầy thuốc Chu, 2 người lính Miêu, Tang Kỳ, sai nhân huyện Vô Vi, tri huyện Ngũ Hà, Trương Vân Phong (phong thủy), Dư Phu, Dư Ân, người nhà Ngu Lương, người đàn bà bán hoa họ Quyền, người nhà Vương Ngọc Huy, người nhà và quản gia của Cao Hàn Lâm, quản gia của Tần Trung Thư, sai nhân phủ Thai Châu, thư lại họ Tiêu, sai nhân Triệu Thăng và 2 sai nhân khác, 2 vợ chồng lừa người bán tơ, thư lại Triệu Cần, Sính Nương, Kim Tu Nghĩa, Kim Thứ Phúc, Mụ dầu, Trâu Thái Lai, bốn năm chị em hầu gái, người đầy tớ của Trần Tứ, quản gia phủ Quốc Công, sư cô Bản Tuệ, thầy số, Trần Tư Nguyễn, Đinh Ngôn Chí, tên kiếm gái, hòa thượng chùa Thiên Giới, đầy tớ nhà họ Thi. | |
| **Tổng cộng** | | | **491** |